



PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GIỚI PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÒ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 227 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ.T. Saigon 558

PT

PHỔ-THÔNG
XUÂN

== KỶ-HỢI ==



BỘ MỚI ★ SỐ 6

1 - 2 - 1959

24 tháng Chạp, Mậu-Tuất

	Số trang
1.— Xuân Văn-Hóa	Nguyễn-Vỹ 5 — 6
2.— Non nước miền Nam	Thái-văn-Kiểm 7 — 16
3.— Mark Twain	Phạm-công-Thiện 17 — 24
4.— Con Nhện	Nguyễn-trần-Giang 25 — 29
5.— Xuân thanh sắc	Thầm-thệ-Hà 30
6.— Gửi ai	Nhật-Thủy 31
7.— Trong Vườn Thơ Âu-Mỹ	Nguyễn-Vỹ 32 — 36
8.— Hu-la-húp	Cô Bạch-Yến 37 — 39

9.—	Mokusatsu	Song-An Cù-Si	40 — 44
10.—	Tình Xuân trong Thi-ca Bình-dân.	Đặng-văn-Nhâm	45 — 52
11.—	Nghe tù niệm Xuân	Từ-trâm-Lệ	53 — 55
12.—	Lượt lao-dộng	Huỳnh-khắc-Dụng	56 — 60
13.—	Chuyện vui về họ hàng	Trần-quốc-Bảo	61 — 62
14.—	Byron : Cuộc hành trình vào cõi chết	Tạ-Ký	63 — 67
15.—	Họa-sĩ Việt-Nam	Lâm-Điền	68 — 71
16.—	Áo ngọc	Giang-Tuyền	72
17.—	Ngày Xuân bàn chuyện Tam-Quốc	Trần-tướng-Niệm	73 — 78
18.—	Xuân về với Thi-nhân Á-Đông	Phạm-công-Thiện	79 — 93
19.—	Sư Tuệ-Tĩnh, thủy tổ nghề thuốc Nam thuốc Bắc	Hoàng-Lan	94 — 95
20.—	Ông Lương-nhữ-Học đem nghề in vào nước ta đầu tiên	Hoàng-Lan	96 — 97
21.—	Tình Xuân	Nguyễn-thu-Minh	98
22.—	Xuân trong lòng thiếu-nữ.	Cô Bạch-Yến	99—100
23.—	Tôi làm phim	Thái-thức-Điền	101—106
24.—	Trời Xuân vẫn đẹp Nhung à !	Hoàng-Thắng	107—112
25.—	Chuyện vui Lịch-Sử	Nguyễn-trúc-Lâm	113—114
26.—	Mình ơi !	Diệu-Huyền	115—126
27.—	Sang sông	Chí-Lan	127
28.—	Gia-chánh	Bà Thường-Lạc	128—129
29.—	Hồi ký Xuân : Tôi còn nợ Nhất-Linh 5\$,	Nguyễn-Vỹ	130—141
30.—	Xuân Hoang-ou	Nguyễn-Vỹ	142—143
31.—	Ánh đèn	Vi-Huyền-Đắc	144—148
32.—	Hoài hương	Huyền-Trinh	149
33.—	Những người đôi mươi	Nguyễn-thu-Minh	150—152
34.—	Đề kết-luận	Lâm-vị-Thủy	153—156
35.—	Kịch vui	Nguyễn-Vỹ	157—160
36.—	Kiên trinh	Cô V ân-Nga	161—165
37.—	Buồn ơi , Chào mi !	Cô Diệu-Huyền	166—169
38.—	Chuyện vui trẻ em	Cô Bạch-Yến	170—172
39.—	Giấc mộng đêm giao thừa	Cô Bạch-Yến	173—176
40.—	4.000 năm ca-dao	Ba Tèo	177—178
41.—	Sách mới xuất-bản		179—180
42.—	Đáp bạn bốn phương		181—183
43.—	Xin các bạn lưu ý		184

- * Sắp-xếp bài, trình bày bìa và nội-dung, cho màu Cô Diệu-Huyền
 * Tranh vẽ Họa-sĩ Kiên
 * Bìa kèm Nguyễn-Điền
 * Hình bìa : Cô Trang-Thiên-Kim, Nghệ-sĩ Điện-Ảnh, Hiệu Ảnh Đồng-Đa
 66 Nguyễn-Huệ
 * In offset Bìa Đông-Nam-Á

WMPPT
101

X

Xuân Văn Hóa

★ ★ ★ ★ ★ K HÔNG có gì

chóng đời thay bằng chính-trị. Vì chính-trị là người trị người, chứ đâu trị được Trời ! Người trị người cũng chỉ được một thời, đâu trị mãi được muôn đời, muôn thuở ?

Cho nên thấy chính-trị có khi chúng ta tức mà cười, lại có khi buồn mà cười ! Chỉ thật khoan-khoái vui cười khi chúng ta nhìn hoa nở.

Nay chúng ta hân-hoan với đời, đón Xuân của Trời chiếu-ngòi rực-rỡ. Ta càng hân-hoan niềm-nở đón Xuân Văn-Hóa, là Xuân vô giá của Loài người. Bởi Văn-hóa là Xuân vô-tận của Loài người đầy, khờ hạn.

Xuân hát trong lời, Xuân nở trong tiếng cười, Xuân họp-hội trong hơi thở. Văn-Hóa là Xuân của muôn Đời, muôn thuở ! Ai đam, ai chém, ai giết, Văn-Hóa vẫn cứ còn, trường-tồn bất-diệt !

Ta say-sưa từ vạn-kỷ Xuân xưa những tinh-hoa sắc-sở, góp gió muôn phương, ướp trầm muôn hương, nghìn thu vẫn nở !

Xuân đam-ấm, Trí-óc của Người và Chân-lý của Trời càng đơm mầm tươi-thắm, say đắm với muôn Hoa.

Người là Trời. Xuân vạn vật là Xuân trong lòng thế-hệ. Dù phải héo măt những nụ cười, trôi đi những ngấn lệ, nhưng mỗi phút sống là một nguồn ly-biệt mà mỗi Tư-tưởng là một Xuân bất-diệt, còn mãi mãi thơm tươi.

Cho nên mỗi lần Xuân đến, ngào-ngẹt Thơ, hoa, trà, nến, mỗi giòong máu trong tim ta, như mỗi giấc mơ trong tim hoa, đều rạo-rực hương Xuân. Ta quên hết những hận lòng tê-tái, ta khinh hết những thù-thách của thời-cơ, đề ta đón Xuân với niềm vui háng-hái, ta vẫn cười ngạo-nghe với những vinh, nhục, băng-quạ. Chúng ta mừng Xuân, vẫn say-sưa kiếp Người oanh-liệt! Cả một đời ta, như một đời Hoa, vẫn say-sưa mùa Xuân bất-diệt.



Bởi Xuân không phải chỉ một vầng thơ, một cánh bướm, một cánh mơ. Xuân không phải chỉ một hơi men nồng, một nụ men hồng, trên môi chàng, trên môi nàng. Xuân là cả vũ-trụ, là muôn ngàn vũ-trụ cô-động trong một ánh nắng vàng. Xuân đem về cho ta đầy một trời hoa, đầy một lời ca, từ một thời xa thiên-vạn ào..

Bạn xem ! Bao nhiêu Xuân qua, và thế-cuộc đã bao lần điên-đảo ! Vẹn Nước khi sáng khi tối, lòng Người khi tiến khi thoái, bao nhiêu kẻ hồng-hách với chúng ta, đề trên lưng trên cổ chúng ta, rồi cũng bị trôi dạt về bến tha-ma, bởi giòong huyết-sử. Ngự-trị trên Ngai, rền-rang áo-mào cân-đai, một ngôi Thiên-tử đã chắc gì ai ? Người hôm qua không phải người hôm nay, người ngày nay đâu chắc của ngày mai ? Tiếng hoan-hô vang dậy một thời như pháo mùa Xuân dội cùng sông-núi, nhưng cũng một chiều Xuân rêu-bụi sẽ phủ-mà bao nhiêu tên tuổi ! Đề còn lại cái gì ? — Một tiếng cười mỉa-mai, thêm vào chuỗi cười rừng rợn bi-ai trong Thơ-Nhạc của Homère.

Duy có Tư-tưởng loài Người, như Sao trên trời, ngàn năm vẫn nở. Văn-Hóa của Người là Hương của Trời, là Tinh-hoa của muôn đời, muôn thuở.

Phải chăng, hỏi Bạn ? Dù Đất-nước có lẽ còn bao nhiêu biến-ảo, sông-núi tang-thương, thế-tình điên-đảo, kẻ xiềng-xích ra đi, người vênh-vang áo-mào, Bạn và tôi, không cần hẹn một lời, vẫn gặp nhau vui cười trong mùa Xuân huyền-ào, trong mùa Xuân huyền-náo, trong mùa Xuân ngợp Pháo, Thơ, Hoa !





NON NƯỚC MIỀN NAM

THÁI-VĂN-KIỆM

(Tiếp theo Phở-Thông số 5)

THÀNH phố Saigon gồm hai thành-phố riêng biệt, cách nhau 3 dặm. Bingham (Bến Nghé) là sở tại của chính phủ và cùng với thành lũy nằm trên tây ngạn một con sông lớn, còn chính thành phố Saigon thì nằm bên một con sông nhỏ, nó thông tới Pingheh. Saigon là địa điểm chính của thương mại và là nơi trú ngụ của người Trung Hoa cũng như các lái buôn khác, tuy rằng sông của nó nhỏ, chỉ thuyền con mới tới được, còn bao nhiêu thuyền lớn đều phải đậu tại Pingheh ».

Ngoài ra, ông JUWHITE, người Mỹ đầu tiên đặt chân lên Saigon, năm 1819, có tả thành phố này như sau : « Thành phố Saigon xưa kia nhỏ hẹp và nằm trên đầu phía

tây của địa điểm hiện tại. Nó được gọi là Saigon Cổ, ở đây còn những vết tích tối cổ của một nền kiến trúc siêu đẳng. Nhiều con đường được lát gạch đá và bên sông, xây bằng đá gạch, dài tới một dặm theo dọc sông... »

Khu Saigon cao, nằm phía ĐỒN ĐẤT, tức là cái đôn thâu hẹp năm 1836, sau khi Lê-văn-Khôi nổi loạn, chắc đã có người ở từ thời thượng cổ, chứng cứ là những khí giới và đồ dùng bằng đá mài tìm thấy khi đào móng nhà thờ Đức Bà. Khu thấp thường gọi là BẾN NGHÉ, hay BẾN THÀNH.

BẾN THÀNH là cái bến ở gần hào thành GIA-ĐÌNH (Saigon), nguyên trước có cái rạch nối liền hào thành với sông Bến Nghé

và có cái chợ gọi là chợ Bến Thành. Cái rạch về sau lấp đi thành Đại-lộ Nguyễn-Huệ và đến bây giờ còn có câu ca-dao như sau :

*Chợ Bến Thành đèn xanh
đèn đỏ,*

*Anh nhìn cho tỏ thấy rõ đèn
màu ;*

*Lấy em anh đầu kê sang giàu,
Rau dưa mắm muối có nơi
nào hơn em !*

Bến Nghé theo Trịnh-hoài-Đức là cái bến uống nước của trâu con, có một tên rất cũ là KOMPONG KRABEY (bến trâu) đã được Việt hóa. Trịnh-Hoài-Đức dịch là « NGƯU TÂN ». Nhưng ông Đốc-Phủ Trần-quang-Tuất (1765-1825) cho rằng nơi này có lắm con cá sấu (Krapoeu) chúng thường kêu « nghe » nên gọi là Bến Nghé.

Lấy rộng nghĩa ra, Bến Nghé chỉ cái bến sông Saigon có tên là sông Bến Nghé, cũng có tên là Tân Bình Giang hay là Đức Giang lấy nguồn ở Ban Bót (theo Gia-Định Thống Chí). Còn cái rạch Bến Nghé nổi dài bởi kênh TÀU-HỦ (Arroyo Chinois) ngày xưa có tên là sông Bình Dương và chỗ nó chảy ra giáp sông Bến Nghé gọi là VÀM BẾN NGHÉ. Hiểu rộng nghĩa hơn nữa, Bến Nghé tức là Saigon, và từ khi ta nói Đồng-Nai-Bến-Nghé tức là nói đến Nam-phần vậy.

**Bà NGUYỄN-THỊ-CANH
làm cầu THỊ-NGHÉ**

Phía đông Saigon, có một cái kênh gọi là Rạch Thị-Nghé hay là RẠCH BÀ NGHÉ. Bà tên là NGUYỄN-THỊ-CANH, con gái ông Thống-suất NGUYỄN-CỬU-VĂN tức Văn-Trường-Hầu, đẹp duyên với một ông nghè. Để cho chồng bà tiện đường qua rạch hàng ngày vào làm trong thành, bà cho dựng một chiếc cầu mà dân sự có thể dùng được. Để tỏ lòng nhớ ơn một bậc nữ lưu, họ đã gọi cầu ấy là cầu Bà Nghé. Đến khi Tây đến đánh thành Saigon, pháo hạm Avalanche tiến vào rạch này đầu tiên nên họ mới gọi là Arroyo de l'Avalanche. Nhân đây tưởng cũng nên biết rằng Arroyo là tiếng Y-pha-nho được nhập cảng do cuộc viễn chinh 1859 có nhiều lính Y-pha-nho và Ma-Ní tham chiến.

Trên rạch Bến Nghé hồi xưa có nhiều chiếc cầu ván dựng tạm cho người ta qua lại. Chiếc cầu nổi tiếng hơn cả là Cầu Ông Lãnh, được xây nhờ công ông Lãnh binh, thời Tả-Quân Lê-văn-Duyệt. Còn những chiếc cầu khác là Cầu Muối Cầu Khóm (thơm), Cầu Kho và Cầu Hộc (giếng hộc).

Về các công thự Saigon, ta nên nhắc lại rằng :

— CHỢ BẾN THÀNH (mới) xây năm 1914, trùng tu năm 1950.

— NHÀ THỜ khởi công năm 1877, hoàn thành năm 1883.

—SỞ BUU-ĐIỆN và TÒA-
ÁN, cắt năm 1883.

— DINH ĐỘC LẬP (trước
gọi là Dinh Norodom).

Khởi công ngày chủ-nhật 23
tháng 2 năm 1868, với sự tham
dự đông đảo của dân chúng.
Thủy-sư Đê-đốc De La Grandière
với sự hiện diện của kiến trúc sư
Hermitte từ Hồng-Kong tới, đã đặt
viên đá đầu tiên vuông vức mỗi bề
nửa mét, trong đó đựng một hộp
chì chứa những đồng tiền vàng và
bạc dập hình vua Napoléon III.

Đức Giám-mục MICHE, cai
quản địa phận, với một số đông
con chiên, đã ban phép lành và đọc
một diễn văn lời lẽ cao quý đã làm
cử tọa đặc biệt chú ý :

« Khi Hội-Thánh cầu Trời ban
phép lành trên một dinh-thự thời ý
nghĩ của Hội Thánh vượt lên trên
những hình thức vật chất mắt ta
trông thấy. Một lâu đài dù mỹ lệ
đến bậc nào, nếu không ai ở, thì
không khác gì sa mạc, mà
Hội Thánh như các vị đã biết,
không ban phép lành cho nơi sa
mạc.

« Vậy thì chính trên con người,
trên những tạo vật có lý trí, trên
những vị sẽ ở tòa lâu đài này,
chúng tôi sẽ kêu gọi Đấng cầm
quyền phân phối mọi ơn lành ban

phước cho. Một kẻ càng lên cao
hơn người đồng loại, nhất là khi
kẻ ấy được cai trị họ, thì bổn phận
càng nhiều hơn và quan trọng hơn.
Vì được ở trong dinh thự này sẽ
phải chăm lo cho mọi người, cả
những kẻ ở tận biên giới hẻo lánh
nhất của lục tỉnh, vị ấy sẽ đảm
đương trách nhiệm nặng nề về một
công cuộc cai trị rộng rãi và phức
tạp. Chính nơi đây, trong lòng các
hội nghị, sẽ được bàn cãi những
vấn đề sống còn về nhu cầu hay
tương lai của xứ sở. Chính tại nơi
đây sẽ tỏa ra trong khắp xứ một
nền cai trị công minh, quả quyết và
khôn ngoan, đem sự hoạt động và
sự sống tới khắp nơi cùng chốn.

« Nhiệm vụ thật là trọng đại,
tất cả chúng ta cần phải thành tâm
cầu khẩn vị Chúa Tể muôn loài
xin Người ban một cách rộng
rãi sức Mạnh và sự Sáng Suốt cho
những vị sẽ ngự trong tòa nhà
này ».

Công cuộc xây cất trên một
khoảng đất rộng 14 mẫu tây đã
phải dùng tới hai triệu viên gạch,
và cái móng dày tới 3 mét rưỡi
tốn mất 2.436 thước khối đá xanh
Biên-Hòa. Công tác đã hoàn thành,
năm 1875 và người đầu tiên đến
ở trong dinh đó là Thủy-Sư Đê-
Đốc Roze.

Sau 84 năm Pháp thuộc, ngày 7-9-1954 Đại tướng ELY, Cao Ủy Pháp, đã giao trả dinh thự này cho TỔNG-THỐNG NGÔ-ĐÌNH-DIỆM khi đó là Thủ-Tướng Chính-Phủ Việt-Nam.

Tòa ĐỒ SẴNH (1901-1908) trên có một gác chuông, với mặt tiền dài 66 mét, đã do họa sĩ Ruffier trang trí.

VIỆN BẢO-TÀNG QUỐC-GIA xây năm 1927, khánh-thành ngày 1-1-1929, bị vụ nổ nhà thuốc súng làm hư hại ngày 8-3-1946 và được hoàn lại Chính-Phủ Việt ngày 19-9-1951 thu-thập được tới trên 4.000 cổ vật đã kê thành mục-lục và trình-bày trong 14 gian phòng.

VƯỜN CÀM-THẢO (Sở thú) tương tự với rừng Vincennes ở Pháp, được lập năm 1864. Sau khi đã san bằng, việc đưa thú tới nhốt nơi đó hoàn tất năm 1865.

Ngày 28-3-1865 nhà thực vật học Pierre đảm nhiệm việc điều khiển vườn Cầm Thảo Saigon, và ngày nay nhiều giống cây ở xứ ta còn mang tên nhà bác học ấy.

Bắp non mà nướng lửa lò,
Đố ai ve được cô dò Thủ-Thiềm?

Đây đó ta còn gặp một số địa danh nguồn gốc Tây phương như BA-SON (Arsenal) trong có một bến sửa tàu (bassin de radoub) xây bằng xi măng cốt sắt từ năm 1858, và bến tàu nổi được hạ thủy tháng giêng năm 1866. Chữ Ba-Son do chữ «bassin» mà ra.

Vườn BỜ-RÔ (do chữ Jardin des «Beaux Jeux») hay là Vườn Ông Thượng, xưa kia là hoa viên của Tổng-Trấn Lê-văn-Duyệt, nay là vườn Tao-Đàn.

ĐAKAO là biến danh của Đất Hộ (đất của làng).

LĂNG-TÔ là biến danh của Tân-Thuận, tên một làng mà dân Saigon thường đến hóng mát.

Bây giờ chúng ta rời Saigon, xuống dò THỦ-THIÊM qua bên kia sông xem địa phận mà Chính-Phủ đang trù định một chương trình kiến thiết rộng lớn, để biến nơi này thành một khu vực nguy nga tráng lệ.

Con dò Thủ-Thiềm ngày xưa đã hấp dẫn một số đông những chàng trai trẻ :

Bắp non mà nướng lửa lò,
Đố ai ve được cô dò Thủ-Thiềm?

Nhưng một ngày kia chàng trai phải ra đi trong khói lửa chiến tranh, đến khi trở về thì than ôi :

*Ngày đi trăm hoa hẹn hò,
Ngày về vắng bóng con đò Thủ-
Thiêm !*

Từ Thủ-Thiêm chúng ta thẳng
tiến đến một nơi gọi là NHÀ-BÈ
hay là Ngã Ba 'sông Nhà-Bè (Phù
gia tam giang khẩu) nơi mà con sông
Đồng-Nai (cũng có tên là Phước-
Long giang hay là Cam-Thủy).
gặp con sông Saigon (cũng gọi là
Sông Bến Nghé, Tân Bình giang
hay Đạm Thủy). Ngày xưa, ở chỗ
này, ông Thủ Khoa HUỖN có
lập nhà bè để bỏ thí lúa gạo cho
những kẻ lỡ đường và ngày nay
còn vọng lại mấy câu hò tình tứ
của cô lái miền quê :

Nhà Bè nước chảy chia hai

*Ai về Gia Định Đồng Nai
thì về !*

Rời Nhà Bè, chúng ta trở lại
Saigon để đi về miền Bà Chiểu,
một vùng ngoại ô trù mật ở phía
đông thủ đô ; chúng ta phải đi
qua một cái cầu gọi là CẦU BÔNG
vì xưa kia ở gần đó Tả-Quân Lê-
văn-Duyệt có lập vườn hoa rất
ngay ngắn mục.

**GIA-ĐỊNH
THỦ-ĐẦU-MỘT
TÂY-NINH**

BÀ CHIỂU tỉnh lý Gia-Định,
nổi tiếng về làng Tả-Quân Lê-
văn-Duyệt (1764-1832), một vị
nhân được người Việt và người
Tàu tôn thờ như một vị thần thánh.

Theo **TRƯƠNG-VĨNH-KÝ**
thì **BÀ CHIỂU** là một trong 5
bà vợ của ông **LÃNH BÌNH** đã
xây cái cầu Ông **LÃNH**. Theo
phương pháp kinh tế tự túc mà các
cụ ngày xưa thường áp dụng, ông
đã lập ra 5 cái chợ, giao cho mỗi
bà cai quản một cái : **BÀ-RIÀ**
(Phước-Lễ), **BÀ-CHIỂU** (Gia-
Định), **BÀ HOM** (Phước-Lâm),
BÀ QUÊO (phía Quán-Tre) và
Bà Điểm (phía Thuận Kiểu).
Riêng chợ Bà Điểm gần làng Tân-
Thới quê hương của Cụ **ĐỒ-
CHIỂU**, tác giả **Lục-vân-Tiên**, thì
phẩm dầu giềng của đồng bào
Nam-Bộ, là nơi bán trầu ngon có
tiếng ở miền Nam. Món trầu là
đầu câu chuyện, cho nên bao nhiêu
chuyện hay dở gì cũng do miếng
trầu trao cho nhau mà sinh ra cả :

*Trồng trầu trồng lộn dây liềm,
Con theo hát bội mẹ liêu com
hư !*

Từ Bà Chiểu, chúng ta trở lại
Saigon để rẽ về **PHÚ-NHUẬN**,
qua Cầu Kiệu hay là **CẦU XÓM**

KIỆU là nơi xưa kia trồng rất nhiều hành kiêu.

PHÚ-NHUẬN (giàu sang và thuần nhả) là nơi còn nhiều cổ tích như : Lăng Đò -Đốc VÕ-DI-NGUY mất tại cửa bể THỊ NẠI năm 1801, lăng Trương-tấn-Bửu và Lăng Võ-quốc Công tức là Hậu quân Vũ-Tĩnh, nơi đây vua Gia-Long có cho trồng 4 cây thông đưa từ Huế và để tỏ lòng mến tiếc.

Võ-Tánh là một trong Gia-Định tam hùng mà dân chúng nhắc tới trong những điệu hò giao duyên. Theo thường lệ :

— Người con gái lên tiếng trước :

Nghe anh lâu thông lịch sử.

Em xin hỏi thử đất Nam-

Trung :

Hỏi ai Gia-Định tam hùng,

Mà ai trọn nghĩa thủy chung
một lòng ?

— Người con trai liền đáp lại :

Ông Tánh, Ông Nhân cùng

Ông Huỳnh Đức,

Ba Ông hết sức phò nước một
lòng.

Nổi danh Gia-Định tam hùng :

Trọn nghĩa, thủy chung có ông

Võ Tánh,

Tài cao sức mạnh, trọn nghĩa

quyên sinh

Bước lên lầu bát giác thiêu
minh như không !

Về phía TÂN-SƠN-HÒA, có LĂNG CHA CÀ là một cổ tích kiến trúc Việt-Nam xưa nhất ở vùng Saigon. Nơi đây mai táng Đức Giám Mục BẢ-ĐA-LỘC, mất tại cửa Thị-Nại năm 1799.

Rời khỏi ngoại-ô Saigon, chúng ta thuê một chiếc thuyền con về vùng LÁI-THIỆU (tức là ông lái gồm họ Huỳnh đã thiêu nhà vì say rượu) để thăm vườn trái :

Ghe anh nhỏ mũi trắng lường.

Ở trên Gia-Định xuống vườn
thăm em,

Nơi đây quy tụ rất nhiều giống cây có trái ngon đặc biệt như : dâu da (*baccaurea ramifolia* Lour), thơm (*bromelia anana* L.) bòn bon (*Baccaurea sylvestris* Lour), mít tố nữ (*artocarpus integrifolia*), măng cụt (*Mongkut, garcinia mangostana* L.) và nhất là Sầu Riêng (*Durion, Durio Zibethinus Murray*) là giống cây từ Mã-lai đưa vào (Tiếng Mã-lai Dourio là gái).

Cây sầu riêng thân cao lá ít, trái có gai bén nhọn kinh khủng, cho nên trời cho phép nó rụng khi đêm khuya thanh vắng mà thôi ! Đồng bào Nam Bộ liệt nó vào hàng đầu trong các loại trái, vì nó có đủ năm

mùi hương vị đặc biệt như quả lê Trung-Hoa. Những người xa lạ phải chịu nhẫn nại một thời gian mới thông cảm và khi đã thông cảm rồi thì thêm muốn như say mê chỉ trừ anh học trò thì rút :

Có anh thì rút trở về

Bà con đón hỏi nhiều bề khó khăn.

*Sầu riêng anh chẳng buồn ăn,
Bòn bôn tổ nữ anh quăng cùng
đường. !*

Tại vùng Lái-Thieu, có một ngôi nhà thờ cổ kính xây từ thế kỷ XVIII trên một ngọn đồi xinh tươi, chung quanh có nhiều lò gốm lò sành và một trường dạy học cho trẻ em cầm đũa với một phương pháp riêng biệt.

Đến **BÚNG** (bún) chúng ta không quên đi thăm chùa Phước-Long ở vùng An-Sơn, có ông huê thượng thâm nho, thường ra nhiều câu đối bí hiểm cho những khách nhân du :

« **RƯỢU ÁP SANH** (absinthe) say chí tử. »

Có người đã đối lại như sau :

« **BÓNG MĂNG CỤT** (mong-kut) mát nằm dài. »

Trong chùa, ông huê thượng có ghi 2 câu :

— *Cúng bình hoa, tụng pháp
hoa, hoa khai kiến Phật.*

— *Dâng nải quả, tu chánh
quả, quả mãn thông Thần.*

Bây giờ, chúng ta đến **THỦ-DẦU-MỘT**, ngày trước nghe đâu có một cây **DẦU** lông rất lớn, đứng sừng sững **MỘT** mình ở đầu tỉnh lỵ **BÌNH-DƯƠNG**. Gọi vắn tắt là **Thủ**, nơi này sản xuất nhiều mỹ phẩm bằng sơn mài và ngà voi.

Rẽ về phía Tây, chúng ta đến **TÂY-NINH** là đất thánh của đạo giáo **CAO-ĐÀI**. Cách đó 15 cây số, có hòn núi Bà Đen, cao 884 thước, trên triền núi có nhiều động và một cái đền thờ Bà Đen (có lẽ là Uma, nữ dạng của thần Civa), rất linh thiêng, hấp dẫn từ xưa một số đông thiện nam tín nữ. Núi này thường có mây phủ nên có tên là **Vân-sơn**.

Trên đường trở về, chúng ta đến **GÒ-DẦU-HẠ** là cái gò có trồng cây dầu long (*diptérocarpus crispalatus*) bây giờ là trạm kiểm soát quan thuế ; rồi đến **Trảng-Bàng** là cái đồi bàng có trồng bàng (*badamier, Terminalia bellerica P*); tiếp đến là **Củ-Chi**, ngày trước có một cây củ-chi có trái mà thuốc bắc gọi là **Mã tiền** (*vomiquier, Strychnos nux vomica Lin*). Năm 1790, nhà thực vật học **Loureiro**, đã từng giúp việc cho

Vô-Vương, có tìm thấy cây MÃ TIỀN rất nhiều ở vùng lân cận Phan-Thiết. Trước cuộc thế giới chiến tranh lần thứ 2, nước ta đã xuất cảng gần 400 tấn mã tiền sang Trung-Hoa và Nhật-bổn. Ở đây, người ta phân chất thành « strychnine » và « brucine » là hai dược-chất thông dụng nhưng rất độc.

Từ đó chúng ta có thể theo VÀM CỎ ĐÔNG (Vaico Oriental) để về BẾN-LỨC. Vàm (do chữ Miên:Péam=cửa sông, hà khẩu, embouchure) rộng nghĩa là nơi mà một con sông chảy ra một con sông lớn trước khi chảy ra biển. Vàm có lăm cỏ mọc hai bên bờ nên gọi là Vàm Cỏ, danh từ này đã do người Tây phương biến dạng thành Vaico. Còn Bến-Lức là cái bến mọc rất nhiều cỏ lúc (Jussia linifolia), một thứ cỏ trị bệnh kiết lỵ rất hiệu nghiệm. Trong thời kỳ đại chiến thứ hai, quân đội Nhật-bản chiếm đóng Đồng Dương có dùng cỏ này để trị bệnh kiết lỵ.

TÂN-AN . MỸ-THO .
GÒ-CÔNG . BẾN-TRE

Ta tới gần LONG-AN, bên sông Vàm cỏ Tây (Vaico Occiden-

tal), nay đổi là TÂN-AN. Quanh đây có lăng của tướng Nguyễn-huỳnh-Đức, một trong gia đình tam hùng.

MỸ-THO (biên danh của Me-Sa : Bà Tráng) được nhập vào Phan-Trần năm 1731, đổi thành huyện Kiến-An năm 1801, cải thành Trấn Dinh năm 1802 và thành phủ phủ trấn Định-Tường năm 1832 dưới triều vua Minh-Mạng, nay gồm cả GÒ-CÔNG đổi là tỉnh ĐỊNH-TƯỜNG.

Gò-Công, tên chữ là Không-tước-nguyên, nghĩa là cái gò có nhiều con công (cũng như Gò-Đen, Gò-Dầu, Gò-Vấp, v.v....) là quê hương của Vũ-Tính (? — 1801), của Trương-Công-Định, một chiến sĩ kháng Pháp dưới lá cờ Cần-Vương, và của Phạm-đăng-Hưng (1765-1825), một vị công thần triều Nguyễn, thân sinh của bà Từ Dũ, một gương mẫu đức hạnh cho phụ nữ soi chung.

Tại châu thành Gò-Công có đền thờ Vô-quốc-Công mới trùng tu, còn ghi mấy câu đối sau đây :
*Kỳ-lân-các thiên thu danh hồng nhât,
Không-tước-thành vạn cổ nghĩa
tham thiên.*

TÂN-HOÀ huyện bảo dân vạn thắng trấn chí kim lưu chánh khí.

BÌNH-ĐỊNH thành hoàng tiết bác giác lâu tự cổ hiển trung tâm.

Cũng ở tại tỉnh lỵ Gò-Công, chúng ta có thể viếng mộ Trương-công-Định, tức Quân-Định, người đã phục kích Đại úy Barbé, đêm 7-12-1860, tại góc đường Trần-quý-Cáp — Lê-quý-Đôn, Saigon ngày nay, trước mặt chùa Khải-tường (tức pagode Barbé) mà người Pháp đã phá huỷ sau trận phục kích ấy. Chùa Khải-tường xưa kia do vua Minh-Mạng truyền xây năm 1832, để kỷ niệm việc bà Thuận-Thiên, con ông Trần-hưng-Đạt, tham tri bộ Lễ và là vợ hai của vua Gia-Long, đã sinh hạ hoàng tử Đam năm 1791 ở tại nơi này. Ngày nay chùa Khải-tường không còn vết tích gì ở trong vườn Viện-Đại-Học Saigon, ngoại trừ một pho tượng Phật cao 1 th.96, trước kia thờ trong chùa, nay được trưng bày tại Bảo-Tàng-Viện quốc-gia.

Một điều kỳ lạ là tên của Đại úy Barbé lại thấy ghi khắc trên một tấm bia đá lớn có ghi rõ thân thế và sự nghiệp của Phạm-dăng-Hưng, nay còn dựng trong nghĩa địa mã tây Saigon. Nguyên là tấm bia đó từ Huế tải bằng ghe vào Nam, để rồi sẽ đặt tại ngôi mộ của Phạm-dăng-Hưng tại Gò-Công, nhưng đi chưa đến nơi thì đã bị quân Pháp tịch thu, có lẽ họ không hiểu gì cả, nên họ đã khắc thêm tên của Đại Úy Barbé vừa mới bị Trương-công-Định phục kích. Bi văn này do Phan-thanh-Giân, thượng thư bộ Lễ và Trương-quốc-Dụng, Thượng thư

bộ Hình thừa lệnh vua Tự-Đức phụng soạn năm 1858.

Cũng chính ở Gò-Công, tại VÀM LẮNG (cửa biển có bùn trơn láng!) hàng năm có cử hành trọng đại lễ rước cá Ông Voi. Tục lệ này do người Anh-dò-nè-giêng nói chung và người Chăm nói riêng đã truyền lại cho chúng ta, vì việc thờ phụng cá ông chỉ thấy từ Đèo Ngang đến Gò-Công mà thôi.

Rồi chúng ta qua BẾN-TRE, nay cải là TRÚC-GIANG (tỉnh Kiến-Hoà), quê hương của Cụ Phan-thanh-Giân, sứ giả đầu tiên của Việt-Nam sang Tây-phương và là Tổng tài quốc sử quán đã biên soạn pho « Khâm-Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục », và cũng là quê hương của Cụ Trương-vinh-Ký tức Pétrus-Ký nhà bác-học uyên-thâm sở một của nước ta hồi thế kỷ thứ XIX.

Từ Bến-Tre, chúng ta sẽ đi GIONG-TRÔM (còn đất phù sa có trồng cây trôm: Sterculia hypochra L.), MỎ-CÂY (mỏ ông Cai), Trà-Vịnh (Prah Trapang hồ Thánh) cũng gọi là Trà-Vang, nay đổi là Vinh-Bình, Trà-Ôn (Prah On : ông Thánh), Vinh-Long (Rồng vịnh-cửu), Sa-Đéc (Phsar : chợ, dec : sắt), Lái-Vung (Sla : cau ; Kpong Kompong : bến). Vùng này nằm giữa hai chi nhánh lớn của sông Cửu-Long giang là Tiền-giang (fleuve antérieur, Cisbassac) và Hậu-giang (fleuve postérieur, Transbassac) Sông Cửu-Long có tên là

Mekong (do chữ Lào Me : mẹ ; không : sông) có nghĩa là sông mẹ.

Trong vùng này chúng ta nhận thấy rất nhiều địa danh mang chữ **CÁI** hay **CÁI**, như : **Cai-Lậy** (**Cai-Lễ**), **Cai-Thia**, **Cái-Mơn**, **Cái-Vồn**, **CÁI Sán**, **CÁI-Nhum**, **Cái-nữ**, v.v. ... Theo nhà học giả **Vương-hồng-Sến** ngày xưa ở vùng này có những chức quan võ, như **cai-cơ** chỉ huy đồn trại để bình-định những nơi mới khai phá, nên dân chúng ghi nhớ tên các vị ấy, cũng như chữ thủ là chức quan văn, ở miền trên này vậy.

Trong vùng này, cũng có rất nhiều địa danh mang tên **TRÀ**, như : **Trà-Bang**, **Trà-Co**, **Trà-Cú**, **Trà-Cuong**; **Trà-Kha**, **Trà-Khứa**, **Trà-Lồng**, **Trà-Luộc**, **Trà-Lệ**, **Trà-Liên**, **Trà-kiết**, **Trà-Một**, **Trà-mỏi**, **Trà-mơn**, **Trà-men**, **Trà-Mộc**, **Trà-Nho**, **Trà-Nhiên**, **Trà-quít**, **Trà-quói**, v.v. ... Chữ **Trà** đã được giải thích trên kia (**Trà-Ôn**, **Trà-Vang**); chúng tôi không hiểu còn có nghĩa gì nữa chăng ?

Và cũng trong vùng này, một số địa danh mang tên **CĂN** như **Căn-giuộc**, **Căn-Được**, **Căn-giờ**, **Căn-Thơ**, v.v. có lẽ là vết tích một thổ âm **Chân-Lạp** như danh-từ **Kampo** mà ta gọi **Căn-giọt** vậy.

Qua bên kia **Hậu-giang**, chúng ta sẽ đến **BÃI-XÀU** (**Bai Chhau** : com chưa chín), **SÓC-TRĂNG** (**Srock Treang** : xứ lá kê), rồi đến **BẠC-LIÊU** mà chữ nho viết là **Bác-liêu** — chữ này do địa danh cũ là **Po Loenh** (cây đa cao) mà ra.

Người **Triều-Châu** đọc là **Pò Léo**, cho nên có chữ **Chợ Léo**; người **Triều-Châu** ở đây rất đông :

Bạc-liêu nước chảy lờ đờ,

Dưới sông cá chốt trên bờ
Triều-Châu.

Tương truyền rằng ngày xưa ở **Bạc liêu** có một cây đa rất cao thường có chim én đến làm tổ. Nhưng một ngày kia cây đa tàn tạ làm cho én không nơi nương tựa phải bơ vơ riu rít những buổi chiều tà, nên mới có câu hát :

Cây đa cũ con én rủ cây đa
tàn,

Bao nhiêu lá rụng. em thương
chàng bấy nhiêu !

Tên cũ của **Bạc-liêu** là **BA-XUYỀN**, có tiếng trai thanh gái lịch, đa cảm đa tình, nên chỉ có câu hát :

Ba-Xuyên đi dễ khó về.

Trai đi có vợ, gái về có con.

Ngày nay, **SÓC-TRĂNG** và **BẠC-LIÊU** hợp lại thành tỉnh **Ba-Xuyên** tỉnh lỵ đặt tại **Bạc-liêu** đổi tên là **Khánh-Hưng**.

(Còn nữa)

MỘT CHỦ THỢ
NHÀ IN, 12 TUỔI
TRỞ NÊN MỘT ĐẠI
VÂN - HẢO CỦA
THẾ GIỚI



MARK
TWAIN

của

PHẠM-CÔNG-THIỆN

Này ! Lâu quá chúng ta
không biên thư thăm anh
MARK TWAIN đấy...

— Ờ... mà mình đâu biết lão ta
hiện ở đâu mà biên thư bây giờ ?

— Anh sao khéo lo không, biết
hay chả biết có ăn chịu gì đâu,
hãy biên thư đi, nhất-dịnh rồi
thư sẽ đến anh ta mà.

Nói xong, hai ông bạn của
MARK TWAIN lấy giấy ra
viết thư, rồi đề trên phong-bì :
« MARK TWAIN, God Knows

where ! » (MARK TWAIN, dõ
ông Trời biết ông ở đâu !) Ít lâu
sau, họ nhận được một điện-tín
của MARK TWAIN với vài
chữ văn-tắt : « He did » (Ông
Trời đã biết).

Đây là một trong những câu
chuyện ngắn - ngắn về MARK
TWAIN mà tôi được hân-hạnh
nghe một anh bạn người Mỹ kể
lại. Tiều-thoại này đủ cho ta thấy
rõ danh-tiếng lẫy-lừng và cái tính
dĩ - dõm, hoạt - kê của MARK
TWAIN.

Đời ông rất những cuộc phiêu-lưu mê lòng hơn cả những quyển sách ông viết.

Tên thực của ông là SAMUEL LANGHORNE CLEMENS. Bút-hiệu MARK TWAIN là một tiếng kêu mà thời đó người ta thường nghe ở trên sông Mississippi, có nghĩa là "Mark Two" (hai sải bề sâu !) (1).

Ngày nay, ở thế-giới, người ta thường ít biết tên thật ông hơn là bút-hiệu MARK TWAIN.

Ông để lại trên hai mươi cuốn sách, trong đó có hai cuốn : *Huckleberry Finn* và *The Adventures of Tom Sawyer*, hai danh-phẩm đã làm danh-tiếng ông vang lừng khắp năm-châu bốn-bề. Thanh-niên, thiếu-niên nào trên thế-giới mà không mê-mải đọc hai tác-phẩm ấy. Tôi còn nhớ Hồi 14 tuổi, tôi đã bỏ ăn bỏ ngủ để xem những quyển ấy, tôi mê đọc hai

quyển đó còn hơn cả những bộ truyện Tàu diễn-ngĩa như Tây-Du, Phong-Thần hay Bắc-Du Trấn-Vô. Ai mà không nóng ruột muốn biết Huckleberry Finn leo nóc nhà trốn đi với Tom Sawyer thì về sau ra thế nào, Finn mặc áo dài giả con gái xuống thành thì có ai biết hay không, và Tom Sawyer cùng Huckleberry Finn hợp nhau bày mưu định kế để giải-thoát tên nô-lệ da đen Jim khỏi gông cùm thì về sau Jim có được tự-do hay không. MARK TWAIN đã dẫn hàng triệu thanh-thiếu-niên ở thế-giới đi từ cuộc phiêu-lưu này đến cuộc phiêu-lưu khác một cách say sưa khôn tả.



Tổng-thống LINCOLN viết :
" Tất cả câu truyện về thời thơ-ấu của tôi có thể thu gọn lại trong một câu mà các bạn sẽ đọc thấy trong khúc ai-ca của thi-sĩ GRAY : (Đoạn sử ngắn-ngủi và tâm-thường của con nhà nghèo). Thời thơ-ấu của MARK TWAIN cũng có thể thu gọn lại trong câu thơ ấy của THOMAS GRAY như Lincoln vậy : đoạn sử ngắn-ngủi và tâm-thường của con nhà nghèo (*The short and simple annals of the poor*).

MARK TWAIN sinh tại

(1) Trong quyển "Memento d'his-toire des Littératures Anglaises et Américaine", học giả Le brette cho rằng "MARK TWAIN" là tiếng đọc sai của "MARK TWO". Ông lầm chăng ? "TWAIN" đây là tiếng cổ hay thi-vị của "TWO" mà SCOTT đã viết : "to tarry a day or twain" đó sao ? Rồi COWPER cũng có viết : "The bottles twain were shatte'd at a blow" ? Và người Anh cũng có câu thành ngữ "in twain", ví-dụ "to cleave a giant in twain" ?

Floridao Missouri. Khi ông lên 4 tuổi, gia-đình thiên - cư lại Hannibal, một tỉnh-thành nho-nhỏ trầm-lặng như bao tỉnh-thành nho-nhỏ trầm-lặng khác ở nước Mỹ. Chính nơi đây ông đãthâu-thái những kinh-nghiệm « sống » sau này ông dùng lại để viết sách.

Ngay từ lúc nhỏ, ông là một đứa trẻ có tính hay khôi-hài. Một đức tính mà LÂM-NGŨ-ĐUỜNG, triết-gia trứ - danh Trung Quốc, không ngớt ca-ngợi trong vài tác-phẩm triết-học của ông. Nhà học-giả họ Lâm nói rằng nếu người ta gọi năm hay sáu nhà khôi-hài có biệt tài nhất thế-giới — tỷ như BERNARD SHAW ở Ái-nhĩ-lan, ROBERT BENCHLEY ở Mỹ hay CHESFERTON ở Anh — đến dự một hội-nghị quốc-tế, rồi cho họ đặc-quyền hành-động như những ông vua chuyên-chế thì nhất-định đại-chiến thế-giới sẽ không xảy ra ! (1).

Đứckhôi-hài là một trong những yển-tố đã giúp MARK TWAIN đến ngưỡng cửa thành-công sau này.

Hồi nhỏ, ông rất thích sông và ông mộng rằng sau này sẽ làm một người lái tàu. Người sau này là một vĩ-nhân mà hồi còn nhỏ chỉ

mộng có bấy nhiêu ! (2).

MARK TWAIN thích sông tới nỗi ông đã xuất chết đuối đến chín lần trước khi ông được 15 tuổi. Hồi nhỏ, LINCOLN có một lần cũng xuất chết đuối, từ đó ông luôn luôn tới già. Còn MARK TWAIN xuất chết đuối 9 lần mà vẫn mặc-nhiên, thì thực ông có một đầu « sọ gáo » !

Một hôm, vì quá túng bần, ông cụ của MARK TWAIN đi lại một làng kế bên dòng nọ. Khi trở về cụ bị một trận bão tuyết bất chợt, khiến về nhà mang bệnh rồi chết. Năm ấy MARK TWAIN mới 12 tuổi. Ông đành bỏ dở sự học để lo nuôi gia đình. Ông xin vào tập sự trong một nhà in. Tính ra MARK TWAIN được đi học có mấy năm thôi, vậy mà sau này trường Oxford một đại học đường lỵn nhất và danh-tiếng nhất thế giới, đã tặng ông văn-bằng tiến-sĩ văn-chương ! Và những học giả uyên-bác khắp hoàn-cầu đều phục ông sát-sạt. Công việc tập-sự của ông ở nhà in là : lau bàn, quét nhà,

(2) When I was a boy, there was but one permanent ambition among my comrades in our village on the west bank of the Mississippi River. That was to be a steam-boatman... (xin xem chương IX « The Boy's Ambition » trong quyển « LIFE ON THE MISSISSIPPI » của M. TWAIN

(1) *The Importance of Living*, by LIN YUTANG. (Published by the John Day Company).

đốt đèn, xếp báo và mỗi ngày thứ năm, sáng tinh mơ, phải đi bỏ báo cho 100 người mua tháng ở thành-phố. Tuy ông làm việc lúi-húi suốt ngày, tối đến ông đốt nến lên tự học cho đến khi nào cúi là đầu xuống mới thôi.

Hai năm sau, ông thành một ấn-công sổi nghề. Lương lên được ba mỹ-kim rưỡi mỗi tuần.

MARK TWAIN là một anh chàng có tính hiếu-dộng. Năm 17 tuổi, đọc báo thấy ở Nữ-ước có một cuộc triển-lãm quốc-tế, ông liền bỏ việc một mực xuống tàu đi Nữ-ước. Cũng nên nhớ rằng Nữ-ước là một nơi xa-lắc xa-lơ Hannibal chứ đâu có gần-gũi gì, mà trong mình ông chỉ có một dúm tiền thôi, ông cũng dám đi chơi cho thỏa-thuê, thì quả thực ông không phải hạng người có tâm-hồn tầm-thường. Mùa xuân năm sau, ông tới Nữ-ước. Chẳng bao lâu, tiền túi sạch-trụi, chàng ta mới đi lang-bang cả ngày ngoài đường, dạ-dày rỗng không, bước loạng-choạng như gã say rượu, trông chết vì đói rồi, nhưng sau cùng ông tìm được một chỗ lẩn trong một nhà in.

Năm hai mươi tuổi, đọc một tờ báo cáo của một sĩ-quan hải-quân đi thám-hiểm sông Amazone ở Nam-Mỹ, ông đâm si-mê mạo-hiểm và muốn đi xuống miền

Amazone cho thỏa-chí, nhưng khốn nỗi tiền túi chẳng có là bao, ông đành nén lòng ở lại. Chắc ông sợ phải xuýt chết đói như lần mạo-hiểm trước chứ gì? Quả cái dạ-dày thực là một bộ-phận phá đám và đã gây ra biết bao nhiêu chuyện! Một triết-gia trứ-danh bảo rằng chính cái dạ-dày đã gây ảnh-hưởng rất nhiều đến nền văn-minh của toàn-thế-thế-giới. Ông ấy nói: "Tại sao có cuộc cách-mạng Pháp năm 1789. Do Rousseau, Voltaire, Diderot gây ra? Chính là do cái dạ-dày y gây ra."! Nói riêng về anh chàng MARK TWAIN của chúng ta đây, cũng vì cái dạ-dày ác hại đó, chàng đành tiu-nghiu nằm queo ở nhà không dám đi tìm cái "nợ tang-bồng"! Như vậy, MARK TWAIN đã thua LƯƠNG - NGỌC - QUYÊN ở chỗ này rồi. Cũng 19 - 20 tuổi như MARK TWAIN cũng có cái mạo-hiểm như MARK TWAIN, nhưng LƯƠNG - NGỌC - QUYÊN không sợ cái dạ-dày. Nhà liệt-sĩ họ Lương của chúng ta đã một mình một bóng bỏ nước nhà xông-pha sang Nhật cầu học không một đồng xu dính túi!

Một hôm, Mark Twain buồn quá, vì không thỏa được cái chí tang-bồng của mình mới đi thơ-thần lang-thang rữ-rượi quanh thành-

phổ. Bỗng một cơn gió mạnh nổi lên và đánh tạt vào mình ông một mảnh giấy nhỏ. Tò-mò ông cúi xuống lượm. Trời ơi ! sao mà đại phúc kỳ-cục quá, mảnh giấy còn con ấy là tấm giấy bạc 50 mỹ-kim ! Thôi, phen này dạ-dày dừng hồng làm gì được ông nữa ! Bốn năm ngày sau, ông xuống tàu đi Nouvelle-Orléans và định rằng khi đến đó, ông sẽ xuống tàu đi Pará và cửa sông Amazone. Khi đến Nouvelle-Orléans, ông hỏi tàu xuôi Pará thì mới sừng hay rằng không có tàu nào chịu đi đến đó cả nếu không cho biết trước mười hay mười hai năm !

Thế là toang mộng rồi, từ đây, con sông ngênh-ngang Amazone đối với ông chẳng qua là con sông ảo-ảnh ở sa-mạc. Túi ông chỉ còn vồn-vẹn có 10 đồng mỹ-kim, e xuýt chết đói như hồi ở Nữ-ước, ông liền đi tìm việc làm để kiếm tiền. Ông xin tập-sự nghề lái tàu, nghề mà hồi nhỏ ông hằng mơ ước. Năm 23 tuổi, ông thành một hoa-tiểu thiết thọ. Ông mê-mải với nghề cho đến khi xảy ra nạn nội-chiến, ông mới thôi và đi đầu quân, sau xin giải-ngũ, rồi đi đến Nevada và California tìm vàng. Lúc này, ông có nhiều thì-giờ rồi, nên ông viết báo

tiêu khiển. Những bài báo của ông rất được người ta để ý. Sau đến San-Francisco, ông quyết theo luôn nghề làm báo. Kể đó ít lâu, ông đi ngoại-quốc.

Một hôm, trong khi tàu bồng-bênh trên mặt biển, ông làm quen với một anh chàng trai bảnh choẹ 18 tuổi, qua bao lần tâm tình thân mật, Charlie Langdon — tên anh chàng trai ấy — kể tỉ-mỉ cho ông nghe hết chuyện gia-đình. Charlie cũng có nói với ông mình có một người chị độc-dáo đẹp tuyệt trần, tên là Livy. Nói rồi, Charlie lấy hình chị ra cho ông xem. Chao ôi ! Vàng, quả thật đẹp tuyệt trần, mới trông qua hình thôi, MARK TWAIN đã ngây-ngất. Ông cảm thấy mình bắt đầu yêu dẽ-mẽ. Cái con người gì mới đa-tình làm sao !

Khi trở về nước, ông cho xuất-bản quyển "*The Innocents Abroad*" và thành-công lạ-thường. Chỉ trong một tháng, người ta đã bán được mười hai nghìn cuốn ! Nhìn nước người, rồi ngành lại nước mình, chúng ta chỉ cười chớ không nên buồn, ờ... cười cái cười chua-chật.

Sách bán chạy nhất của một nhà văn nổi tiếng nhất ở Việt-Nam, hàng năm cũng gọi là dăm ba nghìn cuốn. Vừa cười chua-chật vừa nhớ lại câu thơ của thi-

ai Nguyễn-Vỹ mà nảo lòng :

Nhà văn An-nam khéo như chó !

Khò hơn chó mới đúng, ông thi-si ạ !

Ít tháng sau, MARK TWAIN đi lấy vợ. Vợ ông chính là cô chị của Charlie. Hai ông bà yêu nhau rất đậm-dà. Sau này bà chết, ông buồn khôn xiết. Người ta thường thấy ông ngồi tư-lự hàng giờ trong bóng tối, nghe những bản nhạc trầm buồn của Beethoven để tưởng nhớ đến bóng dáng dịu-hiền của người vợ đã khuất.



Năm 1910, Mark Twain là đời ém-thắm giữa một buổi chiều xuân tươi đẹp nhất trong năm. Bốn phương trên thế-giới đều khóc ông, họ khóc một người biết làm họ cười, cái cười mà LÂM NGŨ ĐƯỜNG cho rằng GUILLAUME II không có, đến nỗi đã chịu mất cả một đế-quốc !



Trong những tác-phẩm trên của Mark Twain quyền tiếu-thuyết *The Adventures of Tom Sawyer* và *The Adventures of Huckleberry Finn* nổi danh nhất. Nhân vật chính là hai chú bé hóm-hình, láu-lỉnh và ranh-mảnh : TOM SAW-YE R và HUCKLEBERRY

FINN, hiện-thân cho cả một thế-hệ thiếu nhi Mỹ.

Danh của MARK TWAIN sở dĩ còn vang lừng-lấy đến ngày nay phần lớn cũng nhờ hai quyển này.

Chú Tom trong quyển *The Adventures of Tom Sawyer* là một cậu bé sống hết mình với hoa-niên của mình, rất phóng-túng, rất mơ-mộng, rất yêu đời và rất say-mê phiêu-lưu mạo-hiêm, thích làm một tên hải-tặc bênh-bồng trên đại dương bát ngát hay một tướng cướp khét danh xuất quỷ nhập thần hơn là một học-sinh cần-mẫn chăm-chú học tập. Tom Sawyer chính là MARK TWAIN tuổi thiếu thời như một anh chàng Đông trong quyển *Dã-Tràng* của THIẾT CAN vậy. MARK TWAIN rất sành tâm-lý trẻ con, ông phở-diễn rất linh-dộng đến nỗi độc-giả nào cũng vừa đọc vừa mỉm cười, hồi nhớ lại những cái ngộng, cái rờm của buổi thiếu thời mình, mà tiếc nuối quãng thời gian xanh mộng của ngày xưa.

Chẳng những thành-công ở sự mô-tả tâm hồn trẻ thơ, MARK TWAIN còn cho ta thấy sống lại nước Mỹ cồ lỗ của ngày xưa, nước Mỹ của thời niên thiếu của MARK TWAIN, với những tên

vú chiếng giang-hồ, với những
tinh thành nghèo-nàn lác-đắc ở
thung-lũng Missouri và Ohio...
MARK TWAIN đã thành-công
rực-rỡ vì ông viết với những kinh-
nghiệm sinh-dộng của thời thơ-ấu.

★
Trích dịch
MỘT ĐOẠN VĂN
TRONG QUYỀN

Tom !
No answer.
• Tom !
No answer.
• What's gone with that boy, I
wonder ? You, TOM !
No answer.

She looked perplexed for a moment,
and then said, not fiercely, but still loud
enough for the furniture to hear :

• Well, I lay if I get hold of you I'll—

(...) She went to the open door and
stood in it and looked out among the tomato
vines and • jimpson • weeds that consti-
tuted the garden. No Tom. So she lifted
up her voice at an angle calculated for
distance, and shouted :

• Y-o-u-u, TOM !

There was a slight noise behind her
and she turned just in time to seize a
small boy by the slack of his roundabout
and arrest his flight.

• There ! I might' a' thought of that
closet. What you been doing in there ?

• Nothing •

• Nothing ! Look at your hands. And
look at your mouth. What is that truck ?

• I don't know, aunt •

• Well, I know. It's jam — that's
what it is. Forty times I've said if you
didn't let that jam alone I'd skin you.
Hand me that switch •

The switch hovered in the air — the
peril was desperate.

• My ! Look behind you, aunt !

The old lady whirled round and snatched her skirts out of danger. The lad
fled, on the instant, scrambled up the
high board fence, and disappeared over it.

His aunt Polly stood surprised a mo-
ment, and then broke into a gentle
laugh...

★

— Tom ơi !

Không có tiếng trả lời.

— Bớ Tom ơi !

Cũng không có tiếng trả lời.

— Lạ này, không biết thằng quỉ-sú
đầu mắt ? Tom ơi, bớ Tom !

Vẫn không có tiếng trả lời.

Bà cụ có vẻ khó chịu một hồi và bà
gọi lớn lên, không phải vì giận dữ,
song bà muốn cho đồ-đặc đều nghe :

— Chèn ôi ! tao mà túm được mày
thì ...

Bà cụ đi lại đứng trước cửa đang để
ngõ, liếc mắt nhìn chòng-chọc khắp dãy
cà chua và luống cỏ dại trong vườn. Cũng
chẳng thấy bóng dáng thằng Tom. Bà mới
cất cao giọng gọi lớn để thằng bé ở xa
cũng nghe :

— Bớ Tom ơi !

Chợt bà nghe tiếng động nhẹ nhẹ ở
đằng sau, bà liền quay lại thì vừa túm
được vạt áo của thằng bé đang chạy trốn.

— Ô được lắm, con ơi ! Lẽ ra tao
phải lục túm phải. Mày làm cái giống
gì trong đó vậy ?

— Dạ, thưa con đâu có làm gì ạ !

Không à ! Đỡ ăn vụng thành tính, mầy hãy dùm tay mầy, miệng mầy coi. Sao lem-luốc thế ?

— Dạ thưa con không biết, dì ạ !

Được, thế mà tao biết. Mút chứ gì, mầy lại ăn vụng mút. Biết bao lần, tao đã bảo nếu mầy mó vào mút thì sẽ ăn bánh tét cho mà phình bụng. Nhưng mầy có coi tao ra gì. Đưa cái roi mây đây tao!

Bà cu vung roi lên — Thôi, để gì thoát nguy...

— Ủi trời đất quỷ thần ơi ! Dì, dì coi chừng đằng sau kìa, dì!

Bà cu liền quay lưng lại, tay nắm chặt tà váy để đề phòng mọi sự bất-trắc. Thằng bé thừa cơ chạy trốn, leo rào và biến hút dạng.

Dì Polly hoàn-hồn, bật cười khe khẽ...

PHẠM CÔNG-THIỆN

Cô Yoko Asashi rất trẻ và rất đẹp, ở Hokkaido, Nhật-Bồn. Cô yêu ông Baku Ishii một mối tình dắm-thắm say-mê. Một hôm, cô được tin như sét đánh vào tai rằng người yêu bị một tai-nạn bất ngờ làm dui hai con mắt. Nhưng Bác-sĩ nói : « nếu lấy hai con mắt của người lành-mạnh, thay vào đôi mắt của chàng thì chàng sẽ thấy lại được như thường ».

Cô Yoko Asashi liền viết một bức thư rất âu-yếm cảm-dộng gửi cho người yêu, rồi cô quyết-định tự-tử để Bác-sĩ lấy cặp mắt lành-mạnh của cô thay vào cặp mắt dui của chàng.

Nói là làm. Nhưng rủi thay, khi Baku Ishii nhận được thư nàng, không đọc được phải chạy kiếm người bạn đọc lại cho chàng nghe, thì đã trễ rồi. Nàng đã chết mấy tiếng đồng hồ, không còn kịp thì-giờ cho Bác-sĩ mổ đôi mắt đẹp mà nàng đã tặng người yêu độc-nhút.

Baku Ishii khóc than :

— Không sao ! Cặp mắt tôi đã chết, nhưng lòng tôi thấy mãi ánh-sáng thiêng-liêng rực-rỡ của Tình-Yêu Bất-Diệt !

HA-KAI-NIPPON-CUOA-CUOA

Ai cũng biết rằng Gina Lollobrigida rất ghét người ta ca-tụng bộ ngực kết-xù của cô. Vừa rồi, cô đưa đơn kiện một nhà báo Ý vì người này viết bài quá « đề-cao » đôi tuyết-lẽ to lớn xinh-đẹp của cô.

Cô bảo với một người bạn :

— Nhiều người ngốc lạ ! Giá sử một nữ tài-tử có hai cái vú trên lưng, thì chẳng có nhà sản-suất phim ảnh nào dùng cả. Còn hai cái vú mọc trên ngực thì thiên-hạ đua nhau hoan-hô ! Thật là vô-lý !

DU - LỊCH QUANH THẾ GIỚI PHÒNG TÔI

NGUYỄN - TRẦN - GIANG

* CHÚNG TÔI ĐÒI NAM NỮ BÌNH QUYỀN

(Tiếp theo .PT' số 5)

BẦY GIỜ chúng ta nên đến thăm anh Nhện đực một tí.

Thực tội nghiệp ! trong cái xã-hội nhện-nhện kém tiến-bộ này, cái thành-kiến «trọng nữ khinh nam» hầu như đã thành bất-di bất-dịch ! Bất cứ thuộc về tông loại nào Anh nhện đực vẫn là một phái khỏe rất «yếu ớt». Bao nhiêu nỗ lực công trút lên đầu Anh từ bé cho đến lớn. Gặp tôi, các Anh tâm-sự : « Có cái chúng tôi còn cần hơn cả «cơm áo» đó là được nam nữ bình quyền ! Sống như xã-hội loài người các Anh thế mà dễ thờ ơ đấy ! ». «Sao không tranh-dấu ? Phải tranh-dấu chứ ?» Đề trả lời tôi, bao giờ các Anh cũng chỉ nhếch mép cười một cái rất chi là... đắng cay thế-sự nhân-tình rồi đưa hai chân trước lên trời tỏ dấu tuyệt-vọng.

Có lẽ vì thế mà hầu hết nhện đực đều có cuộc sống ăn-dật trong một thứ ống nhỏ như nhà tu kín. Nhưng đến cuối mùa hè thì Anh vờ tỏ ấm Anh sửa soạn đầy đủ lắm. Thoạt trông cũng biết Anh muốn đi xa và rất lâu về. Anh đi đâu đó ? Thưa, Anh đi «thứ thời-vận», hay nói theo giọng nhện nhện : Anh đi xoay ái-tình đấy !
Thanh-niên nam nữ dậy thì nên biết !

Có lẽ một cuốn sách về loại ếch chưa có trong xã-hội nhện nhện nên chuyện tâm-tình của chúng có lắm cái phiền toái ? Đối với nhện đực, một phen đùa với ái-tình cũng vì như đùa với đầu sợi lửa đỏ.

Tất cả mọi việc bắt đầu khi Anh «đánh hơi» được khuê phòng một mỹ nhân nhện. Lập tức Anh nôi kên nôi trống bằng cách đưa

hai chân trước lên dẫm tới bụi vào bức tường kiên-cố (làm bằng tơ và đất như đã nói ở phần trên).

Lối tán-tình ấy là nguy-hiêm ! Còn nguy hiểm hơn việc mấy anh cao-bồi đồ-thành vợ phải nữ đồ đệ Vovinam mà trêu ! Nàng nhện nhện Atypus có thể ngờ là chú ruồi bọ nào đó muốn lộn-xộn và đâm cho mẩy nhát. May sao, ít khi việc lăm lăm thăm-khố đó xảy đến. Có lẽ anh chàng đại gái đã dùng một thứ mật-mã mà chỉ riêng nàng tiên của anh hiểu được. Nhưng chớ hy-vọng rằng nàng sẽ mở cổng đón vào. Anh có đâm cửa hết hơi rồi lẩn quay ra đó cũng kệ xác anh. Sau cùng, không cưỡng nổi sức xô đẩy của ái-tình, anh chàng như điên lên dùng đến cái ngón bạo-động là tông cho sập tường rồi tấn-sồ bước vào. Bạn đoán xem việc gì sắp xảy ra đó ? Đôi khi, nếu anh chàng có bộ mã trông đường được một tí, lại biết xử sự đúng điệu một trang hào-hoa-phong nhã, và nhất là nếu nàng không thiếu lương-thực, tuần trăng mật có cơ kéo dài đến sáu, bảy tháng. Ngược lại nếu nàng đã chán ngấy cái mặt anh sau một thời-gian gần-ngủ thì cuộc tình duyên sẽ rất chỉ là phù-du !

Có khi nhện-nhện cái vừa thoát thấy mặt nhện-nhện đực đã mất

cám-tình ngay. Không có gì lạ : trong trường-hợp đó, nàng đóng sập cái kẻ hở mà anh chàng vừa dùng để xung-phong vào. Số-phận anh chàng như vậy là « rồi ».

Với loại Atypus bao giờ tấn thăm kịch này cũng chấm dứt theo một lối : nhện đực phải trả giá một phút vui bằng cả mạng mình. Mà hỡi ôi ! phải biết bao nhiêu là công của mối hồng xiêu được đâm phân tặc lòng nhi-nữ ghê-gớm đó. Trong việc truyền giống, Tạc-Hóa đã dành riêng cho loài nhện một đặc-biệt không loài nào có. Các tuyến tinh dịch trong thân-thể nhện đực không được nối vào một bộ-phận dẫn truyền nào cả. Ở dưới bụng chỉ có một lỗ nhỏ và tinh dịch sẽ bị vãi ra đất hết nếu không có gì để hứng. Vì thế nhện đực phải dùng tơ đản lấy một cái bát con, cạp-cạp cái bụng mình vào đấy để hứng lấy tinh dịch. Sau đó nhện dùng vòi nhúng ướt dịch đó và chính là nhờ cái vòi này mà anh ta « xâm phạm » đến người ngọc. Như vậy sự truyền giống hoàn-toàn căn-cứ trên phép « thụ-tình nhân-tạo ». Nhưng cũng cần nói thêm là chàng và nàng đều rất là « mê-ly » cũng như trong mọi trường-hợp « gần

gũi" thông thường của các loài khác.

Trước khi ban cho chàng nhận cái ân-huệ cuối cùng ấy, các nàng cũng có nhiều trò tinh quái rất tinh tú ! Đã có bạn tôi được thấy một cô nhận kếch-xù làm bộ muốn lần tránh trước một anh nhận nhỏ véc hơn chàng gấp mấy lần. Nàng đến núp mình sau một chiếc lá, theo kiểu Thúy-Kiều khi gặp Kim-Trọng lần đầu. Nhưng không quên thỉnh-thoảng lại ghéch đầu lên nhìn xem chàng có bị « thu hút » không !

Thường thường, khi nàng đã quyết tâm trao thân gởi phận nhận cái vút bỏ cái trò « em chả ! em chả ! » và dùng hết mọi khoé đề quyến rũ nhận được. Đến đây thì vấn-đề hoàn-toàn phụ-thuộc theo tâm - tính từng « cá - nhân nhèn-nhện » một. Nhiều nàng có lối « phớt » cực hay, nghĩa là việc mình mình lo việc người người lo, mặc kệ anh chàng phải giở làm gì thân-thể mình thì làm. Nhiều nàng thuộc loại khác thì lại say-sưa cho đến nỗi ngã người ra và ngắt đi hàng mấy phút. Cũng còn tùy loại mà « phút giây-ngắt » chỉ kéo dài trong một chốc hay trong mấy giờ liền.

Trong thế-giới loài người của chúng ta, những anh chàng tán gái chuyên-nghiệp vẫn chủ-trương không gì chinh - phục phụ - nữ « khéo » hơn một món quà thật lịch-sự. Đó cũng là ý-kiến của mấy anh nhận được vừa nhóm Pisauva Chàng dùng tờ non gói cẩn-thận một con ruồi rồi dán lên cho « hoàng-hậu của con tim ». Thỉnh-thoảng anh chàng muốn hóm-hỉnh với người đẹp một tí : chàng tặng nàng một chiếc hộp rỗng không hay một ruồi đã bị chàng hút máu rỗng tuếch. Nhưng người đẹp Pisauva không thích được-lối đùa dai đó. Nàng diên tiết lên, lao vào tên đều-giả và thanh-toán ngay.

Vấn-đề thăm-khốc nhất trong ái-tình nhèn-nhện là việc nàng hạ-sát chàng ngay sau phút say-sưa. Đó là một bài toán sanh-tử đối với phái khỏe nhèn-nhện. Có nhiều giống nhện đã tìm được cách giải-quyết một cách rất quý quyết. Loài Xysticus dùng ngón trảo trở như sau : chàng dùng một « tay » âu-yếm quàng chặt lấy người nàng, một tay thì vuốt-ve rất tinh-tú. Và lấy cớ là cho « tiện việc » chàng dùng tờ

buộc dần, buộc dần chân tay nàng. Trong phút yếu đuối nàng đầu ngơ đến mưu sâu ! Mãi đến khi phút vui qua, nàng mới phái phò cả người và đề thoát khỏi những sợi tơ quái-ác đó. Song, vào bọc thầy của Mã Giám Sinh thì phải kè Anh Dvassodeo Lapidus ! Đúng là một tên khát máu trong các phim « đen ». Hắn lại tay bắt cóc phụ-nữ chuyên - môn. Hẳn rình-rập suốt ngày đêm, gặp cơ-hội là thôi ngay một cô nhện vị thành niên rồi mang vào nhốt kín trong một màng lưới. Chờ đến lúc cô nàng đến tuổi làm mẹ được, hắn liền ra tay đập-liếu vui hoa. Tội ác ấy không khi nào bị trừng phạt vì cô nàng có đầu đủ sức đề trị hắn nữa.

Có nhiều loại nhện vẫn giữ được những lẽ thói rất lịch-sự, tuy có hơi nhát nhưng không kém phần khả-ái. Ở các giống nhện nhảy (*araignée-sauteuse*), thanh-niên tán gái bằng cách rỏ tài khiêu-vũ. Anh Saltias (nhện vẩy) thích lối nhảy chậm chậm từng bước, đi theo đường chữ chi, hai chân trước đưa lên khỏi đầu, cái bụng lắc-lư rất có vẻ ong bướm.

Loài Ballus thì bắt chước arh lính thủy say khướt, chân nam đá

chân xiêu vừa đi vừa lắc-lư cái mình.

Nhện *Saitis pulex* công-phu hơn nữa trong nghệ-thuật nhảy ! Nhà Côn trùng học Peckham đã khảo rất kỹ về đời sống của loại này. Ông ta đặt một cô và một cậu *Saitis pulex* vào trong một hộp kính. Ngập ngừng một tí với chàng ta mon-men lại gần người đẹp. Đến cách nàng độ một tấc thì chàng ta dừng lại, tất cả chân trái thu sát vào hông, xoay mình một chút, bò theo một đường bán-nguyệt dài độ năm phân, bắt đầu từ trái qua phải. Rồi một đường bán-nguyệt nữa, lần này từ phải qua trái. Vừa áp-dụng lối chơi kỳ-cục đó chàng vừa xích lại gần nàng. Coi bộ nàng không ưa mấy. Thình lình nàng chồm lên, có vẻ muốn làm dữ. Hồn vía lên mây, anh chàng co dờ chuồn một mạch. Nhưng hóa ra nàng chỉ làm bộ thôi. Trò khiêu-vũ đó cũng không đến đổi xốn mắt lắm. Chờ một lúc, đợi đầu vào đấy, thấy nàng có vẻ chờ đợi, chàng lại tái-diễn trò khi. Nàng yên lặng đứng ngắm. Có khi nàng bắt chàng đi theo những đường bán-nguyệt ấy đến 111 lần ! Thật là một công việc cần nhiều bền chí. Cuối cùng, nhân một lúc đến sát người đẹp,

anh thu hết sức bình-sinh, lao vào nòng, hạ đồn sinh-tử. Hành-dộng quyết-liệt đó làm tê-liệt hết mọi phản-ứng của nòng. Nòng không chống cự nữa, cùng chàng quay cuồng sung-sướng.

Peckham đã quan-sát được một trường-hợp hết sức lạ-lùng, chứng tỏ rằng các kiều-nữ nhèn-nhèn không đến nỗi quá khe-khắc trong lối xử thế như bạn gái chúng ta. Một hôm Peckham đặt trước mặt một cô Saitis pulex một anh nhện có bộ vỏ không hấp-dẫn, «cao ráo và sạch-sẽ» tí nào. Anh chàng thô-kệch không nhấc chân lên lấy

một cái, lại có vẻ nhần-nhó, cúi-kính và đứng sững như trời trồng. Nòng nhện mặt tình xô đây, lôi kéo, vuốt-ve anh chàng cũng chẳng muốn khiêu-vũ. Mãi một lúc lâu, chừng như đã tạm hài-lòng về sự đơn-trốn của nòng anh chàng mới lê vài bước gọi là đề-chiêu ý người đẹp. Nòng Saitis pulex nổi danh là khó tính và có thể từ chối bất cứ một bậc phong-lưu công-tử nào ngỏ ý, đã cảm - động về cử - chỉ đầy thiện-chí ấy và bằng lòng trao thân gửi phận tức thì.

Vào khoảng 1943, Sài-gòn bị máy bay Mỹ dội bom dữ dội. Tất cả các trẻ em được tản cư về quê.

Bữa tối nay, em Huệ sắp sửa đi ngủ thì bà chủ cho ở trọ liền hỏi em :

— Thường thường, trước khi đi ngủ em có đọc kinh cầu nguyện không ?

Huệ trả lời :

— Dạ thưa có chứ !

Bà chủ nói :

— Vậy thì em thấy quí xuống và cầu nguyện đi.

Em Huệ quí xuống và sau khi đọc kinh như thường lệ, em thêm những lời như sau :

— Xin Chúa hãy bảo hộ dùm cho cha mẹ con vì bom thả nhiều quá —
Và con cũng xin Chúa hãy ráng giữ mình cẩn thận vì nếu rui Chúa bị bom, thì chúng con sẽ «ra tro» cả.

HẢI-PHƯƠNG

XUÂN THANH SẮC



Về đây trong xuân ý, Tân-Phi !
Thanh-sắc rờn trong sắc dậy-thì,
Rộn-rã nghe như triều sóng nhạc
Dành xuân trang-điểm cái dung-nghi.



Thành-thót tơ mềm ửng nhạc thương,
Tân-Phi ! gió lẹ nếp môi hường,
Về đây bờ-ngõ trong xanh lá
Trên cánh thơm và giữa vọn hương.



Đẹp quá nàng tiên của cõi đời
Mộng hồng đem rải khắp nơi nơi...
Kẻ trần ngơ-ngác khi trông thấy
Uyên-chuyên mình mai, yều-điều lời.

THÂM-THỆ-HÀ

Gửi Ai



Trời đất cùng chung. Cách hải tần,
Xuân về đưa lại bóng thi-nhân
Khơi nguồn thi hứng, duyên văn-tự.
Thanh-khí nào ai dám ngại ngần.



Gió đón xuân về xuân thấm tươi
Nắng xuân run-rẩy khắp muôn nơi.
Ngồi bên song cửa lòng 'a nghĩ.
Ai đó giờ đây tắm nắng phơi.



Nhẹ bước đi trên bãi cát vàng.
Giữa vùng trời bẽ đất Nha-Trang,
Tóc huyền vương gió, tung theo gió,
Tìm ý-thơ say dệt mộng vàng.



Ánh nước thu hồ gọi vãn-vương,
Đôi hàng mi lệ đầm sâu thương,
Một trời mây nước bao lưu-luyến,
Nhược thủy non Bồng đượm sắc hương



Xao xuyến tìm ai rộn tiếng lòng,
Xa xôi nghe có thấy hay không ?
Đề nguồn thơ ấy hòa lên nhịp.
Hai tiếng tri-âm, một chữ đồng :

thơ
NHẬT-THUY

Vài nụ hoa

☆ NGUYỄN-VỸ

HI-NHÂN có
lẽ là người hiền
dần - bà nhiều
nhất, và yêu

hiều nhất, khổ cũng nhiều nhất.

Yêu, thương, buồn, nhớ, ấy là cả
hình-phạt thiêng-liêng của con
người đa sầu đa mộng. Cho nên
từ xưa đến nay, mùa Xuân và
mùa Thu đã được Thi-sĩ ca-tụng
nhiều hơn hết, bởi vì là những mùa
của Tình-yêu, và của Biệt-ly.

Hoa đào và hoa mai đã nở.
Đêm nay mùa Xuân và Tình-
yêu êm đềm bước vào tim của
Thiếu-nữ. Nàng hồi-hộp mở rộng
cửa lòng, đón hai vị Thần-linh...

Nhưng đây, một cơn mưa Xuân
bồng đội xuống vườn hoa Tương-
tư. Nàng lắng tai nghe. Nhà Thơ
đi lang-thang buồn ai, nhớ ai ?

*A fresh green wave of rain
swept*

*In flossing sun like broken glass.
It threaded slanting through
the thin black bough,*

*I stayed to see it pass.
But very soon I heard a mutter
Along the dusty road afresh.
And when I reached the pond,
the water
Was silver ring in a windy
mesh !*

G. DILLON (Thi-sĩ Mỹ)

Dịch :

Làn mưa xanh mát dội trên
vườn,

Lóng-lảnh tà-huy tan-vỡ
gương.

Buông nhẹ lơ-thơ cảnh âm-
đam,

Ta nhìn lặng-lẽ sọi tơ vương.

Rồi ta nghe thoảng tiếng
mơ say,

Rảo bước lên đường bụi cát
bay !

Trên mặt ao chiều xao-xuyến
gợn,

Mấy vòng bạc dợn gió heo-
may !

Thi-sĩ nhìn mưa Xuân trên
cảnh vườn hoa, chính trong lúc
chàng tưởng nhớ người yêu trẻ
tuổi mà đôi mắt đẹp như nước hồ
gợn sóng chiều Xuân.

NIEBELS CHUTZ (1943),

Thi-sĩ Đức, lại tả một trận mưa
Xuân trên chiến-trường, sau một
cơn mưa đạn, trong lúc chàng nhớ
người yêu buồn-bã trong khuê
phòng :

*Im uferholz, an Bash alleen,
Denk ich an das, waskreig
mir nahm,*

*An wiederkehr, an wiederschen.
Ob wohl bei ench Achon Priih-
ling Ram ?*

(Anh mơ-tưởng, nhìn giòng
nước chảy,

Lúc anh đang vùng-vẫy sa-
trường,

Bao giờ đoàn-tụ quê-hương,
Ở nhà em có đón Xuân mong

chờ ?)

Nữ Thi-sĩ Nga-xô, ACHMA-
TOVA (1946), một đêm Xuân
nghe tiếng thông reo, than-thở một
mình, nhớ người yêu vắng :

*Em mê nghe tiếng thông,
Có phải tiếng chàng không ?*

Xuân ngừng nơi biên-ải.

Xuân vắng chốn cô phòng !

Thì có khác gì nàng chinh-phụ
Việt-Nam nhìn đám ruộng dâu mà
thở giọng lâm-ly, sầu ly-biệt :

*Thấy xanh xanh những mấy
ngàn dâu,*

Ngàn dâu xanh ngắt một màu,

*Lòng chàng, ý thiếp, ai sầu hơn
ai !*

Một thiếu-phụ Mỹ, Đức, Nga,
hay Việt-Nam, một khi thương nhớ
người yêu, đều cảm giác như nhau
cả. Ngày Xuân nghe tiếng thông reo
nhớ chàng, nhìn đám ruộng dâu
nhớ chàng, hay là trông lên đỉnh núi
tuyệt nhớ chàng, đều đau khổ, dù
là giữa mùa Xuân :

*Em nhớ anh trong đêm Xuân
thanh-vắng,*

Nhìn núi cao tuyết trắng phủ
đâu-hiêu !
Núi ơi, tuyết phủ mấy chiều,
Mà sao lạnh buốt tình yêu đêm
trường ?

RICARDA HUCH, 1947
(Nữ Thi-sĩ Đức)

Nữ Thi-sĩ AGNES MIEGEL,
cũng của Đức, 1947, nhớ người
yêu mà thấy trắng đêm Xuân «buồn
và xanh» ;

Ô *Mondlicht traurig und blau !*

Ta đã nghe Thi-sĩ Việt-Nam
than-thở với trăng Xuân trong lao-
tù :

Ôi Trăng xanh, xanh-đờn, và
phẳng-lặng !

Rừng đêm Xuân, ôm nặng
mối u-hoài !

Người đàn-bà đẹp buồn nhớ
ai trong khuê phòng, có khác: chỉ
nhà Thơ trong ngục-thất, trông
thấy vật gì cũng buồn cả, mà có
gì buồn hơn là tình thương nhớ,
lệ tương-tư, sầu ly-biệt ?

Người buồn, cảnh có vui đâu
bao giờ ?

dù cảnh ấy là mùa Xuân tung-
bừng rộn-rịp. Như cô thôn-nữ
Việt-Nam trong lúc Xuân về, mọi
người nô-nức vui Xuân, riêng cô
nhìn bướm bay trên đàn hoa

Xuân, mà than-thở :

Xuân về hoa nở đầy đàn,
Bướm ơi đừng đậu, nhụy tàn,
hết hoa !

Bởi lẽ cô thôn-nữ chỉ thương
nhớ một người thôi, trong khi
người ấy vắng xa, cô tự ví như
cành hoa Xuân nở mà không có
chủ. Cô kêu gọi bướm đừng đậu
trên cành hoa, sợ nhụy hoa tàn,
sợ duyên hoa héo !..

LAMARTINE, Thi-sĩ Pháp,
nhớ cô ELVIRE, buồn cho đến
đói :

Mọi vật đều hoang vắng,
Vì thiếu một bóng Nàng !

(*Un seul être vous manque et
tout est dépeuplé !*)

Bà Bá-tước DE NOAILLES,
Nữ Thi-sĩ Pháp, đêm Xuân nhìn
trời đầy-ngập tình-yêu :

*Par des siècles d'amour, tes
cieux sont habités.
(Vòm trời khuya đầy những
thế-kỷ của Tình yêu !)*

Nữ Thi-sĩ Mỹ, EDNA
MILLAY, cũng đêm Xuân nhớ
người yêu xa vắng, viết mấy vần
thơ gửi chàng :

*And look that stood a moment
in your eyes,*

*The words that lay a moment
on your tongue,
Are one with all that in a
moment dies,
But I Shall find the sullen
rocks and skies
Unchanged from what they were
when I was young*
(Mắt yêu-dương, anh nhìn em
một phút,
(Miệng tình-tứ, anh nói ra đôi
lời,
Chắc gì còn mãi muôn đời,
Như gò đá trọi, như trời Xuân
xanh ?)
Có một lần NIEBELZ CHUTZ,
Thi-sĩ Đức ghi lại một đêm Xuân
nhiều hứa-hẹn :
Tuyết đã rơi nhẹ-nhẹ,
Dưới góc cây âm-thầm
Ngước mi mắt đẹp như hoa
hồng,
Nàng, và Chàng, nhìn lên đón
Xuân.
Đêm và Sao đáp lời,
Trong tiếng gọi của lùm cây.
Chiếc chèo ở trên mặt nước,
Vỗ nhịp-nhàng mê-say,
Bên bức tường đồ vờ,
Cành hoa tím sắp nở,
Nàng và Chàng ngất-ngáy ..
LONGFELLOW, Thi-sĩ Mỹ,
cũng yêu mùa Xuân rực-rỡ :
Came the Spring with all its
splendor,

*All its birds and all its blossoms
All its flowers and leaves and
grasses.*
(Mùa Xuân đến tung-bùng
rực-rỡ,
Kìa muôn ngàn chim, lá, cỏ,
cây, hoa !)
Thi-ĩ ARINO HALZ nhắc lại
một đêm Xuân tình-tự với người
yêu, nơi vắng-về :
Trong vườn hoang, dưới cây
cỏ-thụ,
Nàng ngồi với tôi trên chiếc
ghế cũ.
Tay cầm tay,
Tư-tưởng im-lặng, mê-say,
Đợi chờ Xuân đến đêm nay,
Chưa có một ngôi sao.
Các bụi cây đầy bóng tối lao-
xao.
Bỗng dưng,
Từ một cửa sổ sáng trưng,
Nhẹ-nhẹ, buâng-khuâng,
Trăm-bông, du-dương,
Tiếng đàn ai bay vút lên, như
làn hương.
Lòng tôi bay vút lên, như tờ
vương,
Trong sương...
Nàng ngã vào tôi,
Môi nàng, môi tôi...
Rạo-rực không thôi...

Rồi 6 năm qua, chiến tranh tàn
phá, mùa Xuân lại trở về, gặp lại
Thi-nhân. Chàng tiêu-tụy chếp
vói giồng lệ trên mảnh giấy ứa mờ

*Tiếng đàn đã chết !
Lòng Xuân đã tàn !
Lòng ta đã chết !
Tìm đâu bóng nàng ?
Thôi ! Xuân đi đi !
Vĩnh-biệt chào Xuân !
Lệ Xuân lâm-lý
Năm cỏ xanh rì !
Thôi ! Xuân đi đi !*

Riêng có Nữ Thi sĩ DE NOAIL-
LES đã qua tuổi Xuân rồi, đã nếm
nhiều tân-khổ, nhưng gặp lúc Xuân
về, muốn tặng bạn thanh-niên cả một

vườn hoa-còn đầy nhụy Xuân,
mặc dầu mùi hương chua chất :

*Et je vous laisse, avec son
feuillage et ses roses,
Le chaud jardin verni
Dont je parlais toujours, —
et mon chagrin sans cause,
Qui n'est jamais fini !
(Ta tặng người, vườn hoa thắm
tươi ấm-áp,
Vết lá, hoa, hồng-tía nở liên-
miên.
Và một mối sầu man-mác,
Một mối sầu vô-biên !)*

Nhưng, than ôi ! Vườn hoa
Xuân của Thi-Nhân vẫn chỉ còn là
một vườn hoang-vu, uơ những
mộng tồn, phát-phơ xác bướm !

NGUYỄN-VỸ

Một bác nhà quê gặp một người hàng-xóm làm cặm đi một cách hăng-
hái trên đường đi lên tỉnh. Bác quê hỏi người nọ :

— Này anh đi đâu vậy ?

Người kia trả lời :

— Tôi đi lên tỉnh.

— Năng như vậy mà anh còn phải đi 10 cây số nữa à ?

— Bộ anh không biết hả, tôi đi từ hồi tàn sáng lặn mà.

— Vậy anh lên tỉnh thăm bà con à ?

— Không.

— Vậy chắc anh lên đấy mua đồ ?

— Cũng không nữa.

— Vậy chớ anh lên tỉnh làm gì ?

— Tôi lên tỉnh định coi có gặp ai quen rủ họ về với tôi.

HẢI-PHƯƠNG

Hu-la-húp



ẦY THẮNG

gần đây,
phong trào
nhảy «Hu-
la-húp» tràn
lan mạnh
mẽ từ Mỹ-
Châu sang
Âu - Châu,
rồi đến Á-
Châu. Tuy
trò chơi
không được
thâm - mỹ,
song nó đã
lôi cuốn một
số thanh
thiếu niên
Việt-Nam ở
một vài Đô-
thị.

Đ ứ n g
trước lối
chơi mới-

★ Cô BẠCH-YẾN

mẻ và lối-bịch ấy, các phụ-huynh
học sinh và các bậc lão thành
cảm thấy bần khoản khó chịu
và tự hỏi không biết cái lối

chơi quá
ác kia xuất
xứ từ đâu.
Thật ra
Hoola-Hoop
(đọc theo
tiếng Mỹ là
hu - la-húp)
là một lối
múa của
người Dân
Mọi ở Cù-
lao Hawai
bày ra từ
lâu để làm
trò tiêu
 khiển trong
các cuộc
vui của họ.
Các trẻ
em ở Úc-

Châu thấy thế bắt chước tập hợp từng đoàn chơi như nhảy dây vậy. Một hôm trong tháng 4, 1958, có hai nhà buôn đồ chơi trẻ em người Mỹ Arthur Melin và Richard Knerr đi du-lịch qua Úc-Châu thấy thế lúc trở về California bèn sáng chế ra chiếc vòng bằng nhựa để bán cho trẻ em chơi. Thấy mốt lạ, bọn Cao bồi Mỹ liền đua nhau khai-thác trò chơi rạo-rực ấy để làm trò khiêu-vũ mới. Chiếc vòng Hu-la-húp bắt đầu bán chạy từ đấy. Người ta làm bằng nhựa cho nhẹ nhàng và nhuộm đủ các màu sắc để xoay cho đẹp mắt. Lúc đầu nhà buôn Mỹ sản xuất lối 20.000 cái, vốn chỉ có 5 chiếc mỗi cái, đem bán tại Mỹ một đồng, sau vì bán quá đắt lên giá hai đồng. Hiện nay ở Mỹ có thêm hai hãng sản-xuất Hu-la-húp, ở Chicago và New - York, và có 25 triệu người chơi hu la húp ở Mỹ Thế rồi trò chơi này lan tràn đi rất nhanh chóng sang Anh rồi sang Pháp. Tại đây bọn nhà buôn thuê các thiếu nữ mặc may-dô để đi nhảy hu-la-húp ngay ngoài các đại lộ đông đúc, như Champs-Elysées là một con đường lớn nhất ở trung tâm thành phố Paris, để làm quảng cáo. Người ta gọi các thiếu-nữ ấy là «Hoola-hoop-Sisters». Trừ một thiểu số bọn thanh niên nam nữ lãng mạn là tán thành lối chơi

ấy, còn thì những người khác chỉ tò mò đứng xem chứ không thích cho lắm. Bởi thế nên họ đặt ra một bài hát đề là «Hoopa-Hoola» bằng tiếng Anh để chế nhạo như sau :

*«Oh what fun to see them rock and
to see them sway !
Trying to keep the hoola-hoop from
slipping away !*

Tạm dịch : (Kìa, trông họ kỳ cục
chưa, múa nhảy ông-ò,
Cố giữ cái vòng hoola-hoop ngất nga
ngất-ngheo !)

Mấy người chơi Hu - la-húp
cũng có bài hát riêng của họ :

*Hula, hula, hula, hula
Hula, hula, hula, hula
Hula, hula, hula, hula
Ho-o-pla-hoop !*

Lối chơi này thường người chơi giữ cái vòng lâu được 1 giờ đồng-hồ. Người vô địch giữ lâu nhất được 2 giờ đồng hồ là vũ nữ Pháp Michèle Mercier. Nữ-sĩ Françoise Sagan cũng ưa chơi Hu-la-húp.

Một em bé ở New-York 11 tuổi, vừa được chức vô-dịch hu-la-húp, em đã quay được 18.000 vòng suốt 3 giờ 30 phút.

Vừa rồi đây Ông Giám-Đốc Nha Thanh-Niên Thể-Thao đã tuyên bố cho phép chơi trò chơi ấy và Ông cho rằng nó có tính cách thể dục làm nở nang các bắp thịt Tuy nhiên chúng ta cũng biết rằng hiện nay có nhiều

bác sĩ chứng nhận lối chơi này rất nguy hiểm. Vừa rồi ở Nhứt chánh-phủ đã ra lệnh ngăn cấm không cho các học sinh chơi Hu-la-húp vì có một nữ sinh quá say-mê với lối chơi này mà mang trọng bệnh. Ở Luân-Đôn đã có rất nhiều bệnh nhơn trẻ tuổi vào bệnh viện vì bị đau dữ dội ở cổ, vai và bụng, đó là những nạn nhân đầu tiên của phong trào Hu-la-húp.

Mấy người ham thích lối chơi này vẫn cho rằng chơi Hu-la-húp cốt để cho thân thể nở-nang đẹp-dẽ, và nó là một môn thể-thao, song thử hỏi từ xưa đến nay đã có rất nhiều môn thể-thao hay-ho hữu-ích mà đã có mấy ai luyện tập hằng ngày? Chúng ta thử nhìn một cô gái đang ông ẹo cổ chuyển-vận thân mình cho chiếc vòng khỏi rơi, chúng tôi cảm thấy nó không thắm mỹ một chút nào

cả mà trái lại còn có tính cách khêu gợi sỗ-sàng.

Có lẽ gần đây một số thanh niên nam nữ kia cũng đã nhận thức được lối chơi bất-nhĩ ấy, cho nên phong trào Hu-la-húp trước kia phát khởi mạnh mẽ bao nhiêu, thì, trái lại hôm nay nó đã dần dần lụi tàn trong im lặng . . .

BẠCH-YẾN

★ **Mấy lời thanh-minh**

Tôi có nhận được thơ của một số các bạn hỏi có phải tôi cũng là nữ ca-sĩ và có hình in trên bìa một vài bản nhạc hay không? Xin phúc đáp quý bạn biết rằng tôi không hề có ca hát lần nào cả, và có Bạch-Yến nữ ca-sĩ không phải là tôi. Chẳng qua có sự trùng tên đấy thôi. Vậy xin có mấy lời thanh-minh, và thành thật cảm ơn các bạn.

PHẠM BẠCH-YẾN

Cộng sự viên Tạp-chí

PHỒ-THÔNG

★ **BA THẠNG TEO HỎI CON**

— Trong giờ học con làm gì?

Cu Tèo trả lời:

— Con nghĩ đến giờ về!

— ? ? ?

★ **CHẾT LÝ-TƯỜNG**

Ba ông già bàn với nhau về vấn đề tìm cái chết lý-tưởng:

Ông thứ nhứt, đã 75 tuổi nói:

— Tôi thích được chết trong một tai nạn tàu ngầm.

Ông thứ hai, đã 85 tuổi phát biểu ý kiến:

— Theo tôi, chết trên một phản-lực cơ thì còn gì sung-sướng cho bằng.

Ông thứ ba, đã 95 tuổi, giải thích:

— Còn tôi, tôi thích chết bởi một viên đạn của một người chồng ghen!



TRÊN trái đất có
lắm giống người,
ngôn-ngữ cách-
biệt. Nên trong
các cuộc giao-
dịch bắt-buộc hay ngẫu-
nhiên thường cạy đến
các vị trung-gian mà
chúng ta vẫn gọi là «thông-
ngôn».

Chữ «thông-ngôn» khai-
sinh từ lúc Pháp xâm-
chiếm lần đầu
tiên nước ta.
Thông - ngôn

★ SÔNG-AN : Cư-Sĩ ★

cũng có năm bảy hạng. Hạng học
rộng tài cao thường đi đến mức
của danh-lợi. Cũng có hạng kém
cỏi, lẫn tài và đực lại này-nở
ra rất nhiều, nhất là trong những
lúc giao-thời, sanh yêu ác-quái
reo-rắc bao nhiêu thâm-cảnh
cho dân-chúng hoặc giết-hại bao
nhiều sanh linh ! Sách la-tin có
câu « TRADUTTORE TRADITO-
RE » (Dịch-từ tất phản-từ) lắm
khi sanh-mệnh con người treo

trên đầu lưỡi của các thầy!

Nhưng dù họ có vô-tình
hay hữu-ý, cũng chỉ biến
chừng vài chục con người
ra ma là cùng, chưa bằng
cái anh chàng thông-dịch
nọ đã phiến say một chữ
khiến gần nửa triệu sinh-
linh tan ra mây khói. Câu
chuyện này có thật và đã
xảy ra tại nước Nhật, trong
trận Đại-Chiến vừa qua !

Chính ông
Kazuo Kawai
đã kể lại. Ông
ta lúc đó đang điều - khiển
tờ « THỜI - BÁO », cơ - quan
ngôn-luận của Bộ Ngoại - Giao
Nhật, ảnh-hưởng rộng lớn. Từ
tháng 7 đến tháng 8 năm 1945
ông Kazuo Kawai thường túc-
trực tại bộ ấy, nên ông đã ghi
chép rõ ràng những sự nhận-
xét và những cảnh-tượng bi-đát
trước ngày Nhật đầu-hàng, ông
vẫn nhớ dai-dẳng. Ông đã nói
rõ cho biết vì sao MỘT CHỮ —

ĐỪNG CHỈ MỘT CHỖ — đã làm cho Thế-giới thay hẳn cả bộ mặt !

Mùa Xuân Năm 1945, mùa anh-đào tại nước Nhật, tình - thế bỗng trở nên cực-kỳ nguy-ngập. Đồng-Minh đã tăng-gia các cuộc đánh-phá trực gizo-thông, cầu-cống thiết-lộ trên các lãnh-thô Phù - Tang. Nhiều đô-thị thơ mộng đã biến thành những đống gạch vụn điêu-tàn trong khói lửa. Hàng triệu sinh-linh không cửa không nhà sống vất-vơ vất-vưởng. Sự tiếp-tế và cứu-cấp bị gián-đoạn. Vật-thực khan-hiếm. Hải-quân Nhật lại bị không lực Huê-kỳ tiêu-diệt.

Tuy vậy, quân-đội vẫn cương-quyết tiếp-tục chiến-dấu đến giọt máu cuối cùng. Họ còn hura-hen một trận thư-hùng quyết-định và vinh-quang của Tổ-Quốc sau khi nhất-định thắng-lợi. Đại-Tướng Korechika Anami Cựu Bộ-Trưởng Chiến - Tranh, thề sẽ đánh-đuổi quân-đội Huê-Kỳ ra khỏi Okinawa.

Trong khi đó một nhóm người gồm các nhà ngoại-giao chống lại quyết-định của giới quân-phiệt và dự-đoán nếu quân-đội tiếp-tục chiến - đấu một cách tuyệt-vọng thì tương-lai nước Nhật sẽ vô-cùng bi-đát hơn là đầu-hàng ngay tức-thời. Nhóm này hi-vọng Đồng-Minh sẽ không bắt-buộc một sự đầu-hàng vô-điều-kiện và mở đầu với Liên-Sô — lúc ấy trung-lập - một cu ộc

thương-thuyết bí-mật để mua-chuộc cảm-tình ngỗ-hầu đi đến sự ký-kết một hiệp-định ngưng chiến.

Ngày 3 tháng 6, Cựu Thủ - Tướng Hoki Hirota đến gặp mặt Đại-Sứ-Nga Jacob Malik. Malik tỏ ra một thái-độ dè-dặt đối với các lời đề-nghị của Cựu Thủ-Tướng. Ngày 12-7, Thiên-Hoàng giao-phó cho Hoàng-Thân Kono-ye một sắc-ngữ yêu-cầu ngưng-chiến, và nhiệm-vụ bay qua Moscou vận-động triệt-đề cho hòa - bình. Nhưng Staline và Molotov — lúc ấy Bộ-Trưởng Bộ Ngoại-Giao — cố-ý tránh mặt lấy cớ là bận tổ-chức Hội-Nghị Postdam.

Ngay tại Postdam, Staline có nói sơ qua với Cựu Tổng-Thống Truman rằng Nhật-bản đã bàn tới vấn-đề thương-thuyết ngưng chiến, nhưng ông ta lại thêm rằng ông đã khước-từ vì nghi-ngờ thiện-chí của Nhật-Hoàng.

Bức tối-hậu-thư thảo tại Postdam do ba nước ký tên : Huê-Kỳ, Trung-Hoa Quốc-Gia, và Anh-quốc được công-bố ngày 26-7-1945. Trong đó đề cập đến sự đầu hàng trong danh-dự hay sự tiêu-diệt hoàn-toàn của nước Nhật. Các nhà lãnh-đạo Nhật rất vui mừng khi nhận thấy các điều - kiện của Đồng-Minh không quá khắc-khe như họ đã tưởng. Đồng - Minh cam-đoan

không xâm-xé nước Nhật và để cho nhân-dân Nhật toàn-quyền lựa chọn chính-thể. Lại nữa, ngôi báu của Thiên-Hoàng có lẽ vẫn tồn-tại.

Thiên-Hoàng cho ô. Bộ-Trưởng Ngoại-Giao Shigenori Togo biết ngay là Ngài chấp-thuận các điều kiện của Đồng-minh. Hội-đồng Nội-các liền được triệu-tập để thảo-luận về bức tối-hậu-thơ.

Nhiều tài-liệu Nhật liên-quan đến buổi nhóm họp bí-đất ấy đều chứng tỏ các quyết-định trong ngày 27-7 ấy hoàn-toàn hướng về Hòa-Bình. Bộ-Trưởng Chiến-Tranh Anami và các vị Tướng-lãnh Tham-mưu-Trưởng chống lại các điều-kiện Postdam rất đố-dội, nhưng họ không được ủng-hộ. Tuy-nhiên cũng vẫn còn nhiều nỗi khó-khẩn. Như đối với Liên-Sô mà cuộc thương-thuyết đang bỏ dở thì phải làm sao cho hợp lý? Đề-nghị cuối-cùng mới gởi qua Moscou trước đó có hai ngày? Còn một yếu-tố nữa là từ trước đến giờ, Nhật-bản chỉ nhận biết bản-tuyên-cáo Postdam qua các đài phát-thanh ngoại-quốc. Vì thế Chính-Phủ Nhật không thể căn-cứ vào những tin-tức không mấy chính-thực ấy để hành-động.

Dù sao Chính-Phủ Nhật vẫn chờ đợi đề-trả lời dứt-khoát cho đề-nghị của Đồng-Minh. Thủ-Tướng Kantaro Suzuki thấy cần phải mở một cuộc hội-hợp báo-chí và biết trước sẽ bị chất-vấn về bức tối-hậu-thơ ấy. Nhưng

Nội-Các quyết - định chỉ cho phép Ô. Suzuki trả lời rằng Chính-Phủ chưa quyết-định ra sao cả. Làm như vậy, Nội-Các muốn tỏ cho dân-chúng biết và đoán hiểu kết-quả dĩ-nhiên sẽ ra sao.

Ô. Kawai xác-nhận : Chính-Phủ không có ý định từ-khước những lời đề-nghị của Đồng-Minh,

Ngày 28 - 7 - 1945, trong cuộc hội-hợp báo-chí, Thủ - Tướng Suzuki đã tuyên-bố rằng : «Nội-Các tạm - thời áp - dụng một đường lối gọi là MOKUSATSU.» Chính trong Nhật-ngữ, nghĩa chữ MOKUSATSU rất mơ-hồ. Không có một ngoại-ngữ nào tương-đương để phiên-dịch cho xác nghĩa. Chữ ấy có thể hiểu là: từ khước, cự-tuyệt, hay là chưa quyết định, chưa bình-luận. .

Khốc-hại thay ! các thông-dịch-viên từng-sự tại viện Thông-Tấn-Xã Domei không có cách nào để thấu hiểu ý-tưởng của Ô Suzuki để phiên-dịch cho đúng. Cho nên trong bản thông-tin bằng tiếng Anh, họ đã phạm một lỗi-lầm thảm-khốc, có lẽ vì quá hấp-tấp, vì họ dịch ngay là «từ chối». Từ đài phát-thanh Tokio, các luồng sóng điện-tung ra khắp thế-giới cái tin «từ chối». Đồng-Minh dựa theo tin ấy, cho rằng Nội-Các Suzuki đã quyết-định không đếm-xỉa đến bản Tối-Hậu-Thơ Postdam!

Liên-sau đó tờ Nữ-Uớc Thời-Báo xuất-bản ngày 28-7-1945 đã đăng tải dưới một cái tit lớn

choán hết sáu cột báo : *Hải-quân tấn-công ngay sau khi Tokio từ-khước điều-kiện Hòa-bình.*

Tám giờ sáng, ngày 6.8.1945 dưới một vòm trời xanh lơ không mây, vẫn hai chiếc phi-cơ vẽ ngôi sao trắng lượn trên thành-phố Hiroshima, cách mặt đất chừng 7 000 thước. Lúc 8 g 17 sáng, một tiếng nổ kinh khủng, và ngay sau đó 47 nghìn xác chết nằm la-liệt trên khắp nẻo Cường, 17 nghìn người hóa ra tro bụi, gần 100 nghìn người héo lằn sau mấy tháng cực-bình, 400 nghìn người không nơi nương-tựa. Một kỷ-nguyên mới bắt đầu : Thời-đại Nguyên-Tử.

Cố Tổng-Trưởng Chiến-Tranh Huê-kỳ Henry Stimson đã ghi vào trong 1 bản phúc-trình mới lý-do khiến cho Bộ phải quyết-định sử-dụng Bom Nguyên-tử. Sự phiên-dịch sai chữ MOKU SATSU là nguyên - nhân chính của cuộc biểu-dương nguyên-tử tại Hiroshima. Ông viết rằng : « Ngày 28-7 Thủ-Tướng Nhật-bản Ô. Suzuki từ-khước bức tối-hậu-thư lập tại Postdam. Chiếu-chỉ sự bác bỏ những lời đề-nghị ấy, chúng ta chỉ còn có cách phải chứng tỏ rằng sự hăm-doạ đề-cập trong bức tối-hậu-thư không phải là một biện-pháp hảo-huynh Vi lý-do ấy, bom nguyên-tử là một khi-giới thích-dụng nhất. »

Sau những trái bom nguyên-tử rơi trên các thành-phố

Hiroshima và Nagasaki, quân-đội Liên-Sô tràn qua xâm-chiếm Mãn-Châu. Mười ngày sau khi Nhật đầu hàng họ vẫn xua quân tiến-tới. Bụi chiến-tranh vừa thực-thà rơi xuống hết trên mảnh đất Á-Châu thì địa-vị của Nga-Sô cũng vừa được củng-cố tại Á-Đông.

Nhưng tại sao chính-phủ Nhật không chịu cải-chỉnh sự sai-lầm liên-quan đến chữ Mokusatsumi ? Tại sao không ai làm cách gì để điều-chỉnh một tình-thế thảm khốc như vậy ? Chưa có một câu trả lời dứt-khoát nào để đánh-tan mọi dự-đoán khất-khe.

Quân-đội Nhật vội-vã câu-lưu những kẻ co-ủ-trương Nghị-hòa ! Cho đến các nhân-vật cao-cấp trong Hội-Đồng Chính-phủ cũng nơm-nớp lo sợ bị đảng quân-phiệt cuồng-tin bắt cóc. Phe chủ Hòa hoạt-động bí-mật sau mấy tháng trời nhần-nại mới chiếm được ưu-thế trong Hội-đồng Nội-Các ngày 27-7. Tình-thế nội-bộ rất bấp-bênh. Rất khó mà trấn-áp các sĩ-quan lục và hải-quân quá bồng-bột, quá cương-quyết. Rốt cuộc, Thủ-Tướng Suzuki, có lẽ đã do dãi phát-thanh Domei tung ra một sự thách-đố các cường-quốc Đồng-Minh và làm cho cán cân nghiêng hẳn về phe quân-phiệt. Phe chủ Hòa chỉ còn có cách là im hơi lặng tiếng để duy-tri tánh-mạng.

Ô. Kwai từ-chức Giám-đốc «Thời-Báo» Nhật và qua Huê-kỳ làm giáo-sư khoa Chính-trị Kinh-Tế tại Đại-Học-Đường của tiểu-bang Ohio.

Mới đây ông ta đã nói : « Tại sao người Mỹ không thể phân-biệt thái-độ chính-xác của chính-phủ Nhật đối với bản tuyên-cáo Postdam. Việc đó cũng dễ hiểu, Nhưng lý-do tại sao Nga-sô không chịu thông-trị cho các nước Đồng-Minh Âu-Mỹ rằng nước Nhật sẵn-sàng đầu-hàng, cái đó

là một việc khác.

Một chữ dịch sai có thể đưa thế-giới vào một con đường khác và ảnh hưởng tai-hại ghê-gớm. Chúng ta rung mình khi thấy nhan-nhãn các thầy tự vũ ngực là «thông-ngôn» sau ba tháng học ngoại-ngữ. Mong rằng sự-kIỆN lịch-sử trên đây sẽ làm cho ai đó suy-nghiệm.

SONG-AN CƯ-SĨ

(Tài - liệu của Ô. William Coughlin, cựu thông-tin-viên United Press tại Thái-Bình-Dương).

★ CHẾT CÙNG CHƯA YÊN

Hai vợ chồng Ba-Búa đã sống chung nhau được ba mươi năm, mặc dầu những cuộc cãi-vã và sự bất-hòa xảy ra hằng ngày. Một ngày nọ, chịu không nổi bà vợ khắc-nghịch nữa nên Ba-Búa xin ly-dị. Hai năm sau, Ba-Búa chết. Hay tin, vợ Ba-Búa lại nhà chồng và tìm được trong mình anh một tờ di-chức đề như sau : « Nếu tôi chết, xin ông giám-đốc hãng bảo-kê H.M. giao lại cho vợ tôi số bạc 20.000\$.»

Vợ Ba-Búa mừng quýnh, liền chạy đến một tiệm hòm hỏi mua một chiếc hòm thật tốt và thuê cần những chữ sau đây :

« Ba-Búa thân-yêu, nằm yên nơi chín suối».

Hành-diện bà nói với người bán hòm :

— Tội nghiệp «nhà» — tôi quá ! Tôi làm vậy cho người đừng bị hắt-hủi.

Xong, bà lại sở bảo-kê H. M., trình tờ giấy với ông giám-đốc dặng xin lãnh số tiền nọ. Sau khi xem tờ giấy xuất trình, vị Giám-đốc trả lời :

— Tờ giấy này không hợp lệ vì chồng bà không trả tiền bảo hiêm.

Tức giận quá, vợ Ba-Búa liền đến tiệm bán hòm và bảo người chủ :

— Ông hãy xóa bỏ bốn chữ «Ba Búa Thân-yêu», và đề thêm vào tám bìa những chữ như sau :

«Nằm yên nơi chín suối, đợi đến ngày gặp tôi sẽ biết tay.»

HẢI-PHƯƠNG

THẬT
MỒ
DƯA
HÀNH
CÁU
DỐI
ĐỒ



Bình
Xuân
trong
THI-CA
BÌNH-DÂN

NEU
CAO
PHÁO
ĐỎ
BÁNH
CHUNG
XANH

DÂN Việt-Nam từ ngàn xưa vốn là một giống người rất đa-tinh.

Xứ Việt-Nam là một quốc-gia nông-nghiệp, nên đời sống ở đồng ruộng bao la, sông ngòi xinh đẹp và thiên-nhiên cao rộng đã vun trồng, tưới bón cho cái «*thật xuân*» của người dân quê được nảy nở tốt tươi, dễ dàng.



Thuyết «*Nam nữ hữu biệt, nam nữ thọ thọ bất thân*» của Nho giáo chỉ có ảnh-hưởng một phần nào trong giai-cấp, quý-tộc nho-sĩ, hoặc trong một lớp người «*trưởng-giã học làm sang, hay phú-quí sinh lễ-nghĩa*» ở xã-hội ta mà thôi.

Còn trong dân-gian, không phải là nơi «*Thâm-nghiêm*» lẫm-lẫm công cao tướng nên thuyết ấy, không chỗ sống. Đồng

BẠNG-VĂN-NHÂM

ruộng, ao, nổ, mặt đê, những bụi tre, bụi chuối, những ngọn cau cao ngất-ngheo, và những đêm trăng sáng bạc hòa với tiếng chày giã gạo đều-đều, là cả một thiên nhiên, tức mảnh đất tốt khiến cây hoa «tinh xuân» muôn màu sắc phát-triển dễ-dàng, đầy thi vị.

Tinh xuân giữa trai và gái đã nảy nở trên đất ấy. Chàng gặp nàng, đôi bên biết nhau, cỗi mở cho nhau qua những câu hát, câu hò tình-tứ :

*Trầu này, trầu quế, trầu hầu,
Trầu loan, trầu phượng trầu tôi
lấy mình.*

*Trầu này trầu tỉnh trầu tỉnh,
Trầu nhán trầu nghĩa, trầu mình
lấy ta.*

*Trầu này t m tối hôm qua,
Giấu cha giấu mẹ đem ra cho
chàng.*

*Trầu này không phải trầu
hàng,
Không bùa, không thuốc, sao chàng
không ăn ?*

*Hay là chê khó chê khẫn,
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng
trầu.*

Chàng và nàng còn trao đổi tâm-tình mộc-mạc, chân thành của mình giữa một đêm trăng sáng vắng vặc, trên mặt đê đầu làng, hay ngay trong công việc làm vút-vả hằng ngày :

*Cò kia cắt cỏ một mình.
Cho anh cắt mẩy, chung tình
làm đôi.*

*Cò còn cắt nữa hay thôi,
Cho anh cắt với, làm đôi vợ
chồng.*

Sống giữa lòng thiên - nhiên chàng và nàng hoàn-toàn tự-do tình-tự, không một luật-lệ nào, không một mệnh-iệnh luân-lý nào ngăn cấm được Họ đã trở về thiên-nhiên, sống cái sống đơn giản, thô-sơ đầy tự-do của con người thời thượng-cổ chỉ làm theo tiếng nói thuần-túy của con tim. Con tim của chàng và nàng là những sợi dây đàn luôn luôn căng thẳng, chỉ một cơn gió nhẹ thổi qua cũng đủ phát lên những âm-thanh huyền-diệu.

Mặc dù bị khuôn lễ-giao gò ép, cha mẹ ngăn cấm, chàng và nàng vẫn yêu cách say-sưa, mê đắm.

*Đã yêu nhau tam, tứ núi cũng
trèo, thất bát gian cũng lội,
Tứ cửu, tam thập lục đào cũng
qua.*

*Rồi họ cùng nhau gấn bó :
Đốt ta là nợ là tình,
Là duyên là kiếp đôi mình kết
giao.*

*Em như hoa mạn hoa đào,
Cái gì là ngái tương-giao hỡi
chàng ?*

Yêu đắm-đuối đề rồi dù cho đau khổ ê-chề, dù cho buồn-bã não nùng, dù cho nhớ thương khắc-khoải, hay hoặc dù cho «đá nát vàng phai», chàng và nàng vẫn sẵn-sàng chờ đón, không chút e dè, lo-ngại.

Quá-trình yêu - đương của chàng và nàng đã minh-xác cho ta thấy rõ điều đó.

Nhưng ở Việt-Nam, trên địa-hạt yêu-đương, giữa chàng và nàng có một điều này rất lạ, khiến cho ta phải chú-ý.

Bề ngoài nàng có vẻ đoan-trang, thủy-mị, hiền-lành, luôn luôn có vẻ rụt-rè, e thẹn; nhưng thực ra nàng thường đóng vai «chủ-động» trong địa-hạt yêu-đương. Nàng khiêu-khích chàng bằng đủ mọi cách, mọi phương-tiện kín-đáo mà bén nhậy, từ cách đi-đứng, đến ngôn-ngữ cử chỉ. . . Nàng mở màn :

*Thiên duyên kỳ ngộ gặp chàng.
Khác gì như thế phượng-hoàng
gặp nhau.*

Tiền đày ăn một miếng trâu.

*Hỏi thăm quê quán ở đâu chẳng
lạ.*

Xin chàng quá bước về nhà.

*Trước là trò-truyện sau là nghị
chân.*

Có khi nàng trắng-trợn một cách lịch-sự :

Anh đã có vợ con chưa ?

*Mà anh ă nói gió đưa ngọt-
ngào,*

Mẹ già anh ở nơi nao ?

*Đề em tìm vào hầu hạ thay anh
Hay là một cách duyên-dáng,
nhẹ-nhàng :*

*Chàng tham nhà ngói rung-rinh
Tham vẻ một nổi anh xinh miệng
cười,*

*Miệng cười anh đáng mấy
mười,*

*Chin đi đáng nên, miệng cười
đáng trăm*

Có nàng tha-thiết hơn, say đắm hơn. Nàng ngộ ý yêu chàng và ước-mong :

Chàng về Hồ-thiếp cũng xin về.

*Chàng về Hồ-Bắc, thiếp về Hồ-
Tây.*

Chàng bao nhiêu tuổi năm nay?

*Chàng rầy mười tám, thiếp rầy
bốn ba.*

Mồ cha đưa ché thiếp già,

*Thiếp còn gánh nôi một và trăm
kém,*

Trăm kém đòi lấy lạng vàng,

*Mua gương Tư Mã thiếp-chàng
soi chung*

Chàng về sắm sửa loan phòng,

*Thiếp xin điềm phần tô hồng
thiếp theo.*

Nghe những lời êm-ái, chí-tình ấy thốt ra từ cửa miệng ngọc-ngà của giai-nhân, thử hỏi anh con trai nào cầm lòng ch được ? Bởi thế, chàng cũng chẳng chịu thua, tấn-công lại :

Cô kia má đồ hồng hồng,
Cô chưa lấy chồng, cô đợi chờ ai ?
Buồng khong lẩn lủa hôm mai,
Đầu xanh mấy lúc da mồi tóc
sương
Chàng nhẹ-nhàng ca-tụng, ve-
văn :

Đào liễu em ơi ở một mình.
Đôi vai gánh chữ chung tình
đường xa
Tấm áo nâu xếp nếp, em đề
trong nhà
Ba vương khấn tím phất phơ.
em đội đầu,
Tấm yếm đào sao khéo giữ màu
Răng đen rung-rúc mát đầu
em hãy còn xanh.

Ấy thế mà sao em ở vậy cho nó
đành.
Sao em chẳng kiếm chút chồng
lành, kéo miệng thế mĩa mai.
Sách có chữ rằng : “ Xuân bất
tái lai ”.

Rồi Chàng bèn mở rộng chiến-
dịch ái-tình bằng cách ngọt-ngào
khuyên-dỗ và gạ-gẫm :

Ai ơi chơi lấy kéo già,
Mãng mọc có lúa, người ta có
thì.

Chơi xuân kéo hết xuân đi,
Cát già sông sác nó thì theo sau.

Tình-thần nàng đã bị xao-
xuyến lung-lay, chàng có ưu-thế,

tiếp thêm một miếng đòn chiến-
tranh tâm-ý địch-đáng nữa :

Dấu ngời cửa sổ chạm rồng,
Trăm khòn nghìn khéo khéo
chồng cũng hư.

Con trai chưa vợ đã xong,
Con gái chưa chồng buồn lắm
em ơi !

Bị miếng đòn chi-tử này, đa-
số nữ địch-thủ đều rung động
tâm can, lòng xao-xuyến. Nhưng
nàng! đâu phải tay vừa ! Chàng
đã sỗ-sàng thì nàng chưa ngoa,
ngạo-mạn hơn :

Bao giờ cho chuỗi có cành,
Cho sung có nụ, cho hành có hoa.
Bao giờ trạch để ngọn đa.
Sáo để dưới nước thì ta lấy
mình.

Bao giờ cây cái làm đình,
Gỗ lim thái ghém thì mình lấy ta.
Biết không thể nào sỗ-sàng
được, chàng bèn đổi chiến-thuật,
đùng lời êm-dịu ngọt-ngào đầy
tinh-tử để cảm-dỗ :

Hết có thất giải lưng xanh,
Ngày ngày thấp thoáng bên
mành trông ai ?

Trước đường xe ngựa bởi bởi,
Bụi hồng mà mặt ai người
mất xanh ?

Lúc ấy, nàng cũng dịu-dàng
đáp lại, với tất cả tấm lòng tha-
thiết, nhưng còn e-dè, lo ngại :

Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay
ai ?

Em ngồi cạnh trúc, em tựa
cạnh mai,
Đông đào, Tây liễu, lấy ai bạn
cùng ?

Và nàng tỏ sự thắc-mắc của
lòng mình cho chàng rõ :

Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
Làm thân con nhện mấy lần
vướng tơ ?

Biết đâu trong đục mà chờ,
Hương thơm hết tuyết nương
nhờ vào ai ?

Đến bây giờ, «đôi mắt cùng
liếc, đôi lòng cùng ưa», chàng
và nàng đã thấy lơ-lửng si-mê,
chỉ còn cách nhau trong gang
tấc của tâm-hồn. Chàng bèn
giải-quyết một nghi vấn cuối
cùng, để luôn tiện bắt thẳng
nhịp cầu thông-cảm :

Bây giờ mặt mới hỏi đào,

Vườn hồng đã có ai vào hay
chưa ?

Nàng ngoan - ngoan mở lối
dưa chàng vào thế-giới chỉ có
hai người :

Mặt hỏi thì đào xin thưa :
Vườn hồng có lối, nhưng chưa
ai vào.

Thế là nàng đã thuận ! Hai
tâm hồn đã giao-cảm. Tình xuân
đã nảy nở. Chàng và nàng cùng
nhau gần bó :

Đôi ta là nợ là tình,
Là duyên là kiếp đôi mình kết
giao . . .

Lời cùng nhau ví-von, xây
mộng-trường yêu-đương êm-đẹp :
Cái quạt mười tám cái nan,
Ở giữa phết giấy, hai nan hai
đầu,

Quạt này anh đề che đầu,
Đêm đêm đi ngủ chung nhau
quạt này,

Ước gì chung mẹ chung thầy,
Đề em giữ cái quạt này làm
thân.

Rồi ta chung gối chung chân,
Chung quần, chung áo, chung
kẻn đội đầu.

Nằm thời chung cái giường
lầu,
Dậy thời chung cả hộp trầu ống
vôi.

Ăn cơm chung cả một nồi,
Gội đầu chung cả dầu bôi nước
hoa,

Chải đầu chung cái lược ngà,
Sơ gương chung cả bóng hoa
giắt đầu.

Lời tuy thô - sơ, mộc - mạc,
nhưng không còn có gì tha-thiết.
ý-vị hơn, Tình yêu nóng-hổi đã
vương-vit trái tim non của nàng
thôn-nữ. Chàng bèn mời nàng
xơi một miếng trầu. Miếng trầu
là khởi điểm của hôn-nhân. Ắa
của nhau miếng trầu tức là đã

tổ ý nhận lời hứa hôn. Nàng
có vẻ hơi do-dự :

Miếng trầu ăn nặng bằng chì,
Ăn rồi em biết lấy gì đền ơn ?
Chàng âu-yếm :

Miếng trầu ăn chẳng là bao,
Muốn cho Đông liễu, Tây đào
là hơn.

Và chàng mời tha-thiết,
Trầu bọc khăn trắng cau tươi,
Trầu bọc khăn trắng dải người
xinh xinh.

Ăn cho nó thỏa tấm tình,
Ăn cho nó thỏa sự mình với ta.
Trước sự khần-khoăn chân
thành ấy, nàng không thể nào
từ chối được. Nàng ăn miếng
trầu để rồi từ đó phải thương
phải nhớ, phải chờ đợi, nhớ
nhưng. Khi xa vắng nhau, chàng
thì tương-tư, mơ-tưởng :

Một duyên, hai nợ, ba tình,
Chiêm - bao lần quất bên mình
năm canh.

Nằm một mình, nghĩ một mình,
Ngọn đèn khêu tỏ, bóng huỳnh
bay cao.

Trông ra nào thấy đâu nào ?
Đám mây vơ-vẩn, ngôi sao mập
mò.

Mong người lòng những ngần
ngơ.

Trong khi đó, tình yêu của
người con gái mãnh-liệt hơn,
đắm-đuối hơn, nên nàng thổ-
than bi-thiết hơn :

Từ ngày ăn phải miếng trầu,
Miếng ăn môi đỏ, dạ sâu đắng
chiêu,
Biết rằng thuốc dẫu, hay là
hùa yêu ?

Làm cho ăn phải nhiều điều xót
xa,

Làm cho quên mẹ, quên cha.
Làm cho quên cửa quên nhà.

Làm cho quên cả đường ra
lối vào.

Làm cho quên cá dưới ao,
Quên sông tắm mát, quên sao
trên trời.

Đất bụi mà ném chim trời,
Ông Tơ bà Nguyệt xe dây
xe nhợ nửa vời ra dẫu.

Cho nên cá chẳng bén câu,
Lược chẳng bén đầu chỉ
chẳng bén kim.

Thương nhau nên phải đi tìm,
Nhớ nhau có lúc như chim
lạc đàn.

Rồi nàng khóc-lóc :
Nhớ ai em những khóc thầm.
Hai hàng nước mắt ướt đầm
như mưa,

Nhớ ai ra ngàn, vào ngõ.
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai ?
Và :

Nhớ ai bồi bồi, bồi bồi,
Như đứng đồng lửa, như
ngồi đồng than.

Tình yêu của chàng và nàng càng đắm thắm bao nhiêu, lại càng nỡ-nùng bấy nhiêu. Kết-quả cuối cùng của những cuộc yêu-đương như vậy thường chỉ là một thất-vọng chua cay. Bì bạch cha mẹ đàn-áp, vì có quyền tuyệt-đối trong việc «gả bán» các con.

Đã trót yêu nhau mà gặp trở ngại như thế, tức nhiên chàng và nàng bắt buộc phải chia-lìa, trong lòng chất đầy hậm-hực, xót-xa. Chàng thì than-thở :

Mưa xuân lác đác vườn đào,
Công anh đắp đất, ngăn rào,
trồng hoa.

Ai làm gió táp mưa sa,
Cho cây anh đổ, cho hoa anh tàn
Cổ khi chàng trách móc :

Đôi ta làm bạn thông-dong,
Như đôi đũa ngọc nằm trong
mâm vàng.
Bời chưng cha mẹ nói ngang,
Đề cho đũa ngọc mâm vàng
cách xa.

Trong khi đó, nàng cũng đau khổ gấm-ngăm :

Đêm đêm ngồi tựa bóng đèn,
Than thân dưới bóng, giải phiền
vết hoa.

Nàng băn-khoăn than thở :

Vì ai cho thiếp vô-vàng.
Vì chàng, tư-lự, hoa tàn nhĩ rơi.
Cực lòng thiếp lăm chàng ơi !
Biết rằng lên ngược, xuống xuôi
đặng nào ?

Lời nàng tương-tư sầu-thảm,
vì duyên phận éo-le :

Đêm đêm kêu ngọn đèn loan,
Nhớ chàng quên-lũ
thờ-ihan
mấy lời.

Mong chàng chẳng thấy chán-
ỏi g
Thiếp tôi trần trọc vội rời chân
ra,

Nhác trông lên, trăng đã xế
tà,

Đêm hôm khuya khoắt, con gà
đã gáy sang canh.

Mong anh mà chẳng thấy anh,
Thiếp tôi buồn bã kêu quanh
ngọn đèn.

Sự uất-ức của chàng và nàng lên đến cùng độ. Uất-ức chế-độ luân-lý, sự đàn áp, cưỡng ép của cha mẹ. Chàng và nàng đau đớn đến tuyệt-vọng ê-chề.

Khi đó, muốn tránh tội «rẽ thủy chia duyên», các bậc làm cha mẹ bèn đề tất cả trách nhiệm lên đầu ông Tơ bà Nguyệt là 2 nhân vật trong tưởng-tượng, để xoa dịu lòng công-phẫn và sự tuyệt-vọng của chàng và nàng.

Đề rửa xả, đề hả cái hậm-hực trong lòng, nàng đã «đồ khùng» luôn cả với ông Tơ bà Nguyệt :

Trăm năm, trăm tuổi, trăm
chồng,

Yêu ai thì lấy to hồng nào x x ?

Vì qua thất-vọng, có khi nàng liều lĩnh :

Bắt thang lên đến tận trời,

Bắt ông Nguyệt-Lão đánh mười
càng tay.

Đánh thôi lại trối vào cây,

Hỏi ông Nguyệt-Lão : «đầu già
trơ hồng ?»

Rồi nàng trách móc cha mẹ :

Đường đi nhúng lách cùng lau,

Cha mẹ tham giàu, ép uổng duyên
con .

Duyên sao các cô hối duyên ?

Cầm gương, gương tối, cầm vàng,
vàng phai.

Có khi nàng cương-quyết,
mạnh bạo cưỡng lại cái mệnh-
lệnh phi nhân-đạo của các bậc
cha mẹ :

Con chim nó kêu : « tề lao xáo
xác,

Tề lao xáo-xác : «Mụ ơi ! hối
mụ !

Đứng lại mà xem, con vượn
nó trèo.

Trái núi qua, lối nọ đàng tề ?

Mắt trông thấy trai, tang tình
lịch sự.

Cái quần bóp tim, cái lông rím
bạc.

Cái lược đòi mồi, tình tình
tình mồi.

Lòng em quyết theo, tay rút cái
neo,

Cho thuyền nó chạy, nó chạy
lên ngàn.

Thuyền sa xuống lạch, nước chảy
róc rách

Cá lội so-le, con trắm lay mẹ,

Con đi theo chồng, tình tình tình
chồng.

Kìa kìa theo chồng bỗng bẻ
ta đi.

Tôi đi qua cầu, cầu cao gãy nhịp.

Tôi ngã ướt áo, tôi đau bụng
lắm.

— Mụ ơi ! hối mụ ! xin mụ tí
gừng.

Qua lối nọ cho mau !

Ý tưởng của người con gái
khi bị kềm chế quá khắt khe
mạnh bạo thế đấy ! Nhưng có
nhân cưỡng lại làm sao được
với cả một nề-nếp tư-tưởng cồ-
hũ đã ăn sâu vào đầu óc mọi
người từ già đến trẻ.

Cuối cùng, tư - tưởng chống
đối ấy bị rệp xuống cách thâm-
thương, để lại cho ta một dư-
âm buồn-bã với những thiên-
tinh sử bị dất đầy máu và nước
mắt. Đến ngày nay, giữa kỷ-
nguyên vệ-tinh, con người Việt-
Nam vẫn bị thuyết : « Nam nữ
hữu biệt — Nam nữ thọ thọ bất
thân » và chủ-trương độc-đoán
của một số cha mẹ trong việc
quyết định hôn-nhân dè nặng
trên tư-tưởng. Khiến cho bao
cảnh tan - tác chia lìa, thảm
thương xảy ra, cách đáng tiếc.
Song lẽ tuy bị kềm chế, ép-thúc
trong một nề-nếp phong-kiến
chặt hẹp, tình xuân của những
thế-kỷ trước và thế kỷ này vẫn
chỉ là một. Vì chàng và nàng
muôn thủa vẫn là những con
người đầy tình-cảm thiết - tha,
bén nhậy.

TÙ - QUYÊN
ĐẶNG-VĂN-NHÂN



Nghe *tủi niềm* **XUÂN**

Tùy bút của TỪ-TRÂM-LÊ

ĐÂU ĐẤY, có tiếng người bảo : « Đêm nay là Xuân, đây... »

Khách ngỡ ngác, bàng hoàng vuốt lại mái tóc rối bồng. Lửa trong lò bập-bùng soi lung linh chiếc bóng gầy trên tường vôi nhạt sắc. Khách với tay mở chai rượu mạnh rót vào đôi ly, ừ, đôi ly đầy, cổ-nhân ơi ! Chấm bút vào nghiêng, chàng nghiêng mình trên đệp giấy, vun bút đề :

« Bên ngoài gió đã lên. Đầu đấy, có tiếng người bảo : « Đêm nay là Xuân đây ». Ai ơi, cùng ta cạn lấy ly này, dìm tan hơi lạnh, cho men thấm vào tâm não để ta hình dung qua màn say rằng ta đang đón Xuân về. Muôn dặm trùng dương chia lìa cổ quận, con chim

lạc kia ơi, xếp chiếc cánh tàn, bắt lực, nép vào đây mà sưởi ấm chút lòng...

« Đón Xuân, mừng Xuân » ! Ha ha ! Xuân đến rồi đây, cổ nhân ! Vui lên, hát ca lên, kéo tủi niềm Xuân khi tóc còn xanh, đời còn lộng toan bích-ngọc. Nhưng, ơ hay, lẽ nào lại thám lên mi ? Ta những muốn say Xuân cho trọn niềm cổ thổ, lệ ly hương vô tình đọng lấy mắt u hoài. Men không làm quên được tình quê, thôi viết lại : « Nghe tủi niềm Xuân, trên viên xú ! »

Mấy hôm qua, có những cánh chim xanh từ bên kia trời Nam điệu vội mang sang cho ta mấy tấm lòng Xuân. Ngậm ngùi chưa cho kẻ bênh bồng nơi đất khách khi nhìn ra bên ngoài, ta chỉ thấy toàn

một màu tang-tóc. Đông đang về ủ giá băng sương tuyết, ngự trị cả vùng trời. Cây trơ những cành, gió trơ những lạnh, và lòng ta trơ những cô-đơn. Vườn mai vàng quanh nhà, khằng khiu mặc cho làn giá ấp yêu, oằn-oại trong cơn gió đông vừa dậy. Nơi quê hương xa, mai vàng hẳn đang hé nhụy đọng uống sương đêm để đến rạng ngày, nghiêng nghiêng trong sắc Xuân vừa khởi mà làm duyên dáng cùng dăm ba tờ áo màu phơ phất trước nắng mùa. Chao ôi, cái phong vị cổ-kính quen thuộc của ngày Tết quê-hương đã từng được tôi trân trọng yêu dấu mỗi lần gió đông làm nở hết trăm hoa lộng lẫy cao sang màu cẩm tú, tôi còn biết tìm nó đâu ở giữa mùa đông băng giá nơi viễn xứ này. Tôi mơ màng trong một tiếc hận đến nao nùng — tôi ung dung, thong thả len bước giữa đám rừng người trong mấy hôm chợ Tết ở quê nhà, mà hương Xuân của đồng nội đến đậu trên môi mọi người làm nở những nụ cười tươi thắm nhất. Ở đô thị, ngày nào vẫn giống ngày nào, làm gì có được cái không khí đặc biệt của những ngày Tết chỉ dành riêng cho non nước cô thôn, khi bước chân ra đường, lòng khoan-khoái, lâng-lâng trong

những màu sắc khác thường, mới mẻ từ người ta cho đến cỏ cây. Khi ở nhà, vui vui cảm-động chân thành trong một ấm cúng nhìn lên bàn thờ, khói nhang nghi ngút tỏa trang nghiêm, cổ địa chung đầy bánh trái, bộ lư đồng bóng nhoáng sáng choang, nhìn chung quanh nhà cửa từ cái bàn cho đến mấy chén uống trà, mọi vật đều như được một linh hồn điểm xuyết vào đẹp lên lắm, lắm và thân mật và duyên ái vào ta lắm vậy; nhìn con chó con mèo, ta cũng thấy như chúng có cái gì phong nhã trang hoàng thay đổi để ta nghĩ rằng chúng cũng đang biết trân trọng thưởng Xuân.

Chiều qua, cô em gái má hây hây, ngây thơ vịn bệ cạnh hoa cho mẹ già run tay cắm vào bình sứ âu yếm đặt lên bàn viết của đứa con trưởng-nam vắng mặt, trong lúc người cha bên khay trà ướp sen từ bao tháng trước, thong thả lau lại cặp kính mờ, mắt dòi nhìn bóng chim ngoài ngõ mà ngùi ngùi tưởng đến một hình ảnh thân yêu ly cách những mấy trùng-dương.

Chao ôi ! bao lòng thân thuộc đang ngơ ngẩn đầu thềm ! Kẽ ra đi kia nơi đất lạ xứ người, nuôi hoài bão hái được cái gì mang về tài bồi cho xứ sở, cho rạng rỡ gia-

đình. Rồi sẽ làm nên được gì chẳng. Chỉ biết giờ đây, để lại mấy tình ngẩn ngơ trong sắc Xuân về, héo hon hoài vọng.

Người ở lại sầu bao nhiêu, thì kẻ ra đi còn hằng mộng tưởng gấp đôi lần phút giây đoàn-tụ.

*Người đi xứ lạ là thương nhớ,
Non nước ngùi trên nấc viễn hành...*

Nhất là như đêm nay, lúc cổ hương đang đón lấy bước tươi hài trẻ của nàng Xuân nhẹ nhàng len lén đến, có biết bao lòng mơ đến một góc lò sưởi gia - đình, trong lúc bên ngoài gió đông vi-vút, tuyết giá âm thầm phủ lên vạn vật một màn trắng rợn mênh mông. Có biết bao lòng, như kẻ này, đang gửi lên mặt giấy nhờ mang về trời Nam cho

những sóng nhớ thương.

Mẹ ơi, dành cho con một ít hương Xuân, chờ ngày mai nắng ấm gửi tình cho én mang sang sưởi chút lòng con. Lệ mẹ có rơi, đem ướp vào bình đợi Xuân sau công thành danh toại, con về nhấp lấy hương thừa. Giờ đây, con tạm cạm ly này, rượu phương xa mong tìm chút men say đuổi hộ ngậm ngùi lúc Xuân về nơi khách địa. Lửa trong lò đã tắt. Đầu đây, có tiếng người bảo :

mẹ già.

— «Đêm nay là Xuân đây».

Nhưng, bên ngoài, gió đã lên. Chùng như tuyết rơi nặng thêm nhiều. Những cành mai hân dày thêm lớp giá.

— Lòng con buốt lạnh, mẹ ơi !

*Hoàng-Mai Biệt Thự
(Agens-Pháp)*



* NƯỚC BIÊN MẶN :

Thầy-giáo : Các trò có ai biết tại sao nước biên mãn không ?

Trò Trí : (con một nhà sản-xuất nước mắt H.K. trả lời) :

Thưa thầy, vì trong biên có cá mèi ạ !

LUẬT LAO ĐỘNG

TẠI NẠN LAO ĐỘNG



CÁCH ẪN ĐỊNH TIỀN ĐỀN BÙ

★ Của HUỖNH-KHẮC-DỤNG

(Tiếp theo P.T. số 3)

HAI MƯ'ƠI bốn tiếng đồng-hồ sau khi nhận được giấy chứng bệnh của bác-sỹ hoặc lời khai thay thế giấy này, thì viên chức nhận được phải chuyển ngay cho ông Tòa Tập-tụng, nếu viên chức đó không phải là vị thẩm phán nói trên rồi lập tức phải hiệu dụng thầy thuốc trong nhà thương lập một chứng-chỉ tả rõ bệnh tình của nạn nhân, những hậu-quả có thể xảy ra ngay sau, và đoán trước ngày mà y-sỹ có thể biết chắc hậu-quả ấy.

Nếu theo giấy chứng của y-sỹ mà vết thương quá nặng, thể nào nạn nhân cũng chết hoặc bị bất năng vĩnh-viễn toàn diện hay một phần, hoặc khi nạn nhân chết rồi, thì ông Tòa Tập-tụng hay viên Cảnh-sát-trưởng tư-pháp cảnh-lại tại chỗ tai nạn phải mở cuộc điều tra trong 24 tiếng đồng hồ để tìm :

- 10) nguyên nhân, tính cách và trường-hợp nào tai nạn đã xảy ra.
- 20) nạn nhân và lý - lịch của nạn nhân.
- 30) tính chất các vết thương.

40) người thừa hưởng (như cha mẹ, vợ, con, họ hàng xa gần vân vân, để cho biết hầu trả tiền bởi thường sau này).

50) số lương ngày và số lương hằng năm của nạn nhân.

60) tên và trụ-sở hãng Bảo-hiểm, nếu có.

Cuộc điều tra sẽ làm đúng phép Dân sự tổ tụng (các điều thứ 35, 37 38 và 39, ông Tòa Tạt-tụng hay viên Cảnh-sát-trưởng phải đến tận chỗ nếu nạn nhân đau quá đi hầu không được.

Khi thấy trong chứng-chỉ của y-sỹ nói không rõ-ràng, ông Tòa Tạt-tụng có thể chỉ định một ông y-sỹ nào đó để khám bệnh nạn nhân hay là triệu dụng một y-sỹ giám-định viên để trợ lực với y-sỹ kia trong cuộc điều-tra.

Cuộc điều-tra phải chấm dứt mau lẹ, lâu lắm là một tháng phải cho xong. Kể từ ngày khai báo tai nạn. Ông Tòa Tạt-tụng cho đương sự hai bên hay rằng họ có thể đến phòng lục sự xin sao một bản vi-bằng điều-tra khỏi dán con niêm, khỏi đóng thuế trước-bạ, trong vòng 10 ngày. Quá hạn, hồ sơ sẽ tự lên Tòa sơ-thẩm.

Những chủ nhân nào bất tuân các điều chỉ dẫn trên đây sẽ bị phạt

và từ 3 quan đến 45 quan. Tái phạm sẽ bị phạt tiểu-hình, chiếu điều 1 sắc-lệnh ngày 4 tháng 10 năm 1943.

Giới cần lao thợ thuyền cũng như giới chủ-nhân, tưởng ai cũng cần biết qua một cách thô-sơ đầu là bốn phận, đầu là quyền-lời của mình, khi hữu sự, phải làm sao.

Chúng tôi thấy không vô ích khi mách cho các bạn những điểm sau đây.

Nghị-định then chốt ngày 31 tháng giêng năm 1944 đã dựng lên một căn-bản.

Khi một người thợ hay một công-nhân nào bị rủi-ro trong lúc đi làm, hay trong khi đang làm việc trong xưởng, trong sở, thì các bạn đã biết phải làm sao rồi, như ta đã học ở đoạn trên.

Nay ta hãy xét đến lúc có sự tranh-tụng, nghĩa là khi chủ-nhân tránh-tròn không chịu trả tiền bởi thường luật dạy.

Những vụ đòi tiền ma chay tổng táng cũng như bồi khoản nửa ngày lương, đều do Tòa Tạt-tụng xử chung-thẩm, bất luận tới mức nào. Đơn nạp rồi thì 15 bữa sau, theo nguyên-tắc, Tòa đang đường xử.

Tiền phân nửa lương mỗi ngày chủ phải trả cho tới ngày công-nhân

chết hay cho tới ngày lãnh thương, nghĩa là phải trả nửa lương cho tới khi người bệnh khỏi hẳn hay là bị bất năng vĩnh viễn không thể làm việc được nữa, chừng nào có quyết-định của Tòa án sẽ hay. Các quyết-định của Tòa Tạt-Tụng xử những vụ đó đều được đem ra thi hành tạm, mặc dầu chủ nhân kháng án.

Còn các thứ tiền khác, như tiền nhà thương, tiền bác-sỹ, thuốc men, tiền hồi hương, vãn vãn đều được ông Tòa Tạt-Tụng xử chung thẩm đúng theo thường luật ; quá mức đó thì đương-sự được kháng cáo trong vòng 15 ngày sau khi xử.

Trong trường hợp mà một bên đương sự trình một chứng chỉ y-sỹ nói rằng sự bất năng lực là vĩnh viễn, nghĩa là người thợ bị tàn tật suốt đời, thì ông Tòa Tạt-Tụng sẽ phải tuyên bố vô thẩm quyền, gửi bản sao bản án ấy cho ông Chánh án Tòa sơ thẩm 3 ngày sau. Trong án đó phải ấn-định bồi khoản nửa ngày lương là bao nhiêu.

Ở những nơi chưa có đặt Tòa án hòa giải (Tòa Tạt-Tụng xưa) thì chức vụ Tòa này sẽ do ông Chánh án Tòa sơ thẩm hay Tòa

Hòa-giải Rộng Quyền đảm-nhiệm.

Ngoài những bồi khoản để làm đám ma, là nửa ngày lương như vừa nói trên kia, nếu nạn nhân vì vết thương quá nặng phải chết đi, thì ông Chánh-án Tòa sơ thẩm dân sự xuất trát đòi thân nhân của y lại, đồng thời với người chủ xí nghiệp, nếu có bảo hiểm, đòi luôn kẻ đại diện hãng Bảo Hiểm nữa rồi trước mặt các đương-sự, cử một giám định viên trong 8 hôm phải nộp phúc trình.

Rồi mặc dầu các đương-sự có đồng ý trả và lãnh một số tiền nào đó, cũng vậy, Tòa sơ thẩm hay Hòa Giải-Rộng Quyền cũng tuyên một bản án ấn-định số tiền đó, chiếu theo một bản thành-toán (barème) có lập sẵn.

Nếu xí nghiệp có bảo hiểm, thì bản án dạy hãng bảo-hiểm đứng ra trả thế cho xí-nghiệp.

Lẽ cổ - nhiên, các bản án đều được thượng tố, như thường luật. Thời hạn là 3 tháng phải thượng tố kể từ ngày mà sự kháng án (opposition) không còn chấp nhận được nữa. Hay, nếu là một bản án đối tịch (jugement contradictoire) thì 3 tháng sau ngày xử phải ký tên kháng cáo.

Tòa Thượng-thẩm xử gấp trong

trong 1 tháng sau ngày kháng cáo.

Ái để quá một năm sau ngày tai-nạn xảy ra mà không dám đơn kiện, thì không kiện được nữa.

Có bản án rồi mà ngày sau bệnh tình biến chứng, sinh nặng thêm, hoặc nạn nhân đau mà chết đi, thì nhà làm luật trừ định cho một thời-hạn là 3 năm, để cho nạn-nhân hay thân-quyền y có thể xin Tòa xét lại số bồi-khoản đã ấn-định. Nếu hai đảng thỏa thuận với nhau thì làm đơn trình Tòa rồi Tòa sẽ tuyên-án tái-định số bồi-khoản cho hợp pháp.

Trong thời-hạn ba năm đó, người chủ xí-nghiệp có thể chỉ cho Tòa biết một vị y-sỹ để thường-trực khám sức khỏe của nạn-nhân mỗi tam-cá-nguyệt.

Người nạn-nhân nào không để cho y-sỹ tới khám mình, sẽ mất quyền xin Tòa xét lại đơn xin tăng bồi-khoản.



Khi người công-nhân bị tai-nạn thì phải tính theo sau đây để đòi tiền người chủ :

Tay chân cũng có một giá-trị tương-đương. Người thường dùng tay trái mà rủi tay trái bị tật, thì phải tính như bị tật tay mặt vậy.

Chiều quy-định của điều 14 đoạn 2, của Nghị-định ngày 31 tháng giêng năm 1944, thợ thuyền hay công-nhân nào rủi-ro bị tàn tật suốt đời (bất năng-lực vĩnh

viễn toàn thể) có quyền lãnh trọn 1 năm lương.

Nếu tàn-tật suốt đời nhưng chỉ một phần nào thôi, thì chiếu theo căn-bản đó làm tỷ-lệ, từ 1 đến 100% của số lương hàng năm.

Ví-dụ như tai-nạn khiến phải bị cưa chân, nghĩa là 25% lương hàng năm.

Cách tính sự tàn-tật làm như vậy :

Nếu tàn-tật làm thành phế-nhân, thì giá ngạch kia không tính quá được.

Nếu tàn-tật không thành phế-nhân, thì giá ngạch đó được đem áp-dụng cho sự tàn-tật nặng nhất.

Nạn-nhân bị đứt con mắt, thì tính là 25%, cánh tay trái là cánh tay thường hoạt động của người thợ, thì tính là 65%, bể xương hàm làm cho khó nhai: 5%, cụt một cẳng : 50%.

Sau đây là bảng tính bất năng lực :

I Toàn-thể :

Đứt mắt cả 2...	100%
Cụt 2 tay	100%
Bại xứ	100%
Kinh phong	100%

II Một phần :

1°) Tay.—

a) bị cưa.

Cưa trọn cánh tay.

Tay thuận...	65%
Tay nghịch...	60%

Cưa một phần tay thuận 60% ; tay nghịch 55%

Cura trọn cánh tay tới cùi
chỗ tay thuận 60%, tay nghịch
55%

Cura một khúc cánh tay,
tay thuận 50%, tay nghịch 45%.

Mắt trọn bàn tay, tay thuận
40% tay nghịch 35%

Mắt trọn hay một phần ba ngón
tay

tay thuận : 5%

tay nghịch : 4%

Mắt 3 ngón chót, tay thuận : 4%
tay nghịch : 3%

Mắt ngón trở tay thuận : 9%
tay nghịch 8%

Mắt ngón cái tay thuận 16%
tay nghịch 14%

Mắt một hay nhiều lông tay thành
liệt gân khó co duỗi

tay thuận... 4%

tay nghịch ... 3%

b) Cứng khớp xương

Khớp xương chũ vai bên
thuận : 20%

bên nghịch : 17%

Cứng xương lác léo ở vai từ 0
tới : 15%

Ngay tay ra không được — tay
thuận : 30%
tay nghịch : 25%

c) Có tật các khớp xương tay
cân cụt lại, xương chũ vai, xương
cánh tay từ 0 đến 15 0/0.

d) Bại liệt

từ 15 đến 25 %

20) Chân

a) Bị cura.

Cura trọn 60%

Cura tới một đoạn bắp về 55%

Cura trọn chân 50%

Mắt cái bàn cẳng 25 0/0

Mắt ngón chân cái 10 0/0

Mắt trọn 3 ngón chân 10 0/0

b) Cứng khớp xương

Cứng xương chũ hán từ 20
đến : 30 0/0

Co duỗi khó khăn từ 0 đến 20 0/0

Cứng xương đầu gối duỗi
thẳng ra : 19%

Cứng xương đầu gối co vò từ 15
đến : 20 0/0

Đầu gối cứng — từ 0 đến : 20%

c) Cứng khớp xương, cẳng co
rút lại từ 5 đến : 30%

30 Đầu

Đui một con mắt 25%

Bại một phía thân mình từ 10
đến : 50%

Bể xương hàm làm cho khó nhai.
từ 5 đến : 12%

Kinh-phong — từ 10 đến 100%

40 Linh-tinh

Hãy tùy theo từng trường hợp
tàn tật ít nhiều và định tỷ lệ từ
0 đến 60%

Chuyện vui về

TRẦN-QUỐC-BẢO

 NG ĐỂ CHA, cha đẻ con, con đẻ cháu rồi chút chút v.v... đó là họ hàng theo "hệ thống dọc". Còn "họ hàng hệ thống ngang" nữa mới phiền: nào ông/Cậu, bà Cô, ông Chú, bà Thím, bác, mợ, anh em con cô con cậu, chị em con dì con già vân vân. Phiền hơn nữa là họ hàng "theo hệ thống gián tiếp" chẳng hạn họ ngoại về dòng bà, về dòng mẹ, về dòng vợ, vân vân và vân vân. Ở nước ta trước thường có lệ mỗi khi chửi nhau là chửi ráo cả tông ti họ hàng hàng hốc của nhau. Lối cả từ ông Cao Tăng Tò khảo đến thúc bá đệ-huynh, cô di tử muội, đem ra mà rửa xả thật độc địa. Có lẽ cũng bởi sự đó cho nên nảy ra tục giấu tên cái của ông bà cha mẹ. Người ta gọi tên con thay cho tên cha mẹ.

ví dụ như anh Nguyễn Ba-Tui có đứa con tên: « cu-Tèo » thì anh Ba-Tui phải mang tên « bố cu Tèo » người mẹ mang tên « mẹ cu Tèo ». Còn tên thật của anh Ba Tui từ đó trở thành « Tên cúng cơm » (mặc dù chưa chết). Ai nấy đều kiêng mà không gọi ra nữa.

Tên gọi mà được giấu diếm kỹ như thế thành thử vẫn đề "họ hàng hàng hốc" lại càng thêm rắc rối. Có những câu chuyện trở thành câu đố về cách tìm dòng họ hàng: Chẳng hạn ở Việt-Nam có tích: Một người đàn bà khéc trước ngôi mộ, có người hỏi khéc ai? thì bà ta trả lời rằng: — « Cha người nằm dưới mộ này là rề cha tôi, còn cha tôi thì bằng vai với ông nội người này ». Thật là khúc mắc và sẽ làm cho nhiều bạn phải mệt óc mà tính toán tìm họ hàng của bà ta với người nằm

đuối mặt. Sự thật lại rất giản dị, chỉ là bà đó khóc con của bà ! Mẹ với con mà kẻ họ còn rắc rối như thế, huống nữa là người xa họ thì biết tính ra sao ? Nhà văn MARK TWAIN cũng có thuật lại một câu chuyện "họ hàng" rất thú vị và sẽ làm nức lòng các bạn nếu các bạn suy nghĩ về họ hàng trường hợp sau đây :

Có một chàng Thanh niên đau khổ phân nân với bạn hữu rằng :
«— Tôi thật không ngờ khi tôi làm bạn với vợ tôi, thì vợ tôi đã có một đứa con gái riêng lớn tằng tằng, rồi cũng trong một trường hợp không

ai ngờ, cha tôi gặp cô bé đó, hai người yêu nhau và cha tôi cưới cô ta. Từ đó, thưa các bạn, cha tôi trở thành "RẼ" của tôi, cũng từ đó đứa con riêng của vợ tôi (tức là con tôi) trở thành "MẸ GHỀ" của tôi. Nào đã hết đâu ! Sau ít lâu vợ tôi sinh một con trai, đứa con chúng tôi cố nhiên là em của đứa con riêng của vợ tôi, nghĩa là CON TÔI trở thành EM VỢ CỦA CHA TÔI, và như thế NÓ LÀ... CẬU CỦA TÔI. (vì nó là em của mẹ ghê tôi !)

TRẦN QUỐC BẢO

Một ông khách đến chơi. Bà chủ nhà dắt con ra tiếp khách, đứa nhỏ ngoan-nguốn chạy lại bắt tay khách, khách xoa má và bảo nó :
— Bé ngoan quá ! Bé đưa má đây cho tôi hôn một cái nào !
Đứa bé chạy lại nắm tay mẹ nó kéo đến chỗ ông khách :
— Má ! Ông này ông muốn hôn má một cái đó.
Cả bà chủ và ông khách đều riết-cổ đỏ mặt

Bố : Mày ngu như con bò ! 2 cộng 2 là 4 mà còn làm sai, sao ngu như con bò vậy ?

Con : (phụng phịu) Tại khi nhỏ má không cho con bú, cứ cho uống sữa bò hoài nên bây giờ con ngu như con bò, đó Ba !

BYRON

(Tiếp theo P.T. số 5)

BYRON qua Bỉ viếng chiến trường Waterloo sang Pháp, Thụy-sĩ. Ở đây chàng gặp Shelley, người bạn tâm giao, cũng như một quan niệm nhân sinh với chàng. Cả hai đều say mê tự do và không chịu được mọi dằn vặt của xã hội. Byron gặp Claire Clairmont, một thiếu nữ rất yêu thơ chàng và cũng muốn sống phóng khoáng như chàng. Claire cố chinh phục Byron và sống với cuộc đời « giả nhân giả nghĩa, non vợ chồng ». Nhưng đến khi biết Claire gặp lại mẹ, Byron gửi nàng về Anh. Chàng lên Genève, xuất bản tập « The Prisoner of

Chillon » và đoạn thứ ba của tập « Child Harold » viết « Beppo » và bắt đầu theo tập thơ danh tiếng nhất : « Don Juan ». Chàng vẫn tiếp tục sống theo sở thích của chàng, bất cần luân lý và pháp luật. Trong những bức thơ gửi cho Moore và Murray, chàng tả những mối tình nhục-dục thấp hèn giữa chàng với vợ của người chủ trọ, và với những cô gái thành Venice. Trong đời chàng có lẽ đây là giai-đoạn sa-đọa nhất.

Từ dưới vực thâm đo, chàng được một thiếu phụ trẻ và đẹp, bà bá-tước Teresa Guiccioli, cứu lên. Họ gặp nhau mùa Xuân năm 1819 và yêu nhau ngay từ phút đầu. Trong suốt bốn năm cuối cùng của đời chàng, Byron là người tình-nhân trung-thành của Teresa ; và cũng trong thời-gian đó, thiên tài của chàng đã đạt tới độ cao nhất.

TẠ-KÝ

Teresa ly-dị với chồng — một ông già ngoại lục tuần — để theo Byron.

Vốn là người ái-quốc, Teresa kích thích ý muốn giải-phóng nước Ý khỏi ách đô-hộ của nước Áo mà bấy lâu nay Byron vẫn hằng ôm ấp trong lòng. Bài thơ "Prophecy of Dante" viết ra do lời yêu cầu của nàng. Trong thời-kỳ này chàng viết say-sưa. Ngoài ba đoạn đầu của tập Don Juan, chàng còn viết "Sardanapalus", "Caïn", The vision of Judgement", "Heaven and Earth" và rất nhiều bài thơ khác nữa.

Cả Byron và Teresa đều đắm mình trong cách mệnh và bị nhà cầm-quyền buộc phải rời Raverma, đi Pisa, rồi lại rời Pisa đi Genoa, vì ở đâu Byron cũng là kẻ thù của nền độc-tài chuyên-chế.

Đến Hy-lạp, Byron lại gia-nhập phong-trào quốc-gia giải-phóng Hy-lạp khỏi ách đô-hộ của Thổ-nhĩ-Kỳ. Chàng thành lập quân-đội và hi-vọng được chết vẻ vang cho chính-nghĩa. Nhưng ước nguyện đó không được thỏa-mãn : chàng lên cơn sốt và bỏ mình ngày 19 tháng 4 năm 1824, lúc 36 tuổi. Missolonghi là mồ chôn người thi-sĩ tài-hoa nhất của phong-trào lãng-mạn Anh Quốc. Thi-hài chàng

sau đó được mang về quê hương nhưng bị từ-chối không cho mai-táng ở Westminster. Nơi an nghỉ cuối cùng của Byron là Hucknall Torkard, cách Newstead Abbey chừng vài dặm, trong một khung cảnh thiên nhiên đã chứng-kiến mỗi tình trong trắng, thơ dại của chàng với Mary Chaworth.



— Byron không đem lại cho ta một tư-tưởng gì mới lạ nhưng chàng đã dạy cho ta biết Suy-Nghĩ và biết Cảm-Xúc.

Nhà phê-bình trứ-danh Matthew Arnold đã viết :

*"When Byron's eyes were shut
in death,*

*We bow'd our head and held
our breath.*

*He taught us little ; but our
soul*

*Had felt him like a thunder's
roll..*

(Khi Byron nhắm mắt nghìn
thu

Chúng ta cúi đầu và nín thở.

Chàng dạy ta rất ít, nhưng
linh hồn ta

Đã cảm thấy chàng như một
luồng sấm động).

Lúc trẻ, Byron say-mê Chân, Thiện, Mỹ ; yêu vẻ Cao cả của thiên-nhiên, yêu tuổi trẻ, yêu Tự-Do, yêu Danh-Vọng. Chàng tưởng rằng trong cuộc sống chàng

sẽ tìm thấy những gì chàng thích nhưng kinh-nghiệm chỉ đem lại cho chàng sự nghi-ngờ và ảo-tưởng. Vì vậy mà chàng chán nản, đau khổ, tự phụ. Đó là chứng bệnh chung của hầu hết những người lãng-mạn và tài-hea, một chứng bệnh không thể nào chữa được và cũng chẳng ai muốn chữa làm gì.

Cuộc

đời sôi nổi của Byron được lồng vào tác-phẩm chính Don Juan mà chàng đã viết say sưa trong khoảng 5 năm cuối cùng của đời chàng.

Don Juan, tên một nhân-vật phóng-dăng trong cô-sử Y-pha-Nho, đã gây cảm-hứng cho rất nhiều kịch-gia, thi-sĩ, văn-sĩ, họa-sĩ trên thế-giới.

Don Juan của Byron là một chàng thanh-niên đẹp trai và giàu tình-cảm. Năm 16 tuổi, chàng yêu Donna Julia, bạn của mẹ chàng và vợ của một vị công-hầu đã già. Bà mẹ chàng buộc chàng xuất dương. Tàu bị đắm ở Địa-trung-hải. Dở sống, dở chết, chàng bị sóng cuốn vào một hòn đảo do tên giặc bề Lambro làm chủ. Haidee nàng con gái mỹ-miệu của Lambro, và Don Juan yêu nhau và sống hạnh phúc trong khung cảnh thơ-mộng của thiên-nhiên. Nhưng Lambro, mà

cả hai tường đã chết, trở về và bán Juan làm nô-lệ. Haidee âu sầu đến chết.

Tại Constantinople, bà hoàng-hậu mua chàng, cho chàng mặc quần áo đàn bà và mang chàng về cung. Nhưng khi biết rằng Don Juan thích một người khác hơn mình, bà hoàng-hậu ra lệnh xử tử chàng. Chàng trốn được và nhập bọn với những người Nga, dưới quyền chỉ-huy của đại-tướng Suvaroff. Chống lại quân Thổ-nhĩ-tý trong trận Ismail. Vì chiến-dấu can - đảm, chàng được đưa về triều-đình của nữ-hoàng Catherine và trở thành tình - nhân của nữ-hoàng. Chàng được giao-phó một trách-vụ ngoại - giao ở Anh và được dịp học hỏi cốt cách quý phái của giới quý tộc Anh.

Trong đoạn chót, Juan được bà bá-tước Fitz-Fulke trong bộ y phục tu-sĩ, nửa đăm đến tìm.

Tập thơ còn lờ mờ và khi người ta hỏi Byron sẽ kết-thúc như thế nào, chàng cười mà bảo rằng không biết nên cho Don Juan xuống địa-ngục hay cho nó lấy vợ và sống trong hạnh-phúc.

Tất cả những gì mà Byron đã thấy và đã sống đều được vẽ lại trong Don Juan : những cuộc phiêu-lưu, lòng khao-khát về Đẹp và Trong Trắng, ảo - tưởng của tình yêu, những dục - vọng thấp

hèn, lòng say mê Tự - Do, sự
khinh bỉ những đối-trá của xã-hội,
lòng nhỏ nhen của con người v v...

Điều thơ dồn-dập, thay - đổi,
lúc hăng-hái, lúc êm - đềm, đọc
lên ai cũng say-mê, rung-động.

Ngày

22 tháng giêng năm 1824, ngày
sinh-nhưt của mình, Byron viết
bài "On this day I complete my
Thirty-six year" (Ngày hôm nay
tôi đúng ba mươi sáu tuổi). Đó là
bài thơ cuối cùng của chàng. Trong
bài này, chàng ước mong được
chết vinh-quang thì hai tháng sau
chàng từ giã cõi đời.

Có phải vì một tình-cảm xui
chàng viết bài thơ này chăng?

Sau đây chúng tôi chỉ xin trích
vài đoạn để biết sự biến-chuẩn
trong tâm trạng của Byron vào
những ngày cuối cùng của đời
chàng.

On this day I complete
my thirty-six years.

Misolonghi, January 22-1824

'Tis time this heart should be serene,
Since others it hath seen it to be.

Yet, though I cannot be belated,
Still let me live!

My days are in their flower leaf;

The flowers and fruits of love are
gone;

The worm, the canker, and the grief
Are mine alone!

The fire that on my bosom preys

Is lone as some volcanic tale;
No torch is kindled at its blaze
A funeral pile.

But 't is not thus — and 't is not
here —
Such thoughts should shake my soul,
Not now,

Where glory decks the hero's bier,
Or blinds his brow.

If thou regret it thy youth, why live?
The land of honourable death
Is here: — up to the field, and give
Away thy breath.

Seek out — less often sought than
found —

A soldier's grave, for thee the best;
Then look around, and choose thy
ground,

And take thy rest.

BYRON.

Dịch văn đã khó mà dịch thơ
càng khó hơn non chúng tôi không
dám nói rằng bài dịch sau đây
đã lột hết được tinh thần của
nguyên-tác. Bởi vậy, chúng tôi chỉ
dịch theo ý và bỏ đi một số từ ngữ
mang giá trị độc qua niệm tình
biến hóa.

Ngày tôi ba mươi sáu tuổi

Misolonghi, ngày 22-1-1824

Lẽ ra lòng phải thanh thản

Lại vì lâu những nỗi rung

động người.

Thế-nhưm dĩ dĩng thương tôi.

Nhà thơ tôi, đem thương

người tôi-như.

*

Chiối ngày thơ đã hờn tàn

Nu hao tình-dĩ giờ tàn rồi

Một sáu gặm mãi cuộc đời

Khò đau theo mãi không rời
lòng đơn.
Lửa thiêu âm i trong hồn
Buồn tình như hỏa diệm sơn
nghìn trùng
Chẳng ai chia chút lửa lòng
Hát-hiu như lửa thiêu xong
đi-hết.

✱

... Nhưng không, chừ khắc
xưa xa,
Bi quan chẳng khiến hồn ta
bối-hối.
Ói vinh quang ngập một đời,
Chết đây vinh-hiến, sống ngời
hiền-vinh.

✱

...Tiếc tuổi xuân? Sống qu
ngày?
— Người ơi! da ngựa bọc
thây mới là.
Hãy xông ra, hãy xông ra,
Chết đi! đây chính lòng ta
ước nguyện.
Hãy xả thân chốn sa-trường,
Năm mỗ chiến-sĩ : con đường
của người.
Nhìn quanh, tìm chốn nghỉ-
ngơi
Giấc nghìn thu — ấy một đời
nam nhi.

TÔ-KIỀU-PHƯƠNG sưu-tầm

Câu đối thương Xuân

Đề cho những gia-dình nghèo... tự tìm nguồn an-ủi :
— Tiền bạc của trời chung trảng-trải bề mọi vùng khuyển-sảo ;
— Công danh dãi rộng đất rộng, kèn cựa chỉ cho thẹn chí tang-bồng.

(NGUYỄN-CÔNG-TRÚ)

Đề cho những cụ già thích tìm nguồn vui trong nhà Xuân.
— Ba vạn sự ngàn ngày, gấp lại cho đời thêm hạnh-Tại ;
— Một năm mười hai tháng, ước chi đời sống nhà Xuân !

(TÔ-KIỀU-PHƯƠNG)

Cho những người có chồng sĩ lễ :
— Nhớ trời phù hộ chồng tôi, miêng kìa giúp đỡ xạch chường sĩ-tử.
— Ôn chưa yên vì bố nó, nợ trần hoàn trang trắng mặt nam-nhi.
(NGUYỄN-CÔNG-TRÚ)



Họa-sĩ

VIỆT-NAM

✱ LÂM-ĐIỀN

nữ họa-sĩ BÉ-KỶ

HƯỜNG LÊ gần cuối năm có tổ-chức những cuộc Triển-Lâm Hội-Họa và Sơn mài để trình bày các tác phẩm do các Họa-sĩ tên tuổi trong nước sáng tác.

Chúng tôi có đi xem một cuộc triển-lâm tranh ảnh vào một buổi chiều nhạt nắng. Đến Phòng Thông-Tin Đồ-Thành nơi tập trung các họa-phẩm đã được chọn lọc kỹ càng. Mọi người ra vào tấp nập, chúng tôi rằng nghệ thuật hội-họa Việt-Nam vẫn được mọi người chú ý.

Phòng tranh được trang hoàng bằng những tấm lụa màu hồng, với những chậu hoa xinh xắn bày biện

khắp đó đây để tô-diêm cho căn phòng thêm phần lộng lẫy. Xem qua một lượt chúng tôi nhận thấy rất nhiều họa phẩm với nét vẽ mềm-mại, màu sắc dịu dàng trang-nhã, thì trái lại cũng có nhiều bức ảnh rất khô khan, thiếu phần linh động.

Nhưng chung qui chúng tôi đều nhận thấy điểm tiến bộ sau đây: những tranh sơn mài đã thấy ghi nhiều màu sắc mới, ở đây họa-sĩ

NGUYỄN-VĂN-RÔ đã tỏ ra có nhiều công phu tìm tòi và sáng tác. Những bức họa trên giấy bản Việt-Nam và những đĩa gỗ vẽ sơn đầu của họa-sĩ ĐÀO-SĨ-CHU đã đem đến một sự mới lạ cho cuộc triển-lâm. Những bức tranh lụa

của họa-sĩ TRẦN-ĐẮC cũng được công chúng chú ý với những màu sắc tươi sáng dịu dàng và nét bút già dặn trong một bố cục vững vàng.

Về loại tranh vẽ bằng phấn-tiền (*Pastel*) họa-sĩ NHAN-CHÍ vẫn là người cầm cân nảy mực. Những bức *Hoàng-yến*, *Thanh-Bình*, *Êm-Đềm* có thể gọi là tuyệt bút làm nổi bật trong các bức họa khác, đã có người đặt mua. Tuy nhiên nơi đây người ta còn nhận thấy những nét vẽ bằng dao khô-khan và bừa bãi nếu không nói là rất cầu-thả. Ở những bức tranh của họa-sĩ NGUYỄN-SAO người ta nhận thấy có nhiều cố gắng trong việc chọn màu. Họa-sĩ NGUYỄN-KHOA - TOÀN với hai bức tranh *Hai Chị Em* và *Khỏa thân* đã chiếm được một địa-vị xứng đáng trong cuộc hòa-diệu sắc-màu linh động ấy.

CÔ TRƯƠNG-THỊ-THỊNH với hai bức *Khỏa thân*, *Mẹ và Con* vẫn đứng yên trong lĩnh vực nhà Trường. Những bức vẽ của cô có phần tỉ-mỉ song yếu ớt tạo thành một vẻ buồn mơ màng trầm lặng. Lối vẽ của trường Mỹ Thuật Hà-Nội cũ và kiểu *Ingamberty* đã một lần nữa hiện lên trên những bức tranh của nhà họa-sĩ vui tính

NGUYỄN-SIÊN. Bố cục vững vàng và màu sắc đẹp một cách riêng biệt. Hai bức họa *Sinh-Hoạt*, *Đồng Quê* và *Dưới Bóng Dừa* đã nhắc lại cho chúng tôi nhớ tới lối vẽ của một trăm bức họa trước của ông với những màu bắt di bắt dịch như vàng đất (ocre-jaune) vàng đỏ (ocre-rouge) xanh thắm (bleu de Prusse) xanh thiên lý (vert jaunâtre) xám vàng (gris jaunâtre) v.v..

Có một vài họa-sĩ mới ra mắt công chúng như : NGÔ-VĂN-NGHỊ với bức *Giỏ Trái Cây* và họa-sĩ THẾ-SỰ với hai bức *Hót Tóc*, *Cô Gái và Con Mèo* cũng được công chúng chú ý.

Chúng tôi rất hoan-nghinh ban Tổ Chức của Hội Văn-Hóa Việt-Nam, và các Họa-sĩ tên tuổi đã cố gắng không ngừng để nâng cao trình độ văn hóa trong lĩnh vực Mỹ-Thuật hội-họa Việt-Nam mỗi ngày một tiến lên.

Rời khỏi địa-diểm trên, chúng tôi liền đi đến trụ sở Pháp-Văn Đồng-Minh-Hội đường Gia-Long Sài-gòn, là nơi trưng bày các tác phẩm của nữ họa-sĩ BÉ-KÝ. Ở đây công chúng đến xem không được đông lắm. Song nữ họa-sĩ vẫn có thường trực nơi đây để đón tiếp khán giả một cách niềm nở.



Đó là một thiếu nữ trẻ tuổi hiền lành. Cô Bé-Ký tên thật là Nguyễn-thị-Bé, sinh năm 1939 tại Hải-Dương, Bắc-Việt. Từ thuở ấu thơ, cô Bé-Ký đã có một tâm hồn nghệ sĩ, yêu chuộng Hội-họa.

Năm 1954, Bé-Ký được họa sĩ TRẦN-ĐẮC thu dụng làm môn đệ và nghĩa nữ. Trót sanh vào một gia-đình hàn vi, nên ngày ngày Bé-Ký phải ra ngoài phố với tập giấy trắng, tập vẽ theo lối hoạt-họa, cảnh và người. Cô vừa vẽ vừa bán tranh trên vỉa hè Đô-Thành đông đúc. Sau đó Bé-Ký mới chuyển sang học màu sắc vẽ chì than, phần màu và vẽ trên lụa. Sở trường của Bé-Ký là vẽ tranh lụa mạn-họa (*caricature*). Cô đã từng mở cuộc Triển-Lãm bày tranh tại phòng khách Pháp-Văn Đồng-Minh-Hội Saigon vào năm 1957 và tại Đà-Lạt đầu năm 1958, tham dự cuộc Triển-Lãm mùa Xuân năm 1958 tại Ty Thông-Tin Đô-Thành.

Hôm nay cô Bé-Ký lại trình

bày ngót 54 họa phẩm của mình nơi Trụ sở Pháp-Văn Đồng-Minh-Hội. Họa phẩm của cô khác với các bức tranh trưng bày ở Phòng Thông-Tin Đô-Thành. Đây là những bức họa giản-dị, đơn-sơ như tâm hồn của cô. Cô Bé-Ký hình như chỉ chú-trọng đến nét vẽ phát-họa cho mềm mại, dịu dàng hơn là dùng màu sắc huy hoàng sáng sủa để tô-diểm cho bức tranh lộng-lẫy. Bởi thế nên không quyến rũ được nhiều khán-giả lắm. Tuy thế chúng tôi cũng nhận thấy nét bút của cô nữ họa-sĩ phổ-diễn được đặc-tính dịu-hiền của người phụ-nữ Việt-Nam, lại được đôi chút sắc màu hoạt-họa.

Hiện nay Bé-Ký vẫn là một nữ họa-sĩ bán tranh rong theo khắp các ngõ đường, sống một cuộc đời thanh-bạch với một tâm-hồn thiết-tha với nghề hội-họa. Với tài-hoa còn son-trẻ, cô để cho chúng ta rất nhiều hứa hẹn ở tương-lai...

LÂM-ĐIỀN

- Thưa ông, cháu nó ngã xuống giếng khi hồi, có phải ông là người đã xuống cứu nó thoát chết không?
- Thưa phải, ồ, nhưng có gì đâu, đó là bổn phận...
- Thưa... nhưng tôi muốn hỏi... không hiểu cái giây xuyên vàng của cháu đeo nơi cổ bây giờ đâu mất, chẳng hay ông có trông thấy không?

ÁO NGỌC

Sóng nhạc biếc say làn hương áo ngọc
Cung Dục-trì xanh nhịp bóng duyên-duyên
Đôi mắt em vương cánh bướm trang huyền
Ôi diễm tuyệt hồn thơ lên chói với !
Khoác áo hoa đăng triều dương diệu vợi
Giãi sông Hằng in sóng bạc cung trăng
Mì thu hồ chưa vương bóng mây dăng
Thơ áo nguyệt thơm làn da mỹ nữ.
Em và anh ru hồn trinh chế ngự
Cả không trung rền nét nhạc hoàng vương
Lã đông phong trên nhụy đoá hải đường
Im tiếng nhạc trên cầu kinh kiều mị
Một sáng tinh vân vằng son hoa mỹ
Nửa lưng bầu ôm gói trọn thi nhân
Chén Quỳnh tương men ngự cả gian trần
Ta vội vã đến chờ em áo nguyệt
Tím nắng hoa đăng nửa trời đầu khuyết
Em là ngàn trang mị nếp lầu trăng
Giữa cánh đời lã nhịp gió hoa đăng
Ôi ! ánh sáng triều-dương vàng ảo tượng
Xanh cỏ hoang-sơ xanh trời tám hướng
Anh hiện về uơm hơi thở Nhân gian
Và trông em tay ngọc chuốt hương vàng
Xoa thấm dịu niềm đau thương vũ trụ
Thơ dệt dài-sương hoa đời liễu rủ
Thơ sông hồ hòa nhịp sống nhân gian
Và muôn đời em khoác áo Giai nhân

Giang Tuyền T.T.T. (Huế)

★
MỘT QUAN NIỆM PHÊ-BÌNH



ĐIỀU-THUYỀN

★ TRẦN-TƯỚNG-NIỆM

... Lúc bảy giờ, Đồng-Trác lộng quyền. Nhờ vũ dũng của Lữ-Bố, lực lượng của Đồng-Trác rất là mạnh mẽ. Muốn giết Đồng-Trác, Tư-Đồ Vương-Doãn dùng mỹ nhân kế làm cho hai cha con mâu thuẫn với nhau. Cuối cùng Lữ-Bố giết Đồng-Trác. Người con gái được dùng đó là nghĩa nữ của Vương-Doãn : Điều-Thuyền.



Chuyện Tam - Quốc đối với nhân dân ta đã có giá trị phổ biến. Đã từ lâu và mãi mãi cho đến ngày nay. Nhân dân ta vẫn say sưa với chuyện cũ. Có nhiều cụ già

Ai cũng mắng Điều-Thuyền là dâm-ô, đi-thóa... chanh-chua, khôn-nạn...

Nhưng đã chắc rằng phê-bình như thế là đúng chưa ? Không, Điều-Thuyền bị vu-không !

Đây là quan niệm phê-bình của một bạn đọc.

P. T.

bây giờ vẫn thuê người đọc chuyện Tam-Quốc để nghe, mặc dầu họ đã thuộc gần hết câu chuyện, thuộc hết thứ lớp của bản chuyện trường giang đại hải ấy cũng như thuộc gần hết tên các nhân vật. Các nhà công tác nghệ thuật đã

dùng chuyện Tam-Quốc để định thành những vở tuồng vở chèo diễn đi diễn lại. Cách đây mấy chục năm những vở tuồng lấy đề tài trong Tam-Quốc được nhân dân hưởng ứng rất nồng nhiệt, và đến bây giờ, cảm tình của khán giả đối với những vở tuồng ấy không hề giảm sút. Vì sao ?

Lý do rất dễ hiểu : Tam Quốc phản ánh một cách rất trung thực xã-hội Việt-Nam ngày xưa và phản ánh những sự việc, nhân vật, những khuynh hướng tư tưởng và tình cảm của con người phương Đông trên những đường nét phương diện phổ biến và vĩnh cửu.

Quan - vân - Trường tượng trưng cho một người trung thực, cái trung thực của Quan-vân-Trường là một đức tính thiên bẩm, phù hợp với sinh hoạt và tâm lý của người phương Đông.

Tào-Tháo tượng trưng cho một người cơ mưu quyền biến, có đủ thủ đoạn để thực-hiện mục-dịch v.v...

Tồn phu nhân là một mâu thuẫn giữa tình cảm và lý trí, giữa một lẽ phải này và một lẽ phải khác mà bà phải chọn lấy một đường đi.

Trong các nhân vật có giá trị phổ biến ấy, Điều-Thuyền đã bị nhân dân nhân định là dâm ô, dĩ

thỏa, chanh chua v.v... nghĩa là một người con gái đủ hết tất cả các tật xấu, hiểu theo Đông phương. Nhân dân ta đã có những thành ngữ "lẳng như Điều-Thuyền", "Đĩ như Điều-Thuyền" v.v... Như thế trong quần chúng, Điều-Thuyền đã có một giá trị nhất định, tượng trưng cho một hạng người nhất định, hạng người dĩ thỏa, chanh chua.

Vì sao vậy ?

Từ trước đến nay, ý thức hệ Việt - Nam vẫn là ý thức hệ Tam Giáo. Nho, Phật, Lão, mà ý thức hệ Nho giáo là căn bản. Nho giáo đã vạch ra một luân lý quan rất chặt chẽ, dựa vào chủ thuyết "Chính danh" và "Tín Quân". Từ đó, những huấn điều luân lý nho giáo đối với cá nhân, gia đình, quốc-gia, xã-hội đã được hệ thống hóa một cách chặt chẽ theo chủ thuyết và đã thành những luật lệ khắt khe, có giá trị không những đối với pháp luật mà còn giá trị đối với phong tục, tập quán, dư luận. Luân lý nho giáo quan niệm rằng người đàn bà phải "tam tùng", "tứ đức", tại gia tùng phụ xuất giá tùng phu, và phu tử tùng tử v.v...". Dư luận chung, khi phê phán, cũng dựa theo quan niệm ấy. Do đó, mọi người đều quan

niệm Điều-Thuyền là hư hỏng. Người ta không thể nào quan niệm được việc Điều-Thuyền đã lấy Đồng-Trắc, thất thân với Đồng-Trắc rồi lại dùng mưu để cho Lữ-Bổ giết Đồng-Trắc và cuối cùng lấy Lữ-Bổ. Nhìn sự việc một cách phiến diện như thế cho nên các nhà luân lý, các nhà công tác nghệ thuật ngày xưa, bằng phương tiện của họ, hướng dẫn dư luận về chiến hướng chỉ trích, mặt sát Điều-Thuyền về tư cách cá nhân. Hiểu theo họ, hành động và tư cách Điều-Thuyền không phù hợp với giáo điều luân lý.

Quan niệm trên có đúng không? Điều-Thuyền có đáng chê trách không? Cần phải quan niệm nhân vật Điều-Thuyền trong Tam-Quốc như thế nào? Đó là vấn đề.



Xã-hội Trung-Hoa lúc bấy giờ rất hỗn loạn. Nhà vua suy yếu, cường thần lộng quyền, các lãnh chúa mỗi người chiếm cứ một địa phương. Nhân dân vô cùng cực khổ vì chiến tranh liên miên vì quyền lợi của lãnh chúa này hay lãnh chúa khác. Kinh-tế hết sức là suy sụp vì nông nghiệp đình trệ, phá sản vì chiến tranh.

Trong tình trạng ấy, trong trình độ ấy, giải pháp thích hợp nhất, phù hợp vì quyền lợi của quảng đại nhân dân là gì? Kinh-tế Trung-Hoa lúc bấy giờ là kinh tế nông nghiệp. Căn bản kinh-tế đó, muốn được phát triển cần phải dựa vào chế độ quân chủ tập trung. Quảng đại nhân dân yêu cầu một chính quyền mạnh, tập trung vào một người có đủ quyền uy chính trị và uy tín tôn giáo là Thiên tử để giữ trật tự về mọi phương diện, để duy trì thế quân bình trong xã hội, để phát triển kinh-tế, tái lập hòa bình. Yêu cầu chính đáng đó đã thể hiện bằng học thuyết Khổng-Tử mà căn bản chính-trị là



« Tôn Quân » cũng như bây giờ yêu cầu của nhân dân là Tự-Do, Dân-Chủ.

Quan niệm như thế thì chúng ta phải công nhận rằng tất cả hệ thống giáo lý của Khổng-Tử đều hướng chiều tới chủ thuyết và huấn điều về việc giáo dục phụ nữ thanh niên v.v. đều là những con đường đi đến chủ thuyết mà thôi. Mặt khác, dựa vào chủ thuyết thích ứng trong thời ấy mà nói thì những ai mà vì tư tưởng, tình cảm cũng như hành vi và ngôn ngữ đều nhằm vào cứu cánh ấy là những người tốt, những người phải, chính-nghĩa. Những ai đi ngược lại đường lối ấy là phản động, có tội.

Trở lại cô Điều-Thuyền và xã hội Tam-Quốc của chúng ta.

Lúc bấy giờ, đường lối phù hợp với quảng đại quần chúng là tôn phù nhà Hán, xây dựng một chính quyền mạnh cho vua Hán đề cho hòa bình được tái lập, nông nghiệp được phát đạt, nhân dân được ấm no.

Điều-Thuyền, trong hoa viên nhà họ Vương, đã khẳng khái nhận lấy sứ mạng tôn phù nhà Hán theo kế của Vương Doãn. Thực hiện được kế đó, trước hết nàng phải

hy sinh trinh tiết là cái đáng quý nhất của người đàn bà. Nàng đã đem hết thành tâm thiện chí ra thực hiện kế hoạch. Do thành tâm thiện chí sáng kiến thông minh đã đến với nàng và tấn tuồng « Phụng-Nghi-Đỉnh » đã báo hiệu cho sự trung lương, cho dù là ngăn ngòi của nhà Hán. Trong tấn tuồng Phụng-Nghi - Đỉnh, vì đại nghĩa, Điều-Thuyền đã đem hết thông minh, tình tứ, nhan sắc ra làm cho Đồng-Trác và Lữ-Bố giết nhau. Kết quả nàng đã đạt được. Nàng đã hy sinh hết tất cả để phục vụ đại nghĩa và để kết cuộc nàng lấy Lữ-Bố. Việc lấy Lữ-Bố là một chuyện rất hợp lý và nhân bản vì cả một xã hội ngu ngốc ấy có ai hiểu được nàng cho cụ thể, có ai quan niệm được, hiểu được việc làm vì con người của nàng, nàng làm sứ mạng và nàng phải sống. Tuy người nàng cũng có nhiều yêu cầu tinh thần, tình cảm và xác thịt. Yêu cầu tinh thần và tình cảm của nàng đã được giải quyết thì sứ mạng đã thành, yêu cầu sinh lý cũng phải được giải quyết... bằng con người độc nhất hợp lý hợp tình là Lữ-Bố.

Như thế, trước công luận, trước lịch sử, Điều-Thuyền đáng khen

hay đáng chê, đáng phục hay đáng trách ?

Câu trả lời đã rõ : Điều-Thuyền là một người đáng khen đáng trọng, là một người có công với nước Trung-Hoa vì đã nêu một gương tốt cho hậu thế.

Những người công tác nghệ-thuật Trung-Hoa và Việt-Nam, nhất là Việt-Nam ngày xưa, khi lấy chuyện Tam-Quốc làm đề tài cho các vở tuồng, vở hát, thường có những quan niệm về luân lý rất sai lầm. Nhất là khi đưa vở "Phụng-nghi-Đình" lên sân khấu, quan niệm sai lầm luân lý đó đã làm cho vấn đề diễn xuất cũng hư hỏng. Người đạo diễn, các diễn viên và ngay diễn viên thủ vai Điều-Thuyền cũng chỉ chú trọng vào việc làm nổi bật tiêu tiết, nghĩa là làm nổi bật thái độ là lời, sự tận dụng quyền lực của sắc đẹp của Điều-Thuyền mà thôi. Họ không biết hay là không chịu đặt vấn đề thực hiện nghệ thuật thế nào cho khán giả hiểu được ngay là sắc đẹp đó, thái độ là lời đó đã được nhân vật sử

dụng như là phương tiện để thực hiện mục đích, một mục đích rất tốt đẹp.

Nhà luân lý, người nghệ thuật sai lầm trong lập trường, quan điểm quần chúng hiểu vô tuồng, hiểu nhân vật qua tính thần dưng nên do lập trường, quan điểm sai lầm trên. Dư luận trở thành sai lầm, lệch lạc.

Người sau đốt đèn xem chuyện, bất bình hộ cho Điều-Thuyền. Nếu như ta tin rằng linh hồn vẫn tồn tại với không gian và thời gian thì chắc Điều-Thuyền phải hoặc là uất ức, hoặc là thương hại cho nhân thế.



Đồng-Trác

Do đó, vấn đề đặt ra là phải có một quan niệm phê bình cho đúng đắn, nhất là khi phê bình người xưa không có tham vọng đặt vấn đề một cách rộng lớn, chúng tôi chỉ xin giới hạn vấn đề

trong phạm vi bàn về thái độ phê bình một người, trên căn bản tôn trọng con người đúng mức.

Phê bình một người, thiết tưởng chúng ta cũng nên có một quan niệm

chắc chắn và một nhân quan thấu suốt. Phải đặt nhân vật trong hoàn cảnh lịch sử, nhìn cho thấu suốt hình diện của nó, tìm hiểu cho được con đường đi đến chính nghĩa rồi hãy đặt vấn đề phê bình : Căn cứ của sự phê bình là chính nghĩa chung của giai đoạn cộng với quyền lợi của cá nhân và quyền lợi của cá nhân phải nằm trong chính nghĩa với những phương tiện, những khía cạnh đặc thù của

nó Đặt vấn đề như thế, chúng ta mới có thể đi sâu được vào việc phê bình với tất cả sự tinh táo của chúng ta. Có như thế, chúng ta mới khỏi có tội với người xưa và như thế, có lẽ là khi ta đã làm được một việc tương đối trong cái tương đối chung, vì đã đạt được cái tương đối như thế là chúng ta đã một phần nào tiến đến cái tuyệt đối trong tương đối vậy.

TRẦN-TUÔNG-NIỆM

VÀI CÂU ĐỐI TẾT

★ Cho những thanh-niên đang mong ước duyên lành :

- Tối ba mươi khép cánh càn-khôn, ních chặt kéo Ma-vương đưa quỷ tới ;
- Sáng mồng một lỏng then tạo-hóa, mở toang cho Tiên-nữ rước Xuân vào.

(HỒ-XUÂN-HƯƠNG)

★ Thông-cảm với Ma-Men :

- Thiên-hạ đại vô cùng, pháo nổ đi dùng thêm mất chó.
- Ông này khôn bất trị, rượu say túy lúy lại nằm mèo !

(NGUYỄN-KHUYẾN)

★ Đề quên nợ nần :

- Chiều ba mươi, nợ hỏi títt mùi, co căng đập thàng Bân ra cửa.
- Sáng mồng một, rượu say túy lúy, giờ tay đón ông Phúc vào nhà.

(NGUYỄN-CÔNG-TRÚC)

★ Và cuối cùng đề tặng những anh mù :

- Tối ba mươi nghe nói giao-thừa, ờ ờ Tết.
- Sáng mồng một, vấp nêu Nguyễn-Đán, à à Xuân.

(NGUYỄN-CÔNG-TRÚC)

Xuân về với

Thi-Nhân Á-Đông



(hình do tác-giả vẽ)

★ PHẠM-CÔNG-THIỆN

✱ Sau khi NGUYỄN-VỸ đã đem về cho chúng ta mấy cánh **HOA TƯƠNG-TU** trong **VƯỜN THƠ XUÂN** Âu-Mỹ, với hương sắc xa-lạ, thì đây, **PHẠM-CÔNG-THIỆN**, một nhà văn trẻ tuổi, — còn trẻ hơn **Nữ-Sĩ FRANÇOISE SAGAN**, — ngấm cho chúng ta nghe một ít văn thơ Xuân của các Tao nhân Đông-Á. Thế là mùa Xuân Văn-Hóa, các bạn thân-mến của **PHỖ-THÔNG** được dịp nghe Thơ Xuân của khắp cả bầu trời... Các bạn nghe hết các bài thơ Xuân của Âu-Tây rồi đến Đông-Á, chắc hồn thơ sẽ tràn ngập hoa mơ, xôn-xao hướm mộng rồi bất giác sẽ trở nên Thi-sĩ cũng nên!...

★ PHỖ-THÔNG

|| AI đến lúc tàn-niên nữa rồi...

Chỉ trong một khoảnh-khắc, một năm cũ đã đột chuyển sang một năm mới. Tiếng pháo giao-thừa trời dậy rân cả đêm khuya tĩnh-mịch. Cả một trời Xuân bùng-

bùng hồi-sinh. Tất cả thi-nhân của mầu đất Đông-Á đồng vận trầm giầy hòa chung Xuân-khúc tung-bùng của vạn kỷ. Tôi và bạn hãy thả hồn miên-mạn theo điệu đàn réo-rắt để mà chơi-vui, để mà phiêu-diêu khắp vòm trời thơ Xuân của miền Á-đông vều-dầu.

✱

Tôi trộm nghĩ rằng Xuân chỉ ngự ở đất trời Á-đông. Có ai muốn tận thưởng cái Xuân thật sự của trần-gian, hãy hỏi tôi, tôi sẽ trang-trọng mời đến phương trời Á-đông phong-lệ.

Có phong-quang nào diễm-lệ hơn xuân-quang ở Đông-Á ? Phải chăng Thượng-đế chỉ tạo riêng Xuân cho người Á-đông thôi ?

Xuân sang ! Tâm-hồn người Á-đông có một cái gì rất khác-biệt con người Tây-phương. Có ai mà không cảm thấy cái gì rạo-rực, thiêng-lêng và cao-quí ở tâm-tưởng ?

Xuân về ! Tưởng chừng như hầu hết miền Đông-Á cần-cỗi biến thành HOA, thành NHẠC, thành MỘNG, thành THƠ ! Trách chi ngày xưa đã có một nhà đại thi-sĩ của xứ hoa Anh-dào — Saigyô-Hoshi — mãi hoài mong được chết đang mùa Xuân thấm tươi-đẹp...

Cơ-hồ mỗi độ Xuân sang là mỗi lần nền văn-học Á-đông lại được phần phong-phú và khời sắc thêm lên bởi vô-số áng thơ diễm tuyệt của các tao-nhân mặc-khách.

Họ ca Xuân, nức Xuân, mừng Xuân, giận Xuân, khóc Xuân, than Xuân, cảm Xuân, hoài Xuân, mơ Xuân, họ tiếc Xuân cũ, họ buồn Xuân sang, họ khóc Xuân tàn, v.v.. Muôn vạn, muôn vạn vần thơ trác-tuyệt đã diễm-xuyết lâu-đài văn-học của đất Á-đông nghìn năm văn-vật !

Chúng ta hãy cùng nhau chu-du khắp trời thơ Xuân của Việt-Nam, của Trung-Hoa và của Nhật-bản... Chúng ta hãy để hết cả tâm-hồn ta hòa chung một nhịp cùng tâm-hồn của thi-nhân đang lúc Xuân về...

✱

Trên đài thơ Xuân Việt-Nam từ hậu-bán thế-kỷ XIX ngược-lại, **TRẦN-TẾ-XƯƠNG** đáng làm vương-bá. Thơ Xuân của cụ Tú «dở dở lại ương ương» lại có phần nhiều hơn hết các thi-gia khác nữa. Bài thơ Xuân thanh-thú và nhẹ-nhàng nhất của nhà thi-sĩ Vị-Xuyên có lẽ là bài mà ít người biết :

Một ngọn đèn xanh, sách mấy
chồng,

Cười Xuân hoa thắm một vại
bông ;

Xiết bao ý-vị, bao tình-tú,
Ngâm đọc thâu đêm dưới bóng
lồng.

(Đọc sách đêm Xuân)

Vài ba nét phơn-phớt trên cũng
đủ cho ta hưởng chung cùng tác-
giã cái ý-vị của thú đọc sách giữa
đêm Xuân, vài ba nét thôi cũng
lưu gày cho ta cái cảm-giác lâng-
lâng nhẹ-nhẹ của một tối ba mươi
tịch-mịch. Song cái cảm-giác êm-
đẹp này rất ít gặp trong thơ Xuân
của Tú-Xương. Hầu hết thơ về
Xuân của ông đều bông-dùa, cười-
cợt cái rôm của mình và cái rôm
của người về lúc Tết. Chẳng ai
mà không thuộc những văn thơ
khoác-lác, chua-chát đại-loại như :

Anhem đừng nghĩ Tết tôi nghèo,

Tiền của trong kho chứa lĩnh
tiêu.

Rượu cúc nhân đêm hàng biếng
quầy ;

Trà sen mượn hỏi, giá còn
kiểu.

Bánh đường sắp gói, e nồm
chảy ;

Giò lụa toan làm, sự nằng thiu.

Thôi thế thì thôi, đành Tết khác,

Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo.
(Tết đến)

Hãy nghe thi nhân cười cái
rôm của người :

Xuân từ trong ấy mới ban ra,
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi
nhà . . .

Đi-dệt ngoài sân tràng pháo
chует,

Om-thòm trên vách bức tranh gà.

Chỉ cha chỉ chất khua giày-dép,

Đen thui đen thui cũng lượt-
là . . .

Dám hỏi những ai lòng cố-quốc
Rằng Xuân, Xuân mãi thế
ra mà !

Giọng thơ mới tự - nhiên làm
sao ! Mấy chữ « đi-dệt », « om-
thòm » và « thế ra mà » rất đáng
được « khuyển » lắm !

Khởi hoạt nhất là bài « Chúc
Tết » và « Năm Mới » ; hai bài
này rất được truyền tụng tới nỗi
tôi khỏi phải cần chép lại hết ra
đây làm gì :

...Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con,
Sinh năm đẻ bảy được vương
tròn.

Phổ phường chật hẹp, người
dòng-đúc,

Bồng bế nhau lên nó ở non . . .

Về thơ Xuân cổ - điển, ngoài
TRẦN-TỂ-XƯƠNG, phải kể

NGÔ-CHI-LAN, NGUYỄN-CÔNG - TRỨ, NGUYỄN-KHUYẾN, TRẦN-NHÂN-TÔN v.v... Mỗi thi-nhân Việt-Nam nào cũng có ít bài thơ về Xuân ; vì, theo lệ xưa, hễ là thi-sĩ thì thế nào đến ngày Tết cũng phải có một vài bài, gọi là làm một « kế-toán » niên-để ». Chỉ có thơ Xuân của TRẦN-TẾ-XƯƠNG là đặc-sắc, là còn rung-cảm ta sâu-đậm ; kỳ dư thơ Xuân của các vị khác đều đại-loại như nhau cả, cứ mấy chữ « oanh », « bướm » hay « liễu » lập đi lập lại mãi thật là ngấy chán làm sao. Đọc những bài thơ của họ, ta thấy cả một thời « mực tàu giấy bản » cơ-hồ lơ-lệ sống lại :

*Khí trời ảm-áp đượm hơi dương
Thấp-thoảng lâu dài về ác vàng,
Rèm liễu lú-lo oanh hót gió,
Giậu hoa phấp-phới bướm chân*

hương...

(NGÔ-CHI-LAN)

Chắc ít ai còn nhớ bài « mưỡu » về Xuân của NGUYỄN-CÔNG-TRỨ, cái con người thơ hào-hoa phong-nhã có đến 14 cô vợ :

*Xuân sang hoa cỏ thêm tươi,
Khoe màu quốc-sắc trẻ mùi
thiên-hương.*

*Đằm ắm thuở tin Xuân phút
bắn,*

*Khí phát-sinh rải-rác trên cành,
Thư tập bay, bướm mới uốn
ninh,*

*Muốn học nói oanh còn lo
liếng.*

*« Liễu hoàn cữu lục oanh do
lĩnh,*

*Đào thi tân hồng điệp vị
trí ».*

*Mái đông phong mây liễu xanh
rì.*

*Đám tàn tuyết đầu non trắng
xoa.*

Buổi hòa-hú khí trời êm-ả.

*Hội Đạp-Thanh xa-mã dập-
đau ;*

*Nghìn vàng một khế xuân-
tiêu.*

Ở buổi giao-thời — đầu thế-kỷ XX, TÂN-ĐÀ cũng có góp nhiều bài thơ Xuân đáng kể cho văn-học. Từ khoảng năm 1928 đến khi xảy ra trận Đệ-nhi Thập-Chiến, thơ Xuân của thi-nhân Việt hoàn toàn đổi lột, đượm nhiều sắc-thai mới-mẽ của thời-đại. Những thi-nhân của một thời lãng-mạn trong thi-ca Việt-Nam (THẾ-LỮ, HÀN-MẠC-TỬ, NGUYỄN-BÍNH, NGUYỄN-VỸ, HUY-CẬN, XUÂN-DIỆU, LƯU-TRỌNG-LƯ, CHÊ-LAN-VIÊN, TRẦN-HUYỀN-TRẦN,

NGUYỄN - NHƯỘC - PHÁP,
v.v...) lần lượt để lại hậu-thế vô-
số áng thơ tuyệt-tác về Xuân.

Một CHẾ-LAN-VIÊN khác-
khoài, đau-khổ, è-chè :

*Tôi có chờ đầu, có đợi đầu
Đem chi Xuân lại gởi thêm
sầu ?*

*Vết tôi lất cả như rô nghĩa,
Tất cả không ngoài nghĩa khổ
đau !...*

Một HÀN - MẶC - TỬ với
cảm-nghĩ viễn-vòng, trầm-sầu của
một thanh-niên đa cảm đa tình :

*Trong làn nắng ửng, khói mơ
lan,*

*Đôi mái nhà tranh lấm-tấm
vàng,*

Sột-soạt gió trêu tà áo biếc.

*Trên giàn thiên-lý, Bóng Xuân
sang...*

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới
trời,*

*Bao cô thôn-nữ hát trên đồi,
— Ngày mai trong đám xuân-*

xanh ấy,

Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tôi yêu nhất hai câu sau cùng :

Ngày mai trong đám xuân-

xanh ấy,

Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Một NGUYỄN-VỸ với mỗi
u-buồn vạn thuở, với lòng vị-tha
lại-láng, dạt-dào :

Bao người thiên-thu.

Trong đêm ám-u

Trong gió vi-vu

Trong sương mịt-mù

Nào đâu biết Xuân !

Đêm nay Xuân sang

Bên những mờ hoang.

Không cánh hoa tàn !

Không một lời than !

Không khói hương vàng !

Không tiếng pháo vang !

Đêm Xuân nay

Người cười giòn ngắt-ngây

Người chề chén vui say...

Thi-sĩ đã khéo dùng âm U trầu
buồn nặng-nặng, lê-thê... làm cho
ta cảm thấy cái gì u... u... buồn...
buồn trong tâm-tư vậy.

Một NGUYỄN - BÌNH nhìn
Xuân qua nhãn-kính màu xanh : êm
đẹp, vui-tươi và thơ-mộng :

Xuân về trong liễu lê-thê,

*Xuân về trên cánh bướm xoe
con con*

Xuân về trong nhựa mần non,

*Xuân về trên miệng tươi dòn
hoa mơ...*

Hoặc :

Đây cả mùa Xuân đã đến rồi !

*Từng nhà mở cửa đón vui
tươi*

Từng cô em bé so màu áo.

*Đôi má hồng lên nhí-nhảnh
cười.*

Và tựa hoa thơm cánh mở dần
Từng nàng thực-nữ dạy thì
Xuân
Đường hương thao-thức lòng
quân tử
Vô ngựa quen rồi ngõ ái ân.
Từng gã thư-sinh biếng chải
đầu.

Một mình mơ ước truyện mai
sau :

“Lên kinh thi đỗ, làm quan
trạng

Công chúa cài trâm thả tú cầu”.

Chao ôi ! lại nói đến ngày xưa !

Ài nhột sao cho hết bụi mờ.

Mơ một đêm qua tôi đã thấy

Ba nghìn cung nữ ngóng xe
vua...

Bài thơ này làm tôi nhớ đến
một NGUYỄN - NHƯ'ỚC-
PHÁP dễ thương, duyên - đáng
với thời Xuân thơ-mộng của
ngày xa-xưa lãng-lắc :)

Hôm đó buổi chiều Xuân

Trông mây hồng bay vãn ;

Liên gặp pho kinh sử

Lững-thững khỏi lầu vãn.

Đường leo, nhà lom-khom,

Mái xanh, tường rêu mòn.

Ta nhìn ngâm-ngà đọc

Câu đối cửa màu son.

Phu khiêng kệu ngăn-ngự,

Thầy lại và thầy thơ

Ngồi xôm cười bên lọng,

Trước cửa tòa đình-cơ.

Cương da buộc thân cây,

Vài con ngựa lắt dây

Nghềng đầu lên gậm lá,

Đạp chân nghiêng mình xoay.

Đi vui rồi vãn-vơ,

Hay đâu thức còn mơ !

Lạc vào trong vườn rộng,

Mơ vẫn còn ngâm thơ !

Ô ! vườn bao nhiêu hồng !

Hương nghi-ngút đầu bông!

Lầu xa lộ mái đỏ,

Móc có hai con rồng.

Thoảng tiếng vàng thanh-tạo,

Bên giàn lý, bờ ao

Một nàng xinh như liễu

Ngồi ngắm bông hoa đào.

Tay cầm bút đề thơ,

Tì má hôn vãn-vơ

Nàng ngâm lời thánh-thót,

Ài không người ngăn-ngờ !

Ta lặng nghe hồi lâu,

— Nhưng thì giờ đi mau

Đứng ngay gần non bộ,

Có ông lão ngồi câu.

Nàng chợt nghiêng thân ngà,

Thoảng bóng người xa xa

Reo kinh hoàng, c lệ,

Đưa rơi cành bút hoa.

Ta mơ chưa lại hôn,

Nàng lẹ gót lầu son

— Vừa toan nhìn nét phượng,

Giấy thẹn bay thu tròn.

(Một buổi chiều Xuân)

Một THẾ- LỮ đậm-dà với biết
bao áng thơ Xuân tuyết-vời : Xuân
của một khách lãng du, phiêu-dạt
bãi-hồ quanh năm, tháng :

Hôm nay tạm nghỉ bước gian-
nan,

Trong lúc gần xa pháo nổ ran,
Rũ áo phong sương trên gác
trọ,

Lặng nhìn thiên-hạ đón Xuân
sang.

Ta thấy Xuân nồng thắm khắp
nơi,

Trên đường rộn-rã tiếng đua
cười.

Động lòng nhớ bạn Xuân năm
ấy,

Cùng ngắm Xuân về trên khóm
mai.

Lòng ta tha-thiết được tình
yêu,

Như cánh trời Xuân lướt
nặng chiều,

Mát lệ đầm trông miền cách
biệt,

Phút giây chừng môi gởi phiêu-
lưu ...

Cát bụi tung trời — Đường
vất-vả

Còn dài — Nhưng hãy tạm
dừng chân,

Tưởng người trong chốn xa-
xăm ấy,

Chẳng biết vui buồn đón gió
Xuân.

Còn rất nhiều bài thơ đẹp về
Xuân của rất nhiều thi-nhân của
cái thời lãng-mạn ấy trong thi-ca
Việt-Nam (nghĩa là khoảng 1928
đến đại-chiến thứ hai).

Tôi tham-lam lắm, tôi muốn
chép hết vào đây. Nhưng thôi,
thiết tưởng bấy nhiêu bài thơ tôi
cử ở trên cũng tạm tiêu-biểu khá
đầy-đủ cho một thời-kỳ rồi.

Đến ngày toàn dân Việt-Nam
cùng nhau một lòng góp-sức cho
công-cuộc Đại hồi-sinh quê cha
đất Tổ, phong-trào thơ lãng-mạn
lãng xuống và chấm dứt, ta bắt đầu
được cái sảng-khoái nghèo-ngao
nhưng vẫn thơ Xuân nhiệt-huyết
và thiết-thực, không mơ-màng viễn-
vong, xa lánh cuộc sống.

Nhưng mấy năm gần đây, người
ta bắt đầu thấy cái màn lãng-mạn
manh-nha lại và có cơ phát-triển
mạnh trong thi-ca Việt-Nam. Thế-
hệ thanh-niên văn-ngệ-sĩ hậu-chiến
vướng lại cái « bệnh của thời đại » ;
họ chịu ảnh-hưởng sâu-đậm của
thế-hệ lãng-mạn trước. Rất nhiều
bài thơ Xuân bi-quan, ề-chề, da-
diết thấy đầy-dẫy như độ nào.
Xuân sang, mọi người đều hơn-
hở, phê-phỡn vui-tươi, thi-nhân
lại yếm-thế, nhắc-nhở những đồ-

vở của đời mình để rồi than cho
số-kiếp bẽ-bàng, vô duyên như
bài thơ suốt - suốt sau đây.
Hãy nghe một trong những thanh-
niên tiêu-biểu nhất của thể-hệ văn-
nghệ-sĩ hậu-chiến :

*Xuân đã về nghĩa là xuân đã
về . . .*

*Thành sầu gun-ngút ê-chề em
ôi !*

*Trót lỡ yêu ai trót lỡ rồi
Án-thầm vạn-kỷ tìm đời tôi.*

Nghìn sau, nghìn sau . . .

Đừng ai điên-dại qua cầu

Như tôi !

*Trời ơi ! Duyên kiếp bẽ-bàng
Một yêu đành chuốc muôn vàn
khổ đau !*

Nghìn sau, nghìn sau . . .

*Đừng ai nhắc-nhôm chuyện sầu
Của tôi !*

*Ngỡ-ngàng, ngỡ-ngàng... người
ôi !*

Bẽ-bàng chực giết hồn tôi !

Đắp xây hư-ảo thơm-lành

*Đề chữ nhân-ảnh phải thành
lệ chan...*

Đã lỡ yêu em đã lỡ rồi

*Trời ơi ! lạnh chết cả đời tôi.
Xuân đã về nghĩa là Xuân
đã về...*

*Thành sầu gun-ngút ê-chề...
em ôi !*

Và đây họ ôm-ò với một chiều
Xuân tung-bùng, rồi than khóc
mỗi tình dang-dở của cái thú
chớm mười sáu tuổi đầu :

Chiều Xuân hội

Mở tung bùng...

Cớ sao tôi lại

Ngập-ngừng...

Muốn đi.

Biệt nơi đây mảnh

Tình si,

Nghìn yêu chuốc khổ

Rèm mi

Ngỡ-ngàng...

Mười mười sáu tuổi

Dở-dang !

Mộng tình muôn thuở

Lỡ-làng...

Em ơi !...

Chúng ta đã ngâm quá nhiều
thơ Xuân rồi, cũng hơi mệt. Có
họng khô, thanh-huyền hơi chùng.
Bây giờ, ta hãy ngừng nơi đây
một chỗ, nhấp chén nước trà cùng
một miếng mứt, nhien hậu tiếp-tục
du lãm một vườn thơ Xuân ngào-
ngạt khác ở phương xa Có lẽ cuộc
viễn-du này sẽ mang lại cho ta nhiều
rung-cảm hứng-thú, xa-lạ hơn...



Trung-Quốc có rất nhiều bài
thơ Xuân cực đẹp. Bạn nào thông

Hàn-văn tất đã đọc qua những bài
Xuân-mộng của SÂM - THAM,
Xuân đề hồ thượng của BẠCH-
CÚ-DỊ, Mộ Xuân qui cố sơn
theo đường của TIỀN-KHỞI,
Xuân tịch lũy hoài của THÔI-ĐỒ,
Xuân cung khúc của VƯƠNG-
DUY, Xuân khuê của ĐÁI-
THỨC-LUÂN, Tuyết cú của
ĐỖ-PHỦ, Xuân tứ của GIÁ-
CHỈ, Xuân sơn nguyệt dạ của
VU - LƯƠNG - SỬ, Hán thơ
thành Xuân vọng của LƯU-VŨ-
TÍCH, Xuân nhật độc chúc của
LY-BẠCH, Xuân giang hoa nguyệt
dạ của TRƯƠNG-NHƯỘC-
HƯ, Xuân - nhật tạp thi của
VIÊN-MAI, Phong-lạc đình du
Xuân của ÂU-DƯƠNG-TU,
vân vân...

Tôi muốn trích dịch hết vào đây
để bạn thưởng-thức, song e bài sẽ
dài quá. Người ta thường bảo
« Xuân nhật tâm phương », mà
ngày Xuân, bạn phải đọc suốt một
bài báo khô-khan, dài lẽ thê thi
còn gì chán ngấy cho bằng ?



Có ai ngủ được đang lúc Xuân
sang, thê mà thi-nhân nằm ngủ li-
bì, hững-hờ phụ bạc với nàng
Xuân... Chợt tiếng chim riu-rít
khắp nơi, thi-nhân choàng tỉnh dậy,

mới biết đêm qua trời làm mưa
làm gió, và ngo-ngác lo lắng không
biết hoa rụng ít hay nhiều :

Xuân niên bất giác hiều,

Xứ xứ văn đề điều.

Dạ lai phong vũ thanh

Hoa lạc tri đa thiều.

(MẠNH-HẠO-NHIÊN)

Giác Xuân ngủ say tít

Chợt nghe chim riu-rít

Đêm qua mưa gió sao,

Hoa rụng-rơi nhiều ít ?

(PH. CÔNG-THIỆN tạm dịch)

Trên đời thường có những mẫu
chuyện tình-duyên li-ký và thơ-
mộng như TỬ - UYÊN và
GIANG-KIỀU hay TỪ-THỨC
và GIANG-HƯƠNG. Đây lại
là một câu chuyện chẳng kém li-ký
và thơ-mộng : một ngày Xuân
nắng vàng hanh có nhiều chim kêu
và có nhiều bướm lượn, một
chàng thi-si tài-hoa rất mực mà
lại đẹp trai, tên là THÔI-HỘ,
dạo chơi ngoài thành-đô, chợt
thấy vườn ai có hoa anh-đào đang
trở rất đẹp, bèn gõ cửa tìm cơ
xin nước uống để thưởng hoa.
Một cô gái đẹp tuyệt trần đoan-
trang ra hỏi rồi đem nước mời
uống. Thẽ rồi Xuân năm sau,
THÔI-HỘ bồi-hồi nhớ lại người
xưa cảnh cũ, tìm lại thăm thì cửa
đóng then cài, gõ mãi chẳng ai

ra. Ngõ-ngàng, chàng để lại bài
thơ này ở cửa rồi đi, lòng buồn
rười-rượi :

*Khứ niên kìm nhật thử môn
trung,
Nhân diện đào hoa tương ánh
hồng.*

*Nhân diện bất tri hà xứ khứ ?
Đào hoa y cựu tiếu xuân phong.*
(Đề tích sở kiến xứ)

*Cửa này, năm trước, hôm nay
Bóng đào mặt ngọc hãy hãy
ứng ngời.*

*Bây giờ mặt ngọc đâu rồi ?
Bóng đào độ ấy còn cười gió
xuân*

(PHẠM-CÔNG-THIỆN tạm dịch)

Mấy hôm sau trở lại, THÔI-
HỘ chợt nghe tiếng khóc nức-
nở. Một ông lão lợm-lợm ra hỏi
có phải là THÔI-HỘ không, rồi
kể lể sự tình. THÔI-HỘ mới rõ
là cô gái ấy đã nặn dối mà chết
vì đọc bài thơ chàng. Vốn đa-cảm,
THÔI-HỘ bưng mặt khóc rưng-
rức, những tưởng duyên-kiếp
mình luôn bề-bằng ; nào ngờ khi
chàng vào khấn, bỗng nhiên cô gái
ấy hồi sinh, thể rồi sau đó đôi gái
sắc trai tài kết-duyên Tấn-Tần...

Một sáng tinh-mor đầu Xuân,
mọi vật hãy còn chìm đắm trong
xuân-miền vô-tận, thì nhân đã

thức-giác để xem hoa cười và nghe
oanh hót :

*Phong lộ đậm thanh thần
Liêm khai độc khởi nhân.
Oanh hoa đề hựu tiếu,
Tất cánh thị thủy xuân ?*

LÝ-THƯƠNG-ẤN

*Gió thời nhẹ, sương rơi,
Mở rèm đây sớm coi :
Hoa cười oanh lại hót,
Xuân phải của riêng ai ?*

(CH.V.-dịch)

Bất-giác tôi nhớ bài « Xuân chiêu »
của vua TRẦN-NHÂN-TÔN
cũng cùng nét bút tả cảnh buổi sớm
Xuân như LÝ-THƯƠNG-ẤN
và MẠNH-HẠO-NHIÊN :

*Thụy khởi khai song phi,
Bất tri Xuân dĩ quy.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi*



*Sớm dậy mở song sa,
Nào hay Xuân tới nhà.
Chập chờn đôi bướm trắng,
Xoè cánh lượn bên hoa . . .*

(CHI-VIÊN dịch)

Có những mùa Xuân thái-bình
như hết thời Đường Nghiêu.
Ngưu-Thuần, chẳng hạn như bài
sau đây tả cái Xuân nhân-tân ở
thôn-làng vào lúc Hung-thần chiến-
tranh chưa tạt đến :

*Hồ điệp song-song nhập thái hoa,
Nhật trường vô khách đáo điền*

gia

*Kê phi quá lý, khuyển phệ đậu
Tri hữu hành thương lai mọi*

trà

(PHẠM-THÀNH-ĐẠI)

Cặp bướm song-song nhập bụi

hoa,

Ngày dài không khách tới chơi

nhà.

*Gà bay qua giậu, chó sủa lỗ,
Biết có hàng rong tới bán trà.*

(NG. HIỂN-LÊ dịch)

Thì cũng có những mùa Xuân mà khối lửa mặt trời. Chinh- chiến nào mà không gieo sầu chia- ly, hận tang-tóc ? Có những chàng trai hiền-ngang, đội trời đạp đất ra đi mà không hẹn ngày về như một KINH-KHA ở bờ Dịch- Thủy ngày nào, để lại người khước phụ những tiếc-nuối giữa ngày Xuân thăm đẹp :

Khuê trung thiếu-phụ bất tri

sầu

Xuân nhật ngưng trang thướt

thúy lâu.

Hối kiến mạch đầu dương-liễu

sắc,

Hối giao phu-tế mạch phong

hầu.

(VƯƠNG-XUÔNG-LINH)

Nàng trẻ buồn trong đầu biết

sầu,

Ngày xuân trang điểm lén lén

lầu.

Nhác trông màu liễu bên

đường nhỏ,

Hối lỡ xui ai kiến trước hầu.

(PH. CÔNG-THIỆN tạm dịch)

Đọc thơ Xuân Trung-Quốc, tôi yêu nhất câu này của TRƯƠNG-TIÊN :

Đào lý giá Xuân phong...

(Đào mạn gả gió xuân)

Theo tôi, câu này là câu thơ đẹp nhất và hàm-súc nhất trong vườn thơ Xuân của Tàu.

Câu thơ hàm-súc nhất trong vườn thơ Xuân Việt-Nam có lẽ là câu sau đây :

Đóng cửa cài then, xuân cũng

sang

(VÔ-DANH)

Trong văn-học Tàu và Việt, rất hiếm thấy những câu thơ hàm-súc tương-tự như thế. Song, ta sẽ ngạc-nhiên ngần nào khi gặp những vần thơ hàm-súc chẳng kém gì mấy câu trên đây-đây trong nền văn-học Nhật-bản. Mỗi bài thơ thường chỉ gồm vài ba câu. Vài ba câu thôi ! Song cũng đủ làm sống lại cả một trời Xuân thơ-mộng của đất hoa anh-đào...

Hoa anh-đào bay, hoa anh-đào bay...

Bạn và tôi hãy khoác chiếc Ki-

mò-nô sắc-sỡ, rồi thơ-thẩn đi vào
vườn thơ Xuân muôn sắc, muôn
màu của đất nước Phù-tang diễm-lệ..



Trong các nước ở Á-đông,
Nhật-bản mới chính là nơi Chúa
Xuân ngự đến thật-sự với tất cả
huy-hoàng, với tất cả phong-lệ
của nàng.

Khách lãng-du nào đến xứ hoa
anh - đào mà không dịp
thưởng Xuân trong ba ngày Tết
(san-ga nitchi) thì chưa thể tự hào
đã hiểu nhiều về Nhật-bản.

Đêm tối ba mươi Tết, mọi
người đều thao-thức, nôn-nao.
Chẳng ai chợp mắt nổi ; tiếng
chuông chùa đổ-hồi liên miên thâu
đêm. Ai có ở Nhật vào giờ phút
trang-trọng này mà không cảm
thấy tâm-hồn mình tạo-rực, lâng-
lâng ?

Đại thi hào BASHO bồi-hồi
tự hỏi không biết tiếng chuông chùa
từ phương nào ngân lại :

Hana no Kumo

Kane wa Ueno Ka

Asakusa Ka.

(BASHO)

tạm-dịch :

Mây anh-đào...

Kiêng chùa ngân-ngà...

Ueno ?

Hay Asakusa ?

Ngày Xuân, thi nhân cảm thấy
cái rỗng tuếch, cái hoang lạnh của
lòng mình. Người yêu của ngày
xưa giờ đây đau mắt. Thi-nhân
tìm đến cảnh cũ, nơi mà hai
người cùng nhau thề-thốt chuyện
chung-tình. Hỡi ôi ! Nói chuyện
chung-thuỷ làm gì với người con
gái !

Trăng vẫn còn đó, nhưng người
của cái thời xa-xưa nay còn đâu,
chỉ riêng thi-nhân cảm thấy xót xa
trơ trọi một bóng, một hình :

Tsuki ya aranu

Haru ya mukashi no

Haru naranu

Waga mi hitotsu wa

Moto no mi ni shite.

(ARIWARA NO NARIHIRA)
tạm-dịch :

Ờ... vẫn là trăng độ ấy !

*Mùa Xuân này cũng của mấy
ngày xưa.*

*Nhưng nơi tôi trơ-trọi một
thân-hình*

*Thân-hình của thời xa - xưa
lãng-lắc...*

Tôi nhớ có đọc một bài thơ
bằng chữ T â y - b a n - n h a
“ el árbol en invierno ” (cây
vào mùa đông) của thi-sĩ
FRANCISCO ELGUERO. Thi-
sĩ than cho kiếp phù-du của loài

người: cây chết khô dết vào mùa đông; song Hè về, nó sẽ sống lại, còn tại sao thanh Xuân của thi-sĩ không được phục-hồi điểm-phức như thế trong kiếp khác (*le primavera de la vida mia, en otro vida, tan feliz retorno* ?).

Hôm nay, tôi gặp ý-tưởng ấy trong bài thơ Xuân dưới đây của người bình-dân Nhật-bản :

*Hana wa chirite mo
Mata haru sakū ga
Kimi to ware wa
Hito-sakari*

ạm-dịch :

*Xuân này hoa rụng em ơi !
Song mùa Xuân tới hoa thôi
rụng rồi.
Em ơi hoa nở tuyệt-vời . . .
Sao ta chỉ có một thời Xuân
thôi !*

Và đây là một bài thơ Xuân của một thi-sĩ vô-danh cũng than cho kiếp nhân-sinh ngắn-ngủi và cũng có ý-tưởng giống-giống như trên :

*Momo-chi-dori
Soezuru haru wa
Momo-goto ni
Aratamaredo mo
Waze zo furi-yuku*

ạm-dịch :

*Vàng, trăm nghìn chim
Chào Xuân riu-rít*

*Mọi vật tái-sinh :
Riêng ta thất-thất
Cho kiếp nhân-sinh :
Hết già, rồi chết . . .*

Nói đến mùa Xuân ở Nhật, không thể nào không nói đến hoa anh-đào (Prunus pseudo-cerasus). Du-khách nào mà không có cảm-giác lạc vào Thiên-Thai như LƯU-THẦN, NGUYỄN-TRIỆU khi thưởng Xuân dưới trời hoa anh-đào ở Yoshino hay Arashi-Yama? Du-khách nào mà không cảm thấy ngất-ngây, mê-mê khi thơ-thẩn dưới những trận mưa hoa anh-đào trong công-viên Ouyéno, Shibu hay dọc theo đường Moukojima ở Tokyo hay ở đồng-quê kế-cận Açouka-yama và Koganéi?

Hoa anh-đào lung-linh dưới ánh trời là tượng-trưng cho tâm-hồn người Nhật-bản chính-thống. Trong các loại hoa, người Nhật yêu nhất hoa anh-đào. Thi-nhân Nhật đã làm biết bao nhiêu văn-thơ tuyệt-tác về hoa Anh-đào.

Thi-hào Nhật KIKAKU, con người phóng lãng đệ nhất trong các tao-nhân mặc khách Phù-tang, ngày xuân đi thưởng hoa. Đó là ngày lễ hoa anh-đào. Mọi cặp mắt đều thưởng-ngoạn những đoá hoa thiên-hương ngày đầu xuân. Riêng

thì nhân chú-ý đến một em bé theo
sau một người mẹ :

Hana-mi nito

Haha ni tsuredatsu

Mekura-go.

Dịch nghĩa :

Lễ hoa

Theo sau mẹ

Em bé lòe !

Ngày lễ hoa anh-đào trở bông,
ngay đến em bé mù cũng đòi mẹ
đắt theo để thưởng hoa !

Tối Xuân, mọi người trong gia-
đình đều tụ-tập ẩm-cúng trong
nhà. Thi-sĩ MASAOKA SHIKI
(1867 - 1902), con người tài-hoa
chỉ sống có 35 năm, nghĩ đến
những hành-nhân không nhà không
cửa đang đi lang-thang giữa đêm
xuân, vừa đi vừa thổi ống sáo để
quên là xuân sang :

Haru no yo wo

Shakuhachi fuite

Tō rikeri.

Dịch-nghĩa :

Đêm xuân

Thổi sáo

Hành-nhân

Thơ Xuân Nhật « haiku » (loại
thơ chỉ gồm đôi ba dòng ngắn-ngắn)
còn rất nhiều, nhiều lắm ; song, tôi
chỉ trích dịch đôi ba bài thôi vì
loại thơ này khi dịch ra một ngôn
ngữ khác thì mất hẳn cái hay cái

đẹp của nguyên-tác. Muốn thưởng-
thức nó, phải cần thạo tiếng Nhật
và đọc ngay nguyên-tác.

Đây là một bài thơ Xuân theo
thể mới của một thi-sĩ hiện-đại trứ-
danh của Nhật, SAIJO YASO :

Suna-yama no soko ni sabishiku

Umoruru

Miyako no ari to

Kikishi yori

Kinô mo kyô mo

Hito to kite

Kuroki isago wo

Hori-yukinu

Itsutsu no yubi wa

Kizutsukedo

Miyako no mienu

Samishisa yo

Yube to narite

Mi-ideshi wa

Araqu shioresht

Bara no hana

Miyako wa miezu

Suna-yama ni

Umoreshi haru no

Wabishisa yo.

(SAIJO YASO)

tạm-dịch :

Dưới núi cát,

Một thành-đô

Bị chôn-vùi, mất-mát,

*Người ta đã nói tới nhiều,
nhiều rồi.*

*Suốt hôm qua và hôm nay,
Cùng bạn đến đây,
Tận đáy cát đen
Tôi đào, quật, xén.*

*Và đây nằm ngón tay
Đau-điếng, ôi buồn ơi,
Mà tôi chưa tìm thấy
Thành-dò !*

*Tôi chỉ thấy chiều nay :
Màu đỏ héo phai
Của một đoá hoa hồng !*

*Thành-dò bị vùi chôn mất hút
Và dưới núi cát,
Xuân cũng bị liệm chôn
Ôi quanh hieu, cô-đơn !...*

Thi-nhân đang ở vào mùa Xuân mà khối lửa phủ vây khắp đất trời Phù-tang. Cả một thành dò bị vùi chôn dưới cát gạch thi nhân đau đớn tìm đến đào quật để tìm thấy lại thành-dò ! Nhưng hỡi ôi, phải chăng đó là một cuồng-vọng ? Làm gì tìm thấy lại được thành-dò của ngày xưa nữa, cô thấy chẳng là thấy một đoá hoa hồng héo phai, tàn úa dưới lớp cát đen. Thành-dò bị chôn vùi, vì thế Xuân cũng bị chôn vùi theo luôn... Tịch-liêu bao chùm cả vạn-vật...



★ Danh ngôn

... Tâm-hồn của nghệ-sĩ cũng ví như cái vòm mũi luyện trong nhà thờ. Nhiều tiếng động bên ngoài không được ai chú ý. Vậy mà vẫn có những âm-hương thâm-trầm, gieo trong mái rộng ấy.

(GUYAU)

Đêm nay, xuân về với tôi giữa miền thị-tứ. Tôi buồn buồn... Mười mấy mùa xuân đã qua trong đời tôi: mười mấy lần chiến-chinh gieo tang-tóc khắp nẻo đường đất nước. Chớm lớn lên giữa mùa tao loạn, tôi chưa tìm thấy cái Xuân thật-sự của trần-gian. Phải chăng xuân đối với tôi như một thành-dò bị chôn vùi đối với thi-sĩ SAIJÔ YASO ?

Tôi thành-khẩn thấp-hương cúi xin Thượng-đế cho Nhân-Loại khỏi sầu điều-linh, và cho quê-hương mến yêu của chúng tôi khỏi màu tang-tóc.

Chứng ấy, từng đàn bồ câu trắng sẽ bay lượn khắp vòm trời Việt-Nam mến-yêu... Chứng ấy, mùa Xuân thật-sự của trần-gian sẽ ngự về... Và toàn dân sẽ hớn-hở mỉm cười, tung bừng đón ngày Đại-Hội của Non-Sông, thi-nhân Việt-Nam sẽ miền-man tạo ra những văn thơ ca-tụng một mùa Xuân bất-diệt của Lịch-sử.

Hương-trầm ngào-ngạt, hoài-vọng triền-miền...

PHẠM-CÔNG-THIỆN

**SƯ TUỆ
TĨNH**
thủy tổ
nghề



**Thuốc
N a m
Thuốc
B ả c**

N GHE làm thuốc ở nước ta có từ mấy ngàn năm nay. Kể từ hồi nhà SƯ TUỆ-TĨNH, người làng Vĩnh-Thái, huyện Cẩm-giang, tỉnh Hải-Đương.

Tuệ-Tĩnh thuở trẻ rất thông minh, sớm được các thầy Tâu dạy bảo cho, nhưng khi ấy trong nước loạn lạc, khoa cử chưa được ổn định, nên ông không thi đậu gì được.

Tới khi ĐÌNH-BỘ-LĨNH dẹp xong được Thập-Nhị Sư-quân, xưng là VẠN THẮNG VƯƠNG.

dời bỏ thành Đại-La về đóng ở Hoa-Lư, thì mới cải cách lại nền chính trị. Thu thập nhân tài trong nước cho làm quan.

Được nghe tiếng thầy đồ Tuệ Tĩnh hay chữ, nhà vua liền cho vời vào Triều.

Tuệ Tĩnh vốn chỉ ham mê đạo học, và ưa một cuộc sống yên tĩnh, muốn biết nhà Đinh có được lâu dài, ông tìm xin làm Thái Ất thấy rằng Vạn Thắng Vương chẳng được lâu bền, ông bèn tìm cách từ chối. Song sợ áp lực của uy quyền, ông bèn

trốn vào ẩn ở chùa Hồng-Vân thuộc phủ Đa Phúc, tỉnh Bắc-Ninh

Vua Đinh-Tiên-Hoàng giận dữ không cho phép một thần dân lánh bỏ phận sự của mình đối với quốc gia, liền sai quân lính đến tận làng Văn-Thái đề trách nữ Tuệ Tĩnh, nhưng nhà sư đã cao chạy xa bay rồi.

Ở chùa Hồng Vân, Tuệ Tĩnh nghe tin mình bị Triều đình truy tầm, bèn tìm cách trốn ra khỏi biên giới sang Tàu. Ông ẩn ở nước Lỗ, quê hương của Khổng Phu Tử và xin được vào trụ trì tại chùa Vạn Phật.

Ngày kia, có một vị thượng khách đến thăm chùa, các sư phải ra nghênh đón. Vị quý khách trông thấy Tuệ Tĩnh hỏi ngay :

— Thầy ở nước nào ? Tôi trông thầy không phải người Trung-Quốc.

Tuệ Tĩnh phải thú thực : « Tôi là một kẻ tị nạn ở nước Nam trốn sang đây. » Rồi kể hết đầu đuôi.

Vị thượng khách ấy là Dương Quảng Thành, một danh sư của nước Tàu hồi bấy giờ, khi nghe Tuệ Tĩnh tường thuật biết là một người thông minh cốt cách khác thường và hứa sẽ truyền

đạy cho Tuệ Tĩnh nghề thuốc Bắc.

Trong 10 năm trời. Tuệ Tĩnh đã thâm thuậ được đạo học, thâm hiểu y lý, và tài kinh nghiệm chẳng thua kém gì sư phụ, bèn xin phép trở về nước.

Bấy giờ, quả đúng như Tuệ Tĩnh tiên tri, vua Đinh đã mất quyền, ngôi báu sang tay Lê-Đại-Hành. Tuệ Tĩnh lại trở về chùa Hồng Vân, tháng ngày đem sở học ra cứu giúp chúng sinh. Dân chúng khắp nơi kéo đến xin thuốc đông như kiến cỏ. Không thể một mình săn sóc cho hết thấy mọi người. Tuệ Tĩnh bèn chọn một số học trò giỏi để truyền nghề. Năm 1005 vua Lê-Trung-Tôn lâm bệnh nặng phải mời đến Tuệ Tĩnh chữa mới khỏi.

Về sau, khi ông mất đi được thờ ngay ở chùa Hồng Vân, bài vị có bốn chữ « TUỆ TĨNH THUYỀN SƯ ».

Lúc sinh thời, trong khi làm thuốc Bắc, Tuệ Tĩnh thường đề tâm kê cứu tinh được của những cây cỏ nước ta, và đã chữa được nhiều bệnh bằng môn thuốc Nam, và có viết ra bộ « NAM ĐƯỢC BẢN THẢO » còn lưu truyền đến tận ngày nay.

* Cọng lưới bà chủ nhà

- Tại sao tao bảo mày đem lọ hạt tiêu cho tao mà mày lại đem lọ muối ?
- Thưa bà, lọ này đề chữ « Hạt tiêu ».
- Mày ngu như chó ấy ! cái lọ đề chữ « Hạt tiêu » tao vẫn để muối từ xưa đến nay. Còn hạt tiêu thì tao để trong cái lọ có đề chữ « bột ngọt » ấy ! Đồ mù mờ !

Ông LƯƠNG-NHỮ-HỘC

ĐEM NGHỀ IN

VÀO NƯỚC TA ĐẦU TIÊN

Mãi đến thế kỷ thứ 15, nghề ấn-loát ở xứ ta vẫn chưa có. Trong khi ấy thì nước Tàu, nghề ấy đã được mở mang rộng lớn. Những sách đưa sang nước ta đều viết bằng chữ Hán. Tất cả văn-hóa Á-Đông tràn vào Việt-Nam chỉ có mấy bộ Tứ Thư Ngũ kinh và một ít kinh Phật.

Còn thi ca, tiểu thuyết và những tác phẩm văn chương khác của Trung-Hoa chỉ thấy lơ thơ chép lại trong những tập bản thảo viết tay tam sao, thất bản ở một vài tủ sách cổ của những bậc đại nho.

May sao có ông Lương-Nhữ-Hộc, quê ở Lạc-Hồng Hải-Dương đỗ tiến sĩ đã sang xứ Tàu và đem theo được nghề in cho nước ta.

Nguyên do trong cuộc lữ hành, ngày kia ông vào một cửa hiệu thấy đầy thợ thuyền đang chăm chỉ làm việc : người thì lúi húi khắc chữ vào gỗ, người quét mực đen lên những mảnh ván đã khắc rồi, người xoa giấy lên trên để in. Ông nghĩ ngay đến nguồn lợi mới cho nước, ông

liền xin phép vào học. Nhưng cũng như các nghề khác, họ đều từ chối và đuổi ngay ông ra khỏi cửa. Sau đấy một tờ thông sức của quan trên dân các đầu đường chỉ thị cấm người ngoại bang không được vào các nhà in và lò sừ.

Ông đành phải trở về nước, tâu lại cho vua nghe những điều đã trông thấy và xin phép cho sang Tàu một lần nữa để học cho được nghề in. Vua ban ơn cho được như ý.

Thế là vị đại thần Lương-Nhữ-Hộc vai quẩy một gánh bát đĩa kiosk, lên đường quyết tâm học nghề.

Qua bao nhiêu ngày gian khổ, ông mới sang được nước Tàu. Ông dùng gánh lại một đồ thị lớn, cố thuê được một gian nhà sát vách với nhà in và nuôi một gia nhân để bán hàng để che mắt thiên hạ. Trong khi tên gia nhân ở gian nhà ngoài trông hàng, thì ông chui vào buồng trong nhà, nép dưới gầm bàn, khoét một lỗ thủng sang vách nhà in để theo dõi công việc của bọn thợ Tàu.

Lâu dần ông đã quen biết, thông thạo, và làm thử lấy một mình. Ông lấy gỗ khắc chữ, đặt bàn in ngay trong buồng kín thấy rằng mình đã thành công. Bấy giờ ông mới sửa soạn về nước đem nghề mới truyền dạy cho đồng bào.

Khi về đến nước, ông nói, khốn thay chẳng ai tin nghe lời ông cả, dân quê thì chỉ mãi với công việc cấy cấy; và lại bấy giờ sự học nước ta chưa được mở mang, nên không ai cho nghề in là mối lợi. Sau cùng ông đi sang làng Liễn-chăng thì dân làng này rất hoan nghênh cái nghề in mới lạ. Trong ít lâu nhiều người trong làng đã học

được thành nghề, bản khắc rất đẹp, chữ in ra rõ ràng. Từ đó bao nhiêu việc ấn-loát, mà từ xưa vẫn phải nhờ người Tàu, thì ta đã làm được đầy đủ. Từ quyền ấu học, đến tờ giấy hoa tiên và các pho kinh Phật lớn. Nền văn chương bắt đầu được phong phú và cho đến bây giờ chúng ta mới được thừa hưởng những áng văn hay của tiền nhân để lại... Công ơn ấy do ông Lương-Nhữ-Hộ một phần lớn.

Khi ông mất đi, cả làng Liễn-chăng đều để tang và lập đền thờ vị thủy tổ nghề in đã đự phần xây dựng lớn lao nền văn học cổ Việt-Nam.

HOÀNG-LAN

* Danh ngôn.

Ngệ-thuật bao giờ cũng là kết-quả của một sự hó huộc. Tin rằng càng được huớng tha, nghệ-thuật càng cao-siêu thì cũng như tương nhằm chính soi đây kia đã hăm không cho chiếc diều bay hồng... Nghệ-thuật sinh ra bởi sự hó huộc, nó sống nhờ phần đầu và chết vì tự-do.

* Phỏng vấn một anh xích-lô đẹp

Nhà báo: Anh nói anh ráng sức đạp xích-lô kiếm tiền nhưng xin anh cho biết nếu có tiền nhiều, anh sẽ làm gì?

Anh xích lô: Làm gì à? Tôi vẫn đạp xích-lô như thường, tiền thì tôi dành để mua 1 chiếc xích-lô khác cho con tôi đạp.

Nhà báo: Nếu anh và con anh cùng đạp xích-lô chắc kiếm được nhiều tiền hơn và chừng đó anh sẽ làm gì?

Anh xích lô: (tròn mắt nhìn nhà báo) Làm gì? Vẫn đạp xích-lô chứ làm gì? Nếu có thêm tiền nữa thì mua 1 cái xích-lô nữa để dành cho thằng cháu tôi lớn lên nó đạp! Phỏng vấn cái chi kỳ quá!

Tình Xuân

Sáng hôm nay, lòng tôi rung động,
Bởi những bước chân đi . . .
Khi tình đời mơ rộng,
Hồi mùa Xuân đang sống !
Trong sóng mắt em tôi,
Bao nhiêu hận cũ vơi rồi,
Say Xuân đất nước say rồi tự-do.



Cười đi em ! Đừng bắt anh hèn hỏ,
Đừng bắt anh kẻ lẻ.
Vui đi em ! Xuân nay bùng thê-hệ.
Ngày mai bắt lại nhịp cầu lò xo.
Môi em thắm má em hồng,
Tình anh vẫn nở giữa dòng thời gian.
Tay em nâng chén giao hoan,
Mừng Xuân hội hiệp rộn ràng ý thơ.
Hôm nay hoa lá đồng cỏ,
Bình minh nở đẹp đậm bờ xanh xanh ! . . .



Sáng hôm nay anh gửi cả tình anh
Lên nền trời cao rộng,
Mà lòng anh cơ chừng như gợn sóng,
Bởi những hy vọng vờn quanh,
Xuân về nắng rực mùa xanh,
Lời hay ý đẹp suốt lành vuốt ve.
Đến đây anh kể các em nghe !
Tình Xuân đẹp mặt mẹ hiền Việt-Nam.

NGUYỄN THU MINH



trong lòng thiếu nữ

★ BẠCH YẾN

MÙA Xuân là mùa đẹp nhất của Tạo - hóa và của người. Trái đất đã được sanh ra từ mấy triệu triệu năm, nhưng mỗi năm một mùa Xuân đến để nhắc lại Trái đất chưa già và lòng người còn trẻ mãi . . .

BẠN xem, mùa Hạ oi ả cắn cổ, mùa Thu buồn bã, tả - tơi, mùa Đông tiêu điều âm - đạm. Nhưng mùa Xuân đến, bao nhiêu nét suy vong đều biến đổi. Một ánh sáng huyền diệu chói ngời trong vũ trụ, ngập khắp trần gian. Đường như từ trong thẳm-thẳm u-mình, trong lệ sầu tang-tóc, một ánh sáng mới được nở bừng ra trên ngọn lửa tiên, rọi khắp trong lòng trời và trong lòng người, tạo rục một

nguồn sống mới. Bời mùa Xuân là mùa của Đức-tin, của Hy-vọng tràn trề các tâm hồn đa lụy. Bời mùa Xuân cũng là mùa của say mê. Say mê trong tình yêu, say mê trong việc làm, say mê trong sáng tác, say mê trong tất cả các nỗ lực tinh khiết hơn hết và cao thượng hơn hết.



HỒi các bạn gái của thế hệ ! Các bạn là hình ảnh diễm lệ nhất của mùa Xuân tái tạo ! Các bạn là ngày nay, hứa hẹn của ngày mai. Những nhạc điệu rung-rinh trong ánh hồng của mùa Xuân đang cháy êm đềm trong mạch tim của chúng ta. Nó đang hồi-hợp dề-mê trong

phím tơ lòng của chúng ta. Nó là nguồn vui tươi đang réo rắt trong nụ cười của chúng ta. Nó là hơi thở dịu dàng của tư - tưởng, là phần hương ngào - ngọt của tình yêu.



T HƯƠNG - Để trao cho tuổi niên hoa được tính vui vẻ trẻ trung mà chúng ta truyền khắp chung quanh mình. Nét duyên dáng thủy mi, nụ cười ngày thơ, đôi mắt huyền mơ tình khiết, không phải là một xa-xi phẩm của Tạo-Hóa. Đó là một mùa Xuân mà Thượng-Đế tặng

riêng chúng ta đây. Không có mùa Xuân, Trái đất chắc đã già rồi các bạn nhỉ? Có lẽ nó đã rạn nứt tan vỡ, chôn vùi trong hố thăm của hư vô. Cho nên tôi thường tự hỏi: nếu không có phần hương ngào ngọt của mùa Xuân thì loài người sẽ còn gì? Tôi e trái tim của con người sẽ biến còn một hột cát!



H ÒM nay Xuân về, lòng thông cảm với mùa Xuân của vạn vật. Xin tặng các bạn đôi nén hương trinh:

*Xuân về lòng những băng khuâng . . .
Ngồi vơ vẩn nhớ mấy Xuân qua rồi.
Bao nhiêu hoài-bão ngậm ngùi ?
Còn đâu thơ ơng, tiếc, khóc, cười, băng quơ ?
Hết rồi một thuở ngây thơ !
Qua mùa gió rụng giấc mơ bẽ bàng.*



*Hoa Xuân say đón bướm vàng.
Tuổi Xuân say đón gió ngàn mây khơi.
Hồn ta ngây ngất, Xuân ơi.
Men thả Lý-tưởng trên môi ươm nồng
Duyên Vẩn trót vương mộng lòng !
Ý Xuân xao-xuyến nhạc hồng vương tơ !*



*Rộn-ràng cả một giấc mơ . . .
Huy - hoàng cả một bài thơ diễm-kiều !
Tôi yêu, vàng, chính tôi yêu,
Mùa Xuân vĩnh - viễn muôn chiều không phai.
Mây Xuân én dệt nên lời,
Tình Xuân rạo-rực bên người tri âm . . .*

BẠCH-YẾN





CỨ ĐẾN dịp Xuân về, bạn thường đeo máy ảnh hay máy quay, túi đầy phim, đi săn hình-bóng. Vậy chúng ta hãy bàn đến vấn-đề **ĂN ẢNH** kể cũng không phải là một việc thừa. Các báo-chí chuyên về Điện-ảnh thỉnh-thoảng có vài tờ đề-cập đến, nhưng chưa giải-đáp được sự thắc-mắc canh-cảnh bên trong của các bạn. Ai mới ngấp-ngừng trước ngưỡng cửa làng Điện-Ảnh là đã nghe nói đến hai chữ : **ĂN ẢNH**. Đó là một ẩn-hiệu cho các tài-tử muốn trở nên minh-tinh màu bạc.

Không nói bạn cũng biết, ăn ảnh do ở chữ photogénique của Pháp dịch ra. Nếu cứ căn-cứ vào danh-từ của Pháp thì bạn sẽ phân-tách như sau : photo: ánh-sáng, génique (gène) sanh ra. Nói một cách khác là phát-sanh

ra ánh-sáng. Danh-từ cất-ngheĩa theo cách trên có lẽ đã đem lại cho bạn một tia-sáng nào rồi. Còn chữ ăn ảnh không hiểu ai là người đã dùng đầu tiên.

Người ta đã phát-miễn ra nhiếp-ảnh rồi điện-ảnh căn-cứ vào các đặc-tánh của hóa-chất (Bạc, Bô-rôm v...v...) và các định-luật của quang-học, ánh-hưỏng của các màu sắc. Khi chúng ta nói chụp hình ta đã điện-tả động-tác của người thợ hình (đời 1912) cầm cái chụp quay vòng tròn vừa đếm 1, 2, 3, 4 rồi úp vào ống kiến đáy chắc lại như cách chụp cũ bằng cái nơm. Thuở xưa, người mình cho chiếc bóng là thành-phần của linh hồn và là một vật hiện hữu, nếu để người khác dẫm lên, chêm vào ... hay chụp mất đi tất nhiên mình phải chết. Cho nên các bà già thường cử chụp hình. Trở lại vấn-đề, khi

chúng ta nói chụp hình, chúng ta hình-dùng đến cách đưa một tấm phim có bôi chất hóa-học để cho phản-ánh ảnh-hưởng vào. Đó là hiện-tượng cơ-bản.

Và ăn ảnh là một hiện-tượng lạ-lùng khó cất nghĩa, bí-ẩn, kỳ-diệu. Một khuôn mặt ở ngoài có thể tuyệt-sắc, nhưng lúc lên hình lại lạt-lẽo vô-vị, lằng nhách ! Trái lại có nhiều bộ mặt không khác gì Chung-vô-Diệm tái-sinh, khi vào hình lại đẹp như Hằng-Nga giáng-thế.

Ai ăn ảnh có thể là một người đẹp ! Chớ người đẹp chưa chắc đã ăn ảnh (Cái lối coi mặt chọn vợ bằng ảnh đã làm cho nhiều chàng bật ngửa kêu trời như bóng !).

Tuy-nhiên chúng ta thử cất nghĩa đặc-tánh ăn ảnh một cách khoa-học. Chúng ta đã có ý-niệm là chất gì phản-ánh nhiều nhất là những chất ăn ảnh nhất. Nói một cách khoa-học là những chất phát sanh ra quang-tuyến hóa-học (rayons actiniques) là những chất cảm-ứng mặt thuốc phim nhất. Từ đó ta có thể kết-luận rằng, những người có mặt làn da chứa đựng nhiều sắc-tố (pigments) có tánh-chất phát sanh ra quang-tuyến khoa-học trong khi dội lại những phản-ánh cảm hưởng mặt thuốc dễ-dàng hơn là những người có làn da chứa đựng những sắc-tố chỉ có tánh-chất thu-hút ánh-

sáng. Trên đây chúng ta chỉ dừng về mặt thể-chất mà thôi. Đặc-tánh ăn ảnh gồm có nhiều điều-kiện phức-tạp rắc-rối hơn.

Thử lấy một ví-dụ. Một cảnh đồng quê. Cùng thì cảnh ấy lấy hình vào lúc tà-huy hay nắng sớm thì ảnh coi « hay » hơn là chụp lúc ban trưa gay-gắt. Ánh-sáng trong các quãng thời-gian đó làm cho cảnh-vật ăn ảnh hơn cả và bức ảnh có vẻ linh-hoạt hơn. Cùng thì trời xanh, nhưng trời còn đẹp hơn khi có vài chút mây « quang-tuyến » (actiniques) lơn - vờn hay kéo dài thành những dải lụa mong manh. Cùng thì rừng tre khẳng-khiu, nhưng chụp trong lúc trời tà, bóng tre nằm rạp trên con đường cát trắng, hoặc khi một ít sương chiều hay khói nhạt vương-vấn trên các lá cành, thì rừng-tre trở nên thơ-mộng lạ thường. Các bức ảnh ấy có một cái vẻ kỳ lạ, ta thường kêu là có « duyên ».

Có những cảnh xem ở ngoài thì đẹp một cách lạ-lùng khi vô ảnh lại bằng-phẳng đều-đet thế nào ? Trái lại có những vùng nước, ao tù, đơ-dáy có những ngô-hêm, hang, cùng vách tường loang-lổ, rãnh nước đen sì, khi chụp lại trở nên thi-vị, rung cảm. Các bức ảnh này đã NÓI lên một cái gì, đã tỏ ra một vẻ độc-đáo, riêng-biệt khó tả, làm cho ta xúc-động khiến ta nhớ những kỷ-niệm xa xưa, những

góc ảnh thoáng qua mà tiềm-thức ta đã giữ chắc lấy.

Người cũng vậy, người ăn-ảnh là những người có những nét độc-đáo riêng-biệt, lưỡng-quyền cao, đôi má hơi hóp, xương quai hàm bành ra, một đôi mắt sâu thẳm, một cặp môi hứa hẹn. Nói tóm là họ có DUYÊN họ HẠP-NHÂN một số đông đối-phái (nam là đối-phái của nữ và trái lại).

Cắt-nghĩa được chữ duyên là cắt nghĩa được một nửa chứa ăn ảnh. Thật ra ăn ảnh là sự phối-hợp của thể-chất và tinh-thần. Thể-chất là những sắc-tố phát sinh quang-tuyến hóa-noc và tinh-thần là cái Duyên ngầm.

Cái duyên cũng như sắc-tố là của trời cho. Nó bầu vùi vào chân mày, khoé mắt, vào nhũ-tuyến và làn mi, vào mái tóc, vào dọc môi, vào chiếc má nhe lõm đồng-tiền, vào chiếc cằm hiện chút bóng chấm-phá... vào khuôn mặt, vào đôi tai... Françoise Rosay đã thử dài mà nói rằng: « Đường như ánh-sáng quyến-luyến họ, nịnh-họ họ, nâng-niêu họ, trêu-mến họ, hòa lẫn với họ, theo riết họ cho đến lúc họ hiện ra trên màn bạc ».

Họ đã có duyên lại có duyên cả với ánh-sáng. Nhưng cũng có người chỉ ăn ảnh ở một vài góc cạnh. Các bạn thường nghe tên các tài-tử ăn ảnh số «dách» như:

Frank Sinatra, Pier Angeli, Grace Kelly, Lana Turner, Ava Gardner, Gina, v.v... các tấm hình chung bày hay đăng tải trên các tờ báo là một trong hàng nghìn hàng vạn kiểu đã được chọn lọc kỹ-càng. Nếu bạn đề-ý khi đi xem phim, bạn sẽ thấy có nhiều chỗ tài-tử không còn có vẻ đẹp «ghê hờn» như một vài chỗ khác. Là vì những góc cạnh ấy không thích-hợp với sự ăn ảnh của tài-tử, mặc dầu các góc cạnh ấy được nghiên-cứu tỉ-mỉ.

Lại nữa, khi bạn cầm một chiếc ảnh của một tài-tử, hãy gạt bỏ hết các thành-kiến xưa cũ, và bình-tĩnh nhìn kỹ xem, tài-tử này đẹp ở chỗ nào theo quan-niệm đẹp của bạn và ĂN ẢNH ở chỗ nào? Bạn khoan nghe người ta bảo đẹp.v.v... mà liền kết-luận theo thị-hiệu của họ. Bạn đừng đề bi ảnh-hưởng của phong-trào ái-xi-nê qua thói tàng-bồc tài-tử theo thị-hiệu quần-chúng bằng phương-pháp ám-thị. Bạn sẽ ngạc-nhiên thấy nhiều khi mình lầm, lầm một cách lảng xẹt. Nhưng bạn có thể nói rằng: Frank Sinatra có cái nụ cười nửa miệng như muốn nói một lời êm-đẹp gì đây hay hát một câu khàn khàn chẳng hạn... Marilyn Monroe với cặp mắt tin-tưởng không thờ-ngây như Pier Angeli. Đến như Grace Kelly chỉ « Duyên »

ở cái miệng đi đôi với cặp mắt. Rồi Kim Novak hoàn-toàn đẹp (trường-hợp rất hiếm) v...v...v.

Có những tài-tử khác có một bộ mặt kỳ-diệu huyền-bí như một nữ-thần : như Greta Garbo là cả một tâm-hồn khác khoải. Marlène Dietrich cũng có thể sắp vào hạng « tinh-thần » này được.

Nói tóm, ăn ảnh là đặc tánh của người nào khi được lấy hình thì hình của họ sẽ có sức quyến-rũ, và tiết-tỏa ra một cái gì hay hay khác mọi người, hay nói ra một cái gì đặc biệt của tinh-thần họ.

Một ví-dụ : Tài-tử Fernandel ăn ảnh ở cái chỗ hàm răng và bộ mặt dài như ngựa. Jack Palance, rất xấu nhưng vẫn thu - hút nhiều cảm - tình. Anh chàng Eddie Constantine, Charles Laughton, Humphrey Bogart rất được ái-mộ ? Cho đến Katherine Hepburn, Michel Simon ở ngoài thì xấu mà khi lên màn bạc thì được ủng-hô và cho là đẹp !

Cho nên vấn-đề ăn ảnh không thể căn-cứ vào tiêu-chuẩn « đẹp » và không thể lấy « đẹp » làm phương-tiện để đi đến sự ăn ảnh.

Người ta không thể đem kỹ-xảo của cách trang-diêm hóa-trang để đem lại sự ăn ảnh, người ta chỉ có thể làm tăng thêm sự ăn ảnh bằng các cách ấy mà thôi...

Nhưng, kể ăn ảnh thường là những đứa trẻ mũm-mĩm với đôi mắt thơ ngây và các ông cụ già đầy những nếp nhăn nhăn lồi-lôm, gầy gò mỹ-thuật. Là vì hai cái tuổi ấy chưa được một sức sống đang lên và sắp xuống. Nhắc lại ví-dụ kể trước, đây là hình ảnh của cuộc đời chụp lúc ánh dương huy-hoàng và vào buổi hoàng-hôn. Cho nên có những cái đặc-diểm độc-đạo của các thời-gian ấy.

Những điều kể trên liên-quan đến sự ăn ảnh trong phạm-vi nhiếp-ảnh. Trong phạm-vi điện-ảnh, sức ăn ảnh lại được chú-trọng một cách rộng lớn hơn. Tài-tử cần phải có không những một bộ mặt ăn ảnh mà cả thân-hình, bàn tay, ống chân, đang dấp, đi đứng, lời ăn tiếng nói phải ăn ảnh... và ăn giọng (tương đối ăn giọng không quan trọng bao nhiêu).

Hơn nữa, theo thi-hiệu quần-chúng phần đông quan-niêm về « Đẹp » qua những cái mới, cái lạ, chỉ chú-trọng về bên ngoài, thì cái « Đẹp » ấy dĩ nhiên hoàn toàn vật chất, không thể trường tồn mãi mãi. Cho nên có nhiều tài-tử chỉ « được mền chường, mê say » trong một thời gian nào đó. Các nhà sản-xuất phải đi săn tìm những tài-tử khác, tung ra những minh-tinh mới, đặt ra những tiêu-chuẩn cho cái « Đẹp », như « Đẹp » năm 1957 khác với « Đẹp » năm 1958 và

v.v.... Vì thế có những mái tóc «mốt» James Dean, Marlon Brando hay là BB, đầu trọc «mốt» Yul Brynner, v.v.... Sự ăn ảnh theo kiểu «xi-nê» này sẽ theo thời-gian biến chuyển dần dần, duy sự ĂN ẢNH thật sự vẫn tồn-tại.

Cho nên ăn ảnh cũng như cái Duyên chỉ là những đặc-tánh thiên-phú và con người bất cập trước hiện-tượng ấy.

Nhưng các bạn đừng vội thất-vọng. Khoa-học vẫn tiến, các phương-pháp tối-tân về trang-diêm vẫn có thể phục-vụ các bạn. Bạn có thể sửa một chiếc mũi cho cao, khâu một chiếc môi hơi méo, trồng thêm hay làm mất một bộ lông mày như lá liễu hay như đôi râu róm. Bạn có thể làm mất một cái bốt tim ngắn ngự-trị ngay bên chiếc má hay làm mất một cái nốt ruồi tham ăn ở cạnh mép môi.

Bạn có thể trở nên Gina, Elisabeth Taylor, Kim Novak... với xảo thuật trang-diêm và hóa-trang. Bạn có thể bắt chước gương di của L.B. hay Ava Gardner...

Nhưng nếu bạn đã đi xem Sayonara và đã nhận thấy rằng cô đào Miike Taka trong bộ quốc-phục con đẹp gấp mấy lần khi nàng mặc theo lối Âu-Mỹ, thì bạn sẽ hiểu cái «hòn» trong sự ăn ảnh.

Bạn cố gắng làm sao hiệu-đương ra được qua nét mặt,

qua khoẻ mắt, qua nụ cười, bản-sắc của bạn, sức sống mãnh-liệt của bạn, lý-tưởng của bạn, sự hiện-diện của cá-nhân bạn. Đó là điều-kiện tất-yếu. Kỹ-dư ảnh-sáng, nghệ-thuật trang-diêm, một bộ mặt không quá tầm thường, không bình-thản như một bức ruộng dưới nắng trưa, những yếu-tố phụ-thuộc. Bạn sẽ chọn những góc ảnh nào thích-hợp nhất có thể làm bật nổi cái góc cạnh nào độc-đáo nhất của bộ mặt bạn (cho đến cả bàn tay của bạn nữa). Bạn sẽ chụp hình vào lúc nào bạn đang sống bên trong một cách mãnh-liệt, là bạn sẽ đoạt được kết-quả mong đợi. Một bức ảnh, một đoạn phim thực-hiện trong lúc bạn luống-cuống, không tự-chủ, không tự-nhiên ngượng-ngập, với những dang điệu tạm-bợ (lý-do : tâm-hồn chưa hòa hợp với tình-cảnh lúc đó) lẽ cố-nhiên là hỏng bét và bạn sẽ không ăn ảnh.

Cho nên bất cứ lúc nào đứng trước một ống kính (nhiếp-ảnh hay điện-ảnh) bạn không những sửa-soạn dáng - điệu, hoặc góc cạnh nào có lợi nhất để đưa ra cho chiếc máy « ăn », lại còn phải thể-hiện bên trong một trạng-thái tinh-thần tương-xưng với kết-quả mong đợi. Hãy bỏ hết cái vẻ e-lệ, sợng-sùng giả-tạo, phải cương-quyết tự-nhủ : « ta phải có một chiếc ảnh ăn ảnh hết sức hay là một đoạn-

phim nói lên cái tài của ta». Bạn đừng bắt chước điều-bộ hay cách kiêu, góc cạnh của bất-cứ tài-tử nào, dù họ « ăn ảnh » nhất. Điều-bộ cách-kiêu góc cạnh đây là riêng cho bạn, chỉ chính mình bạn có mà thôi và tâm hồn lúc ấy cũng là tâm-hồn của cái «ta» của bạn vậy. Bạn sẽ tự nói thầm: « Ta cố gắng lưu lại một hình ảnh của giây phút thư Xé của ngày Nè, bên cạnh X. Y... và tâm-hồn ta trong giờ phút này là vậy, là vậy. Nếu bạn học mình thì thôi, nếu bạn học mình và muốn ghi lại giây phút đó thì cố gắng giữ «trạng-thái» ấy cho đến khi nghe tiếng « tách » hay « xé xé ». Bạn cũng có thể nói: « Ta cần phải có một bức ảnh hay một đoạn phim hay hay, nhưng phải biểu lộ thật tình tâm-hồn ta, tâm-hồn đặc biệt trong những giây phút ấy, trong tình-trạng tâm-lý ấy mà thôi. »

Nói tóm ăn ảnh gồm có hai yếu-tố vật-chất do Thiên-nhiên chi phối (nhưng khoa-học có thể cứu-vãn một phần nào) và

yếu-tố tinh-thần, do tự chính mình điều-khiển. Trong hai yếu-tố đoạt được một cũng kể như đã thành công vậy.

Các bạn hẳn đã có lần thử xem mình có ăn ảnh hay không. Có bạn đã thành công vì sẵn có điều-kiện thiên-phú, có bạn thảo-luận được một nửa kết quả bằng sự xếp-đặt kỹ-thuật và điểm-trang, có bạn vì ngẫu-nhiên nhưng kết-quả tam-thời. Nhiều bạn vẫn chưa đạt được ý muốn, tránh sao khỏi buồn tình.

Nhưng bạn hãy hi-vọng đi. Sau khi nhận thức định-ngĩa của chữ ăn ảnh đem ra bàn trên đây, nhận dịp Xuân sang, bạn thử thêm một cuộn phim (nhiếp hay điện) nữa xem sao?

Nhưng điều cần-thiết là bạn sẽ dọn kỹ các ông thợ rửa và in, hay là chụp. Bạn phải thành thật ĐỘC-ĐẢO, cương-quyết tìm vẽ ăn ảnh toàn thể hay một góc cạnh đặc biệt của chính bạn đang chờ dịp thể-hiện.

Chúc các bạn thành công.

TẾT KỶ-HỢI (1959)

★ BÀI TẬP THỰC HÀNH

- Một cô gái trẻ và đẹp vào một nhà thuốc tây và đợi đến lượt mình. Thay bác thuốc hỏi.
- Cô cần thuốc gì?
- Thiếu-nữ mới trong túi ra một miếng giấy màu xanh, đưa thầy:
- Cái thư này của vị-hôn-phu tôi. Ông ấy làm bác-sĩ nên viết chữ quá, tôi đọc không được, thầy đọc quen nét chữ của Bác-Sĩ, nhờ thầy coi giùm.



Trời Xuân vẫn đẹp, Nhưng à!

SÁNG nay Tuyết-Nhung dậy sớm hơn mọi bữa dù suốt đêm qua nàng đã không chớp mắt một phút nào. Nàng thần thoá đạo bước trên lối đi lát sỏi viên quanh biệt thự. Đôi mắt thiếu ngủ quàng thâm nhưng không làm mất hẳn vẻ đẹp tự nhiên của nàng.

Mãi nghĩ ngợi, Tuyết-Nhung không đề ý tránh kịp một cành mai thấp, mọc chệch ra lối đi đã quệt mạnh vào mái tóc rối chưa chải của nàng. Giật mình Tuyết-Nhung đứng vội lại, dơ tay gỡ mái tóc. Nàng cau có bẻ gãy cành cây đã làm cho giồng tư tưởng của nàng bị đứt quãng.

Chợt nhìn thấy phía trên cao có một cành có rất nhiều bông mai vàng mới nở, Tuyết-Nhung

vội kiễng chân, vươn mình cao lên đề với. Chiếc áo bà ba mỏng dần chật vào thân mình làm nổi hẳn bộ ngực căng tròn và cũng đề lộ một khoảng làn da trắng nơi hông sườn.

Một luồng gió từ ngoài biển thổi vào làm Tuyết-Nhung run rẩy mình, nổi gai ốc. Gió biển buổi sớm mai mùa Xuân lạnh quá. Mãi nghĩ ngợi nàng đã quên mặc áo len sáng nay.

Hai bên đường đi những khóm hồng lao xao đua nhau phô bày những đóa hoa đỏ tươi hoặc hồng đào như khoe sắc thắm cùng chủ nhân.

Nhìn những khóm hoa hồng Tuyết-Nhung rộn lên một niềm buồn tủi. Chậm chạp bước ra phía cổng, Tuyết-Nhung tựa lưng

vào cánh cửa sắt. Nàng hướng mắt nhìn ra con đường thẳng tắp phía trước mặt và một hẻm sau đám cây xanh um tùm nơi xa xa.

Nhắm nghiền đôi mắt nàng lầm bầm : « Hùng sẽ quay trở lại và nàng sẽ ngả người vào tay chàng để xin lỗi. Ô ! Chỉ vì một câu chuyện cãi nhau còn con mà Hùng cũng bỏ đi thật ư ? Lỗi tại chàng chứ ? Ừ, có lẽ lỗi cả tại mình nữa. Chỉ vì hai người cùng nóng cả. Kể ra thì tính nết Hùng cũng hơi khác lạ. »

Không ! Sự thật tính nết Hùng không có gì khác lạ cả. Tuyết-Nhung cũng vậy. Thế mà hai người thường cãi nhau luôn nhưng không vì thế mà họ bớt yêu nhau.

Tuyết-Nhung đã yêu Hùng tha thiết. Nàng đã mạnh dạn rời bỏ gia đình, bỏ bạn, rời bỏ Saigon náo nhiệt để ra tận Nha - Trang sống với người yêu. Hai vợ chồng thuê căn nhà này để vui hưởng tuần trăng mật, sống trọn vẹn với tình yêu đang rực rộ trong tim họ.

Sau đó Hùng xin đổi ra làm ở đây. Anh muốn Tuyết-Nhung chỉ thuộc riêng về anh trọn vẹn. Ở Saigon còn có gia đình của nàng. Tuyết-Nhung sẽ phải san sẻ bớt

tình thương yêu cho người thân.

Hùng rất thích hoa hồng nên khi thuê nhà xong, anh đã đi mua rất nhiều cây hồng mang về trồng chung quanh nhà. Nhiều buổi sáng hai vợ chồng dạo quanh vườn, Hùng đã chỉ những đóa hoa tươi đẹp rồi thì thầm vào tai vợ : « Em và những đóa hoa kia là hai thứ mà anh say mê nhất. »

Tuyết - Nhung nũng nịu, nửa đùa nửa thật bảo chồng : « Anh nói thế không sợ em ghen à. Em sẽ chặt hết những cây hồng kia đi để anh chỉ yêu có một mình em thôi. »

Hùng chỉ mỉm cười không nói gì.

Cho đến ngày hôm qua, cả một buổi sáng trời đổ mưa như trời nước. Những trận gió đã làm ngã nghiêng gần hết những khóm hồng. Buổi trưa, khi ở sở về, trông thấy những cây hoa bị đổ ngã nghiêng trên đất ướt, Hùng chạy vội vào nhà. Thay vì hôn vợ rồi ngồi vào mâm cơm như mọi bữa, anh lại vội vã thay quần áo rồi chạy nhanh ra vườn hì hục vun lại các cây bị đổ.

Mãi mãi làm việc anh đã quên hẳn người vợ trẻ đang ngồi phụng phiu bên mâm thức ăn

đang ngồi dần. Khi vào bàn ăn, Hùng đã không thể nhai làm cho vợ vui lại còn trách nhẹ :

— Kia sao bộ mặt của em có vẻ sì sì như cái bị rách thế ?

Tuyết-Nhung dờm dờm nước mắt :

— Phải, mặt tôi như thế đấy. đồ tạo hóa ?

Hùng xoa tay vào nhau rồi phẩy tay :

— Chẳng sao cả nhưng nom không thương được.

— Phải rồi anh thương gì tôi. Tuyết-Nhung giận dỗi trả lời, anh chỉ nghĩ đến mấy cây hồng của anh thôi. Tôi sẽ ra nhờ lên hết cho mà xem.

Đáng lẽ Hùng nhìn qua câu chuyện nhưng anh cảm thấy lòng tự ái của mình bị thương tổn nên đứng vội dậy nói lớn :

— Tôi đổ cô đấy !

Tuyết-Nhung cũng gát to không kém :

— Anh thách phải không ?

— Thách đấy !

Tuyết-Nhung bắt đồ chốc ghế ngồi. Nàng chạy bỏ ra vườn nhò hết cây nọ đến cây kia một cách gian dối. Lúc đầu Hùng cũng tưởng vợ mình nói đùa, đến khi thấy nàng làm thật vội chạy ra cản lại. Nhìn mấy cây hồng mà anh đã mất công vun lại lúc này giờ đây đang

nằm ténh hênh trên mặt đất sáo trộn, Hùng nóng mắt, mắt bình tĩnh nên thẳng tay tát vợ một cái thật mạnh.

Tuyết-Nhung chạy vào buồng lẫn ra giường khóc nức nở. Hùng nhón nhuc trở lại một lần nữa rồi mới vào nhà. Thấy vợ nằm khóc lóc kể lể, anh lặng lẽ thu xếp quần áo vào valy. Tuyết-Nhung vừa chồm chú theo dõi hành-dộng của chồng qua kẽ hở của những ngón tay. Nàng biết Hùng chỉ dọa nàng mà thôi. Đã nhiều lần, không nàng thì Hùng, sau mỗi lần cãi nhau lại thu xếp quần áo vào valy để đi nhưng chỉ ra đến cửa lại quay trở vào như tìm kiếm một vật gì bỏ quên để rồi hai người nhìn nhau mỉm cười tha thứ cho nhau. Sự hờn dỗi đã được những chiếc hôn dài xí xóa nhanh. Sau đó hai người lại vui vẻ xếp quần áo vào tủ như vừa đi chơi xa về.

Lầy này thấy chồng thu xếp quần áo, Tuyết-Nhung ng ị thâm :
« Cứ thu xếp đi rồi chốc nữa lại vớ vẹt quay trở lại ngay đấy mà ».

Nhưng... Hùng đã xách valy đi thẳng. Cả đêm qua chàng không về làm Tuyết-Nhung trăn-trọc không ngủ được vì hối hận. Từ khi lấy nhau tới giờ nàng chưa hề ngủ ở nhà một mình. Nàng cảm

thấy sợ hãi, một sự sợ hãi vu vơ. Nàng không hiểu mình sợ điều chi sợ căn nhà vắng vẻ hay sợ Hùng đi không trở lại...

Tuyết-Nhung vẫn đứng thẩn thờ bên cửa sắt. Cảnh mai vàng ở nơi này đã rơi xuống đất từ bao giờ nằm tro trên trên đám cỏ xanh ròn.

Cho đến bữa cơm trưa Hùng cũng không về. Tuyết-Nhung định sẽ đến sở làm của chồng để tìm nhưng nàng lại chán chờ không muốn đi. Lòng tự ái đã xúi giục nàng thu xếp quần áo để chờ chuyến xe lửa ở giờ 30 tối về Saigon với cha mẹ.

* Minh về Saigon cho anh ấy biết mình không còn bé bỏng gì mà phải tìm hoặc chờ đợi. Chỉ khi nào có thư gửi vào xin lỗi hoặc Hùng vào đón mình mới trở về. Nếu không... *

Nghĩ đến * nếu không * Tuyết-Nhung không dám nghĩ thêm nữa. Nếu Hùng nhất định không vào thì sao nhỉ? Nàng có thể chờ đợi mãi không hay lại nhảy bỏ ra tàu đi ra Nha-Trang xin lỗi Hùng?

Máu hận trào lên, Tuyết-Nhung xua đuổi ý tưởng đầu hàng đó. « Không, không bao giờ ta thêm xin lỗi Hùng. Chàng đã đánh ta như một kẻ vũ phu, chính

chàng phải xin lỗi ta mới phải... »

Về Saigon, Tuyết-Nhung chờ đợi mãi một lá thư từ Nha-Trang gửi vào nhưng vẫn bần bặt.

Không hiểu Hùng có trở lại căn nhà ấm cúng đó không? Chàng có thao thức mong chờ đón đợi những bước chân dẫu nhanh trên lối từ ngoài cổng vào phòng khách của người vợ về không? Để nghĩ vậy, Tuyết-Nhung vẫn kiên gan chờ đợi. Nàng không muốn mình là một kẻ chiến bại.

Cha mẹ Tuyết-Nhung cũng như bạn bè của nàng đều khuyên nàng nên ra Nha-Trang xin lỗi Hùng để hai người lại chung sống như xưa, chẳng lẽ vì một sự giận dữ không đầu mà để lỡ một đời. Nhưng Tuyết-Nhung không chịu phục thiện. Nàng chỉ ra Nha-Trang khi rêu Hùng vào van xin nàng, xin lỗi nàng.

Cho đến sáng hôm hai mươi chín Tết, có Kim — một người bạn thân của nàng và cũng quen biết Hùng — đến báo cho Tuyết-Nhung hay Tết xong Hùng sẽ đi ngoại-quốc và có một cô gái trẻ đẹp cùng đi theo chàng... *

Nghe vậy, Tuyết-Nhung thấy Hạnh-Phúc của mình đã tan như

xương mù gập nung sớm và công chờ đợi của nàng chỉ là công dã tràng vô-ích. Buồn, khổ xâm chiếm tâm hồn nàng nhưng nàng lại nhận thấy mình yêu Hùng càng bao giờ hết. Càng thấy yêu càng thấy đau khổ. Thôi thế là hết rồi. Vì lòng tự-ái quá mạnh làm mờ át lý trí mà nay thành ra nông nổi này. Đến khi hiểu được lòng mình thì . . . thôi rồi Hạnh. Phúc đã tan vỡ hẳn không còn phương cách gì hàn gắn lại được nữa.

Lúc này Tuyết-Nhung mới khóc lóc kể lể với bạn :

— Chắc là Hùng quên em rồi. Thì ra anh ấy chỉ vờ gây lộn với em để được xa em. Bây giờ phải làm thế nào hở Kim ? Kim giúp tôi với.

— Thế Nhung có còn yêu Hùng không ?

Tuyết-Nhung nức nở :

— Em vẫn yêu Hùng, em không thể nào quên được chàng. Em biết em đã dại khi không đi tìm chàng mà lại bỏ về Saigon. Nếu hôm đó em cố giữ chàng lại, xin lỗi chàng thì đâu có phải bị khổ sở như bây giờ !

Cô Kim mỉm cười, nhẹ nhàng vỗ vai bạn :

— Nếu vậy Nhung nên ra Nha-Trang ngay đi, Hùng vẫn đang chờ đợi Nhung đấy. Nếu anh ấy có xin lỗi Nhung thì Nhung phải tranh lỗi trước nhé !

Kính vực Tuyết-Nhung sưng sỏ nhìn bạn không nói. Biết ý, cô Kim vội nói ngay :

— Sự thực Hùng không có đi ngoại-quốc và cũng chẳng có cô gái đẹp nào cả. Tôi mới nhận được thư của Hùng than phiền về Nhung hay có tính tự-ái sẵn và có nhờ tôi làm cách nào để cho Nhung quay trở về. Bởi vậy tôi mới dừng dừng câu chuyện đi xa đấy chứ, để xem phản ứng của Nhung ra sao.

Khi đã hiểu rõ, Tuyết-Nhung đỏ bừng đôi má. Đôi mắt nàng bừng sáng như mặt nước hồ thu lóng lánh ánh nắng vàng tươi buổi sớm mai. Nàng phát nhẹ vào lưng bạn :

— Chị làm em...

— Sự quá phải không ? Cô Kim tranh lời

Tuyết-Nhung bẽn lẽn :

— Vâng, bây giờ em mới hiểu lỗi tại em. Tý nữa em đã bỏ mất những gì cao quý nhất. Chiều nay em sẽ ra ngay Nha-Trang để xin lỗi Hùng. À... chị cùng đi với em ra Nha-Trang ăn Tết với

chúng em nhé. Nếu Hùng còn giận em chỉ nhớ bênh hộ em với.

Cô Kim mỉm cười :

— Nếu Nhung muốn thế tôi cũng vui về chiều Nhung. Nhưng tôi tin rằng Hùng sẽ mừng rỡ gặp lại Nhung.

Sung sướng Tuyết-Nhung ngẩng nhìn ra vườn. Đôi mắt mơ màng bắt gặp hàng cây xanh um đang rung rinh trước gió. Trên cao từng đám mây trắng nhẹ nhàng

trôi như những con thuyền lướt trên sông nước. Tuyết-Nhung lầm bầm với lòng mình :

— Trời hôm nay đẹp quá !

Cô Kim nhìn mấy cành mai tươi nở do Ba của Nhung đã mua được đem về cắm trong lọ bình lớn để ngay giữa phòng khách, rồi nhìn trời quang-dân :

— Trời Xuân vẫn đẹp, Nhung à !

HOÀNG-THĂNG

* AN TRỘM CÁI ÁO LEN

Chuyện này xảy ra trong một rạp hát ở Đà-Lạt vào mùa đông. Một ông đại hà-tiện ngồi xem hát với hai vợ chồng Ba Búa, bạn thân của ông. Đang lúc mê mẩn theo dõi cuộc tình duyên éo le trên màn ảnh, ông làm rơi cái bao kính xuống đất. Trong tối, ông mò được cái bao kính và thêm một sợi chỉ len. Cứ kéo dài sợi chỉ len ông đại hà tiện quần được một cuộn. Khi sợi chỉ chấm dứt ông bỏ cuộn chỉ vào túi. Trong khi nghĩ xả hơi ông đi ra ngoài dạo xem coi ông quần giây gì.

Ông sung-sướng vô tận khi thấy cuộn chỉ ông quần toàn là chỉ len hảo-hạng.

Ngày hôm sau, ông đại hà tiện đến thăm vợ chồng Ba Búa. Vừa trông thấy ông Ba Búa chạy ra và nói to :

Anh có biết chuyện gì xảy ra trong khi chúng ta xem hát không ?

— Không.

Bà Búa kể tiếp :

— Trời ơi ! An trộm gan hết chỗ nói ! Anh hãy tưởng-tượng, trong lúc xem hát một kẻ trộm ăn cắp mất cái áo len vợ tôi đang mặc trong mình !

H. P.

CHUYỆN VUI LỊCH-SỬ

NGUYỄN-TRÚC LÂM

Người ăn mày với Nguyễn-Trãi

Tháng 10 năm Đinh dậu (1427) quân Lê-Lợi bắt đầu vây Đông-đô (Hà-Nội) : Hai mươi vạn quân Minh do Vương-Thông chỉ-huy đang nằm trong tình trạng quân-bách, lung-túng, vì lương-thực chỉ còn đúng một tháng nữa là kiệt ..

Ngày ngày, quân sư Nguyễn-Trãi cho bắn thư vào Đông-đô kêu gọi giặc đầu hàng thì được tha cho toàn tính mạng và, trả lại về nước an toàn ; nhưng Vương-Tường tin vào sự cứu viện của « Thiên-Triều » nên vẫn phòng thủ kiên-cố...

Một hôm quân tuần-vệ của ta bắt được người ăn mày mặc phải bệnh hủi từ trong thành Đông-đô thất thểu đi ra ; quân vệ mới đem trình Nguyễn-Quân-sư. Sau một phút suy nghiệm, Nguyễn-Trãi dặn quân giam lỏng một nơi và, bí mật theo dõi từng hành-vi cử chỉ của tên bệnh khất hủi.

Hôm sau, người lính có phận sự đến trình với Nguyễn-Quân-sư rằng : cứ mỗi lần đi đại tiện

xong, tên hành-khất lấy que cây khoèo-khoèo cái gì trong đồng phần.

Một nụ cười đầy hy-vọng thành đạt nở trên môi, Nguyễn-Trãi dặn người lính : hễ ý đại tiện xong thì hối giục vào ngay, đừng dè y lẩn như trước ; khi y vào chỗ giam xong người lính phải đi ngay ra bươi đồng phần xem có gì lạ thì đưa vào trình.

Quả nhiên người lính tìm thấy trong đồng phần một viên tròn tròn lớn hơn ngón tay cái ; rửa xong người lính ấy mới đem vào trình cho Nguyễn-Quân-sư.

Lột lớp sáp ở ngoài, Nguyễn-Trãi nhận thấy trong có một mảnh giấy màu đỏ lói. Đó là lá sớ của Vương-Thông viết dâng lên vua Minh xin cứu viện gấp rút vì lương thực tại Đông-đô chỉ còn đến giữa tháng « 11 » mà thôi.

Thì ra tên hành khất hủi kia là Trần-Anh, sứ giả lợi hại của Vương-Thông !

— Giết Trần - Anh? Nguyễn-Trãi lắc đầu...

Cho người của ta giả Trần-Anh cũng không nên !

Đồng : một tia sáng loé lên trong tâm-trí vị quân-sư trẻ tuổi...

Nguyễn-Trãi tự tay mài mực, lấy bút chấm rồi viết thư ra giấy ngoài mấy lần, rồi so sánh từng nét một của mình với những nét trong lá sớ Vương-Thông...

Sau cùng, Nguyễn-Trãi thông thả chấm mực và thêm một nét nhỏ. Mỉm cười, xoa tay, Nguyễn-Trãi vỗ tròn lá sớ, lấy sáp bọc ngoài lại như cũ ; đoạn cho gọi người lính vào, bảo đem bỏ trả trong đóng phần của tên hành-khất. Nguyễn Quân-sư lại dặn người lính lần này cho tên hành-khất hủi đi đại tiện tự do...

Tự nhiên tên hành-khất hủi tìm đến chỗ cũ, lấy que bươi đóng phần tìm và nhặt lại nòn sáp...

Hôm sau, Nguyễn Quân-sư cho thả tên hành-khất ấy, cho ít quan tiền rồi sai lính đuổi ra khỏi Đông-dò...

Vương-Thông sau khi dò biết Trần-Anh đã ra khỏi Đông-dò, ngay đêm thom-thóp chờ quân tiếp viện.

Tháng « 11 » đã qua ! Hết cả

lượng thực, Vương-Thông ra lệnh cho quân lính giết cả chó và ngựa trong thành để ăn.

Nhưng chó và ngựa có lượng ! Quân lính nào loạn cả lên. Kết cuộc Vương-Thông phải ra hàng — Thế là Đông-dò thành bị quân ta hạ dễ dàng như lật bàn tay.

Mãi đến cuối tháng « 11 » Minh Triều mới cho Đại tướng Thái tử Liễu Thăng kéo 20 vạn quân sang cứu viện. Giả sử Liễu-Thăng có « bình yên vô sự » mà đến Đông-dò cũng đã mất rồi, huống hồ quân ta đã phục kích trước ở Chi-lăng (Lạng-sơn) nên Liễu-Thăng bị Lê-Lợi chém đầu !

Thì ra trong sớ của Vương-Thông, đoạn nói về tình hình « lượng thực » có câu : « lượng thực chỉ còn đủ đến giữa tháng 11 » (thập nhất nguyệt : 十一月), Nguyễn-Trãi đã thêm vào một nét trên chữ « nhất » (一) thành « thập nhị nguyệt » (十二月) cho nên đến đầu tháng chạp Liễu-Thăng mới đem viện quân sang đến nước ta !

Thật là một « HỌC KÈ » của vị Quân sư họ Nguyễn trẻ tuổi, đang để cho những người « đương đương một đấng anh hào » của người đời học hỏi và chiêm ngưỡng vị anh hùng dân tộc Nguyễn-Trãi vậy.



Mình ơi!

* DIỆU-HUYỀN

CÙNG ông Táo xong, Bà Tú dọn cơm lên bàn rồi mời ông Tú. Ông Tú vừa cầm đũa thì Bà Tú gọi :

— Mình ơi !

Ông Tú cười nói vợ :

— Hôm nay cũng ông Táo, đáng lẽ Mình gọi « ông Táo ơi ! » chứ đừng gọi anh.

Em chỉ muốn biết hết năm nay là năm con Chó thì năm tới là năm con gì, cái đó khỏi phải hỏi ông Táo !

— Nhưng hôm nay Mình nấu một bát thịt heo già cây, để cúng Táo quân rồi bây giờ mình đem để ngay dưới hai lỗ mũi anh, hơi bay lên thơm ngát, coi ngon lành quá xá, anh chỉ lo ngồi nhìn chớ khỏi ăn !

— Sao vậy, Mình ?

— Thì còn sao nữa ! Anh đã rút kinh-nghiệm rằng một khi Mình gọi « Mình ơi ! », là thôi, anh đừng hòng ăn uống gì được nữa. Chỉ hầu chuyện Mình cũng đủ no.

Bà Tú vừa bới xong hai chén cơm cho chồng và cho bà, nghe ông Tú nói thế bà liền giận lên, đứng dậy bỏ vô buồng nằm. Tối-nghỉếp ông Tú, tánh nết hiền lành và quá yếu vợ nên hay chịu vợ, lật-dật chạy theo vô buồng :

— Mình ơi, Mình ! Con heo ! Con heo !

Chạy vô buồng, thấy vợ nằm khóc thút-thít (Bà Tú làm nũng tât-niên với chồng đấy mà !). Ông Tú liền ngồi lên giường dỗ vợ :

— Mình ơi, Mình, con Heo !

Bà Tú càng giận - dỗi quay lại hỏi :

— Mình mắng em là con Heo, heo hông ?

Ông Tú nhin cười không được, vì tánh nhõng-nheo của bà vợ yêu quý, liền cúi xuống hôn đôi mắt nhung của bà còn dính hai hột lệ trong veo :

— Đề anh hôn đôi mắt Gina Lollobrigida rất mơ-mộng này cái đã, rồi anh giảng cho mà nghe...

Hôn xong, ông cười, nhìn bà Tú :

— Lúc nãy Mình hỏi anh : hết năm con Chó thì đến năm con gì. Anh đã trả lời cho Mình là năm con Heo.

— Sao lúc nãy ngoài bàn ăn mình không nói phức cho em nghe đề bây giờ mới nói ?

— Vì hồi nãy anh chưa được ăn món thịt heo giả cây của mình nấu cúng Cụ Táo... Thôi, bây giờ Mình ngồi dậy ra ăn cơm với anh, rồi muốn « Mình ơi » cái gì thì cứ việc « ơi ». Ngồi dậy, Mình ! Chớ ngao !

Ông Tú đưa hai tay ra ôm bà Tú ngồi dậy. Hai vợ chồng trở ra bàn ăn. Bà Tú đã hết khóc. Ông Tú găm cái giò heo :

— Nào. Mình định hỏi anh về văn-đề gì ?

— Con Heo.

Ông Tú, cầm cái giò heo gặm ngon lành, cười ngó bà Tú :

— Bây giờ đến lượt Mình mắng anh là con heo, heo ?

— Em muốn Mình nói chuyện con Heo cho em nghe.

— Mình đặt anh câu hỏi đó, không khác nào chú đồ-tể cầm dao thọc cổ heo !

Bà Tú tủm-tủm cười nhưng làm ra vẻ điềm-nhiên, gắp miếng thịt heo chấm nước mắm, và hỏi :

— Nghĩa là sao ?

— Nghĩa là Mình giết anh, chó sao ? Anh thú thật với Mình rằng anh chẳng biết một tý gì về con heo cả, trừ ra một điều anh biết rõ là con heo sáng nó kêu ụt-ịt, trưa nó kêu ụt-ịt, tối nó cũng kêu ụt-ịt.

— Vậy chớ từ trước đến giờ Mình đã đọc biết bao nhiêu là sách Tàu sách Tây, sách Nga, sách Mỹ, mà chẳng có một quyển nào nói đến con Heo sao ?

Ông Tú gặm sạch trơn cái giò heo chỉ còn trơ cục xương, ông bỏ xuống đĩa kêu một tiếng "cốp !" Ông lấy đĩa gắp một cái giò khác, và nói :

— Con Heo là một con vật bản bờ xừ, mà lười biếng số dách, chỉ ăn rồi nằm, cả ngày chẳng

làm được tích sự gì, thì, anh hỡi Minh : ông Văn-sĩ nào thiếu đề tài hay sao mà viết sách nói chuyện con Heo chứ ? Ông Thi-sĩ dơ-bần nào mà làm thơ ca-ngợi con Heo hả ?

— Con Heo hiến thịt cho mình ăn, cũng là có ích vậy chứ ! Đáng lẽ người ta phải kể con Heo là có ích số một vì thịt heo ăn ngon, và ai cũng ăn nó. Tại sao khinh nó ?

— Chưa chắc là ai cũng ăn thịt Heo đa ! Đọc trong THÁNH-KINH của đạo GIA-TÔ, và kinh CORAN của đạo HỒI GIÁO, thì thấy MOÏSE và MAHOMET đều cấm loài người ăn thịt heo. Không những cấm ăn thịt heo, mà cấm cả nuôi heo nữa, vì cho rằng con heo dơ-bần. Cho nên hồi xưa người AI-CẬP không ăn thịt heo, và ngay đời nay là đời nguyên-tử, trên trái đất còn hàng mấy triệu người tín-dồ của đạo Hồi-giáo vẫn kiêng thịt heo, không bao giờ ngó đến nó. Hiện giờ, cả một vùng rộng-lớn của Thế-giới, từ Ai-Cập, qua A-Ra-Bi, Irak, Ba-Tur, Pakistan, một phần đất Mã-Lai, một phần Nam-Đương, dân chúng từ giàu đến nghèo, không ai ăn thịt heo. Đến đời nhà Đại-Văn-Sĩ về Thiên-nhiên-học của Pháp, là BUFFON đã viết : « C'est leur amour pour la chair de porc qui

empêche les Chinois d'adopter la religion de Mahomet ». Nghĩa là "Tại người Tàu yêu thịt heo quá nên họ không theo đạo-giáo của Mahomet". Nói một cách khác, là tại Mahomet cấm tín-dồ ăn thịt Heo cho nên Hồi-giáo truyền qua Tàu từ lâu mà vẫn không có một người Tàu nào theo cả. Nhưng BUFFON nói thế cũng hơi oan cho người Tàu. Vì tuy rằng người Tàu là giống dân chuyên-môn ăn thịt heo và yêu mỡ heo một cách « mê-ly » thật đấy, nhưng nào có riêng gì người Tàu đâu ! Thi-sĩ HOMÈRE, một nhà Thơ vĩ-dại của Hy-Lạp thời thượng-cổ, trong hai tập Thơ hùng-tráng-ca ILLIADE và ODYSSÉE, có ca-ngợi rất nhiều về thịt heo, nhất là trong trận đánh thành TROIE, mà Tướng-sĩ HY-LẠP toàn ăn thịt heo... À, Minh muốn biết chuyện CON NGỰA THÀNH TROIE không ?

— Hôm nay Minh nói chuyện con Heo cho em nghe, đâu phải nói chuyện con Ngựa ?

— Chuyện con Ngựa này dính-liu đến chuyện con Heo. Chuyện con NGỰA THÀNH TROIE, người trí-thức cần phải biết, và lý-thú lắm. Xứ Tiều-Á và xứ Hy-

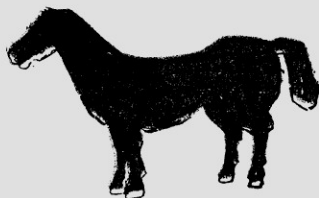
Lập ở gần nhau, và có thù nhau từ lâu. Một hôm con trai vua Tiều-Á qua bắt cóc được nàng công-chúa tuyệt đẹp của Hy-Lạp, là HÉLÈNE. Thế là Hy-Lạp kéo quân sang đánh thành Troie, kinh-dô nước Tiều-Á. Tất cả các thanh-niên anh-hùng của Hy-Lạp, đã say-mê công chúa Hèlène, đều quyết một phen ra chiến trường để phục-thù và cướp cho được Hèlène về. Nhưng quân Troie

manh lắm. Hy-Lạp vây thành Troie 10 năm chưa hạ được thành. Thế rồi một hôm quân Hy-Lạp lập mưu đóng một con ngựa bằng gỗ thật to và

thật đẹp, nói là để thờ Thần Athéna. Đóng xong, họ làm lễ cúng Thần rồi giả vờ rút lui ra xa, để con ngựa gỗ lại. Quân Troie thấy ngựa gỗ đẹp quá, liền kéo ra cướp ngựa, đầy vồ thành. Không ngờ, có mấy chục tên lính cầm-tử Hy-Lạp trốn trong bụng con ngựa gỗ. Nửa đêm thừa lúc quân Troie ngủ hết, cầm-tử

Hy-Lạp tháo một miếng ván dưới bụng ngựa chui ra, rồi mở cửa thành cho toàn quân Hy-Lạp kéo vào. Thế là Troie bị thất-thủ.

Quân Hy-Lạp nhờ mưu con ngựa gỗ mà lấy được thành Troie, liền giết heo làm tiệc khai-hoàn, ăn uống say sưa. Muốn kỷ-niệm cuộc thắng trận vẻ-vang của con ngựa gỗ, họ bày ra các món ăn nhồi vồ trong bụng heo, cũng như quân cầm-tử trốn trong bụng ngựa.



Do đó mà về sau người ta mới bắt chước bày ra các món thịt nhồi, và sự tích con Ngựa thành Troie còn lưu truyền sách-sử mãi cho đến nay.

Chính Thi-sĩ HOMÈRE ca ngợi con ngựa Troie và các món thịt heo nhồi, trong những buổi tiệc khao quân ấy! Ở LA-MÃ dưới thời vua NÉRON và mãi về sau, dân-chúng cũng như các nhà quý-phái, đều thường giết heo để làm tiệc. Họ ưa nhất là thịt RÂM-BÔNG (jambon) từ xứ GAULE (Pháp) đưa qua cổng-hiến. Thịt râm-bông

ở Bayonne và Mayence (Đức) mãi đến ngày nay vẫn còn tiếng . . . thote ! Răm-bông ở hai quận ấy cũng có tiếng-tấm quốc-tế như NEM THỨ-ĐỨC của ta vậy.

Ông Tú ăn một miếng thịt mỡ với dưa hành, khen ngon. Ông không quên nịnh bà Tú :

— Minh nấu món nào ăn cũng ngon cả.

Bà Tú nở mũi, gắp một miếng thịt mỡ nữa bỏ vào chén cơm của chồng. Ông Tú nói tiếp :

— Lúc này Minh nói một câu chí lý.

— Em nói câu gì đầu ?

— Minh nói : Con heo có ích số một, vì thịt nó ngon. Câu đó, hồi thế-kỷ XVI đã có một nhà văn-sĩ Pháp nói rồi, là REBELAIS, tác-giả bộ truyện bắt-hủ PANTAGRUEL, một nhân-vật hám ăn và nhậu nhẹt bực nhất trên Thế-giới. Chính MAURICE DES OMBIAUX, một Văn-sĩ kiêm Đầu-bếp, đã khen « CON HEO LÀ MỘT CON VẬT BÁCH-KHOA » (Le porc est un, animal encyclopédique) ; vì theo ông Văn-sĩ đó thì tất cả các bộ phận trong con Heo đều dùng được, không bỏ một thứ nào cả. Lông Heo thì dùng làm bàn chải, hoặc làm chỉ nhợ của thợ giày,

huyết Heo dùng ăn, hoặc làm phân, hoặc dùng trong kỹ-nghệ nhuộm, xương Heo làm phân, da Heo để làm bánh, hoặc thuộc, da Heo thuộc còn chắc hơn da bò da trâu nữa. Bong-bóng Heo dùng làm túi, bao đựng thuốc hút, mặt Heo để hấp hàng-vải cho sạch mỡ, cho đến cái móng chun Heo cũng dùng được làm keo (colle forte), hoặc nấu ra màu xanh tươi (Bleu de Prusse) dùng làm mực in hoặc màu nhuộm. Còn nói đến thịt Heo thì ngoài Thi-sĩ HOMÈRE, Bác-học BUFFON, văn-sĩ RABELAIS, như anh đã kể lúc này, còn có nhà văn ERKMANN-CHATRIAN, tác-giả quyển « *La Taverna du Jambon de Mayence* » cũng tán dương thịt Heo, đọc chầy nước miếng ! Nếu đúng như bức thư của THÁNH PAUL gửi cho THÁNH TIMOTHÉE (Thế-kỷ thứ I) và có ghi trong kinh TÂN-UỐC của đạo Gia-tô, có một đoạn nói về lòng ưu-ái của Chúa đối với loài người trong các vật mà Chúa đã sanh ra cho người sử-dụng, thì con Heo để cho loài người ăn thịt có lẽ là một trong những bằng-chứng của tấm lòng ưu-ái thiêng-liêng ấy ! Cũng không

khắc nhà văn BERNARDIN DE SAINT PIERRE đã nói Chúa-trời sanh ra trái dừa gang có sẵn mấy đường lằn để cho loài người theo đó xẻ ra ăn cho dễ !

Có điều rất lạ, mình à, là anh nhận thấy đạo Gia-tô nói đến con Heo nhiều nhất. Kinh EVANGILE của THÁNH MATHIEU (VII — 6) có câu : « ĐỪNG VỨT NHỮNG HẠT NGỌC CỦA NGƯỜI TRƯỚC MẮY CON HEO ! » (Ne jetez point vos perles devant les pourceaux !). Và có lẽ vì đọc câu Thánh-kinh này nên Thi-sĩ SCARRON Thế-kỷ (XVII), có hai câu thơ ngộ-ngĩnh ra phếch :

Faire là des serments si beaux,

*C'est jeter des fleurs aux
pourceaux.*

— Nghĩa là gì, hả Minh ? Minh
địch ra thơ Viết cho em nghe :

— Dịch thể cóc nào được hai câu thơ ấy !

.. Cứ dịch đại cho em hiểu
thôi mà.

— Dịch đại thi :

Trao chi tốt đẹp lời thề,

Vứt chỉ hoa đẹp cho lợn
xè, uồng công !

— Hai câu thơ ấy có ngụ ý gì, bà Minh?

— Ngụ ý là trao gởi những lời
thề-nguyền tốt đẹp cho một người
tâm-thường không xứng đáng với
mình, khác nào như vứt một bó
hoa tươi đẹp cho con Heo vậy...

Bà Tú khen :

— Ý đó hay quá nhỉ !

— Minh xem, chỉ trong một con Heo mà moi ra biết bao nhiêu ý-tứ hay, truyện-tích hay, văn-thơ hay . . . Minh ơi, Minh kêu chi bếp lấy cho anh một trái ớt thật cay nữa đi ! Ăn kèm miếng thịt heo luộc này với rau sống chấm nước mắm mà không cần thêm một tý ớt cho thiệt cay thì mất ngon mất Minh à. Với lại cho anh một múi chanh nữa. Vắt một tý chanh vào đây nữa, thì tuyệt !

Có chanh rồi, ông Tú vắt vài giọt vào rau sống với thịt heo, và vô miệng. Rồi cắn một nửa trái ớt kim. Ông nhai ngon lành, nhưng ông chảy nước mắt, hít hà.

— Cay kinh-không. Mình ơi !

Bà Tú phì cười, nhưng cũng
cùng ông Tú lăm nên bà vội-vàng
đứng dậy rót một tách nước sôi
đưa ông :

— Mình uống một hợp nước
lạnh vào hết cay, mình à.

Nhưng ông Tú vừa hớp xong
bà đã hỏi tiếp liền :

— Mình nói trong Thánh-kinh có đề-cập đến con Heo nhiều lần, rồi sao nữa, hả Mình ?

— Không phải trong Thánh-kinh, mà trong đạo Gia-tô, thường nói đến. Như chuyện THÁNH ANTOINE ở thế-kỷ thứ I, vào động ngồi tu thì có bọn quỷ hóa làm đàn-bà trần-trường để cám-dỗ ông . . . Chính Đức Phật THÍCH-CÁ-MÂU-NI lúc ngồi tham-thiền dưới gốc cây Bồ-đề cũng đã bị bọn ma-vương cám dỗ như thế. Nhưng khác có một điều là trong bọn quỷ sứ đàn-bà trên gọi Thánh Antoine có một cô con gái thật đẹp ở trường mà ngồi trên lưng một con heo đến sát mình ông. Con heo đó là biểu-hiệu cho thú nhục-dục. Trong bức tranh tuyệt-mỹ của J. A. VALLIN, đề là «Thánh Antoine bị cám-dỗ», con Heo ấy trông như thề một cô gái biến hình.

— Ông Thánh Antoine ấy có bị sa-ngã không, hả Mình ?

— Không. Ông cứ đọc kinh cầu nguyện, và sống đến một trăm lẻ năm tuổi, không hề bị sa-ngã một lần.

— Đức Phật Thích-Ca cũng vậy, há !

— Đức Phật Thích-Ca không cần



cầu-nguyện. Ngài chỉ lặng-lẽ ngồi tham-thiền, Ánh đạo vàng của Ngài t a ra, khiến bọn ma-vương sợ-sệt tự nhiên biến mất tiêu.

— Rồi sao nữa, hả Mình ?

— Nói về Đạo Gia-tô, thì có một vị Hồng-Y . . . tên là . . . gì anh quên mất rồi . . . Đề anh nghĩ xem đã . . .

Ông Tú cầm dưa bắp một miếng lòng lợn chấm mắm ruốc có vắt chanh, rồi bỏ vào miệng, ông không dám ăn ột nữa. Ông vừa nhai, vừa nói tiếp :

Anh nhớ rồi, Đức HỒNG-Y DE VIVIERS, tên là JEAN DE BROGNI, thế-kỷ XIV, lúc nhỏ đi chăn heo. Do một sự tình cờ, anh đọc chuyện ấy trong quyển *Histoires anciennes* của giáo-

sư ROLLIN. Kề trong lịch-sử, thì ở nước ta có vua ĐINH-TIÊN-HOÀNG hồi nhỏ đi chăn bò, ở nước Tàu có TÔ-VŨ chăn dê, ở Pháp có ĐỨC-HỒNG-Y JEAN DE BROGNI lúc bé chăn heo, thật cũng là ba nhân vật kỳ-tài. //

Nói về lịch-sử, còn một câu chuyện vui vui, là chuyện dòng-họ PORCELLET. Hồi xưa, hồi xưa có một bà già ăn mày, chống gậy đến xin một người đàn-bà giàu đang có chứa ở tỉnh Provence, bên Pháp. Bà nhà giàu không bố thí cho một xu ten nào lại còn xua đuổi bà lão rách-rưới. Bà lão tức giận ra đi, vừa gặp một con heo nái dẫn một bầy heo con có đến vài chục con đi kiếm ăn. Bà lão đi xin liền quây vào nói với bà nhà giàu đang có thai: « Tôi chúc bà sẽ sanh một lũ con đông như bầy heo này nhé ! » Không ngờ quả nhiên sau đó bà nhà giàu nanh con đẻ cái liên-miên có đến hai chục người. Nhớ lại lời bà lão ăn-mày tiên-tri lạ-thường, vợ chồng nhà giàu kia mới đặt tên cho giòng-họ của mình là « Dòng Heo » (Porcellet). Từ đó đến nay, dòng họ « Heo » vẫn trường-cửu mấy mươi đời, và đã sản-xuất ra nhiều bậc nhân-tài của nước Pháp,

nào là trạng-sư, quan tòa, giáo-sư, thủy-sư đô-đốc, đại-sứ, thiếu-tướng, đại-tướng, v.v... toàn là mang tên dòng-họ Heo. Jean Porcellet, Louis Porcellet, v.v... Hiện nay dòng-họ PORCELLET (Dòng Heo) còn là một dòng-họ quý-phái có danh-tiếng ở Pháp, vẫn còn sanh-đẻ luôn luôn và từ đời ông đến đời cha, đến đời con, kế tiếp nhau sanh con đàn cháu lú, không hề đứt !

— Đẻ gì mà đẻ quá xá vậy !
Thiệt là tốt nái, há Minh !

— Mình có muốn đẻ nhiều như người ta không ?

— Thôi, em thích theo phương-pháp Ogino-Knauss. Còn Minh ?

— Hoàn-toàn đồng-ý.

— Mình nói chuyện Heo nữa cho em nghe. Mình đã nói con Heo trong gia-chánh, trong Tôn-giáo, trong Lịch-sử. Bây giờ Mình nói về Triết-học đi !

— Con Heo làm khi gì có triết-học ! À quên, có chứ. Nói đến triết-học, thì quên sao được « con Heo của EPICURE » ? EPICURE là một nhà Triết-học Hy-Lạp, sống vào khoảng ba trăm năm trước Chúa Giê-Xu, và là giáo-sư Triết-học ở trường Đại-học Athènes. Ông chủ-trương sống trên đời nên tận-

hưởng khoái-lạc vật-chất, sống dễ ăn và chơi cho thỏa-thích vật-dục của mình. Thi-sĩ HORACE, ở La-Mã, bạn thân của Thi-sĩ VIRGILE, cũng ở La-Mã, bèn làm thơ chỉ-trích cái triết-lý ấy và gọi giáo-sư Triết-học Epicure của Hy-Lạp là con Heo. Do đó, danh-từ "Bầy Heo của Epicure" (câu chữ La-tinh của Thi-sĩ Horace là *Epicuri de grege porcum.*) Được lưu-truyền mãi đến bây giờ để chỉ những kẻ lười-biếng, chỉ ham nhậu-nhẹt chơi-bời, đắm mê vật-dục, chẳng thích làm việc gì cả, hạng người mà CỤ PHAN-BỘI-CHÂU nhà ta khinh-miệt là hạng "dá áo túi cơm". Ta có thể gọi đó là Triết-lý con Heo.

— Còn văn-chương ? Con Heo có tên tuổi gì trong văn-chương của loài người không, hỡi Minh ?

— Về văn-chương hử ? ... Thật ra thì anh không được đọc bài thơ nào nói về con Heo . . .

— Ủa ! Chớ lúc nãy Minh có đọc 2 câu thơ của Thi-sĩ SCAR-RON mà Minh đã dịch ra thơ Việt cho em nghe rồi đó.

— Ờ nhỉ ! Mà cũng chưa hết đâu nhé Trong quyển *Candide* của nhà Văn-hào VOLTAIRE

có câu : "CÁI CON HEO XÈ NÀO ĐÃ NÓI XẤU VỖ KỊCH CỦA TA ĐÓ ?" (*Quel est ce gros cochon qui me disait tant de mal de la pièce ?*) Đó là nhà văn tức giận kẻ ngu-ngốc nào đã công-kích vở tuồng của ông, nên ông gọi y là con lợn xè ! Lại trong bức thư gửi cho Hoàng-hậu CATHERINE của Nga, là bạn thân của ông, Văn-sĩ Voltaire nói đến vụ Moustapha định kéo quân đến đánh Nga-Hoàng, cũng có viết : "TẤT CẢ CÁC BÁO ĐỀU NÓI CÁI CON LỢN XÈ ĐÓ sắp đem 300 ngàn quân kéo đến biên-giới của Bệ-Hạ..." (*Toutes les gazettes disent que ce gros cochon va se mettre à la tête de 300 mille hommes...*) Còn nhà Văn AMBROISE PARÉ, vừa là Y-Sĩ chuyên về khoa mổ-xẻ ở thế kỷ XVI, trong quyển sách nói về các quái-thai (*De la génération de l'homme, des monstres*) mà anh đọc hồi còn ở Hà-nội, có kể chuyện một con heo nái đẻ ra một con heo con có bốn tai tám cẳng (*Une truie cochonna un cochon ayant huit jambes et quatre oreilles*). Ngày nay thỉnh-thoảng các báo đăng tin và đăng hình những con heo đẻ ra mình heo

đầu khi, hoặc là đầu voi. cũng chẳng có gì lạ !

— Ngay như trong truyện TÂY-DU mà em đọc hôm nọ. TRƯ-BÁT-GIÁI là Heo đã khéo tu hóa kiếp thành Người (hay là Người vụng tu đã hóa ra kiếp Heo ?) thì hình người mà đầu heo, mặt heo, cả hai tai cũng là tai heo, thì chính Trư-Bát-Giái là thủy-tò các quái thai của loài heo chứ gì

— Nhắc đến truyện Tàu. thì trong văn-chương Tàu đời xưa có nhà văn TỬ - HOA - TỬ kể chuyện họ TỬ-XA ở nước TẦN có con heo nái sặc đen tuyền để một lứa ba con, hai con đen tuyền, một con đen có lốm đốm trắng. Heo nái thương hai đứa con đen tuyền giống mình hơn, săn-sóc chúng hơn, còn hắt-hủi con lốm đốm trắng, rồi sau cần nó chết, xé cả gan ruột tim phổi của nó ra nát bầy. Đó là chuyện luân-tý pha lẫn triết-lý ở đời, ai giống mình thì mình thương, ai khác mình thì mình ghét, cho đến con cái ruột thịt cũng vậy. Chuyện heo mẹ giết heo con là đề so sánh tâm-địa loài Người với loài Heo không khác mấy, theo nhận xét của nhà văn Trung-Hoa TỬ-



HOA-TỬ. Chuyện này khác nào chuyện chàng DOÃN-VĂN-TỬ sinh ra đứa con không giống mình, tức giận đánh đập nó tàn-tệ và thưa với thầy Tử-Tư rằng mình nghi vợ có ngoại-tình nên đẻ đứa con không giống mình. Nhưng thầy TỬ-TƯ cho biết rằng có ai ngờ VUA NGHIÊU VUA THUẦN là hai bậc minh-quân mà lại sanh con ra là ĐAN-CHU và THƯƠNG-QUÂN là hai tên vô-loại, như ngày nay ta nói là hai gã lưu-manh đó thì sao ! Cũng như có ai ngờ con trai của

cụ PHAN-ĐÌNH - PHÙNG là PHAN - VĂN - NGỌC lại làm điếm chỉ đi bắt Vua HÀM-NGHI giao cho Tây !

Ông Tú bỏ đứa xuống, bà Tú bảo :

— Minh thôi hả ? Ăn thêm miếng thịt mỡ nữa đi Minh.

Ông Tú lắc đầu cười.

— Rất tiếc anh không phải là các-chú ! Tại bữa nay tiền cống nhà ta về Trời anh mới ngốn ngấu ấy thịt heo. Từ giờ đến Tết, qua đến năm mới, chắc anh phải theo giới luật cấm thịt heo của Chúa Mahomet và Thiên-Thần Moïse.

Bà Tú dọn mứt, và pha trà cho chồng tráng miệng :

— Minh nói nốt chuyện Heo cho em nghe, đi Minh.

— Thôi, Minh ơi, bụng anh bây giờ đầy quân cảm-tử như bụng con Ngựa thành Troie. Mặc sức đêm nay chúng nó phá vỡ bụng mà chui ra hạ thành ! Đầu óc anh bây giờ cũng dồn đầy những thịt mỡ và thịt mỡ...

— Minh kể cho em một chuyện Heo nữa thôi.

— Một chuyện thôi, hể ?

— Minh kể đi.

— Chuyện ông Trọng Heo của

xứ Việt-Nam, muốn nghe không ?

— Hoan-ngheh.

— Hồi xưa, (không thấy sử sách nói là hồi nào) nước ta có một anh lái heo, dốt như con heo, làm biếng như con heo, nhưng nhờ có nhiều vàng nhiều bạc nên lo-lót cách nào mà được làm Trạng Nguyên rồi sau được Vua sai đi làm Đại-Sứ qua Tàu. Vua Tàu vẫn đã nhiều lần khâm phục mấy ông Sứ-giả Việt-Nam, nên tưởng rằng ông Trạng này cũng thông giỏi chữ-ngữ lắm. Vua Tàu bèn ra câu đối đề coi ông Trạng « An-Nam » đối :

— NAM BẮC LAI TRIỀU,
XÂM TÈ-TÈ ;

Ông Trạng nhà mình chẳng hiểu gì cả, nhưng chẳng lẽ ngồi trơ mặt heo ra đó sao, liền ráng nghĩ xem có gì gợi hứng cho ông đối đáp chẳng. May quá, ông sức nhớ lúc gần đến kinh-dô, ông có trông thấy một chị xăm đứng trên bờ ao đang vén ống quần lên đến háng để sắp sửa xuống ao. Da thịt nơi bẹn (háng) của chị đỏ hồng-hồng, ông Trạng ngó dê-mê. Nhớ cảnh ngoạn mục đó, ông Trạng liền đối đại cho vua Tàu, bằng tiếng Việt :

NÂNG TAY DÍ BÊN, ĐỒ
HÃNG-HÃNG...

Vua Tàu và các quan Tàu lại nghe ra đúng như tiếng Tàu là :

ĐÔNG TÂY CHÍ ĐIỆN ĐỒ HÂN-HÂN

Hay quá ! Hay quá ! Thế là Vua và các quan Tàu khen ông Trạng "AN-NAM" thật là hay chữ !

Chuyện trên đây, không thấy sử sách nhắc đến, nhưng các Cụ ta xưa có truyền khẩu lại. Anh không tin lắm, mặc dầu vừa rồi một ông bạn di-cư người B'c ở Thư-Viện Quốc-Gia, cũng có kể lại bằng điện-thoại cho anh nghe, theo như lời truyền khẩu của các Cụ Nho-sĩ Bắc-Hà. Người đời sau không nhớ tên ông Trạng là gì, nhưng vì ông nguyên là lái heo nên cứ gọi ông là ông TRẠNG LỢN.

Bà Tú ôm bụng cười ngặt-ngheo, ông Tú cắn một tép mút gừng rồi bảo :

— Thôi nhé, Bà Tú ! Bà đừng bảo tôi nói chuyện con Heo nữa đấy. Đề cho tôi ăn mút uống trà.

— Mình ăn mút ngọt giọng, ngâm một bài thơ tiến ông Táo của Mình cho em nghe.

— Ông Táo đã đi mất đất rồi, còn làm thơ tiến ai nữa ?

— Thì Mình làm một bài thơ mừng năm con Heo vậy. Mình ở nhà làm thơ, em đi chợ về. Mình đọc cho em nghe nhé. Chong ngo n, rồi em tặng Mình

cái cravate mới bằng ny-lông, thật đẹp.

— Không. Anh đề-nghị hai đứa mình làm chung 4 câu thơ thôi, mà làm ngay bây giờ mỗi đứa một câu tiếp nhau. Hể Mình làm không xong thì không được đi chợ. Còn anh làm không xong thì anh không được cái cà-vạt ni-lông. Mình chịu không ?

— Chịu.

— Chịu thì Mình làm một câu trước đi. Phải làm thơ chớp-nhoáng, cấm nghĩ lâu, nghen !

Bà Tú cười, rồi xuất khẩu được liền một câu :

Chó đã đi rồi, lại đến Heo.

Ông Tú cũng lanh miệng, tiếp luôn :

Keo này Heo đến, hết nghèo-co !

Bà Tú nhả luôn một câu nữa :

Thương chàng Thi-sĩ đeo duyên-nợ !

Ông Tú chụp ngay luôn câu kết:

Ôm nợ đêm ngày, nặng đá đeo !

Bà Tú cười, đập yêu vào tay chồng :

— Em không chơi Thơ Hồ-xuân-Hương đâu đấy !

Bà Tú vùng-vằng vô buồng thay đồ đi chợ. Ông Tú ngồi uống trà tùm tùm cười một mình, nụ cười triết-lý thỏa-mãn của một người chồng được vợ cưng...

(Chép theo nhật ký của Y)

DIỆU-HUYỀN

SANG SÔNG

Kính-Kha chiều ấy sang Tân,
Tiệm-Ly nâng trúc nẻo nùng
tiền đưa :

Tô-Tân uốn lưôi thêm thừa.
Buông tay, nhắm mắt có lừa
được ai ?

Công-danh nẻo ấy đầy gai,
Bước vào là hủy chí trai đi rồi !
Một lần đề hận muôn đời !

Kẻ sau chề ? mặc ! mà cười, cũng
cam !

Hứa lời nhất quyết ta làm ;
Sống là may mắn, chết không
đòi lòng !

Yên-Đan người đã tận tâm,
Không làm thì phụ tấm lòng
thiết-tha !

Đời tôi, một kẻ không nhà,
Năm xưa trong buổi tiệc hoa lơ
lời :

Khen đôi tay đẹp một người
Mà Yên-thái-tử chắc rồi đem dâng !
Nhắc công thêm thẹn với lòng

Tôi làm gì để đáng công người
chiều ?

Thôi thì đã trót phải liều,
Chết vì nghĩa trọng, ấy điều
phải chăng !

Công-danh nào có thiết, mần ?



Tiệm-Ly lềm đấy ! Kha cần gì đâu ?
(Vừa rồi Phàn-tướng cắt đầu
Mang dâng Thái-tử phải đầu vì
mình ?)

Đời ! Kha nghĩa trọng thân khinh.
Chết cam chịu chẳng phụ tình
Yên-Đan !

Với yên ngựa, với đầu Phàn,
Sang Tân tôi quyết làm tan giặc
Tân !

Từ, sinh, rồi .. cũng một lần ..

★
Tiệm-Ly nâng trúc nẻo nùng
tiền đưa ...

CHỖ-LAN



TÔI CÒN

NỢ

TÔI ngồi với Trương-Tửu, Lê-văn-Siêu và Vũ-Trang, trên gác nhà buôn nước mắm ở Khâm-Thiên, gần ô-chợ-Dừa. Vũ-Trang rung đùi ngâm thơ Đỗ-Phủ, hết Đỗ-Phủ đến Bạch-cư-Dị, hết Bạch-cư-Dị đến Tô-Đông-Pha. Bốn tách nước trà đã nguội.

Lê-văn-Siêu chỉ biết cười. Mình nghe dội tiếng cười vạn-cổ, trong bốn vách tường lạnh. Trương-Tửu nhếch mép một tý, mặt đỏ bừng. Cậu hắt hàm, đôi mắt sáng quắc nhìn tôi :

— Nghĩ gì thế, chàng ?

Một tiếng nói không thành tiếng đáp lại một nụ cười không phải nụ cười :

— *Lasciate ogni speranza.*



Tôi không hiểu tại sao tôi nhắc lại cho Trương-Tửu câu của

Dante đã thấy trên cửa Đại-ngục ? Tôi đang nghĩ gì nhỉ, mà « gạt bỏ hết các hy-vọng » ?

Hôm nay là ngày cuối-cùng của một năm.

Nhà Thơ La-Tinh đã đi qua, bóng phốt trên mặt tường.

Trương-Tửu làm thỉnh, các Thi-sĩ của đời Đường cũng im-lặng. Lê-văn-Siêu vẫn giữ nụ cười dĩ-vãng. Tôi ngả lưng trên ghế, nhắm mắt. Điều thuốc trắng nằm trong hai ngón tay trẻ măng của tôi thở ra một làn khói mỏng, gần vô-hình, giống như một tư-tưởng buồn và kín-nhẹm.

Một bóng người từ dưới cầu thang ngoài sân hẹp, rảo bước lên thềm. Phải người bạn thân của cuối năm đến thăm tôi ngày Ba-mươi Tết này chăng ?

Một người bạn quen không quen. Anh phát thơ của Bru-

NHẤT-LINH 5\$

★ NGUYỄN-VY

Điện. Mỗi ngày trong năm, cùng gần đúng giờ này, anh đã đem đến tôi vài cái vui, vài cái buồn, từ xa xăm, từ các nẻo trời. Những cái vui và cái buồn quen, và không quen, như anh. Sáng nay, buổi sáng cuối cùng của tháng chạp, anh đem đến tôi cái gì đây ? Anh mỉm cười, nụ cười thông-cảm im lặng. Anh chỉ trao vào tay tôi một lá thư duy nhất. Một lá thư ? Không phải. Một cánh hoa xanh-xanh, phẳng-phất một mùi thơm êm-dịu. Và một mảnh giấy xanh gấp lại kín-đáo, mà tôi phải ký vào sổ anh để nhận lãnh. Tại sao hai cái đều xanh ? Cùng một giắc mơ ?

Trương Tửu lại đỏ mặt, vẫn tia ngó sáng ngời, và nụ cười của cậu, không phải một nụ cười :

— Nàng Thơ Phủ - lặng-Thương chứ ai !

Một thế-kỷ im-lặng tiếp nối một thế-kỷ im-lặng.



Tôi đã mở tờ giấy xanh. Ba cặp mắt nhìn nó, và nhìn tôi. Nhưng tôi ngó mấy giòng chữ đánh máy trên rẻo giấy trắng dần lên tờ điện-tín xanh, rồi thông thả gấp lại, để trên bàn. Tôi không muốn cho Trương-Tửu biết là cậu nói đúng. Tôi không muốn cho ai biết là Trương-Tửu đã nhìn thấy nụ cười của Nàng Thơ Phủ-lặng-Thương dưới nếp tờ giấy xanh. Nàng đã nhún vọt tôi :

« Chiều nay em đến »

Bốn chữ. Và ở dưới, là tên Nàng. Tên Nàng ? không phải thật tên nàng của Nàng, mà là tên nàng của tôi. Tên mà nàng ký dưới những bài thơ của nàng đăng trên các tạp-chí, các tờ báo văn-học. Nhưng nàng đã nói với tôi : không phải thật là tên nàng, vì nếu không có tôi, nàng không



ó tên ấy. Từ khi nàng biết tôi, — hay nói đúng hơn là nàng mới biết tên tôi, — nàng đặt ra tên ấy cho tôi. Tên ấy là Nàng tất cả, và nàng muốn rằng Nàng là tất cả của tôi tất cả.

Ấy thế mà Nàng chưa gặp tôi, và tôi cũng chưa gặp nàng. Điện-tín nàng gửi cho tôi sáng ngày Ba-mươi Tết này sẽ chấm-dứt cuộc biệt-ly xinh-đẹp và cảm-động của hai người yêu nhau mà chưa hề gặp nhau lần nào.

Tôi có cảm-giác luyện-tiệc trong giây phút, không biết rồi đây tờ giấy xanh hôm nay sẽ là trang đầu của một quyển sách hình-ảnh màu tuyệt đẹp, hay là chữ đầu của một trường-hận-ca ?



Trước mặt tôi và chung quanh tôi vẫn im-lặng. Vũ-Trang ngồi rung đùi, rồi khẽ cúi xuống bình-tích, lấy ấm trà lên châm vào bốn tách không. Lần-lượt bốn lần khỏi uyển-chuyển và dịu-hiền, vươn lên như lời ca ăm-áp của các truyền-tích xa-xăm. Lê-văn-Siêu giữ luôn trên môi và trên mắt nụ cười vô-tận lúc nào cũng muốn đổ-bể. Trương-Tửu cầm bức thư xanh-xanh và thơm ngát, trao tôi :

— Cậu hãy đọc bản nhạc này đi. Nó đem đến cậu mùi hương của một nghìn một đêm lễ.

— Tôi cho phép cậu mời nó ra. Với tôi, chỉ một đêm cũng đủ rồi. Đêm nay.

Trương-Tửu chưa mở. Cậu lấy mấy ngón tay rờ-rẫm bao thư, mặt vẫn đỏ bừng như một ánh đèn chiếu vào tất cả các bí-mật của đời tôi :

— Cái gì trong này mà cứng-cứng ...? Có lẽ một thiệp mừng năm mới... hoặc một tấm ảnh... ?... Phải, một tấm ảnh đang nở hoa.

Cậu trịnh-trọng xé dọc theo bìa bao thư, và khẽ rút ra .. Một tấm ảnh in trên carte postale. Mùi thơm của hoa Trương-Tư tràn khắp gian phòng. Trương-Tửu đọc ngay mấy giòong chữ Pháp viết sau lưng tấm ảnh.

Rồi cậu lật qua xem hình, bỗng nổ lên một tiếng cười rồ. Vũ-Trang cười rúc-rích, Lê-văn-Siêu cười ào-ào. Tôi ngạc-nhiên lắm. Tấm hình nằm trên mặt bàn giữa một bản nhạc cười hòa-tấu xôn-xao náo-động. Tấm hình cũng cười, nhưng cười hãnh-diện, như muốn bảo :

— Không phải cho các anh. Nàng gởi tặng tôi ch, chàng.

Đây là tấm-hình một cô đầm hoàn toàn lỏa-thể, tuyệt đẹp, in màu. Người đẹp nằm trên một tấm nệm hoa, đang đọc một quyển thơ. Bên góc có in mấy câu thơ của Verlaine :

*Les sanglots longs
des violons
de l'Automne...*



Nàng tinh-ngỊCH gọi tặng tôi không phải tấm ảnh của Nàng, mà đây là hình-ảnh tượng-trưng của Sắc-Đẹp tinh-khiết, huyền mơ, của Thơ huyền-diệu. Nhưng tại sao nàng gọi đến tôi

*Khúc đờn vi-u
âm-u
của mùa Thu... ?*

Phải, mùa Thu đã qua rồi, là hết mùa Ly-biệt. Từ-giã ánh tà-dương từ Phủ - lạng - Thương, đêm nay Nàng đến. Nàng muốn đêm nay Nàng đem đến tôi mùa Xuân của Nàng, trước khi mùa Xuân kia đến.

Nàng gọi đến trước tặng tôi trong buổi sáng tinh-khiết cuối năm, hình-ảnh lỏa-thể của một cô đầm trẻ đẹp, vì nàng muốn tinh-ngỊCH với tôi và nàng đã biết tôi hiểu nàng nhiều lắm. Đây không phải da thịt hồng-hào xao-xuyến,

không phải cái mời của dục-tình và truy-lạc. Nàng chỉ muốn nói khẽ với tôi : « Em yêu anh tất cả. Em tặng anh tất cả *tinh Thơ trong-sạch* của mười tám xuân xanh. »



Lê-văn-Siêu và Vũ-Trang đã ra về. Trong thâm-tâm tôi cảm ơn hai người bạn đã muốn để tôi một mình trong giấc mơ say. Nhưng tôi quay lại nói với Trương-Tửu :

— Cậu ở lại với tôi một chốc nữa nhé ?

Trương-Tửu cười :

— Tôi biết cậu bận-khoản.

— Phải. Hôm nay tôi không có một đồng xu trong túi. Tôi sẽ đón Sơn-Tiên bằng cách nào đây ? Tôi không có được một cành hoa để tặng Nàng.

— Sơn - Tiên cũng biết cậu nghèo. Nhưng ít nhất cậu cũng phải có tiền để đi xe ra bến xe Bắc-Giang đón nàng, và mua vài gói mứt, vài gói hạt dưa, một gói trà... Một lọ hoa... Và cậu cũng phải có một gói thuốc thơm chứ chẳng nhẽ đem giao - thừa ngồi ngâm thơ với người yêu mà cậu cứ hút mãi mấy điếu thuốc dăng chằng nầy ư ? Và ba ngày Tết cậu ăn gì ? Cậu không có được một củ dưa hành trong nhà.

Tôi sướng hơn cậu vì tôi không có một người yêu.

— Còn cậu lấy tiền đâu tiêu Tết ?

— Tôi cũng chẳng có xu nào tiêu Tết cả. Nhưng đã có ông Cụ. Nhà xuất-bản chưa giả liền quyển *Thi-sĩ kỳ-phong* cho cậu ư ?

— Chiều hôm qua mình đến nó thì nó đã về quê ăn Tết rồi.

— Sao cậu không đến sớm để lấy tiền ?

— Nó hẹn mình chiều hôm qua, chứ cu hẹn sớm đầu.

— Cuộc đời chó thật nhỉ !

Trương-Tử đứng dậy, đưa tay bắt tay tôi.

Mặt cậu vẫn đỏ bừng, như một ánh-sáng chói lòa. Cậu nhìn thẳng vào mắt tôi :

— Nhưng đêm nay cậu sẽ là người sung-sướng nhất trên quả Địa-cầu, cậu có biết không ?

— Cậu khỏi phải hỏi. Sáng mai, Mồng-một Tết, tôi cầm cậu đến phá rầy tôi nhé. Tôi sẽ không tiếp thẳng bạn nào cả. Cậu có gặp Lưu-trọng-Lư, Nguyễn-Tuân, hay Lê-văn-Trương, bảo chúng nó đừng đến xông đất nhà tôi.

— Cậu khỏi phải cấm. Cậu cứ nhìn đối với người yêu của cậu cho đến chiều ngày Mồng-ba, rồi tôi sẽ đem đến cho hai người hai

cái bánh chưng ăn Tết.

Tôi nắm tay Trương - Tử. Hai đứa cao hứng cùng nhau nhảy cà-tưng, như hai đứa điên.

Tôi cười :

— Nghèo hay giàu, mùa Xuân vẫn là một ân-huệ của Thượng-Đế. Chúng ta không có quyền từ-chối nó, phải không Trương-Tử ?

— Nhất là 18 cái Xuân kia, dù bây giờ muốn từ-chối nó cũng chẳng được nào, phải không Nguyễn-Vỹ ?

Trương-Tử cười ha-ha, từ-giã tôi.



« Kính gởi Ông Nhất - Linh Nguyễn-trường-Tam.

Thưa Ông,

Tuy tôi chưa được hân-hạnh quen ông, nhưng vì tình đồng-nghiep, tôi nhờ ông vui lòng cho tôi vay 5 đồng để tiêu Tết, vì tôi túng quá. Sang năm mới tôi xin trả lại ông. Xin ông trao tiền cho em bé cầm thư này. Mong ông miễn thứ, và thành thật cảm ơn ông ».

NGUYỄN-VỸ

Tôi gấp lại rồi mở ra bức thư này bảy lần. Bảy lần tôi đọc lại và bảy lần toan xé, không muốn gởi, nhưng rồi lại dứt nó trở vào phong bì. Sau cùng, tôi

dán lại và nhờ một em bé mười tuổi, con ông hàng xóm, cầm đến tòa Báo *Phong-Hoa* đưa ông Nhất-Linh. Tôi dặn nó chờ trả lời, hứa có tiền sẽ cho nó 5 xu.

Ông là người cuối cùng tôi viết thư vay tiền ngày cuối năm. Tôi biết viết cho ai nữa bây giờ? Tất cả các bạn của tôi trong làng văn Hà-nội, đều không có tiền. Họ đã xuất-bản sách, thơ, tiểu-thuyết, những sáng-tác rất có giá-trị về tư tưởng triết-học, lịch-sử, kinh-tế, khoa-học, văn-chương, tình-cảm, nhưng họ đã tiêu xài hết sạch các món tiền bản quyền ít-oi. Đôi ba bạn còn tiền, nhưng may lắm là đủ huynh-boang gọi-là trong mấy ngày Xuân.

Tôi nhớ có gặp Vũ-trọng-Phụng trước đó ba hôm. Anh ta đang chạy tiền để mua áo cho đứa con ba, bốn tuổi. Tôi có gặp Lan-Khai đi đầu vôi-vàng trên phố Hàng-Bông mà diện rất bảnh. Hấn nhe răng cười rất khê-ái, giọng nói thanh-thanh như cô gái mười tám tuổi :

— Ê, Vỹ, «toa» có tiền tiêu Tết chưa, cho «moa», vay ?

Tôi đáp :

— Cậu có, cho tớ mượn ?

Hai đứa ngó nhau cười. Tôi

vừa đi vừa suy nghĩ. Ông bạn Lan-Khai quên rằng mình vừa bị tòa-án kêu án phạt ba ngàn quan và sáu tháng tù vì một loạt bài bằng Pháp-văn trong báo «*Le Cygne*», công-kích Chính-phủ Thuộc-địa ở Việt-Nam. Chạy không ra tiền nộp cho tòa và không muốn ở tù, mình đã phải trốn về Sài-gòn. Vừa trốn trở về đây nhờ ông Chánh Lục-sự tòa Thượng-Thẩm vận-động cho mình chống-án sang Pháp, mới còn được tự-do đi lang-thang trong thành-phố, thì làm gì mình có tiền tiêu Tết ? Rõ thật không biết người biết của !

Nay tôi viết thư vay tiền ông Nhất-Linh, là sự bất-đắc-dĩ, vì tôi biết trong làng văn chỉ có ông có tiền.

Em nhỏ cầm thư đi hồi ba giờ. Tôi bình-tĩnh chờ nó về, nghĩ rằng nếu ông Nhất-Linh cho mượn tiền, dù 5 đồng hoặc 3 đồng thì tôi sẽ đi chợ mua một lọ hoa cúc, một lọ hoa hồng, một gói hạt dưa, một gói mút hạt sen, một gói trà tàu, để tối nay tôi cùng Sơn-Tiên ngồi trò-chuyện ấm-áp trên gian lầu vắng-vẻ. Tôi sẽ hút thuốc thơm, như lời Trương-Tửu bảo. Tôi sẽ đốt một phong pháo để mừng năm mới Sơn-Tiên. Tôi sẽ đưa Sơn-Tiên đi xem chớp bóng. Tôi sẽ rủ Sơn-Tiên đi ăn kem Bò-Hồ. Sáng

mai, Mồng-một, tôi sẽ thuê xe omic đưa Sơn-Tiên đi Hồ-Tây, đi Chùa Láng, Bạch-Mai, Tràng-Võ . . .

Còn nếu ông Nhất-Linh không cho mượn tiền, thì năm giờ tôi sẽ cuộc bộ từ Khâm-Thiên lên Bến xe ở đầu cầu Sông-Cái để đón Sơn-Tiên, và đêm nay Sơn-Tiên và tôi sẽ cuộc bộ lên vườn Bách-Thú ngồi chơi hết đêm giao-thừa cho đến sáng. Sáng mồng-một, nàng và tôi sẽ cuộc bộ đi Hồ-Tây, đi Chùa Láng, Bạch-Mai...

Sơn-Tiên là một Nữ Thi-sĩ mà văn Thơ đã được đăng trên các tờ báo văn-học có danh tiếng. Nàng đã được công-chúng phục tãi và các bạn làng văn cảm-mến. Tuy Nàng ở trên Núi-Rừng Phủ-lạng-Thương, nhưng nàng vẫn ham học hỏi, đọc sách rất nhiều, có tư-tưởng độc-lập, tự-do, không nô-lệ thành-kiến, và có chí-hướng cách-mạng xã-hội.

Nàng và tôi đã trao-đổi với nhau trên hai chục lá thư.

Nàng và tôi đã yêu nhau từ hai chục kiếp trước.



Bốn giờ em bé về, cầm một phong-bì. Tôi mở ra xem : có tờ giấy bạc 5 đồng nhưng không có thư trả lời.

Tôi không biết cách nào cầm ơn ông Nhất-Linh : tôi đưa tấm giấy bạc rách lên môi, hôn nó.

Tôi cũng cúi xuống hôn em bé để cảm ơn nó, và hứa chốc nữa sẽ cho nó 5 xu.

Tôi vội-vàng mặc đồ đi lên chợ Đồng-Xuân. Chỉ còn một tiếng đồng-hồ nữa Sơn-Tiên sẽ đến Hà-nội. Tôi vừa đi vừa chạy, không đi xe. Vì đưa ra tờ bạc 5 đồng không ai chịu đổi. Vả lại nhiều giầy phở đã đóng cửa sớm hơn ngày thường. Tôi chạy hết đường Khâm-Thiên rẽ ra đường hàng Lọng, qua trước ga xe lửa, chạy thẳng hàng Lọng rẽ ra chợ Cửa-Nam. Tôi vừa chạy vừa thở hổn-hển. Tôi định vào chợ mua một gói thuốc thơm, thì gặp Lưu-trọng-Lư.

Lư đi đâu đây ? Đầu tóc bop-phờ, mặt mày xanh-xao gầy-còm, áo quần xốc - xếch, nhà Thi-sĩ của mùa Thu và của con Nai Vàng, đi rạo-rực dưới nắng chiều tà như tìm mùa Thu đã mất giữa một thành-phố đang rộn-rịp đón mừng Xuân. Lưu-trọng-Lư đơn-đã hỏi tôi :

— Mấy có tiền không ?

Tôi cười vui-vẻ :

— Có. Của Nhất-Linh vừa cho tao vay.

— Mấy đồng ?

— Năm đồng.

— Mấy đưa tao vay lại .

— Mấy lấy tiền làm gì ?

— Tao cần có tiền để đi hút ít thuốc phiện, để quên rằng hôm nay là ba-mươi Tết.

— Thôi, mấy. Không có Lưu-trọng-Lư, ba mươi Tết vẫn là ba mươi Tết. Tao không thể đưa tiền cho mấy được.

— Mấy để tiền làm gì ? Ồ, cái thằng này rõ thật ngu ! Ba-mươi Tết mà còn để tiền trong túi ? Ha ! Ha ! Ha !

Lưu-trọng-Lư cười như con nắc-nẻ. Rồi nói :

— Đưa đây tao nướng giùm cho !

— Thôi Lư, đừng nín áo tao. Để tao đi kéo trễ.

— Mấy đi đâu bây giờ ?

— Tao đi đón Sơn-Tiên. 5 giờ Sơn-Tiên tới bến xe...

Lưu-trọng-Lư lại cười, giọng cười trơ-trẻ cũng như giọng nói :

— Sao mi ngốc thế ! Sơn-Tiên ở trên Phú-lạng-Thương, ai bảo nó xuống Hà-nội làm chi ?

— Sáng nay tao có nhận được điện-tín của Nàng

— Mấy thật thà như thế à ? Con nhỏ, nó đánh lừa mấy đấy !

Cuối năm nàng định cho mấy lên mây theo chun ông Táo, để nàng cười chời, mà mấy cũng tin nó à ! Thôi, đưa tao vay 5\$ của mấy đi !

Nếu mấy không muốn cho tao vay, thì mấy đưa 5\$ của Nguyễn-tường-Tam cho tao, rồi sang năm tao sẽ trả lại 5\$ ấy cho Nguyễn-tường-Tam. Mấy khỏi mắc nợ !

— Tao tức cười thấy mấy nghĩ rằng mấy khôn hơn tao.

— Mấy phải biết chiều nay tao không có tiền hút thuốc phiện. Mấy không biết hút thuốc phiện thì mấy giữ tiền trong túi để làm gì chứ ? Và tao cũng không có tiền ăn Tết.

— Nếu không có tiền tiêu Tết, thì tao đưa mấy 2\$ để tao 3\$.

— Mấy phải đưa tao 3\$, mấy giữ 2\$.

— Tao thương - hại mấy, mấy cũng phải thương-hại tao : mỗi đứa lấy một nửa vậy. Đây, 5\$, tao vô chợ đổi tiền ra đưa mấy 2\$ 50, tao 2\$ 50.

— Đi nhanh lên nhé ! Tao chờ.

— Nhưng bây giờ là mấy giờ rồi ? Mấy có đồng hồ không ?

Lưu-trọng-Lư lại cười ha-hả :

— Đồng-hồ là cái quái gì ? À, thằng Thi-sĩ này mơ-mộng quá. Đồng-hồ là cái chi chi, há mi ?

Nhưng vừa gặp một người đi qua, tôi hỏi. Người ấy móc một

đồng-hồ trái quít trong túi áo ra, coi:

— 5 giờ 40 rồi, ông ạ.

— Ôi thôi chết tao rồi, Lư ơi! Này, 5\$ đây, mày làm sao đổi đưa lại tao 2\$50, nhanh lên!

— Mày chờ tao.

— Nhanh lên! Nhanh lên, Lư ơi!

Lưu-trọng-Lư cầm tấm giấy 5\$ đi vào Chợ. Cậu đi đứng-dính, làm tôi bức mình. Tôi nhìn vào thấy cậu đến một bà bán hàng, bà ấy không đổi bạc, Lư đến bà thứ hai, bà này cũng không đổi. Lư đến bà thứ ba...

Tôi sốt ruột, nghĩ rằng Sơn-Tiên đang sốt ruột chờ tôi ngoài bến xe, vì nàng không biết địa-chỉ của tôi ở Khâm-Thiên. Lâu nay nàng chỉ viết thư cho tôi về tòa báo. Ở tòa báo cũng chẳng ai biết chỗ tôi ở.

Xe đồ Phủ-lạng-Thương về đến bến đúng 5 giờ. Bây giờ đã 5 giờ 40. Tôi bỏ Lưu-Trọng-Lư, tôi bỏ cả tấm giấy 5\$ của ông Nhứt-Linh ở lại chợ Cửa-Nam. Tôi chạy tìm Sơn-Tiên của tôi. Vàng, Lưu-trọng-Lư không phải của tôi. Tấm giấy 5\$, không phải của tôi. Chợ Cửa-Nam không phải của tôi. Chỉ có Sơn-Tiên là của tôi mà thôi.

Tôi chạy qua trước tượng « Bà đầm xoè », đứng giữa vườn hoa Cửa-Nam. Tôi chạy xuống phố hàng Bông, tôi chạy ra đường Henri d'Orléans, dọc theo đường xe lửa... Tôi chui dưới gầm cầu, tôi chạy riết ra phố Cửa Bắc, tôi băng qua bót Hàng Đậu, tôi chạy thẳng ra đầu cầu Sông-Cái... Tôi chạy... Tôi chạy... Bến xe Bắc-giang.

Bến đã vắng tanh. Tất cả các xe đồ đã về từ lâu rồi. Hành khách ai đã về nhà nấy. Tôi đứng tựa lưng vào gốc cây bàng, nhắm mắt, không muốn nhìn thấy gì nữa cả.

Tôi không mỗi chân. Tôi không mệt. Tôi đã tê lạnh khắp người. Tôi đã tan-nát tất cả trong trái tim và trong tư-tưởng.

Tôi chỉ còn những mảnh vụn tàn-niên.



8 giờ tối. Hà-nội 36 phố-phường hoang vắng. Các dây nhà đã đóng cửa hết. Hình như có những tiếng vui cười nô-nức ở bên trong nhưng tôi không nghe. Ngoài phố hình như cũng có những bóng người qua lại dưới các bóng đèn, nhưng tôi không trông thấy. Sương mù, và gió rít lên, âm-u trong rừng cây. Tôi lê đôi giày da cũ, đã há một nửa cái miệng, kêu kịt-kịt trên lề đường, phố Quan-Thánh. Mọi

vật đều đen tối... Trong đầu óc tôi không còn một tia sáng nào cả.

Giòng máu của tôi không còn một hơi nóng. Tất cả đều hoang-vu hăng giá. Không một ngôi sao nhỏ trên vòm trời. Và trên vòm trần của tôi, không một tư-tưởng.

Lasciate ogni speranza !

✱

Trước cửa đền Trấn-Quốc, một thiếu-nữ đứng một mình, ngó ra Hồ-Tây. Thoáng thấy Nàng rất đẹp. Tôi không muốn đến gần, vì tôi không quen nàng. Nàng nhìn tôi và cũng không biết tôi.

Nhưng tim tôi hồi-hộp lạ thường.

Cái gì bỗng dưng làm rung động tim tôi cho hồi-hộp lạ thường? Bóng nàng thiếu-nữ kia chẳng? Nếu không phải là Sơn-Tiên, thì không có thiếu-nữ nào làm rung-động được tim tôi. Hay có lẽ là Sơn-Tiên? Tôi có một tấm ảnh của Nàng gửi tặng, «tặng nhà Thor yêu dấu của em» nàng viết như thế. Nhưng người này không thấy giống người trong ảnh. Không giống mà sao thấy giống? Tôi điềm-nhiên bước đến gần. Tôi thấy nàng đẹp hơn người đẹp trong ảnh. Nàng đẹp hơn Sơn-Tiên của tôi. Nhưng đôi mắt nàng đang ngập lệ. Tôi không quen nàng,

nhưng hình như tôi quen nàng đã lâu. Nàng có lẽ không phải là Sơn-Tiên, chắc nàng không biết tôi, nhưng nàng đắm đắm ngó tôi như nàng đã biết tôi từ lâu. Tôi hỏi:

— Còn chờ ai?

— Ông Nguyễn-Vỹ.

— Tôi.

— Anh?

— Sơn-Tiên! Anh đây! Anh đang tìm Em đây!

Nàng ồm chầm lấy tôi, không nói. Tôi gục đầu vào vai nàng. Một phút sau, nàng và tôi không còn nàng và tôi nữa. Chỉ còn mỗi tôi dính chặt lên mỗi nàng. Thân nàng dính sát vào thân tôi.

Tiếng pháo giao-thừa bắt đầu nổ vang, rền cả thành-phố. Trên vòm trời cũng vừa nở một hoa trắng: sao Vệ-nữ.

Cả đêm nay, Nàng và tôi ngồi



trên ghế đá trong vườn Bách-Thú Hà-nội.

Đêm nay, có ai ngồi như tôi ôm sát với nàng trên một ghế đá, dưới ngôi sao Vệ-nữ ? Chúng tôi quên tất cả thế giới hiện tại, chỉ thấy ngôi sao Vệ-nữ lấp lánh trên vòm trời.

Ghế đá êm như một tấm nệm hoa. Chúng tôi cảm ơn người nào đã đặt nó giữa hai gốc cây cổ thụ đêm nay đã nở hoa. Có lẽ là hoa y-lăng : mùi thơm bát-ngát. Tàn lá che kín-mít, buông rũ xuống hai bên như một bức màn tiền.

Pháo tiếp-tục nổ liên-miên, ran cả bầu trời. Đêm nay có phải là đêm giao-thừa không nhỉ ?

Đối với nàng và tôi, đêm nay là đêm tân-hôn.



Bạn ơi, không phải đâu, bạn ạ. Bạn đừng nghĩ như thế, oan cho tôi và oan cả cho Nàng ! Đêm tân-hôn của chúng tôi trong-trắng như ngôi sao Vệ-nữ trên vòm Trời. Đêm tân-hôn của chúng tôi chỉ là một đêm giao-hoan trong lý-tưởng. Sơn-Tiên vẫn là Sơn-Tiên trinh-bạch.

Cho nên sáng sớm Mồng-một Tết, khi mặt Trời đầu-tiên của mùa Xuân mới, đậu trên ngọn cây

bàng, tỏa ánh sáng trong-sạch và dịu-hiền xuống cỏ hoa, nàng và tôi nắm chặt tay nhau, má kề má, nhìn mặt trời mà lòng không thẹn.

Nhưng nàng khế bảo tôi, giọng còn nhiều luyến tiếc :

— Anh ạ, em phải về nhà Cô em, để chốc nữa em đi Nam-Định.

— Em đi ư ?

— Em đã hứa với gia-đình.

— Rồi chừng nào anh với em lại gặp nhau ?

— Đêm giao-thừa sang năm vậy nhé ?

Hai đứa tôi nhìn nhau cười.

Đưa Sơn-Tiên đi bộ về nhà bà Cô ở Chợ Hôm, rồi tôi đi bộ về Khâm-Thiên. Tôi đóng cửa gian phòng của tôi, mặc nguyên bộ đồ tây, với chiếc cravate cũ, và đôi giày há miệng, tôi nằm lên giường, nhắm mắt nhớ Nàng.

Tôi lại gặp Nàng trong giấc ngủ mê-say : Nàng và tôi ngồi dựa lưng ghế đá, và trên đầu chúng tôi lấp lánh ngôi sao Vệ-nữ.



Tôi thức dậy, vừa-vặn nghe đồng-hồ treo trên vách tường nhà bên cạnh đánh 5 tiếng.

5 giờ sáng hay 5 giờ chiều ? Tôi tự hỏi mà không thể trả lời. Tôi vừa ở một thế-giới khác

không có thời-gian, trở về thế-giới này như kẻ lạc-loài, mọi sự-vật đều lạ cả.

Một lúc thật lâu tôi mới tỉnh hẳn. Tôi đói bụng quá. Trí nhớ của tôi dần dần đưa tôi trở về hiện-tại. Tôi còn thấy thoáng ra trước mắt tôi: Dante, Thi-sĩ La-mã... Đỗ-Phủ, Bạch-cư-Dị, Tò-dòng-Pha, ba Thi-sĩ Tàu... rồi sau cùng là Lưu-trọng-Lư, Thi-sĩ của mùa Thu và của con Nai Vàng ...

Tôi nhớ đến tấm giấy bạc 5 đồng của Nhất-Linh...

Tôi đứng dậy, không rửa mặt, áo quần, cravate và đôi giày tây há miệng vẫn còn nguyên trong người tôi. Tôi mở cửa ra đi tìm Lưu-trọng-Lư của con Nai vàng. Tôi cuốc bộ lên mãi trên đường Hàm-Long, vào nhà họ Lưu. Chàng đi đâu ?

Chàng biến đâu mất, hai tháng sau tôi mới gặp lại !

Tôi đứng-dừng cuốc bộ lên vườn Bách-Thú, trời đã tối. Tôi ngồi trên chiếc ghế đá, một mình.

12 giờ khuya, lạnh quá, tôi trở về Khâm-Thiên. Mở cửa sổ tôi nhìn lên Trời, cảm ơn ngôi sao Vệ-Nữ đã tiễn tôi về nhà. Một tràng pháo nổ ran trong im-lặng. Tôi từ-từ đóng cửa.

Chiều mừng Ba Tết, có tiếng gõ cửa trước. Trương-Tửu đem đến cho tôi hai chiếc bánh chưng.



Đêm nay, tôi chép lại thiên hồi-ký này, thì Sơn-Tiên không còn. Lưu-trọng-Lư không còn. Hà-nội không còn.

Tôi mở cửa sổ ngó lên trời, còn Ngôi Sao Vệ-Nữ. Nó mỉm cười nhắc tôi :

— Chàng còn nợ Nhất-Linh 5 đồng bạc chưa giã, chàng có nhớ không ?

— Ờ ờ nhỉ !

30 Tết năm nay, tôi sẽ đem 5 đồng đến giã anh Nhất-Linh.

NGUYỄN-VỸ

☆ Về Lưu Trọng Lư

Vừa rồi ở Paris, một « Thi sĩ » mới ra đời, làm thơ dở ẹc, muốn bán tập thơ cho chầy, y liền thuê nữ ca-sĩ Annie Garance lột hết quần áo, đứng trong tiệm ăn ngâm mấy bài thơ của chàng. Khách kéo đến rất đông để ngắm tấm thân lỏa thể ngọc ngà của cô, nhưng thơ thì chẳng bán được quyển nào !

ÁNH ĐÈN

Tiêu thuyết của TỪ-VU

VI-HUYỀN-ĐẮC dịch

(Tiếp theo PHỒ-THÔNG Số 5)

Chương V

Ở TRÊN trần, hai ngọn đèn rọi ánh sáng xuống, một thứ ánh-sáng chói-lọi nó làm cho, lúc đầu, hai mắt tôi bị quáng như có vật gì đâm thẳng vào đồng-tử. Đồng thời, tôi có cái cảm-giác như bị đui hẳn hai con mắt ; rồi tới lượt mặt tôi như bị bỏng, tim tôi bị nhói đau, và cả thân-thể tôi bị kích-thích đến một độ không sao chịu nổi. Một lúc sau, cả người tôi xao-xuyến, cơ-hở như óc tôi không còn có một tý gì là tri giác nữa. Ánh đèn đã xuyên qua tất cả thớ thịt tôi, áp-đảo cả linh-hồn tôi, mà làm cho toàn thân tôi bị khò-kháo đi. Cứ từng trận, từng trận, tôi bị mê-loạn trong những cơn đau-đớn, ê-chề.

Tuy-nhiên, tôi vẫn tự kiểm-chế không hề run-sợ vì tôi luôn luôn, bụng bảo dạ, ta sẽ đem địa-chỉ của Đinh-mỵ-Quyển cáo-tố với tội quân-nhân Nhật. Họ sẽ đến đó mà

tóm cổ La-hình-Lụy đi, và họ sẽ lập tức trả lại tự-do cho tôi.

Nhưng, có một điều thiệt là kỳ-dị, là chính họ, họ không để cho tôi nói-năng một lời nào, một cách dễ-dàng. Họ vừa ấn tôi ngồi xuống chiếc ghế, thì, một thứ thanh-âm kỳ-quái, ảo-hoặc, từ bốn phía, vây quanh lấy tôi, lúc to, lúc nhỏ, lúc thì-thầm, lúc gào-thét ; rồi cứ từng chuỗi, từng chuỗi một, nó đánh vào thần-kinh tôi, mà làm cho tâm-thần tôi mê-loạn hẳn đi.

Rồi, bỗng, người ta hỏi tôi :

— Anh quen La-hình-Lụy đã bao nhiêu lâu nay ?

— Thì, ngay từ đầu tiên, tôi đã chẳng trả lời rồi ư !

— Đã bao lâu ?

Kể với câu hỏi đó, tôi đã bị người ta dùng dây da, quật thẳng vào đầu tôi. Óc tôi như bị tê dại hẳn đi, và tôi chẳng còn nhận ra tiếng nói, ở đâu mà tới nữa.

Tôi cứ đáp bừa :

— Độ nửa năm nay.

Ai đã giới-thiệu cho hai bên biết nhau ?

— Tôi đương yên trí, tôi sẽ nhìn rõ xem cái người cật-vấn tôi là ai, nhưng, tôi rất kinh-ngạc, khi chỉ thấy một luồng ánh-sáng cường-liệt đập thẳng vào mặt tôi.

— Nói mau, ai giới-thiệu ?

Cái câu hỏi đó, đồng-thời với dây da đều quật thẳng vào đầu tôi, túi-bụi, liên-tiếp.

— Không có ai giới-thiệu cả.

— Không có ai, thì làm sao mà biết nhau được ?

— Hẳn biên thư cho tôi.

— Tại sao lại biên thư ?

— Vì hẳn gửi bài đăng-tải.

— Rồi sao nữa ?

— Tôi ước hẹn gặp hẳn.

— Chính anh biên thư ước hẹn với hẳn phải không ?

— Phải.

— Thế sao, anh lại vừa nói, hẳn gửi thư cho anh ? Nói láo ?

Tiếng quát tháo nổi lên đùng đùng, cùng với tiếng roi da, vung-vút đánh xuống đầu tôi.

— Ừ, gặp nhau xong, hẳn nhờ anh giúp hẳn hoàn-thành công-tác của hẳn, đúng hay không ?

— Quả tình, tôi không biết hẳn làm gì cả.

— Anh bảo anh không biết, thế anh không nói hẳn đưa bài đăng-tải ư ?

— Tôi muốn nói đến công việc hẳn làm, ngoài việc viết bài cho tập-san, kia.

— À ! anh biết hẳn còn có công-tác khác, hả ? Công-tác gì ? Nói mau :

— . . . : . . .

Sau đó, tôi cũng chẳng còn biết họ nói với tôi những gì, và về phần tôi, tôi cũng không rõ, tôi đáp lại họ, như thế nào ?

— Tiếng nói, ánh sáng, roi da, ngàn ấy cái cùng đồng-thời đã-kích tôi ; tôi bị ngất lịm đi, rồi tôi lại tỉnh lại, để rồi lại chết ngất hẳn đi và hồi-tỉnh trở lại.

Sau cùng, khi tôi thu-hồi lại được trí-khòn, thì tôi nhận thấy, tôi đương nằm ở trong phòng giam.

Tôi thấy giá lạnh thấu đến xương tủy. Dần dần, tôi tự nhận ra rằng, tôi vẫn chưa hề đem địa-chỉ của La-hình-Lụy tổ-giác với họ.

Trong phòng giam, hình như đã có sự thay đổi. Đột-nhiên, tôi thấy có người đem một tấm áo khoác, đắp lên người tôi ; còn chiếc áo ngự-hàn của chính tôi, thì, hiện-giờ, nó đã bị đoạt mất đi hẳn rồi.

Tôi nhìn quanh, nhìn quần hồi lâu, chẳng thấy hình-tích nó đâu cả. Cái người vừa đắp áo cho tôi, vẫn ngồi yên bên cạnh tôi. Tôi hỏi người đó :

— Có phải anh vừa mới vào đây, đây phải không ?

Người đó đáp :

— Phải.

Đoạn, hắn nói tiếp :

— Thôi, cứ nằm yên mà ngủ, đừng có nói nữa, áo ấm đấy.

Tôi vội-vàng xốc chiếc áo trùm hẳn lấy đầu tôi. Kỳ quái thật ! Thì ra, cái cử-chỉ mà tôi đã từng làm, trước đây, lại ngẫu-nhiên được diễn lại, không sai mấy-mai. Nếu vậy, có lẽ cái anh chàng này, đánh chết, cũng đương mong cho tôi chết ngóm đi, để anh ta, có thể thu-hồi lại cái áo ấm của anh. Nhưng, tôi chẳng hề chút linh-hồi khỏi xác thịt, tuy tôi không cự-quạ, không dĩ-ràng thốt ra một lời nào ; tôi đã ngủ thiếp đi, lúc nào, không biết nữa.

Trong khi ngủ, tôi chỉ thấy hai ngọn đèn sáng quắc, chiếu thẳng vào tôi, y như ánh sáng mặt trời chiếu xuống tuyết trắng. Rồi, tôi có cái cảm-giác lạ-lùng là, bỗng dưng tôi thấy, như tôi bị chầy tan ra, chảy tan ra thành một đám máu nóng hồi, đặc sệt.

Tôi, tâm-tâm, niệm-niệm, có kêu lên rằng La-hình-Lụy hiện đương ẩn-náu ở nhà Đinh-mỵ-Quyển, nhưng, tôi không thể nói ra lời được vì tôi, hiện, chỉ là một đám máu nóng, đặc.

Thực tình, trong cái thời-gian tôi bị dung-hóa đó, lòng nghĩa-hiệp hay sự chung-ái đã ngăn cản tâm-linh tôi, mà không để cho tôi thốt ra lời tố-giác địa-chỉ của La-hình-Lụy ?

Tôi chỉ biết, khi tôi hồi-tỉnh lại, nhưng ánh-đèn có phần bằng lưới thép bọc, và có đầy bụi-bậm bám đầy đặc, nó thiệt, không khác gì một cặp mắt say-sưa thời-miền tôi, một cặp mắt đầy tình-tử mê-đắm của Đinh-mỵ-Quyển đương chú-thị vào tôi. Càng nghĩ liên-miên tôi càng bức-tức, vì chính hai con mắt đầy vẻ ty-bỉ, dâm-ò, của người đàn-bà phóng-lãng ấy đã nghiêm-nhiên che-chở tôi, trong khi, tôi không còn là tôi nữa, mà chỉ là một gã con trai nhu-nhược.

Bỗng, ở bên tôi nổi lên một chuỗi cười khanh-khách. Tôi mở mắt, để ý nhìn kỹ, thì ra, cái người ngồi bên tôi, đương mở to mắt chú-thị vào tôi, với tất cả sự lạnh-khốc đố-ky.

Tôi biết, hắn đương nhìn vào cái áo ấm, đáp trên người tôi

— Tôi bắt cần, tôi nhất định chiêm-cứ tấm áo của hán, cũng như trước đây, một kẻ nào đó, đã bạch-đoạt chiếc áo ngự-hàn của tôi.

Chợt, tôi thấy bụng đói như cào, đói như chưa bao giờ, tôi đã từng bị đói như thế này. Tôi nói :

— Chẳng biết mấy giờ rồi ?

Người kia liền nói :

— Á à, anh đã tỉnh lại rồi, đây à ?

— Tôi đã ngủ thiếp đi bao nhiêu lâu rồi nhỉ.

— Có lẽ, từ lối ba bốn giờ sáng, cho tới bây giờ ; bây giờ, trời đã sáng, mà !

Nói xong, hán lại nhìn thẳng vào chiếc áo tôi đương đắp. Tôi lặng yên, chẳng nói gì nữa. Tôi chỉ thấy đói. Nhìn lên cái cửa sổ, tôi thấy trời đã sáng tỏ. Tôi nhẩm tính, có lẽ sắp tới giờ họ đưa cơm đến.

Đột-nhiên, người kia hỏi tôi :

— Anh đã bị khảo - đã phải không ?

Tôi không đáp, mà chỉ gật đầu.

— Chắc, anh không chịu cung-khai chút gì ?

Tôi lại gật đầu.

— Thế thì anh ghê thiệt !

Anh nói xong, nhìn tôi bằng một con mắt khác. Tuy anh vẫn không rời tầm mắt đối với chiếc áo của anh, nhưng, chắc, trong

thâm-tâm anh, anh lấy làm vinh-diệu, vì chiếc áo của anh đã có một cơ-hội để chum lên vai một kẻ hào-hùng, hiên-ngang.

Tôi liền hỏi :

— Còn về phần anh, anh có định cung-nhận, hay không ?

— Tôi ấy à ?

Hỏi xong, hán nhích mép để lộ một nét cười đau-khổ, héo - hắt, rồi hán cúi đầu, khẽ nói :

— Tôi đã có đem theo một liều thuốc độc, ở đây.

Tôi cũng hạ giọng hỏi :

— Anh đã giắt nó ở trong mình đấy chứ ?

Hán đáp :

— Ở đây.

Đoạn, hán chỉ vào mép gấu quần của hán.

Bỗng, tôi tự nghĩ, cái việc anh ta định làm có vẻ ngu-xuẩn, vì nếu anh ta đợi tới khi người ta đem anh ta ra tra-tấn, thì anh ta lấy đâu, thì giờ và cơ-hội, để nuốt liều thuốc độc. Nếu anh ta không tính đến việc ngay từ lúc này mà nuốt liều thuốc đó thì, chẳng bao giờ anh thi-hành nổi cái thủ đoạn của anh. Tôi hỏi :

— Thế, bao giờ, anh định uống ?

— Lúc nào cần tới.

— Lúc nào là lúc cần tới ?

— Ở ! khi họ sắp sửa tra khảo tôi.

— Đợi đến khi đó, thì còn làm sao có thời-giờ và cơ-hội, kia chứ ?

Tôi nói xong, liền phá lên cười.

Anh ta có vẻ chẳng cao-hứng một chút nào hết, rồi, bỗng anh ta đổi sắc mặt, ôn-hòa, hỏi tôi :

— Anh có muốn dùng nó không ?

Tôi vừa cười, vừa đáp :

— Không, tôi không nghĩ tới việc ấy.

Tôi chắc, anh ta có ý mong cho tôi chết đi, để anh ta có thể lấy lại chiếc áo, một cách dễ-dàng. Tôi lại nói tiếp :

— Tôi không muốn chết ; tôi còn muốn sống mãi, sống mãi !

Anh ta ra chiều thất-vọng. Chính tôi, tôi cũng đâm ra thất vọng nốt. Tôi lặng thinh và nhẫn-nục, ôm bụng để chống trả lại với cái đói, nó đang dẫy vò tôi.

Trời sáng tỏ thêm.

Ở bên ngoài, bỗng, lại có tiếng súng vọng vào : «Đoành ! đoành ! đoành ! »

Đột-nhiên, tôi thấy run cả người. Tôi nhìn tứ phía, lo-lắng. Ở chung quanh đây, nếu có ai sắp bị đem ra hành-hình, người đó chính thị là tội, chứ không phải ai khác. Tôi vụt nhớ đến cái liều thuốc độc của người kia. Tôi hỏi :

— À, anh có thể cho tôi một phần liều độc-được của anh không ?

Anh ta tỏ vẻ đắc-ý, mặt hơn hớn, tươi-cười, và anh ung-dung vén cái gấu quần lên, rút đường chỉ khâu ra. Đường khi đó, cửa sắt bỗng vụt mở toang ra. Tôi yên trí rằng, nhất định, họ sẽ vào. Lòi cổ tôi ra, để xử-quyết, chứ chẳng không. Tôi bèn thôi thúc người kia, mau tay, đưa liều thuốc cho tôi. Nhưng họ không vào điều tôi ra pháp - trường, mà, họ chỉ đẩy qua cửa vào, một thùng nước và một thùng cơm, như mọi lần. Tôi đứng vọt lên, chạy vội ra, đi lấy cơm ăn.

— Trong khi tôi đem cơm về chỗ ngồi, thì người kia đã gỡ ra xong cái liều độc-được. Tôi hỏi anh ta :

— Anh không ăn cơm sao ?

Hắn ta cau mày, đáp :

— Trời ơi ! cơm như thế, thì nuốt làm sao cho nổi ?

— Tôi phải ăn, mới được.

Đoạn, tôi chỉ cái chỗ gấu quần của anh ta và bảo :

— Còn cái số kia, thôi, xin để anh dùng...

Anh ta buông tay ra, lật cái gấu quần xuống, rồi vội-vàng, đứng lên, đi lại bên tôi, giơ tay, lột lấy cái áo ở trên người tôi, và lẩm-bẩm nói :

— Thế này, khi không phải, nhưng, tôi thấy lạnh quá đi mất !... Tôi...

Hết chương V

Hoài Hương

Mai kia em có về quê cũ
Thăm mái nhà tranh chốn dẫu hiền
Nhớ gởi cho ta hương kỷ-niệm
Những ngày hoa thắm bướm trao duyên

Chốc đây đà mấy năm trường rụng
Cùng nắng thu đông sớm nhạt màu
Ôi nước non xa bạc cách trở
Tìm nhau mà có thấy nhau đâu

Như xưa Xuân thắm trên làn tóc
Có kẻ mười phương đến hẹn hò
Rồi rủ ta đi theo tiếng gọi
Của hồn nao-nức ý mơ mơ

Ta bỏ vườn xanh với mái tranh
Theo người vui hát khúc song hành
Ôi non nước cũ, tình ly-biệt
Giấc ngủ thường say mộng viễn-trình !

Thu đã qua rồi đông cũng sang
Lá bay chôn hết nắng tơ vàng
Heo may khiến lạnh lòng ịy xừ
Ôi biết Xuân nào vui cổ hương ?

TÔN-NỮ NGUYỄN-TRÌNH (1966)

NHỮNG NGƯỜI

20



Phóng sự thời đại của NGUYỄN - THU - MINH

L.T.G. — Các nhân vật trong bài này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.
Mong quý độc giả hiểu cho.



(Tiếp theo P.T. số 5)

TÔI định theo xuống nhà sau tìm gặp cho biết nhưng lòng do dự mãi đề rồi cứ ngồi nghĩ vẩn - vơ mà buồn.

Trông vậy chứ lắm bùa lắm phép dáo dè ước chừng chúng mình phải học «đời» thêm với các nàng là đằng khác.

Tiếng nói của Thành bị lạc lõng giữa sự náo-nức, cuồng loạn của mọi người, không làm sao đủ sức nổi bật vẻ ngạo nghễ khinh người vô nghĩa, mà chỉ vừa một mình Thành nghe.

Tôi nhìn Thành, đoán hiểu qua nét mặt hỏi đùa :

— Sao mà bực tức thế, chưa gặp người đồng tâm sao ?

Thành liền nhìn tôi :

Mình muốn nói với cậu là ở những nơi như nơi này đây nên đặt tình cảm quá mà chúng nó xem thường, đối với các em chỉ là tiền mà thôi

Tôi không muốn kéo dài câu chuyện nên vờ cười nhận hiểu đề. Thành khỏi nói thêm, chẳng ngờ lại là làm cho Thành càng cao hơn :

— Đến chốn này có tiền mà ít cũng không ra gì chứ đừng nói là không. Và lại, chúng nó lẩn lóc-quá nhiều, con người đâm ra chai sạn, khó lòng thương, cảm với ai lắm.

Hoàng đang vui đùa với Hồng, nghe vậy vội xen vào cắt đứt câu chuyện giữa hai chúng tôi :

— Các cậu sao lắm chuyện, muốn làm nhà tâm-lý-học ở đây chẳng ?

Rồi lại hất hàm qua thiếu nữ ngồi cạnh Thành nói :

— Bích đang đợi cậu đấy kìa. Sao Bích không nói chuyện với anh Thành, để anh Thành ngồi buồn thế ?

Thiếu nữ nhướn miệng cười ngả ngớn :

— Anh Thành anh không thích nói chuyện, anh muốn tìm cho được Mộng-Hoa cơ.

Ba chúng tôi đều nhìn nhau thông cảm ... và trở lại những

cuộc vui điên dại thề xác.

Thành tươi cười nói với tôi :

— Hoàng đã kể cho cậu rõ ở đây chưa ? Đặc-biệt ở cái tiểu khu này toàn là nữ-sinh mới ra trường, dân nhầy dù lễ, và mấy nường «ca-si» có thể nói khá «tên tuổi» thế mới hay chứ.

Giữa lúc này, Alice-Lan ở nhà trong đã trở ra với dáng điệu trầm ngâm sâu tư, hình như nàng cũng biết vậy nhưng không thể vui tươi lên được.

Tôi nghĩ rằng con người của nàng có lẽ phải có những nét sâu tư như vậy mới tăng phần dễ thương, đẹp và dễ mà trả cái nợ đẹp ấy !

Alice-Lan nhìn tôi khẽ mỉm cười, đôi môi đỏ dịu trề ra như chờ đợi sự che chở, triều mến.

Hoàng chăm chú nhìn tôi một cách say sưa gần như ước muốn ở cái duyên dáng, đẹp hiền của nàng, buột miệng nói :

— Alice hôm nay dễ thương quá !

Nàng nhìn say Hoàng cười tỏ sự cảm ơn.

Tôi vội cúi xuống để tránh một phút cảm xúc. Điều mà tôi thắc-m'c là không ngờ những người như Alcie lại phải ở vào chốn này, đau khổ đến nỗi ấy.

Tự nhiên tôi lại nghĩ đến con người ngày xưa mà thờ dài, và tôi thăm cầu mong cho Alice-Lan của tôi ngày xưa ấy đừng đau khổ vì cuộc đời, đừng bị quyến rũ của xa hoa dễ phải rơi vào những ngày tàn của kiếp sống. Nàng gặp được nhiều may mắn rồi có chồng, có con, sống trong hạnh phúc hơn cả những điều mà tôi và nàng ngày xưa đã từng mơ ước, kẻo cho nhau nghe trong những chiều trời mưa ở thôn Bắc hay xóm Quỳnh.

Tiếng cười của Thành và Bích lại vang lên. Nụ cười của Hồng lặng lơ, khả ố quá !

Bên kia bàn có tiếng vọng sang :
« Ôi chà ! em Bích tôi cười sung sướng quá ! »

Bích vội xoay lại trề môi với mấy gã vừa nói cách kiêu hãnh.

Hoàng nói với Thành :

— Chúng mình cần đi nghỉ chưa ?

Thành thản nhiên đáp :

— Tớ vừa đến mà, ngồi chơi nói chuyện một chốc nữa đi, còn không, cứ việc vào nghỉ trước.

Nói xong Thành móc túi lấy thuốc lá ra mời tôi và Hoàng cùng hút. Hồng, Bích cũng đều lấy mỗi người một điếu hút, duy chỉ có Alice-Lan là từ chối. Nàng nói nhỏ với tôi :

— Em không hút được anh ạ, kè cũng lạ anh nhỉ ?

Không khí giữa chúng tôi lại trầm lặng trong riêng rẽ.

Tôi muốn xé tan sự im lặng để khỏi cảm nghĩ, nói với Thành :

— Cậu chắc đến đây thường, hẳn là biết nhiều về đây ?

Hoàng xen vào :

— Ai chứ thắng Thành thì khỏi phải hỏi. Thở công mà lại.

Tôi cười hỏi Thành :

— Hôm nào cậu không đến đây được cậu có cảm giác gì không ?

— Cũng như thường thôi. Có nhiều người cho rằng gái cũng như thuốc phiện, nhưng với mình thấy không có nghĩa gì hết. Thích thì đi, buồn thôi. Có điều, sống ở đời cần biết sơ qua tất cả mọi mặt của xã-hội miễn làm sao giữ mình đừng say mê là được. Mình không phải nói dốc chứ thuốc phiện là thứ khó bỏ nhất mà mình hút thử một lúc rồi vẫn bỏ được như thường đấy.

Rồi như sợ tôi chưa tin, Thành lại tiếp :

— Cậu không tin, hỏi xù Hoàng rõ mình.

— Tin chứ, nhất là con người văn nghệ lúc nào về việc gì cũng thừa nghị lực. Tôi muốn nói thế để được lòng Thành

(Còn nữa)

... | đề Kết Luận...

★ LÀM-VỊ-THÙY

TRONG năm 1958, về văn-ngệ, điều đáng chú ý là sinh-hoạt uể-oải, hồ muốn im hơi lặng tiếng của một số cây bút tên tuổi.

Có nhiều lý do đề cập nghĩa. Nếu tôi không lầm, một phần có lẽ bởi sự tham gia quá đông-đảo, nhiệt thành của những bạn trẻ tha-thiết yêu Văn-ngệ,

Bộ môn thơ, sự xâm-nhập kẻ trên lại chiếm tỷ-số đáng kể hơn cả.

Qua mục này, chúng tôi đã có dịp cử mấy nhà thơ thanh-niên tiêu-biểu cho ba miền Việt-Nam. Nói thế, không có nghĩa chúng tôi tỏ vẻ chia rẽ, nhưng là đề bạn đọc thấy rõ thiện-chí của chúng tôi tôn trọng sắc thái văn-thơ riêng-biệt mỗi miền, dĩ nhiên phải có.

Những nhà thơ mà tôi đã đề-cập, tuy không hẳn hoàn-toàn xứng-dáng đại-diện đầy đủ cho các loại thơ, hiện đang phồn-thịnh trên mảnh đất này, nhưng cũng nói lên được một bản-chất, một khuynh-hướng nào, mà theo sự nhận xét của tôi, nhiều bạn trẻ làm thơ hiện nay cũng chỉ quẩn quanh ở mức đó thôi. Vì lẽ trên, còn một số nhà Thơ khác đã có tên tuổi, và ngòi bút được điêu-luyện hơn, già-dạn hơn, tôi không đề-cập đến, và xin kết-thúc giới-thiệu văn-ngệ-sĩ thanh-niên ngày nay.

Bây giờ, mời bạn vào thăm mảnh vườn tâm-lư của vài ba nhà thơ trẻ khác, trước khi chấm-dứt loạt bài này.

★ **VIỆT - CHUÔNG** sinh năm 1939 tại Quảng-Bình, bên bờ sông Gianh lịch sử.

Tinh tinh bất thiệp, xã giao rộng, VIỆT-CHUÔNG bề ngoài có vẻ vui-vẻ, nhưng thực ra anh rất hay buồn.

Yêu và thích hoạt-động văn nghệ từ hồi 14 tuổi, bước đầu của VIỆT-CHUÔNG là đứng chủ trương biên tập hai tờ nội san trường Tân-Thịnh (1953).

Sang năm 1954, tên VIỆT-CHUÔNG đã thấy xuất hiện trên một vài báo ở đây, với đủ loại tác phẩm.

Khả năng của VIỆT-CHUÔNG thiên về tùy bút, chuyện ngắn, những bài có tính cách khảo luận hơn là thơ, về thể thơ anh không lấy gì làm hay cho lắm. Tuy nhiên, cũng có những câu đẹp và cảm động, như trong bài *Quà cưới*, người ta phụ nhau vì chuyện sang giàu :

*Ngày mai sáng sớm em lên đường
Chuyện cũ yêu đương gửi gió sương
Vu qui xác pháo lãng đây ngó
Mười cô xe hoa lượn phố phường...*

*.....
Anh chả buồn em chả trách em
Giận đời chưa chắt lắm ưu-phiền.*

Thật là vô-văn, cái vô-văn đáng yêu của những anh chàng
* trèo lên cây bưởi ... *

Có lẽ vì thế mà VIỆT-CHUÔNG rất ghét những cô gái của thời nguyên-tử.

Ước vọng của VIỆT-CHUÔNG là trở thành một nhà văn hay một

giáo-sư văn học và điều mong mỗi nhất là được để lại cho đời vài tác-phẩm vừa ý. Nếu anh cố gắng tập-luyện, có lẽ anh sẽ thành công chăng.

★ **HOÀNG-YÊN-TRANG**, tương đối là một nhà thơ khá, nguồn rung cảm và sức sáng tác rất phong phú. Thơ anh giàu âm điệu, có nhiều hình ảnh đẹp.

Trong bài *Mái trường xưa*, kể chuyện một người trai vào đời với bao nỗi nhọc nhằn chưa xót, tình cờ một buổi chiều mưa gió, trú chân dưới mái học đường cũ, nhìn vào lớp xưa, bằng khuâng nhớ đến những kỷ-niệm thiếu thời. Tôi thích nhất hai câu :

*Nếp mình hiền lạnh nơi trường cũ
Thương nhớ ngày qua chuyện học hành.*

Tôi tin rằng **HOÀNG-YÊN-TRANG** còn đi xa hơn nữa.

★ **KIỀU - PHƯƠNG** Nguyên - tên *Tuyết-Lộc* sinh tại Huế, trong một gia đình khá giả. Tính thích im lặng và rất tự nhiên trong việc giao thiệp với bạn bè.

Thơ *Tuyết-Lộc* bay bướm, nặng diễm tình và những mơ-mộng viển-vông, như hầu hết thơ của các thiếu nữ khác.

*Hoàng hôn dâng sóng thơ oàng hoa mị
Ém-ái mơ lan phím ngọc thiên hương
Anh nghe chẳng muốn âm điệu yêu-
đương
E-ấp gọn linh-hồn em băng-tuyết
Hoàng-hôn dâng sóng thơ oàng diễm-
tuyết*

Cho lòng em. Anh ! — Nhớ lắm anh
ơi i

Thơm nhưng xanh đã in dấu một thời
Chân tơ non nhẹ lên vào lối đẹp
Tà áo xanh xanh trời mây nhớ hợp
Áng hương thê xao đây mắt long
lạnh...

Em muốn anh là Hoàng-tử Đa-tinh
Là **HOÀNG TỬ LINH-LAN** trong
điểm-sử
Giữa yến tiệc huyền mơ anh đến dự
Ngồi bên em — nàng **CÔNG-CHỦA**
LƯU-LY

Có sao trăng gieo ánh-sáng huyền-ôi
Có nhạc-sĩ của muôn loài hợp diễn
Em cảm thấy anh ở em vĩnh-viễn...
* **HUYỀN - THANH - HUYỀN.**
sinh năm 1940 trong một gia đình
nghèo ở Viên-An, Cà-Mau.

Rừng cây heo-hút, nhạc điệu
thầm trầm miền lau sậy diu hiu,
đuốc chàm vầy kín đã sớm gây
cho tâm hồn bé nhỏ của Thanh
nhiều ấn tượng buồn bã về cuộc
đời.

Thơ anh phảng phất cô thi,
và ảnh hưởng rất nhiều Huy-
Cận, Vũ-Hoàng-Chương, Đình-
Hùng. Tôi trích ra đây ít đoạn
thơ xuất sắc của anh :

Ra đi xa quê bao đêm sương
Nghe lòng hoài khút gió quê hương
Chờ đây mây buổi chiều mưa muộn
Không khỏi hoàng hôn vẫn thấy buồn
(**VẶNG TRĂNG QUÊ HƯƠNG**)
Chúng tôi đắm dĩa con hoang lạc
Tóc lãng hồ phơi giữa gió sương
Từ độ ly bôi vừa cạn chén
Thì tình sông núi gọi tha hương

.....
Dạ đây năm, tháng quen sương gió
Tuổi mới đôi mươi tóc ngà mầu
Áo rách ba năm chưa vội vá
Chuốt đời gói nặng nỗi thương đau
(**ĐI HOANG**)

Nắng đã chìm sâu dưới lòng đèn
Dặm về sương đọng phần tàn xiêu
Trông ai gửi lá lên đôi vầng
Áo tím pha lam cũ sắc chiều

.....
Chiều xuống phương này em thấy không
Sao hôm dần nở cuối trời đông
Đôi sim chiều cũ bao giao thế
Rồi một mùa thu em lấy chồng.

(**DẶNG CHIỀU**)
* **TRẦN-HOAN-TRINH** có lẽ
không xa lạ gì lắm với bạn đọc
BÔNG-LỬA cũ, anh là người của
miền « có tiếng hát xao xuyến ánh
trăng vàng » có nghèo, thành nội
thành ngoại.

TRINH cũng ở Vụ-Dạ, nhưng
anh chưa có hề hoi. « người ấy »
như Hàn Mặc Tử đã hỏi rằng :
Sao em không về chơi thân Vũ
Xem nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang một chữ điền.

Bởi vì TRINH còn nhiều những
nhờ nhưng thắc mắc khác :
Thu chết lâu rồi, thu thuở xưa
Nay kinh thành loạn gió pha mưa
Chao ơi thư lệ nhoe đang dờ
Bến lạnh sông buồn khác tiễn đưa.

Hôm nay trời nắng mà thương nhớ
Em ở đâu rồi em ở đâu.

Mắt khép muốn đời trong đáy mộ

Làm sao em biết được tôi sầu.

TRỞ BUỒN

Thơ như thế, thì ai dám
bảo rằng Trinh chưa biết yêu,
nên tôi không tin, dĩ nhiên là
phải không được tin, khi nghe
anh nói :

Chờ nhớ thương cũng chờ oán vương
Chờ hè chờ hạ chờ yêu đương

Vết sau con thuyền như con
Đầu xết hai đầu hai bên Tương.

(TRÍCH NGŨ DAI)

Thơ Trần Hoàn, Trinh đã có thể
gọi là thành công một phần nào
về kỹ thuật. Còn khuyến khích
tình cảm, tôi không dám xen vào.
Bởi vì, mỗi vì sao chỉ mang tên
của một người.

Tôi đang nghĩ đến những nhà
thơ hồi tiền chiến.

★ Cái tật của nhà văn Erich-Maria Remarque.

Người ta nói mỗi văn sĩ có một tật riêng, không hiểu có hoàn toàn
đúng không. Riêng về nhà văn sĩ Đức Erich-Maria Remarque (tác
giả quyển « A l'Ouest rien de Nouveau »). Mặt trận Tây không có gì
là thì ông quả có một tật đó là tật lái xe hơi lạnh như biển ! Mỗi
khi ngồi lên xe, Remarque đều tránh cầm tay lái, và khi ông đã nắm
lấy Volant thì chiếc xe lao như gió táp. Rất ít khi ông lái xe mà kinh
chỉ tổ lực dưới 100 cây số 1 giờ, mặc dù ông chạy trong thành
phố đông đúc. Cố nhiên ông bị phạt liên-miên và tiền nhuận bút
các tác phẩm của ông, 1 phần khá lớn ông dùng để nạp phạt.
Ông cũng đã nhiều lần « hôn » vào đuôi các xe khác, và leo vào lên
lề đường 1 cách rất bất hợp pháp. Một hôm ông lái xe qua 1 làng
nhỏ ở vùng Bavière, ông liền bị 1 xe cảnh binh huyết còi chặn lại
và họ phải phóng xe đuổi theo ông 1 đoạn khá xa khi ông ngừng
xe, viên đội cảnh binh kêu lên !

— Trời ơi ! Lại ông Remarque ! ông nời cơn điên sao vậy ? ông
không đọc thấy trên bảng cấm ở các ngã ba đề 25 km một giờ sao ?
Remarque mím cười đáp một cách thành thật :

— Tôi làm sao đủ thì giờ đọc kíp khi xe tôi đang phóng với tốc
lực tối đa là 120 km một giờ ! Trong các vụ lái xe đùa với tử thần,
của Remarque, người ta kể lại rằng có 1 lần ông chồm sau xe nạ mui
1 người bạn văn sĩ khác sau khi ông lái xe trên 1 đoạn đường gập
ghềnh lâu hơn 3 tiếng đồng hồ ngoảnh lại sau thì người bạn của
ông biến dấu mất, Hoàng hốt ông quay xe trở lại tìm hóa ra bạn
ông bị văng t ng xuống giữa trường, bị thương đang nằm trên là—
may phúc thoát chết !

Kể ra chơi với « con nhà văn » có « tật » cũng cần nên đề phòng
lắm vậy !



Em đến mừng tuổi Cô Giáo

MỘT MÀN — BA CẢNH

Các vai :

ÔNG GIÁO : 30 tuổi, rất sợ vợ lại hay chơi vụng.
BÀ GIÁO : 29 tuổi, đa nghi và sư tử Hà-Đông.
KHÁCH LA : một thiếu-nữ xinh đẹp, 20 tuổi.

CẢNH I

Mở một Tết. Trong phòng khách, ông bà Giáo đang ngồi đợi bạn đến xông nhà.

ÔNG GIÁO. — (ngó đồng hồ đeo tay) Gần 11 giờ rồi, chưa thấy ma nào lại. Đến mất cả buổi sáng nay, mình chắc không đi mừng ai được! Năm mới, thế có bức không cơ chứ!

BÀ GIÁO. — (nguyệt chồng) Mình chả biết giữ mồm giữ miệng gì nào! Năm mới mà không biết

của

NGUYỄN-VỸ



kiêng! Mình muốn cho ma nó đến xông nhà mình à?

ÔNG GIÁO. — Thừa hà, tôi nói «ma» đây tức là bóng người, chứ không phải là bóng ma à.

BÀ GIÁO. — Thế tại sao mình lại nói «ma»? Cứ nói hẳn là người, có được không?

ÔNG GIÁO — Đầu năm đã hết-nữ với chồng rồi. Mình cũng phải biết kiêng cho tôi một tí chứ! Đợi mãi khách mà không thấy ai lại, tôi dùng sốt ruột ư?

BÀ GIÁO. — Mình lại muốn đi thăm con nào đấy phải không? Dù sao cũng phải rón đợi cho nhà mình có người đến xông đất đã, rồi mới đi được chứ.

ÔNG GIÁO. Nếu ai cũng nghĩ như mình thì ai còn chịu đến thăm ai trước?

BÀ GIÁO. — Thôi, tôi van ông đừng có lý sự nữa. Năm mới đừng có chọc tức tôi, tôi lại ... ầy cho bây giờ!

ÔNG GIÁO. Bà ... ầy gì rồi?

BÀ GIÁO. — Ông còn chưa biết sao phải hỏi? Tôi dặn ông điều này, ông phải ghi vào óc: bất cứ ai đến xông nhà mình, ông cũng phải đón tiếp niềm nở, vui vẻ, vì mình còn nhờ cái lộc của người ta suốt năm. Mình dùng sung cái mặt như bây giờ nhé. Thôi, mình ngồi đó tiếp khách thay tôi, để tôi đi nghỉ một tí. Đêm qua thức khuya mệt quá. Bà Giáo vào buồng nghỉ. Còn ông Giáo ngồi xem báo Xuân. Chợt có tiếng gõ cửa, ông mừng rỡ, vút

tập báo Xuân trên bàn, chạy ra đón khách.

CẢNH II

KHÁCH LẠ. — Chào Ông. Thưa ông, xin lỗi ông, đây có phải là bà Giáo không ạ?

ÔNG GIÁO. — (ngây người nhìn thiếu-nữ, làm nằng bẹn-lên, cúi đầu) Dạ phải, xin mời cô vào.

(Thiếu-nữ vào phòng khách)

ÔNG GIÁO. — Xin mời cô ngồi. Chị Bếp ơi, ra pha trà! Cô dùng ít rượu ngọt?

KHÁCH LẠ. — Cảm ơn ông. Tôi không uống được rượu. Thưa ông, bà Giáo có nhà không ạ?

ÔNG GIÁO. — Dạ ... dạ ... có ạ. Mời cô ngồi chơi chút xíu, rồi nhà tôi ra bây giờ.

KHÁCH LẠ. — Thưa ông, em là học-trò của bà Giáo ạ. Em chưa được hân-hạch biết ông, vì em chưa đến đây lần nào. Nghe mấy người bạn nói ông bà ở đây phố này, em trước là lại thăm bà Giáo, sau mừng ông bà được thăng quan tiến chức, cuối năm bà lại sinh thêm cậu con trai...

ÔNG GIÁO. — Xin cảm ơn cô ... À, chúng tôi xin chúc cô lúc nào cũng tươi đẹp như đóa hoa mùa Xuân mới nở ... làm cho một

người phải ngây-ngất say mê...
Chúng tôi hân-hạnh được cô đến
xông đất, thực là may mắn quá...

KHÁCH LẠ.— Thưa em là
người đến xông đất nhà ông bà
ơ ? Ồ ! Nếu vậy thì ... xin ông
cho phép em mở hàng tiền lì-xì cho
các cháu ... Thưa ông, các cháu
đi chơi đâu cả ?

ÔNG GIÁO.— Chúng tôi
hiếm-hoi lắm, đã được cháu nào
đầu ?

KHÁCH LẠ.— (ngạc nhiên)
Ừa, không có lẽ. Chính em đã
được xem một tấm hình bà Giáo
chụp chung với 3 cháu kia mà !

ÔNG GIÁO.— (cười) Có nhẽ
cô nhầm chăng... ?

KHÁCH LẠ.— Nhầm thế
nào được, thưa ông ! Hay là,
xin ông tha lỗi cho, các cháu ...

ÔNG GIÁO.— Xin lỗi cô
nhà tôi đã sinh nở lần nào đâu.

KHÁCH LẠ.— Vô lý nhĩ.
Chính bà Giáo nhà ta đã có 2
cháu rồi cơ mà ! Em còn nhớ 2
cháu ngoan ngoãn lắm và giống
bà nhà ta như đúc ...

Có lẽ nào em nhầm được ư ?

ÔNG GIÁO.— (cười) Ấy thế
mà tôi sợ ... nhầm đấy. Chính
thực là chúng tôi chưa có mụn
con nào cả.

KHÁCH LẠ.— Quái lạ nhĩ !

Thế xin lỗi ông, có phải ông là
ông Giáo Lê-văn-Xuân không ạ ?

ÔNG GIÁO.— Thưa cô thế
là đích thị cô đã nhầm rồi ! Tôi
là ông Giáo Trần-kỳ-Xuân ạ.

KHÁCH LẠ.— (càng ngạc-
nhiên nữa) Xin lỗi ông, thế có
phải bà nhà tên là Kiều Nga
không ạ.

ÔNG GIÁO.— (bất cười)
Thưa cô, có làm ơn nhớ kỹ lại
xem, tôi không phải là chồng bà
giáo Kiều-Nga ạ.

KHÁCH LẠ.— (đứng lên)
Có lẽ tôi nhầm nhà rồi. Vậy
năm mới tôi đã làm phiền ông,
xin lỗi ông.

ÔNG GIÁO.— Không sao,
mời cô cứ ngồi chơi. Trước
đủ lạ, sau quen. Ngày Tết có
đi đâu mà vội. Mời cô hãy
đùng tũ trà đã. Nào chúng ta
hãy nâng tách mừng Xuân đi.

KHÁCH LẠ.— Xin cảm
ơn ông. Tôi ở lâu không tiễn ạ,
xin phép ông...

ÔNG GIÁO.— Không thể
được, vì cô là người đến xông
đất nhà tôi đầu tiên, chúng tôi
còn nhờ lộc của cô cả năm.
Cô muốn ra về, xin cô tặng cho
chúng tôi một cái gì lấy may năm
mới, cho được vui vẻ trẻ-trung
chứ ?

KHÁCH LẠ.— *Thưa ông, vâng. Nhưng ông muốn tôi lặng ông món quà năm mới cái gì ạ. Có phải ông định bắt thường tôi về tội sáng mừng một Tết vào làm nhà không ? Nếu vậy thì tôi xin phong bao đến ông (mở bóp, định lấy tiền...)*

ÔNG GIÁO.— *(cười tình từ) Tôi không phải là người cần tiền. Tôi chỉ xin cô ban cho tôi một cái... may để lấy hên thôi.*

KHÁCH LẠ.— *Cái may... ấy là cái gì à ? Xin lỗi ông, tôi không được hiểu ạ.*

ÔNG GIÁO.— *(xích lại gần thiếu-nữ). Nghĩa là... cái...*

Chợt bà Giáo từ trong buồng bước ra. Thiếu-nữ biết rõ mình làm nhà, vội cúi đầu chào, rút lui ngay. Ông Giáo bẽn-lẽn, nhìn bà Giáo ngơ ngác.

CẢNH III

BÀ GIÁO.— *Ài thế, hà ông?*

ÔNG GIÁO.— *Ài, người ta vào làm nhà đấy mà.*

BÀ GIÁO.— *Vào làm nhà mà sao tôi nghe hai người nói chuyện rì-rầm với nhau từ nãy đến giờ ? Tôi ngủ quên vừa chớp mắt tỉnh dậy đã nghe ông cười khúc-khích với người ta. Rõ thật giấu đầu hở đuôi !*

ÔNG GIÁO.— *Có cái gì giấu mà giấu đầu hở đuôi ?*

BÀ GIÁO.— *(trợn mắt). Lại còn chối phải không ? Anh*

to gan thật, dám vuốt râu cộp ! Anh làm tưởng tôi không dám làm gì anh hôm mừng một Tết hả ? Tôi sẽ xem cái gan anh nó to đến mức nào mà dám lòi con đi vào nhà hôm nay chứ ? Nó không phải là con đi sao nó thấy tôi nó lại chường ra ngay ? Hà ? Hà ? Hà ?

ÔNG GIÁO.— *Thôi tôi van bà. Đầu năm bà hãy kiêng cho tôi một chút chứ. Lỗi cũng tại mình đấy.*

BÀ GIÁO.— *(càng quát lên) Sao lại lỗi tại tôi ?*

ÔNG GIÁO.— *Tại mình lúc này dân tôi bắt cứ ai vào xông đất cũng phải đón tiếp niềm nở, từ-tế, để còn nhờ cái lộc của người ta cả năm cơ mà.*

BÀ GIÁO.— *Tôi nói bắt cứ là ai là nói những người bạn quen biết cơ chứ. Tôi đâu có ngờ ông tước con đi ấy về xông đất nhà tôi ? Được, ông muốn thế thì tôi lặng ông một cây pháo bông đây này...*

(Bà Giáo hăm hăm chạy vào trong nhà, đem ra một cây chồi lông gà to tướng. Ông Giáo trông thấy hét lên, té xỉu...)

Trong lúc đó, bà Giáo cầm chồi đập phá các bình bông, các chai rượu, các chén trà, và xô đổ cả bàn ghế lộn-ngon lạng ngang, vừa la hét...)

MÀN TỪ TỪ HẠ

KIÊN TRINH

Truyện dài của Cô VÂN-NGA

(Tiếp theo P.T. số 5)

KHÔNG hiểu ông quận giải bày thế nào, nhưng tôi lại nghe bà quận dụ giọng xuống đôi phần :

— Ừ, ông thế nặng vậy, tôi cũng tạm tin đi. Nhưng vụ này, tôi muốn... ông hiểu không, tôi muốn làm cho ra lẽ, chứ lời thối thì tôi không chịu yên đã. Thứ nhất : ông phải giam ngay người dân bà này trong một đêm nay để vừa lòng tôi, không cần biết nó có tội và gì, ông chịu không ? Chịu không, nói phắc đi ? Ông muốn gia đình tan nát thì liệu !...

Tôi hàng ngày dựa mình vào giậu, hận sâu sôi ngút tim. Ông quận không khi nào dám cãi lệnh bà, và đâu trơ hay oan cho ai, ông cũng phải ép bẽ chịu phép. Tôi nên thử lắng nghe đều đều kiên nhẫn của bà quận như một tiếng sét thứ hai đánh ngay tai.

— Còn điều thứ nhì nữa : ông phải tức tốc trả lời trên tình là ,, ông không chấp thuận cho thằng

con của người này được trở về quận mình !. Thằng kệ nó, nó có bị đầy đày, và chết đày cũng mặc !

Một lát sau, tôi thấy bóng dáng thân yêu của mẹ tôi lùi thụt bước theo người lính lệ quận, đi xuống nhà giam...

Xúc động khôn ngằn, tôi bùng một khóc nức lên :

Trời ơi ! Gia đình tôi xưa nay chưa hề làm gì thất đức, sao gặp toàn những ngang trái thế này ?

Ồi Luật Pháp ! Mía mai thay cho cái danh từ êm dịu và sáng kính mà người dân lành nào cũng tha thiết đến, nhưng chưa bao giờ được thấy thực hiện dưới chế độ vừa qua.

Pháp Luật, thiếu công minh, thiếu cả sự trong sạch, chỉ là bánh vẽ, một sản phẩm độc quyền của sức mạnh ! Và thứ pháp luật trá hình ấy phải chăng chỉ để che chở cho quyền thế, cho

bon tham quan, cường hào, ác bá, lưu manh được thêm nhiều yếu tố pháp lý để tự do thao túng trong sự hà hiếp, bóc lột lũ dân quê bé cò, gẩn lỏi ???

Kết quả tân bi kịch mà tôi chứng kiến đêm hôm ấy là : sáng hôm sau, má tôi được thả ra với bao nhiêu nỗi é-chề nhục-nhã và bị cấm đoán luôn, theo quyền gì của bà Lớn Quận ? — không được bén mảng đến Quận nữa.

Còn phần anh Khanh tôi, ba tháng sau, đành ngậm ngùi xa cách đất liền đã ứ đọng bao nhiêu tình gia thuộc, bước chân xuống tàu đi về hòn đảo được nói tiếng thời bấy giờ là lò sát sanh của thực dân Pháp mà bằng khuôn ngao ngán cho số phận không biết sẽ rồi sao nơi chôn trời mây, non nước xa lạ, cách biệt và khác hẳn với thế giới loài người !..

III NƯỚC CHẢY DƯỚI CÀU...

Tôi tin tưởng theo lý-thuyết nhà Phật : “Đời là bể khổ ?”

Và, sự đau khổ, hoặc đưa tâm hồn con người lên cao, hoặc chìm xuống thấp, tùy ở cá nhân trong hoàn cảnh chịu đựng, phải chăng

là sức lửa của thời-gian đè má i-vẹn nên con người gạn lọc lấy l-vàng khỏi lăm cùng thau ?

Từ ngày vận-dộng thất-bại cho anh ba Khanh, má tôi buồn rầu và thương nhớ anh không ngớt, cứ ao-trước sao được trông thấy mặt anh một lần chót trước khi anh xuống tàu ra Côn-đảo, nên đã gửi thư nhờ thầy kiện dứt đơn xin cho được phép vào Khám Lớn thăm anh tôi.

Khi ấy, bác Cả Mến cùng thầy nhà tôi không thể vắng mặt người đàn ông, liền cho anh Thuận, con trưởng của ông, xuống xem sóc giúp việc nhà Anh Thuận trạc tuổi anh Ba tôi, vừa thông học ở Sài-gòn về, đã đỗ bằng Trung-học và được nhiều người trong quận mến yêu, ki-n-nề vì anh hiền hậu, lại học giỏi hơn những cậu trai khác trong vùng. Anh Thuận thương yêu tôi như em ruột, thường giảng giải chuyện đời cho tôi nghe. Những khi rảnh rỗi, Anh bình-phẩm những việc nhà, việc quây, việc hay, việc dở hằng xảy ra trong vùng để cho tôi lấy đó mà suy nghiệm và học-hỏi. Nhờ vậy, tâm trí tôi được thêm thêm mở-mang và tiến-bộ.

Một hôm nọ, anh Thuận thấy tôi vẫn không ngớt buồn rầu, nhất là vào những đêm khuya vắng, trăng

sáng vàng vạc soi suốt đồng lúa, nương cau như thiên-nhiên và vạn-vật tương-ứng giao hòa với nhau để kết tạo một khuôn cảnh êm-dềm thơ-mộng cho những người căn-cù với đồng quê được riêng thưởng, và từ một trại ruộng nào vắng-vắng đến tiếng đàn tì tê ri-rả đưa hơi cho giọng hát phiêu-dăng của bọn mục tử thả những tiếng lòng ngâm-ngà trong gió lạnh, thì tôi không cảm được lòng cảm-tủi, thút thít khóc theo giọng hát buồn bã nào người kia. Anh Thuận khuyên nhủ tôi đừng nên đề cho sầu-não hành-hà nội tâm triền-miên mà thành một con người ủy-mị, nhút-nhát và bạc-nhuộc, cả đời chỉ biết ý lại, nhờ cậy, ăn may lòng thương của kẻ khác.

Anh chỉ vào một bụi hoa hương cạnh chỗ chúng tôi đứng và bảo rằng :

— Em nên nhìn sự thất bại, sự đau khổ, tỷ như những chiếc gai nhọn lều ần chồm chồm dưới lớp hoa lá xinh tươi này mà kẻ yêu hoa, chẳng khác nào người muốn gặt hái những thành công ở đời, ít lắm cũng hơn một lần, bị đâm phải vào tay. Nhưng gai hương chỉ làm cho người ta xé da rướm máu chứ có làm rách được

lòng kiên quyết đâu, và ai không sợ gai đâm mới hái được những đóa hoa tốt.

Lý luận dĩ dõm và ngộ-ngĩnh của anh đã dạy tôi một bài học mà tôi ghi nhớ không thất. Có ai than khóc mãi vì vết gai hương? Sao tôi không can đảm nhìn nghịch cảnh như vết gai xây xẻ ngoài da, và cả những điều điều ngoa, dè siểm, phỉ báng của kẻ ác tâm cũng chỉ là đám gai dai bên đường không ngăn trở gì đến đà tiến của một ai.

Nếu thời gian là một môn thuốc nhiệm mầu hàn găn được mọi vết thương lòng, kể cả vết đau của con tim, thì tôi cũng tin tưởng vào huyền lực của nó, mặc nhiên, sẽ dính chảnh lại những thoa ma và vu khống

Hôm má tôi, chuẩn bị đi Sài-gòn thăm anh Khanh, có Chin Miên đến chơi, nghe được tin ấy liền hăng hái bảo :

— Tôi cũng sắp đi Sài-gòn thăm một người bạn học. Chị nên đi cùng tôi, có gì cùng đỡ lẫn nhau, vì đâu sao tôi cũng nhanh-nhẹ và thành thạo trong các việc quan quyền, cò bót.

Anh Thuận nghe nói, liền hỏi :

— Chú có xin phép cù-còn rồi

chơi (Thuận cũng gọi ông Cà Thắm bằng ông cậu),

— Ôi, ông biết tôi đi chơi lu bù, hết Cần-thơ, lên Sài-gòn, ông có bao giờ ngăn cản đâu. Tôi bận đông lắm, đến ở nhà mỗi bữa năm bảy bữa, hơi nào ông hỏi

Nói vậy tin vậy, mấy bữa sau má tôi đi Sài-gòn có Chín Miên tháp tùng theo. Không ngờ, ở nhà ông Cà Thắm đầu đơn thưa ở một lính kín Rach-giá là má con tôi dụ dỗ Chín Miên ăn cắp tiền trốn đi Sài-gòn. Khi má tôi trở về, người bị giữ tại một lính kín một đêm, khiến cho chúng tôi được tin càng thêm rối trí hơn nữa.

Anh Thuận đến ngay nhà ông Cà Thắm, phân trần về việc ấy. Sau cùng anh bảo :

— Đừng thấy nhà người ta hoạn nạn mà ăn hiếp quá như vậy, mấy người bà-con gì nà, « bà-con lạt » đó hả ? Thăng Khanh có giật ruộng, cướp đất, bắt bò của mấy người không, mấy người thù oán nó dữ vậy ? Chưa chắc là nó không có ngày trở về chừng đó mấy người tình sao với nó ? Những việc làm trái lẽ phải và dựa quyền, ý thế hà hiếp dân quê, tuy qua mắt luật pháp loài người, chứ một ngày

kia cũng vương lưới trời, không thể nào sai chạy.

Má tôi nhờ một người bà con là bác-vật Phất lãnh ra. Ông này, tôi kêu bằng dưỡng rề, bảo má tôi rằng :

— Đời này : làng binh làng, quận binh quận, ai cũng che chở bề dằng này, chị đừng trông mong về sự công minh của ai nữa hết. Thăng Khanh làm việc bí mật, chừng việc bị đổ bề ở Sài-gòn người ta mới truy ra sự hoạt động của nó, nên cả tỉnh và quận bị khiển trách làm, chúng đâm ra thù oán nhà chị. Bây giờ chị bỏ gát việc thăng Khanh qua một bên, đừng chạy chọt gì cho nó nữa mà người ta thêm ghét.

Má tôi trở về nhà, thừa một lúc vắng vẻ, mới nói nhỏ cùng tôi :

— Kỳ rồi tao lên ở nhà cậu tư Năng của mày, cậu tư Năng là con ông Hội-Đồng ở Trà-mơn, anh em chú bác với ông ngoại mày đó. Cậu Tư làm ở nhà hình, đã giúp cho tao được gặp anh Ba mấy một cách dễ dàng.

— Anh Ba có ốm không, có lẽ cực khổ lắm hà má ?

— Không, anh mày mập và trắng như con gái. Nó là tù chánh trị, chỉ chờ khi ra Côn-dao mới phải làm việc. Tao thấy nó thắm

quả, nhà nước hà tiện nổi gì mà chỉ cho bạn có có một cái sì-líp xanh rộng thùng thình không che kín được đầu hết. Coi thấy bộ nó không có buồn gì ráo !

Má tôi nói xong, tủi thân, đưa tay lau lệ. Tôi không muốn nhắc sự thương tâm, hỏi lảng đi :

— Ảnh có hỏi thăm tôi không ?

— Nó hỏi thăm hết cả nhà, nghe đều bình yên thì nó máng lăm.

— Má có hỏi chừng nào ảnh được về ?

Má tôi liếc nhìn chung quanh và thấp giọng xuống :

Nó nói với tao năm tới, nếu nó còn sống, thì sao sao nó cũng về. Một là nó đóng bè về, hai nữa là tình hình thay đổi, Tây mất Đông-dương, bản án của nó không còn giá trị gì nữa, vì nó thuộc về đảng phái quốc gia chống Pháp, dù ai lên cầm quyền cũng phải cho nó về.

— Chừng nào mới tới ngày ấy lặn ?

Má tôi thờ dài và nói một câu đề an ủi tôi cũng như đề tự an ủi lấy mình nữa :

— Theo nó quả quyết : ngày ấy sẽ không xa.

Tôi quay sang nhìn anh Thuận. Anh tự này giờ ngồi nín lặng để nghe, chưa phát biểu ý kiến gì.

— Hia « Suàl » (Thuận) nghĩ sao ? Có nên tin chắc vào hy vọng không ?

Nghe tôi hỏi, Thuận khẽ gật đầu :

— Minh ru rú mãi trong một góc đồng quê, rất dốt đặc về thời cuộc, nhưng cũng nghe phong thanh tình hình chánh-trị trong nước dâm ra rồi rầm lăm rồi, và chú Ba Lùn sẽ lật đổ anh Tây không biết ngày nào đây ?

— Nhật đuổi Tây đi, nước mình có tự do không ?

Thuận nhìn tôi, không biết trả lời sao cho đúng. Giây lâu anh mới dè dặc bảo :

— Theo anh hiểu : bất cứ một việc gì mà mình ngồi không chờ người ta đem đến cho, là không tốt rồi. Trong cảnh nhà bối rối của em, đã có ai giúp em tình tình chưa ? Việc nhà còn thế, huống việc nước ?..

Câu chuyện chấm dứt ngay đây, nhưng mỗi người chúng tôi khi đi nghĩ còn đeo đuổi theo một ý tưởng riêng...

(Còn nữa)

BONJOUR TRISTESSE, CỦA F. SAGAN



Buồn ời, Chào Mi !

(Xem từ P.T. số 1)

DIỆU-HUYỀN dịch

BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Đề rút ngắn câu chuyện, bắt đầu từ chương này tôi chỉ dịch những đoạn chính trong cốt truyện, và bỏ bớt những đoạn mà tôi xét thấy không cần thiết lắm. Xin bạn hiểu cho.

DIỆU - HUYỀN

CHƯƠNG VI

Sáng hôm sau ngủ dậy uể oải, có lẽ vì đêm trước uống whisky nhiều quá. Tôi tỉnh giấc thấy mình nằm lộn

dầu trên giường, trong phòng tối om, miệng nặng-nề, tay chân bị ẩm ướt khó chịu. Một tia nắng lọt vào song cửa, đề thấy bụi bặm bay lên từng lớp dày đặc. Tôi không

muốn ngồi dậy, mà cũng không muốn nằm nữa. Tôi tự hỏi giá-sở Yến-Hoa lại trở về đây, thì Ánh-Lệ và Ba tôi sẽ có bộ mặt như thế nào sáng nay ? Nghĩ đến ba người ấy, tôi ngồi nhòm dậy, bước xuống sân mát-mẻ, tinh-thần sảng bùi, lơ-dãng. Tôi kiến phản-chiếu lại tôi một bộ mặt thiêu-não, tôi ngó kè vào thấy hai mắt sưng lên, cái miệng phồng ra, cái mặt lạ hoắc, cái mặt của tôi Trông cái mặt chó sói ấy, sần hóm và tàn-tạ vì truy-lạc, tôi buồn cười và đâm ra ghét tôi. Tôi nhìn đôi mắt tôi trong kiến, vừa lăm-băm lấp đi lấp lại hai chữ truy-lạc, bỗng dưng tôi thấy tôi nhòa miệng cười. Truy-lạc thật chữ gì nữa : mây ly rêu tai-hại, một cái tát tay và những tiếng khóc âm-ức. Tôi súc miệng, đánh răng rồi đi xuống.

Ba tôi và Ánh-Lệ đã ở dưới mái hiên, hai ông bà ngồi sát gần nhau trước bàn đề đồ ăn điểm-tâm. Tôi chào qua-loa, ngồi trước mặt họ. Tôi giữ ý, không muốn ngó họ, nhưng sự im-lặng của họ buộc tôi phải ngừng mắt lên. Ánh-Lệ có nét mặt mệt-nhoc, triệu-chứng duy-nhất của một đêm tinh-tứ. Cả hai ông bà mỉm cười, có vẻ sung-sướng lắm. Tôi cảm-xúc, vì tôi cho rằng hạnh-phúc bao giờ cũng là một

chấp thuận một thành-công.

— Ngủ ngon chứ ? Ba tôi hỏi.
— Ngủ được, tôi đáp. Đêm qua con uống nhiều whisky quá

Tôi tự pha cho tôi một tách cà-phê, nhưng tôi uống một hớp rồi để tách xuống bàn liễn. Sự im-lặng của hai người kia hình như chờ đợi cái gì, khiến tôi bực mình. Tôi đã mệt mỏi quá rồi, chịu không nổi nữa. Tôi hỏi :

— Có chuyện chi không ? sao coi bộ hai ông bà bí-mật dữ vậy ?

Ba tôi châm một điếu thuốc hút, không muốn nói chuyện. Ánh-Lệ nhìn tôi, lần đầu tiên tôi thấy nàng bối-rối lộ ra mặt.

Một lúc nàng mới bảo :

— Tôi muốn hỏi em một điều. Tôi tưởng điều chi ghê lắm.

— Lại sai tôi đi công-cán bên cạnh Yến-Hoa phải không ?

Nàng ngoảnh lại Ba tôi, rồi bảo tôi :

— Ba cô và tôi, chúng tôi định kết-hôn.

Tôi nhìn nàng chòng-chọc, rồi nhìn Ba tôi. Trong giây phút, tôi đợi ông một dấu-hiệu, một nháy mắt, hoặc dè an lòng tôi, hoặc sẽ làm tôi tức giận. Ông ngó hai bàn tay ông. Tôi tự nhủ thầm : « không có lẽ », nhưng tôi đã biết rằng

chuyện đó có thật. Để kéo dài thì giờ, tôi bảo :

— Ý-kiến ấy rất hay.

Tôi không thể nào hiểu được : Ba tôi người khăng-khăng phản-đối việc lấy vợ, không chịu được xiên-xích của hôn-nhân, sao mới có một đêm đã quyết định . . ? Việc này thay đổi cả cuộc đời của chúng tôi. Tôi thoáng thấy một gia-đình bộ ba, đời sống bỗng dưng được thăng-bằng do trí óc sáng-suốt và tế-nhị của Ánh-Lệ, đời sống mà tôi thêm muốn. Những người bạn thông-minh, tao-nhã, những đêm tiệc-tùng vui sướng, êm-dềm. Bỗng dưng tôi khinh-bị những bữa tiệc ồn-ào náo-nhiệt, những người Nam-Mỹ, những cô à như Yến-Hoa. Một cảm-giác tự-cao, tự-dại, xâm-nhập vào tôi.

— Một ý-kiến rất hay, rất hay, tôi lặp lại và mỉm cười với hai ông bà.

— Con miếu con của Ba ơi, Ba đã biết thế nào rồi con cũng bằng lòng.

Ông khoan-khoái lắm tươi lên :

— Con mèo ơi lại đây với Ba.

Ông đưa hai tay ra, kéo tôi lại sát ông sát bà. Tôi gần như phải quỳ gối, xuống trước mặt hai người. Họ nhìn tôi với nét mặt cảm-dộng hiền-lành, vuốt-

ve đầu tôi. Còn tôi thì tôi cứ nghĩ rằng cuộc đời tôi hiện đang biến-trở lúc này đây, nhưng thực-sự họ chỉ coi tôi như một con mèo, một con vật nhỏ để thương.

Tôi cố tình nhắm mắt, gác đầu trên đầu gối của họ, cười với họ. Và chẳng, chẳng phải tôi sung-sướng ư ? Ánh-Lệ tốt lắm. Tôi chưa hề thấy nàng có một chút cử-chỉ nào bán-tiện. Nàng sẽ dắt-dẫn tôi, đỡ bớt gánh nặng của đời tôi, sẽ chỉ bảo cho tôi con đường phải đi bất cứ trong trường-hợp nào. Tôi sẽ trở nên một thiếu-nữ hoàn-toàn. Ba tôi cũng sẽ trở nên hoàn-toàn như tôi.

Ba tôi đứng dậy, đi tìm một chai sâm-banh. Tôi thấy thế mà ngao-ngán. Ông sung sướng đó là điều cốt-yếu, nhưng tôi đã thường thấy ông sung - sướng vì một người đàn bà.

— Tôi có hơi lo sợ vì cô, Ánh-Lệ bảo.

— Tại sao ? tôi hỏi.

Nghe nàng nói, tôi tưởng rằng lời từ-chối của tôi có thể cản-trở cuộc thành-hôn của cặp trai gái đã trưởng-thành ấy.

— Tôi có hơi sợ rằng cô sợ tôi, nàng bảo thế rồi phì cười.

Tôi cũng phì cười, vì thực ra

tôi cũng có hơi sợ nàng. Nàng hỏi :

— Hai người già lấy nhau có không thấy lố-bịch sao ?

— Hai ông bà chưa già mà ! tôi bảo thế với một lòng tin-tưởng cần thiết vì Ba tôi đã ra, ôm trong tay một chai rượu, vừa đi vừa nhảy đú-đôn.

Ông ngồi gần Ánh-Lệ, choàng tay lên vai nàng. Nàng uốn mình đến ông, làm tôi cúi mặt xuống. Có lẽ vì thế mà nàng cười cha tôi : vì giọng cười của ông, vì cánh tay cứng-rắn và vững-vàng của ông, vì sinh-lực dồi dào của ông, hơi ấm của ông. Bà bốn chục tuổi rồi, sợ cô-đơn, có lẽ những cuộc tấn-công cuối-cùng của nhục-dục...

Tôi hiểu vì sao Ba tôi hãnh-diện, vì nàng Ánh-Lệ kiều-căng kia, lãnh-dạm kia, thông-minh và lịch-lãm kia, đã lấy ông. Ông có yêu nàng không ? Ông có thể yêu nàng lâu không ? Tôi có thể phân

biệt được tình âu-yếm ấy với tình yêu của ông đối với Yến-Hoa không ? Tôi nhắm mắt.

Mấy hôm ấy, Yến-Hoa không trở lại. Một tuần-lễ qua thật chóng. Bảy ngày sung-sướng vui-thú, có bảy ngày ấy thôi. Ánh-Lệ khoan-khoái, tin tưởng, rất dịu-hiền. Ba tôi yêu nàng. Tôi thấy mỗi buổi sáng hai người từ trên lầu ôm sát nhau đi xuống nhà tươi cười, cặp mắt có quầng, và tôi xin thề rằng tôi ước muốn cảnh ấy bền-bĩ mãi suốt đời. Buổi chiều, chúng tôi thường đi xuống bãi biển, ngồi dưới một mái dù, uống rượu khai-vị. Đi đâu người ta cũng cho rằng chúng tôi là một gia-dình êm-ấm, còn tôi thì mọi khi quen đi một mình với Ba tôi và hái những nụ cười, những tia nhìn ranh-mảnh, nay tôi vui sướng được trở lại vai trò con nít của tôi. Lễ thành-hôn của Ba tôi sẽ cử-hành tại Paris.

(Còn nữa)

★ Ông chủ lúc-lắc đầu

Một người thất-nghiệp vào một hãng xin việc làm. Ông giám-đốc hỏi :

— Anh làm trong nghề được bao nhiêu năm ?

Người xin việc trả lời :

— Dạ thưa ông, được 45 năm rồi !

Ông giám-đốc hỏi tiếp :

— Năm nay anh được bao nhiêu tuổi ?

— Dạ thưa ông, 39 tuổi.

Ngạc-nhiên ông giám-đốc nói to :

— Anh giởn vớt tôi à ? Anh mới 39 tuổi mà anh nói rằng đã làm việc được 45 năm à ?

— Dạ thưa ông tôi tính luôn những giờ làm « xúp » !

H.P.

Hiền rồi dịu dàng nói :

— Tôi xin cảm tạ ơn cứu sống của ân nhân.

Hiền vuốt đầu nó cười bảo :

— Chú chó của tôi đã hết sợ rồi chứ, lần sau đừng có đi chơi một mình nữa nhé.

— Thưa ân-nhân, tôi không phải ở trong rừng này, tôi chính là Ngọc Thổ ở tiên Động Tiên-Nga, vì hôm nay tiếc Xuân mất mẹ, tôi trốn đi chơi, chẳng may bị lạc vào khu rừng hoang vắng này, đề rồi suýt nữa làm mối cho con gấu quỉ ác kia.

Như thế xong Hiền reo lên và kể cho Thổ nghe chuyện mình đang tìm thuốc Linh-Đơn để về cứu mẹ. Thổ tình nguyện sẽ giúp Hiền trong công việc ấy. Ngọc Thổ liền đưa Hiền đến một hòn núi mà trên đỉnh cao chói vót có một đám mây trắng bao phủ đó là đường lên Động Tiên-Nga, Hiền và con Vện phải mệt nhọc lắm mới trèo lên được trên đỉnh núi. Ngọc Thổ thì tỏ ra rất thành thạo, nói chạy nhảy nhanh nhẹn, nhẹ nhàng. Đến nơi Ngọc Thổ đưa Hiền lên từng bậc thang mây cuối cùng là một đám mây vàng rực, đó là Động Tiên-Nga. Ngọc Thổ vội chạy vào cung Nữ Chúa, thuật qua tự sự. Trước tấm lòng hiếu thảo của cậu bé Hiền đã làm cho nữ chúa Tiên-Nga xúc động, bà liền ban cho Hiền một liều thuốc linh-đơn để về cứu mẹ. Trước giờ chia tay Ngọc Thổ dẫn Hiền đi dạo xem phong cảnh của non Bồng nước Nhược trước mắt Hiền toàn là

ngọc ngà châu báu, bầy tiên nữ nhẹ nhàng là lướt trong bộ xiêm y rực rỡ, tiếng tơ đồng réo rất bên tai nhưng lòng Hiền vẫn buồn bã cô đơn. Hiền xin từ giả Ngọc Thổ để trở về với mẹ đang trông đợi đứa con thơ. Muốn cho Hiền được về nhà mau chóng và không bị nguy hiểm, Ngọc Thổ bèn cho các thứ chim đáng thành một cái cầu xinh xắn để đưa ân nhân về được bình an. Bởi thế, chỉ một phút sau là Hiền và con chó Vện đã về đến cổng nhà. Hiền chạy bổ vào buồng đểu bên mẹ và cho uống ngay.

Vừa nuốt xong liều thuốc thì là thay mẹ Hiền liền cựa mình, và tươi ngay nét mặt. Hiền sung sướng quá chạy lại úp mặt vào lòng mẹ và òa lên khóc...



Tiếng pháo giao thừa nổi lên dữ dội để mừng chúa Xuân sang, làm Hiền giật mình tỉnh giấc. Hai dòng nước mắt vẫn còn đọng trên mí chảy dài xuống gối. Giấc mơ xinh đẹp như thế nhưng sự thật thì mẹ Hiền đã chết mấy năm rồi. Hiền nhớ mẹ, nhớ cha, úp mặt vào gối nức nở khóc...

Tiếng pháo vẫn nổ khắp đó đây như một chuỗi cười ghê-rợn. Mọi người đang sum vầy dưới mái nhà ấm cúng bên ly rượu nồng, đĩa mứt ngọt. Họ có biết chăng trong lúc đó có một tâm hồn non dại đang âm thầm thổn thức trong một viện Mồ-côi !...

BẠCH-YẾN

VIỆT-NAM



4.000 năm

CA-ĐAO

★ ■ ★ BA TÈO ★ ■ ★

(Xem Phổ-Thông họ mới từ số 3)

● của Vô-dinh-Tiên (Nha-Trang)

2310.— Chiều chiều vệt lợt bờ

bàn,

Thương người áo trắng vá quàng

nửa vai.

bờ bàn — bờ bạn, đập ngăn nước.

2311.— Chiều chiều mang gió

hái dâu,

Hái dâu không hái, nhớ câu ân

ình.

2312.— Chiều chiều én liệng cò

bay,

Cảm thương chú lính bị vây trong

thành.

2313.— Chiều chiều én liệng cò

bay,

Khoan khoan hơi bạn, bạn rày
nhớ ai?

2314.— Chim bay về núi tối rồi,

Không cây nó đậu, không mồi

nó ăn.

2315.— Chim chuyền bụi ớt rớt

xuống bụi cà,

Hồi nào gần bó với ta.

Bây giờ bội-ngĩa đi ra lấy chồng.

2316.— Chim lạc bầy tìm cây

nuơng cội,

Người lạc người tội lắm trời ơi!

Thà rằng không gặp thì thôi,

Gặp rồi mỗi đứa mỗi nơi sao đành.

2317.— Ai làm sao cho đó xa

đây,

Cho chim chèo-bẻo xa cây mang
oài.

2318.— Trách ai đem lửa đốt
nguồn,

Cho tro bay xuống, cho buồn
dạ em.

2319.— Vì ai nước mắt sùt-sùt,
Khăn lau không ráo (vội) áo chùi
không khô.

2320.— Có chồng thì phải theo
chồng,

Chồng đi hang rần hang rỗng
cũng theo.

2321.— Dù cho cha đánh ngõ
đình,

Mẹ ngăn ngõ chợ đôi đứa mình
đừng xa,

2322.— Giả đồ buồn kén bán tơ,
Đi ngang qua ngõ rơi thơ cho
chàng.

2323.— Con ơi ở lại với bà,
Mẹ đi chịu đực tháng ba mẹ về.
Mẹ về, mẹ chẳng về không,

Mẹ mang một ruột thẳng hông
mẹ về.

2324.— Làm dâu coi trước coi
sau,

Coi nhà mấy cột, coi cau mấy
buồng.

2325.— Ngó lên nhà ngói sò sò,
Ngói thời mặc ngói cũng chờ nhà
tranh.

Nước trên nguồn chảy xuống
ruộng xanh,

Khô thời chịu khổ, là anh không
lưu.

2326.— Con gái mười bảy,
mười ba,

Đêm nằm với mẹ khóc la đòi
chồng,

2327.— Cầm cần câu cá liệt xuôi
Nấu canh rau bợ mà nuôi mẹ già
Mẹ già như bắp khô bao,

Sao anh không kiếm nơi nào đỡ
tay ?

Rau bợ : thứ rau mọc dưới ruộng
nước.

2328.— Ra đi là việc đi liều,
Mưa mai chẳng quản, nắng chiều
không hình.

2329.— Áo đen không lẽ đen
hoài

Mưa lâu cũng nhạt, nắng hoài
cũng phai.

2330.— Ngồi buồn khuấy nước
giơn trắng,

Nước xao trắng lặn buồn chẳng
hối buồn.

2331.— Đã liều lựa ế bán cho,
Còn chê khổ hẹp đòi đo thước dật.

2332.— Thiếp xa chàng hái dâu
quên gỏi,

Chàng xa thiếp cắt cỏ quên liềm.
Xuống sông gánh nước hủ chìm

giống trôi.

Nhọc lòng khổ lắm anh ơi !

Hủ chìm kiếm được, giống trôi

phương nào ?

(Còn nữa)



✱ **Nho-giáo, một triết-lý chính-trị, của Nguyễn-hiến-Lê**
(Do Tác giả xuất-bản)

Một quyển luận thuyết xác-đáng về Nho-giáo, trên các phương diện chính-trị, xã-hội, giáo-hóa. Trích và dịch nhiều đoạn hay trong Tứ thư, Ngũ-kinh. Lời dịch rõ ràng, khúc-chiết, có cả phần chữ Hán và phần phiên âm của những đoạn, những câu danh-ngôn của Khổng-giáo. Mục-dịch giúp cho độc-giả hiểu rõ về đạo Nho.

Biên soạn-công phu. Dầy 133 trang — giá 36 đồng
✱ **Đừng cho màu trắng lẫn màu xanh của Thanh-Bình**
(Do Nhà xuất-bản MÙA XUÂN ấn-hành)

Nhạc-phẩm du-dương, êm-dềm gợi cảm. Trình bày đẹp do nhạc-sĩ có danh tiếng từ lâu sáng-tác.

✱ **Ngôi Sao lạ của Mai-Lâm.**
(Do Nhà xuất-bản HIỆN-TẠI Saigon)

Một tập thơ tứ tuyệt liên ngâm gồm hai bài ca-ngợi Chúa Zésus, có nhiều câu hay. In rất đẹp — 20 trang — giá 12 đồng.

✱ **Quốc-văn đọc-bản của Nguyễn-oãn-Xuân**
Hiệu-Trưởng Tân-Định — Saigon
(Do Nhà xuất-bản THANH-QUANG ấn-hành)

Loại sách giáo-khoa, lớp Ba ban tiểu-học. Gồm có các phần Ngữ-vựng — Tập-đọc — Chính-tả — Văn-phạm — Học thuộc lòng — Tập làm văn.

Soạn theo chương-trình mới — Rất cần ích cho các em muốn giỏi về quốc-văn — Sách dầy 77 trang — Giá 18 đồng.